

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**
(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Thanh Hóa, 3/2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Lưu ý:

- Tài liệu này là tài sản riêng của **Trường Đại học Hồng Đức** do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN cung cấp cho Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ để phục vụ hoạt động đánh giá ngoài;
- Tài liệu này không được chia sẻ với bất cứ cá nhân, tổ chức nào nếu không được sự đồng ý của **Trường Đại học Hồng Đức** và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN;
- Không thực hiện các hành vi sao chụp, phát tán tài liệu dưới mọi hình thức;
- Những cá nhân không liên quan đề nghị không đọc tài liệu này.

Thanh Hóa, 3/2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG	vi
DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ	ix
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	1
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá	1
1.2. Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ tự đánh giá	2
2. Tổng quan chung	3
2.1. Tổng quan chung về Trường Đại học Hồng Đức	3
2.2. Tổng quan về Khoa KT-QTKD	8
2.3. Tổng quan về ngành Tài chính – Ngân hàng	9
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	12
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	12
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học	12
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo	18
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai	24
Kết luận về tiêu chuẩn 1	26
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	27
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật	27
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật	30
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận	33
Kết luận về tiêu chuẩn 2	34
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	34
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra	34
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng	36
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp	39
Kết luận về tiêu chuẩn 3	44
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học	44
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các bên liên quan	45
Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra	48
Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học	50
Kết luận về tiêu chuẩn 4	52
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	52
Tiêu chí: 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra	53
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian,	

phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học	56
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	59
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập	61
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập	64
Kết luận về tiêu chuẩn 5	66
Tiêu chuẩn 6 : Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	67
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	67
Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/ người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng	70
Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	74
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá .	76
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	79
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	82
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	85
Kết luận tiêu chuẩn 6	88
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	88
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	88
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	91
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá	93
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	95
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	97
Kết luận tiêu chuẩn 7	99
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	99
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.....	99
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.	101
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.	106
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người	

học.....	110
Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....	113
Kết luận tiêu chuẩn 8.....	115
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	116
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	116
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	118
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	121
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	123
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.....	126
Kết luận về tiêu chuẩn 9.....	128
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.....	128
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình.....	129
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....	130
Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra..	135
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.	137
Tiêu chí 10.5 Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.	140
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....	143
Kết luận tiêu chuẩn 10.....	146
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.....	146
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	146
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	147
Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	149
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	151
Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên có liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh.....	154
Kết luận tiêu chuẩn 11:.....	156
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	157
PHẦN IV. PHỤ LỤC.....	184

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
BM	Bộ môn
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BTL	Bài tập lớn
CBGV	Cán bộ giảng viên
CĐ	Cao đẳng
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CNTN	Công nhận tốt nghiệp
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CSVC	Cơ sở vật chất
CVHT	Cố vấn học tập
DN	Doanh nghiệp
ĐBCL&KT	Đảm bảo chất lượng và khảo thí
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐH	Đại học
ĐHSP	Đại học sư phạm
ĐT	Đào tạo
GDDH	Giáo dục đại học
GV	Giảng viên
KLTN	Khoá luận tốt nghiệp
KT-QTKD	Kinh tế - Quản trị kinh doanh
KQHT	Kết quả học tập
KTQD	Kinh tế quốc dân
HD	Hướng dẫn
HP	Học phần
HV	Học viên
HSSV	Học sinh sinh viên
MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học

Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
NCS	Nghiên cứu sinh
QLKH	Quản lý khoa học
PPGD	Phương pháp giảng dạy
SV	Sinh viên
TBC	Trung bình cộng
TC	Tín chỉ
TCDN	Tài chính doanh nghiệp
TCNH	Tài chính – Ngân hàng
TL	Thảo luận
TN	Tốt nghiệp
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Quan hệ giữa mục tiêu chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng với Mục tiêu giáo dục đại học tại luật giáo dục đại học năm 2019 và Tầm nhìn – sứ mạng trường Đại học Hồng Đức	16
Bảng 1.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 1.1)	18
Bảng 1.3: Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo TCNH năm 2021	20
Bảng 1.4: Kế hoạch hành động (tiêu chí 1.2)	24
Bảng 1.5: Điểm mới trong CDR của CTĐT năm 2021 so với năm 2019	25
Bảng 1.6: Kế hoạch hành động (tiêu chí 1.3)	26
Bảng 2.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 2.1)	29
Bảng 2.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 2.2)	32
Bảng 2.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 2.3)	34
Bảng 3.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 3.1)	36
Bảng 3.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 3.2)	38
Bảng 3.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 3.3)	44
Bảng 4.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 4.1)	47
Bảng 4.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 4.2)	49
Bảng 4.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 4.3)	52
Bảng 5.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 5.1)	56
Bảng 5.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 5.2)	58
Bảng 5.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 5.3)	61
Bảng 5.4: Kế hoạch hành động (tiêu chí 5.4)	64
Bảng 5.5. Tình hình sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng khiếu nại về kết quả học tập giai đoạn 2017 -2022	65
Bảng 5.6 Kế hoạch hành động (tiêu chí 5.6)	66
Bảng 6.1. Thống kê đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng trong 5 năm	69
Bảng 6.2. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu ngành Tài chính – Ngân hàng theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2021 - 2022	69
Bảng 6.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.1)	70
Bảng 6.4. Số lượng giảng viên tham gia chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng giai đoạn 2017-2022	71
Bảng 6.5. Tỷ lệ người học/giảng viên của ngành	71
Bảng 6.6: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.2)	74
Bảng 6.7: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.3)	76
Bảng 6.8. Thống kê đội ngũ cán bộ - giảng viên khoa KT – QTKD giai đoạn 2017-2022	77
Bảng 6.9: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.4)	79
Bảng 6.10. Số lượng giảng viên Khoa KT-QTKD tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn giai đoạn 2017 – 2022	80
Bảng 6.11: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.5)	81
Bảng 6.12. Kết quả đánh giá xếp loại giảng viên của chương trình đào tạo giai đoạn 2017 - 2022	83
Bảng 6.13. Kết quả thi đua, khen thưởng giảng viên của chương trình đào tạo giai đoạn 2017 - 2022	84
Bảng 6.14: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.6)	84

Bảng 6.15: Bảng thống kê các công trình nghiên cứu khoa học do cán bộ giảng viên khoa đảm nhận trong 5 năm gần đây (2017-2021).....	86
Bảng 6.16: Bảng thống kê các tài liệu phục vụ dạy học được xuất bản của giảng viên ngành Tài chính – Ngân hàng trong 5 năm gần đây (2017-2022).....	86
Bảng 6.17: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.7)	87
Bảng 7.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 7.1)	91
Bảng 7.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 7.2)	92
Bảng 7.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 7.3)	95
Bảng 7.4: Kế hoạch hành động (tiêu chí 7.4)	96
Bảng 7.5: Kế hoạch hành động (tiêu chí 7.5)	98
Bảng 8.1. Tình hình tuyển sinh ngành đại học Tài chính – Ngân hàng giai đoạn 2017-2022 (K20-K25)	100
Bảng 8.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 8.1)	101
Bảng 8.3: Trích bảng tổng hợp điểm tuyển sinh trong 5 năm	104
Bảng 8.4: Kế hoạch hành động (tiêu chí 8.2)	105
Bảng 8.5: Kết quả học tập của sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng 5 khóa liên tiếp (K17 – K21).....	106
Bảng 8.6: Tỷ lệ xếp loại điểm rèn luyện Sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng giai đoạn 2017-2022	107
Bảng 8.7: Tỷ lệ người học ngành Tài chính - Ngân hàng tốt nghiệp và thôi học 5 khóa (K17-K21)	108
Bảng 8.8: Kế hoạch hành động (tiêu chí 8.3)	109
Bảng 8.9. Thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp theo ngành đào tạo	111
Bảng 8.10: Thống kê về việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp theo đơn vị làm việc.....	112
Bảng 8.11: Kế hoạch hành động (tiêu chí 8.4)	113
Bảng 8.12: Kế hoạch hành động (tiêu chí 8.5)	115
Bảng 9.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 9.1)	117
Bảng 9.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 9.2)	121
Bảng 9.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 9.3)	123
Bảng 9.4: Kế hoạch hành động (tiêu chí 9.4)	125
Bảng 9.5: Kế hoạch hành động (tiêu chí 9.5)	128
Bảng 10.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 10.1)	130
Bảng 10.2: So sánh số tín chỉ của các học phần trong CTĐT trước và sau khi điều chỉnh	131
Bảng 10. 3. Các học phần được điều chỉnh trong CTĐT	132
Bảng 10.4: Kế hoạch hành động (tiêu chí 10.2)	135
Bảng 10.5: Kế hoạch hành động (tiêu chí 10.3)	137
Bảng 10.6: Bảng tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học các cấp phục vụ cho việc dạy và học ngành Tài chính ngân hàng	138
Bảng 10.7: Kế hoạch hành động (tiêu chí 10.4)	140
Bảng 10.8: Kế hoạch khắc phục (tiêu chí 10.5)	142
Bảng 10.9: Kế hoạch hành động (tiêu chí 10.6)	145
Bảng 11.1. Tỷ lệ người học ngành đại học Tài chính – Ngân hàng tốt nghiệp 5 khóa (K17-K21) và thôi học 5 khóa (K17-K21)	146
Bảng 11.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 11.1)	147
Bảng 11.3. Tỷ lệ người học ngành Đại học Tài chính ngân hàng tốt nghiệp trong 6	

khoá (K17-K21).....	148
Bảng 11.4: Đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Tài chính ngân hàng và các ngành khác trong khoa	148
Bảng 11.5: Kế hoạch hành động (tiêu chí 11.2).....	149
Bảng 11.6: Kế hoạch hành động (tiêu chí 11.3).....	151
Bảng 11.7. Bảng tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học của người học ngành đại học tài chính ngân hàng trong 5 năm học.....	152
Bảng 11.8: Bảng tổng hợp số lượng người học ngành đại học tài chính ngân hàng làm bài tập lớn, tham gia lớp khởi sự doanh nghiệp và bồi dưỡng doanh nhân, cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp trong 5 năm	152
Bảng 11.9: Kế hoạch hành động (tiêu chí 11.4).....	154
Bảng 11.10: Kế hoạch hành động (tiêu chí 11.5).....	155

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Hình 1. Hệ thống cơ cấu tổ chức của trường ĐHHĐ	6
Hình 2 Cơ cấu tổ chức của Khoa Kinh tế Quản trị kinh doanh.....	9

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành tài chính – ngân hàng (TCNH) ở trình độ đại học của Trường Đại học Hồng Đức được xây dựng và tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2006 với hình thức đào tạo theo hệ thống niên chế. Định kỳ, vào đầu mỗi năm học mới, CTĐT được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và cập nhật. Đến năm 2008 chương trình đào tạo điều chỉnh, bổ sung và đào tạo theo hình thức tín chỉ, năm 2011 chương trình được điều chỉnh bổ sung làm mới theo hướng lấy người học làm trung tâm, tăng thời gian thực hành thực tập. Từ năm học 2016-2017 việc điều chỉnh, bổ sung và cập nhật được chú trọng theo hướng đáp ứng chuẩn năng lực kiến thức và kỹ năng của người học, phù hợp với định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học. Năm 2016 chương trình được điều chỉnh làm mới đáp ứng yêu cầu quy định về khung chương trình đào tạo của bộ nhằm nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu đơn vị tuyển dụng. Năm 2017 chương trình đào tạo tiếp tục được điều chỉnh theo hướng chuẩn năng lực kiến thức và kỹ năng. Năm 2019 chương trình đào tạo được xây dựng mới và điều chỉnh tập trung kiến thức chuyên môn và phát huy tối đa năng lực người học đáp ứng nhu cầu xã hội, được cập nhật, điều chỉnh theo hướng tập trung kiến thức chuyên môn, tăng thời gian cho thực hành, thảo luận nhằm phát huy tối đa năng lực người học đáp ứng nhu cầu xã hội; đổi mới hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đồng bộ nhằm quản lý và cung cấp thông tin về tình hình học tập SV, đầu tư cơ sở học liệu giáo trình tài liệu dạy học.... Năm học 2020 chương trình được điều chỉnh cập nhật tài liệu tham khảo và năm 2021 tiếp tục điều chỉnh để phù hợp hơn với sứ mệnh mục tiêu đào tạo của nhà trường. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo TCNH của các trường đại học lớn trong nước như Học viện Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Kinh tế - ĐH Quốc Gia Hà Nội; các trường đại học nước ngoài như: Đại học RMIT, Đại học Middlesex – Vương quốc Anh, Trường Đại học Leeds – Vương quốc Anh.

Cấu trúc báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành TCNH bao gồm 4 phần:

+ **Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, phòng, ban, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức bộ phận này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ **Phần II:** Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là: (1) *Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể*; (2) *Nêu những điểm mạnh của CTĐT*; (3) *Điểm tồn tại*; (4) *Kế hoạch cải tiến chất lượng* và (5) *Tự đánh giá*.

+ **Phần III:** Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ **Phần IV:** Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục & Đào tạo, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành TCNH dựa theo bộ tiêu

chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành - phần tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT ngành TCNH được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4: tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5: đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, tiêu chuẩn 7: hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8: tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9: gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10: đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành TCNH

1.2. Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ tự đánh giá

+ Mục đích tự đánh giá:

Trên cơ sở bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Hồng Đức, Khoa KT- QTKD và Bộ môn quản lý ngành TCNH tự rà soát, đánh giá được thực trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ kết quả đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu trong công tác đào tạo, NCKH và tổng thể các hoạt động khác của CTĐT, Nhà trường, Khoa và ngành đào tạo tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện, đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo ngành TCNH, đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và nhu cầu xã hội ngày càng cao, góp phần xây dựng khoa KT-QTKD, Trường Đại học Hồng Đức trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu và thực hành TCNH uy tín trong cả nước.

Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Bên cạnh đó, với việc phân tích, so sánh kết quả hoạt động theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo, ngành TCNH có thể xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Từ đó, đăng kí kiểm định chất lượng ngành đào tạo với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

Phạm vi tự đánh giá: Đánh giá tất cả các hoạt động trong việc thực hiện CTĐT ngành TCNH thuộc khoa KT-QTKD của Trường Đại học Hồng Đức theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

+ Công cụ đánh giá:

- Hoạt động tự đánh giá được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT;

- Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

Hội đồng tự đánh giá: Thành lập theo QĐ số 1417/QĐ-ĐHHD ngày 21/09/2020 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Trường đại học Hồng Đức năm học 2020-2021, Hội đồng gồm 21 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá: Ban thư ký được thành lập theo Quyết định số 1418/QĐ-ĐHHD ngày 21/9/2020, Ban thư ký gồm 30 thành viên và chia thành 5 nhóm công tác.

+ Phương pháp đánh giá

Thực hiện đánh giá CTĐT ngành TCNH được thực hiện theo phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu... Trên cơ sở thu thập thông tin, lấy ý kiến từ cựu sinh viên (SV), nhà tuyển dụng, giảng viên, các chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Các thành viên trong ban thư ký đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

+ Quy trình tự đánh giá:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng (MC);

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; có 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng”

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10

2. Tổng quan chung

2.1. Tổng quan chung về Trường Đại học Hồng Đức

2.1.1. Giới thiệu chung

Ngày 24/9/1997 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 797/QĐ-TTG thành lập Trường ĐHHĐ trên cơ sở 3 trường Cao đẳng đã có bề dày đào tạo hơn 40 năm gồm: Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hoá. ĐHHĐ là trường đại học đầu tiên trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam được thành lập theo mô hình mới: Đại học công lập, đa ngành, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ GD&ĐT. Sự ra đời của Trường ĐHHĐ là niềm tự hào của nhân dân các dân tộc trong Tỉnh. Đây là trường đại học đầu tiên trên quê hương xứ Thanh, mảnh đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng; có truyền thống hiếu học và Khoa bảng hàng nghìn năm.

Hoạt động với các giá trị cốt lõi là Hiền tài - Đổi mới sáng tạo - Trách nhiệm - Hội nhập, tầm nhìn đến năm 2040, trường ĐHHĐ là cơ sở giáo dục đại học tin cậy, có uy tín về đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ trong nước, một số ngành/chuyên ngành đào tạo mũi nhọn có uy tín trong khu vực ASEAN.

Trường ĐHHĐ có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động, NCKH, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước. Trường ĐHHĐ hoạt động với phương châm: lấy người học, lợi ích của người sử dụng sản phẩm đào tạo và NCKH của trường làm trung tâm cho mọi hoạt động; đồng thời chất lượng, hiệu quả đào tạo là mục tiêu, nguyên tắc và là định hướng cho các hoạt động đào tạo, NCKH của Nhà trường. Đây là yếu tố then chốt quyết định đến sự mở rộng và phát triển của Trường ĐHHĐ trong lĩnh vực đào tạo, hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ. Tháng 7/2007, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ và đến tháng 9 năm 2014 được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ. Bằng việc hoàn thiện các bậc đào tạo, Trường ĐHHĐ đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong hoạt động đào tạo và phát triển của Nhà trường.

Điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường ngày càng lớn mạnh, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển. Nhà trường hiện có 137 phòng học nhỏ với tổng 6.850 chỗ ngồi và 19 phòng học lớn với tổng 1.582 chỗ ngồi; hệ thống phòng thực hành được xây dựng với đầy đủ máy móc thiết bị hiện đại có tổng giá trị lên tới hàng chục tỷ đồng, hiện có 42 phòng thí nghiệm và thực hành được bố trí hệ thống máy móc, trang thiết bị, phần mềm đầy đủ, có đủ ánh sáng, điện, nước, quạt thông gió, máy điều hành tại các phòng máy tính, góp phần đưa các hoạt động đào tạo của Nhà trường đi vào nề nếp; khu ký túc xá được xây dựng mới và cải tạo nâng cấp theo hướng hiện đại, đảm bảo an toàn; hệ thống sân chơi bãi tập được đầu tư xây dựng mới đáp ứng yêu cầu luyện tập và vui chơi, giải trí của người học; công tác quản lý chất lượng giáo dục được cải tiến, chất lượng giáo dục được nâng cao đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho tỉnh Thanh Hóa và xã hội.

Nhà trường đã và đang liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu đào tạo các ngành, chuyên ngành đại học và sau đại học. Năm 2015, liên kết với Trường Đại học Công nghệ Hoàng Gia Thanyaburi (Thái Lan) tuyển sinh đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh quốc tế theo hình thức 1+3; đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) với trường Đại học Soongsil, Hàn Quốc. Bên cạnh đó, trường cũng đã và đang đào tạo hơn 320 lưu học sinh (Trình độ đại học và trình độ thạc sĩ) cho tỉnh Hòa Phấn, nước CHDCND Lào.

Quy mô đào tạo của Nhà trường từng bước được mở rộng hợp lý. Đến nay, Nhà trường chủ trương ổn định quy mô khoảng 9.000 đến 11.000 SV, HV; đã và đang tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu xây dựng thương hiệu một số ngành đào tạo chất lượng cao.

Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng bằng việc xây dựng và ban hành CDR của các ngành, chuyên ngành thuộc các bậc đào tạo; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực và phát huy năng lực người học, kết hợp với các cơ sở thực hành, thực tập, biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo; đổi mới công tác kiểm tra đánh giá thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá quá trình học tập. Đề thi được ra theo hướng tổng hợp, vận dụng kiến thức thực tiễn, thực hành nhằm nâng cao

chất lượng đào tạo hành nghề cho người học.

Về NCKH, chỉ trong 5 năm qua, cán bộ giảng viên Nhà trường đã triển khai thực hiện 8 đề tài Khoa học cấp Nhà nước (và tương đương), 30 đề tài cấp tỉnh và hơn 250 đề tài cấp cơ sở. Nhiều đề tài đã được áp dụng và góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ các mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh. Một số sản phẩm từ kết quả nghiên cứu của nhà trường đã được thương mại hóa, ứng dụng, chuyển giao rộng rãi ra một số tỉnh, thành trong cả nước như: Giống lúa Hồng Đức 9, Bơm thủy năng HDBT, Công nghệ xử lý môi trường, Bộ chế phẩm Trico - HDU, giống ngô QT55... SV toàn trường cũng đã thực hiện 1.080 đề tài NCKH cấp Bộ GD&ĐT, đạt 3 giải nhì, 9 giải ba và 7 giải khuyến khích. Hằng năm, cán bộ giảng viên đã công bố hàng trăm công trình NCKH trên các tạp chí Khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế. Năm 2008, Nhà trường được Bộ Văn hóa thông tin và truyền thông cho phép xuất bản Tạp chí Khoa học có chỉ số quốc tế ISSN. Hiện Tạp chí Khoa học của Nhà trường xuất bản 6 số/năm trong đó có 1 số bằng Tiếng Anh, có 5 ngành được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính điểm công trình.

Về hợp tác quốc tế, từ năm 1997 đến nay, trường đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác quốc tế với hơn 40 trường đại học và các tổ chức quốc tế ở Mỹ, Canada, Úc và nhiều nước châu Âu, châu Á; cử 186 lượt cán bộ đi học tập, công tác ở nước ngoài, đón và làm việc với 464 lượt khách quốc tế, cử 76 cán bộ đi học các khóa đào tạo ngắn, dài hạn theo chương trình hợp tác với nước ngoài, tiếp nhận 23 giáo viên tình nguyện đến giảng dạy tiếng Anh tại trường,... Thực hiện đề án liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài bằng nguồn ngân sách địa phương, Nhà trường đã tổ chức đào tạo được 6 khóa tiếng Anh quốc tế cho 144 học viên, gửi được 117 học viên đi học tại 57 trường đại học trên thế giới (trong đó có 18 cán bộ đi đào tạo tiến sĩ, 78 cán bộ đi học thạc sĩ và 21 người học đại học).

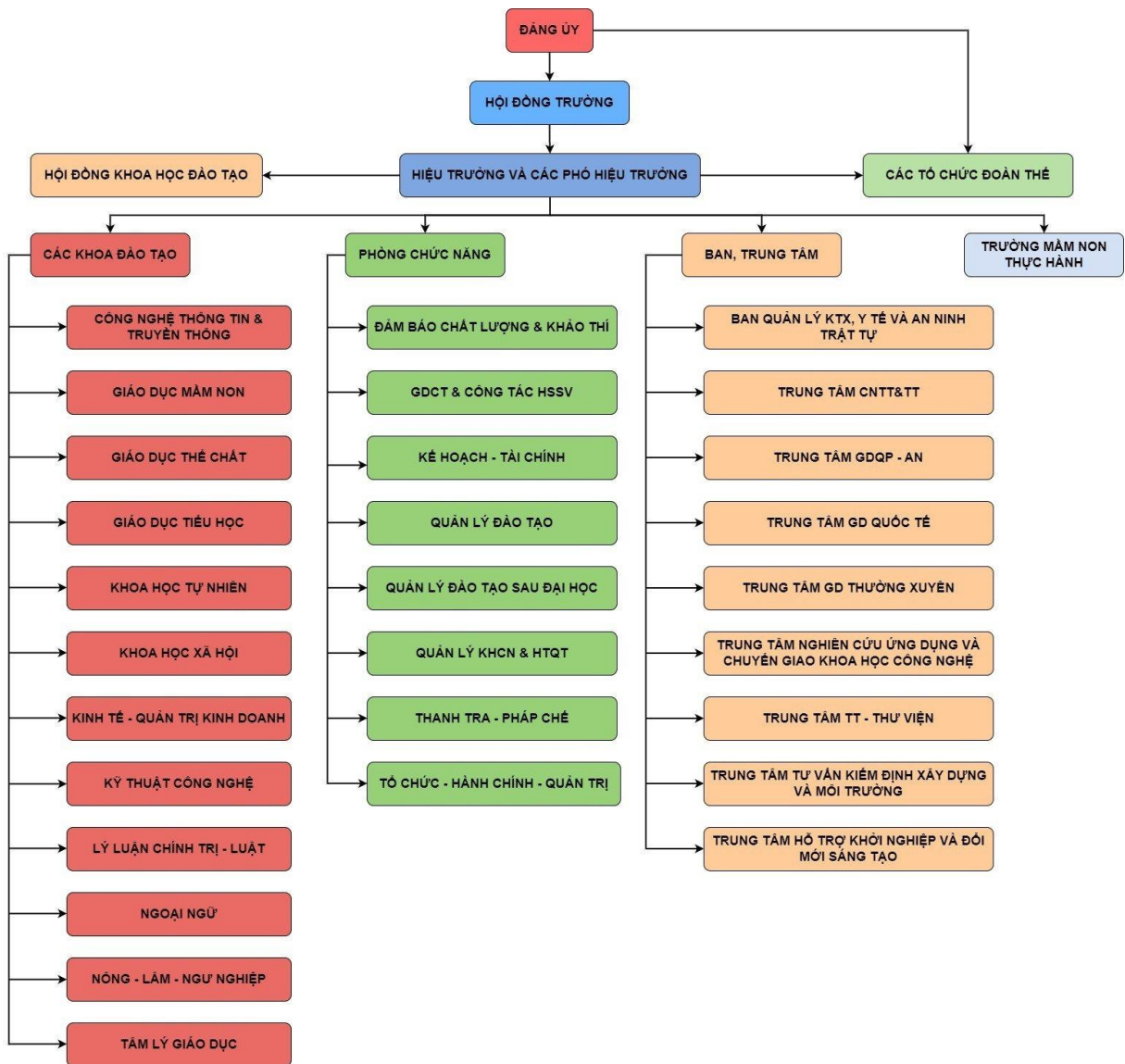
2.1.2. Cơ cấu tổ chức

Ngay sau khi có Quyết định thành lập Trường, ngày 24/12/1997, Tỉnh ủy Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 377-QĐ/TU về việc thành lập Đảng bộ Trường ĐHHĐ trực thuộc Đảng ủy khối cơ quan cấp Tỉnh. Từ tháng 9 năm 2002, Đảng bộ Nhà trường trực thuộc Tỉnh ủy. Từ tháng 5 năm 2018, Đảng bộ trường trực thuộc Đảng ủy khối cơ quan cấp Tỉnh, nay là Đảng ủy khối Cơ quan và Doanh nghiệp Tỉnh. Các tổ chức chính trị, đoàn thể trong trường trực thuộc tổ chức đoàn thể cấp Tỉnh.

Khi mới thành lập, bộ máy tổ chức của Nhà trường gồm 24 đơn vị trực thuộc, trong đó có 10 khoa, 7 phòng, 1 ban và 3 trung tâm. Nhà trường có 771 cán bộ, giảng viên, trong đó có 11 tiến sĩ, 80 thạc sĩ; tỷ lệ cán bộ, giảng viên đạt trình độ sau đại học là 18%. Trường có 3 cơ sở: Cơ sở 1 (Cao đẳng Sư phạm) tọa lạc tại phường Đông Sơn; cơ sở 2 (Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật) đặt tại phường Trường Thi; cơ sở 3 (Cao đẳng Y tế) tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.

Năm 2011, Ban Giám hiệu và các phòng ban chuyên văn phòng làm việc về cơ sở chính tại phường Đông Vệ. Ngoài ra, Nhà trường còn có Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại xã Quảng Thành, Thành phố Thanh Hoá.

Tính đến tháng 12/2022, Nhà trường có 12 khoa, 8 phòng, 1 ban, 7 trung tâm, 01 trường Mầm non thực hành. Cơ cấu tổ chức trường ĐHHĐ được thể hiện tại hình 1.



Hình 1. Hệ thống cơ cấu tổ chức của trường ĐHHĐ

Về đội ngũ cán bộ, giảng viên: Nhà trường hiện có 451 GV cơ hữu, trong đó có 28 Phó giáo sư, 169 tiến sĩ, 254 thạc sĩ. Nhà trường đang tổ chức đào tạo 05 chuyên ngành tiến sĩ, 19 chuyên ngành thạc sĩ, 34 ngành đại học, 01 ngành cao đẳng Mầm non hệ chính quy. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã đào tạo được 14.468 người tốt nghiệp (1.186 thạc sĩ, 11.328 đại học, 1.397 cao đẳng và 557 trung cấp) góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao cho Tỉnh và đất nước.

Trải qua quá trình hơn gần 25 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã vinh dự nhận được nhiều bằng khen và các danh hiệu cao quý do Nhà nước tặng: Huân chương Lao động hạng Ba (2002), Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2011), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2017). Năm 2017, Nhà trường được công nhận Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo quy định của Bộ GD&ĐT. Năm 2019, Nhà trường được xếp hạng 49/256 cơ sở giáo dục đại học có công bố quốc tế tốt nhất Việt Nam. Năm 2017, Nhà trường được Webometrics xếp thứ 45/100 trường đại học tốt nhất Việt Nam, năm 2020 xếp thứ 36 và năm 2022 xếp thứ 30/100 trường đại học tốt nhất tại Việt Nam.

2.1.3. Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chiến lược của nhà trường là: Đổi mới toàn diện, thực chất công tác quản trị, quản lý Nhà trường tiên tiến, hiện đại; xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên có phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập; nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, tăng khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động, gắn đào tạo với sử dụng; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tăng cường hợp tác quốc tế; đầu tư trang thiết bị theo hướng đồng bộ, hiện đại; từng bước tiến tới tự chủ chi thường xuyên.

Đến năm 2030: Trường ĐHHĐ trở thành trường đại học thông minh, đổi mới sáng tạo; là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, có uy tín trong nhóm các trường đại học hàng đầu của khu vực và cả nước; nằm trong top 200 trường đại học trong khối ASEAN.

Đến năm 2045: Trường ĐHHĐ trở thành trường đại học đổi mới sáng tạo; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học mạnh của cả nước; nằm trong top 150 trường đại học trong khối ASEAN; hội nhập với các trường đại học tiên tiến trên thế giới”.

2.1.4. Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

*** Sứ mệnh**

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đa ngành, đa lĩnh vực, có chất lượng cao, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ giáo dục đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

*** Tầm nhìn**

Đến năm 2045, Trường ĐHHĐ là trường đại học thông minh, đổi mới sáng tạo; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học mạnh của cả nước; hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khối ASEAN và quốc tế.

*** Các giá trị cốt lõi**

Hiền tài - Đổi mới sáng tạo - Trách nhiệm - Hội nhập

*** Triết lý giáo dục**

Toàn diện - Trải nghiệm - Thực nghiệp - Thực tài

*** Quan điểm phát triển**

- Là cơ sở giáo dục đại học theo định hướng ứng dụng, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

- Xây dựng và phát triển Trường ĐHHĐ phải gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa; hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trước hết phải phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Tỉnh, sau đó là khu vực, đất nước và quốc tế;

- Xây dựng và phát triển Trường ĐHHĐ một cách toàn diện, dựa trên khai thác, sử dụng tổng hợp hiệu quả và bền vững các nguồn lực trong và ngoài trường;

- Nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm giải trình xã hội; hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

2.1.5. Những thay đổi, cải tiến chất lượng của Nhà trường sau đánh giá ngoài

Cho đến nay, Nhà trường đã thực hiện kiểm định Trường chu kỳ 2 năm 2022 và đã đánh giá ngoài 14 CTĐT. Trên cơ sở các kết quả kiểm định Trường và đánh giá CTĐT, Nhà trường đã ban hành các văn bản để triển khai thực hiện cải tiến chất lượng Nhà trường cũng như các CTĐT: Kế hoạch số 167/KH-ĐHHĐ ngày 12/7/2022 về cải tiến chất lượng giáo dục Trường Đại học Hồng Đức sau ĐGN giai đoạn 2022-2025;

Kế hoạch số 64/KH-ĐHHĐ ngày 14/02/2022 và kế hoạch số 100/KH-ĐHHĐ ngày 25/5/2022 về hành động khắc phục và cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN của Trường Đại học Hồng Đức đối với các CTĐT kiểm định năm 2022. Các kết quả cải tiến chất lượng được định kỳ báo cáo theo quy định của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 và Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 về chế độ báo cáo định kỳ.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành các văn bản thực hiện cải tiến chất lượng Nhà trường: Nghị quyết số 14/NQ-HĐT ngày 28/6/2022 về việc thông của Chính sách chất lượng giáo dục Trường ĐHHĐ giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 198/KH-ĐHHĐ ngày 22/8/2022 về so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục của Nhà trường năm học 2022-2023; Kế hoạch 210/KH-ĐHHĐ ngày 08/9/2022 về bảo đảm chất lượng năm học 2022-2023; Hướng dẫn số 12/HD-ĐHHĐ ngày 30/01/2023 về công tác vận hành hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong tại Trường ĐHHĐ; Kế hoạch số 21/KH-ĐHHĐ ngày 09/02/2023 về bảo đảm chất lượng giáo dục giai đoạn 2023-2025;

Hội đồng bảo đảm chất lượng Trường ĐHHĐ và các tổ bảo đảm chất lượng giáo dục ở các đơn vị cũng được kiện toàn (Quyết định số 886/QĐ-ĐHHĐ ngày 05/5/2022; Quyết định số 2619/QĐ-ĐHHĐ ngày 07/11/2022; Quyết định số 2975/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/12/2022; Quyết định số 3268/QĐ-ĐHHĐ ngày 21/12/2022).

2.2. Tổng quan về Khoa KT-QTKD

Khoa KT-QTKD là một trong 10 Khoa đầu tiên của Trường đại học Hồng Đức, được thành lập vào năm 1997 trên cơ sở sát nhập khoa Tài chính - Kế toán (trường trung cấp Tài chính tỉnh), Khoa Kinh tế (trường Trung cấp Kinh tế - Kế hoạch tỉnh) và trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thanh Hoá. Sau 25 năm thành lập (với bề dày truyền thống hơn 50 năm đào tạo cán bộ quản lý kinh tế kế hoạch) khoa đã không ngừng phát triển và có nhiều đóng góp trong việc cung ứng nguồn nhân lực KT-QTKD phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và cả nước.

Khoa KT-QTKD bắt đầu được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh đào tạo bậc đại học từ năm học 2002-2003. Cùng với sự phát triển của Nhà trường, cho đến năm học 2022-2023, Khoa KT-QTKD đang được giao đảm nhận đào tạo 05 ngành bậc đại học (QTKD, Kế toán, TCNH, Kinh tế, Kiểm toán), 2 ngành bậc thạc sĩ gồm thạc sĩ QTKD (tuyển sinh từ năm 2015), thạc sĩ kế toán (tuyển sinh từ năm 2017) và 01 ngành tiến sĩ QTKD (tuyển sinh từ năm 2022)

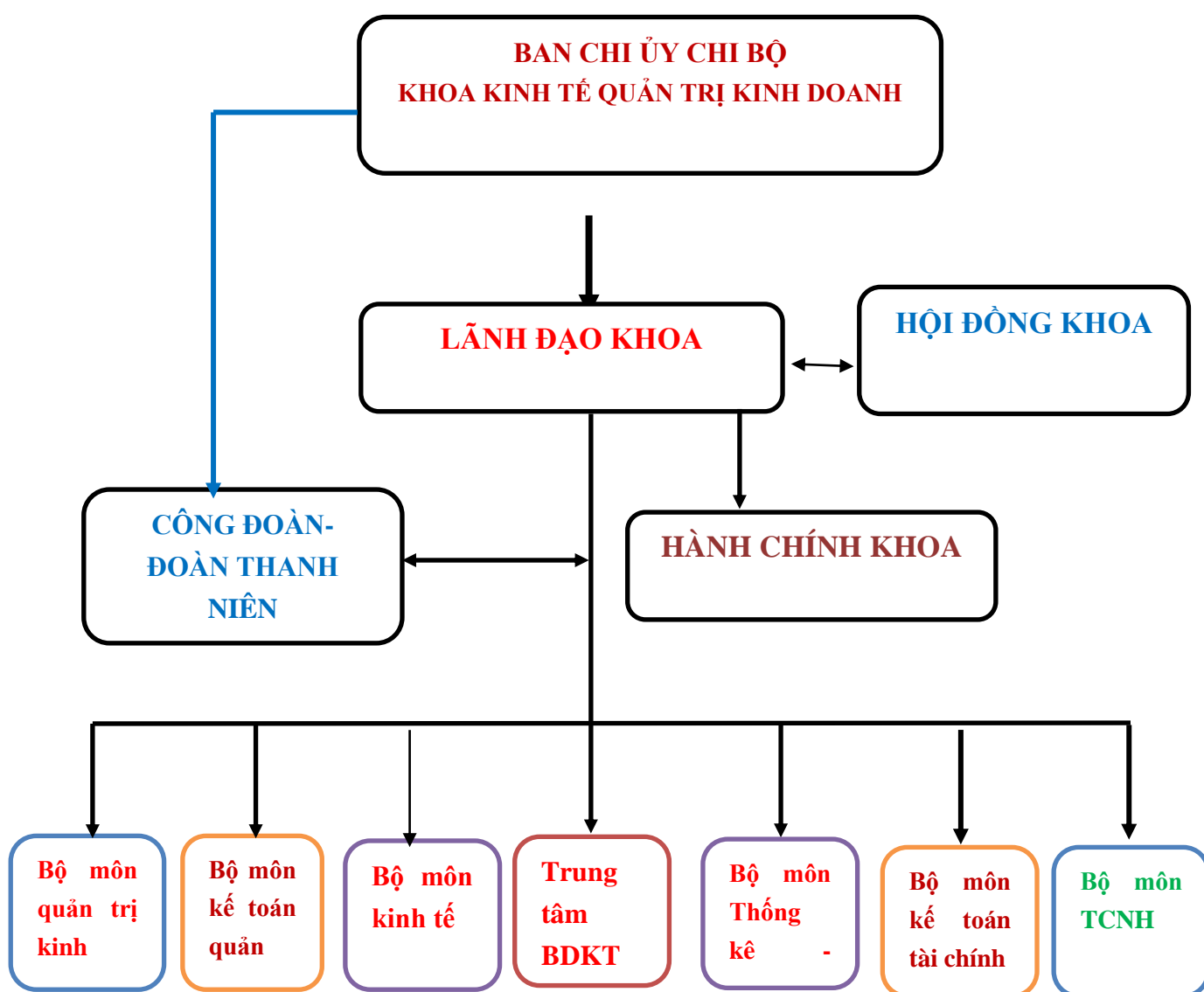
Từ những đầu mới thành lập, đội ngũ cán bộ giảng viên chỉ có 27 người, trong đó chủ yếu là giáo viên giảng dạy trung cấp chuyên nghiệp, số ít là giảng viên bậc đại học và cán bộ nghiên cứu, với quy mô đào tạo 482 học sinh, sinh viên (HSSV); trong đó bậc cao đẳng 386 SV và bậc trung cấp 96 học sinh. Tính đến 31/5/2022, Khoa KT-QTKD có 61 cán bộ, giảng viên (57 giảng viên), gồm: 03 PGS, 25 Tiến sĩ; 30 thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 25 người (đạt 40,9%), trong đó ngành Tài chính ngân hàng có 11 giảng viên, gồm: 01 PGS; 04 Tiến sĩ; 07 thạc sĩ. Khoa có nhiều cán bộ giảng viên đã tốt nghiệp ở các trường Đại học danh tiếng của các nước như Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp, New Zealand,... Nhiều cán bộ, giảng viên có trình độ ngoại ngữ có thể làm việc trực tiếp với người nước ngoài; Quy mô đào tạo trên 2.000 người học, gồm các bậc thạc sĩ, đại học ở các hệ chính quy và hệ liên thông, vừa làm vừa học, văn bằng đại học thứ 2. Khoa đã được trang bị 01 phòng thực hành kế toán ảo; 01 phòng ngân hàng ảo, 02 phòng học kế toán máy, 01 mô hình siêu thị sinh viên đủ đáp ứng yêu cầu rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên đang theo

học tại Khoa.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng chục giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Cán bộ giảng viên của khoa đã chủ trì và tham gia thực hiện 15 đề tài/ dự án cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh và 30 đề tài cấp cơ sở.

Sau 25 năm xây dựng và phát triển, hiện nay, khoa có 7 đơn vị trực thuộc: gồm 6 bộ môn (*Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Kế toán tài chính, Kế Toán quản trị, Tài chính ngân hàng, Thống kê Toán kinh tế*) và 01 trung tâm (*Trung tâm bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế*).

Hình 2 Cơ cấu tổ chức của Khoa Kinh tế Quản trị kinh doanh



2.3. Tổng quan về ngành Tài chính – Ngân hàng

Ngành TCNH là một trong những ngành đào tạo của Khoa (trong tổng số 05 ngành đang tổ chức tuyển sinh và đào tạo), với bề dày truyền thống sau 18 năm đào tạo đại học và 3 năm đào tạo thạc sĩ, ngành đã đào tạo ra rất nhiều thế hệ lãnh đạo, nhà

quản lý kinh tế, tài chính, TCNH trường các đơn vị... phục vụ cho sự phát triển kinh tế của Tỉnh và đất nước. Hiện nay CTĐT ngành Đại học Tài chính – Ngân hàng gồm 48 học phần (tương đương 124 tín chỉ). CTĐT có 36 học phần bắt buộc (99 tín chỉ) và 12 học phần tự chọn (tương đương 25 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ. Tính đến năm học 2021-2022, ngành TCNH đã và đang tổ chức đào tạo 17 khóa Đại học chính quy, 02 khóa liên thông, vừa làm vừa học, 02 khóa Đại học văn bằng đại học thứ 2 và cung cấp hơn 20.000 cán bộ có trình độ đại học cho Sở, ban, ngành và các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp không chỉ cho tỉnh Thanh Hoá mà còn cho các địa phương khác trong nước. Sinh viên chuyên ngành TCNH của Nhà trường sau khi tốt nghiệp đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp đã trở thành cán bộ quản lý cấp cao trong các cơ quan, đơn vị nhà nước, các doanh nghiệp các tập đoàn kinh tế.

Số giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT ngành TCNH hiện nay trong khoa là 57 (PGS: 03; TS: 23; Th.S: 32), Với môi trường giáo dục, đào tạo có tương tác, kết hợp NCKH, người học đã được phát huy tối đa tính sáng tạo, hiểu biết và kỹ năng của mình trong quá trình đào tạo để đạt được những thành công sau tốt nghiệp. Nhiều giảng viên và SV của Ngành chủ nhiệm, tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, cấp tỉnh, các cuộc thi khởi nghiệp của đoàn viên, thanh niên do Tỉnh đoàn tổ chức... Bên cạnh đó, ngành TCNH kết hợp với Khoa thường xuyên trao đổi với các nhà tuyển dụng nhằm điều chỉnh các CTĐT phù hợp với thực tiễn xã hội. Ngay từ những ngày đầu tổ chức đào tạo, ngành TCNH đã chủ động kết nối và thiết lập mối quan hệ, xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập và tuyển dụng với hàng trăm tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài Tỉnh, cựu sinh viên để đồng hành với Ngành trong quá trình đào tạo, tuyển dụng sinh viên. Sau tốt nghiệp, sinh viên của Khoa có thể làm việc ở các vị trí như giao dịch viên ngân hàng, TCNH ngân hàng, cán bộ tín dụng; chuyên viên tại các Sở ban ngành, các đơn vị hành chính sự nghiệp; cán bộ quản trị tài chính trong các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế; giảng viên các trường đại học, cao đẳng, các tổ chức Nhà nước.

Với môi trường học tập năng động sáng tạo thích ứng cao với nhu cầu xã hội, lấy người học là trung tâm, lấy chuẩn đầu ra là thước đo, chất lượng đào tạo luôn là phương châm hành động của Ngành trong quá trình đào tạo. Trong quá trình đào tạo Ngành TCNH và Khoa KT-QTKD luôn coi trọng xây dựng môi trường học tập và rèn luyện cho sinh viên tạo điều kiện cho sinh viên có thể tiếp thu tối đa kiến thức trong quá trình đào tạo và tự đào tạo vì vậy các hoạt động ngoài giờ lên lớp cũng được Khoa và Ngành coi trọng thông qua hoạt động của Liên chi đoàn và các câu lạc bộ. Ngoài những câu lạc bộ mang tính học thuật như câu lạc bộ Nhà doanh nghiệp tương lai, câu lạc bộ sinh viên NCKH, câu lạc bộ tiếng anh kinh tế... Khoa còn có nhiều câu lạc bộ mang tính kết nối sinh viên đào tạo các bạn sinh viên ra trường đầy đủ kiến thức kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu thực tiễn công việc cũng như xã hội như câu lạc bộ nhiếp ảnh, bóng đá, cầu lông, tình nguyện... Hoạt động các câu lạc bộ này luôn là môi trường tốt để sinh viên rèn luyện, giải trí và kết nối, phát triển.

Trong quá trình phát triển, Khoa KT - QTKD luôn xác định CTĐT là một trong những yếu tố then chốt quyết định chất lượng đào tạo. Vì vậy, việc đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH là hết sức cần thiết, qua việc đánh giá CTĐT sẽ thấy rõ những điểm mạnh cũng như những hạn chế, từ đó đưa ra các giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của các đơn vị sử dụng lao động nói riêng và xã hội nói chung.

Qua quá trình nghiên cứu bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm công tác đã phân tích các tiêu chí, thu thập và xử lý minh chứng, viết các phiếu đánh giá tiêu chí, dự thảo báo cáo TĐG, nghe ý kiến tư vấn của các chuyên gia, thảo luận và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành TCNH. Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành TCNH đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, đưa ra kế hoạch hành động để tiếp tục duy trì mặt mạnh và các giải pháp khắc phục các mặt còn tồn tại và tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu của các tiêu chí. Kết quả tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí được trình bày trong phần II sau đây.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Trường Đại học Hồng Đức là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó Khoa KT-QTKD là một trong những khoa đào tạo hàng đầu về lĩnh vực TCNH trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá và các tỉnh lân cận trong khu vực. Khoa KT-QTKD có một đội ngũ cán bộ, giảng viên đạt trình độ cao, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học của Khoa và Nhà trường.

Chương trình đào tạo cử nhân ngành TCNH được xây dựng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường Đại học Hồng Đức, được sự thẩm định của Hội đồng Khoa, Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường ĐHHĐ để đảm bảo chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu của người học và của xã hội. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành TCNH bao gồm các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm... liên quan đến chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Các chuẩn đầu ra được xây dựng phản ánh được rõ ràng sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Với sứ mạng của trường đại học Hồng Đức là đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước [H1.01.01.01], từ năm 2006 đến nay, nhà trường đã và đang tổ chức thực hiện đào tạo ngành TCNH với chất lượng đào tạo không ngừng được cải tiến [H1.01.01.02].

Căn cứ vào quy định và văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.03], tầm nhìn và sứ mạng của trường ĐHHĐ trong từng giai đoạn [H1.01.01.01] và nhu cầu của thị trường [H1.01.01.04], mục tiêu chương trình đào tạo ngành TCNH được xác định rõ ràng, được cập nhật và điều chỉnh thường xuyên. Trong giai đoạn 2017-2022, Trường ban hành và liên tục cập nhật, sửa đổi, hoàn chỉnh CTĐT ngành TCNH vào các năm 2017 [H1.01.01.05a], năm 2019 [H1.01.01.05b] và bản mô tả chương trình đào tạo năm 2021 [H1.01.01.06a]. Trải qua nhiều lần điều chỉnh, sửa đổi, mục tiêu của chương trình đào tạo luôn được xác định rõ ràng, phù hợp, cụ thể trong từng Quyết định ban hành kèm theo CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với sinh viên tốt nghiệp đại học ngành TCNH. Mục tiêu của CTĐT được chi tiết, cụ thể hoá và được làm rõ hơn bằng bản mô tả CTĐT [H1.01.01.06], đề cương chi tiết các học phần [H1.01.01.07] và ma trận kiến thức, kỹ năng trong CTĐT [H1.01.01.08]. Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành TCNH từ năm 2017-2021 được xác định và điều chỉnh cụ thể như sau:

+ Mục tiêu đào tạo chung trong CTĐT năm 2017 là “*Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính - Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc; có khả*

năng ngoại ngữ thành thạo và có kỹ năng về quản lý, điều hành hoạt động tài chính - ngân hàng trong các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính trung gian, các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội và có thể học sau đại học”. Đến năm 2021, mục tiêu chung được điều chỉnh trong đó chỉ rõ khả năng có thể đáp ứng của sinh viên sau khi ra trường là “*nắm vững kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý; vận dụng tốt các kỹ năng mềm, có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có kỹ năng về quản lý, điều hành hoạt động tài chính – ngân hàng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cho các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính trung gian, các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc; có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học; tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở các bậc học cao hơn để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*” [H1.01.01.06a]. Như vậy, có thể nói, mục tiêu đào tạo của ngành TCNH sau các lần điều chỉnh đã có sự xác định mục tiêu cụ thể hơn, rõ ràng hơn.

+ Mục tiêu cụ thể của CTĐT năm 2017 được chia thành 4 nhóm mục tiêu: Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ, Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Đến năm 2019, các mục tiêu cụ thể đã được mã hoá thành 7 mục tiêu từ M1-M7 cụ thể như sau:

M1: Người học có kiến thức chung về kinh tế, kiến thức quản lý; có kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực tài chính công, tài chính doanh nghiệp và hoạt động của ngân hàng thương mại để vận dụng, giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

M2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng HCM, hệ thống pháp luật Việt Nam; về quốc phòng-an ninh và thể dục thể thao vào quá trình học tập, nghiên cứu, quản lý tài chính tại các đơn vị.

M3: Hiểu biết sâu sắc về đạo đức kinh doanh, tâm lý học trong quản trị kinh doanh, nắm vững kiến thức pháp luật trong kinh doanh và vận dụng kiến thức đó vào trong quá trình học tập, nghiên cứu, quản lý tài chính, thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng tại các đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng.

M4: Trình độ Tiếng Anh người học đạt được tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; trình độ tin học thành thạo, sử dụng công nghệ thông tin trong khai thác thông tin và truy cập Internet, các phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản, hợp đồng kinh tế phục vụ công tác quản lý tài chính và các lĩnh vực chuyên môn, quản lý.

M5: Có khả năng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác; khả năng tự học tập suốt đời.

M6: Có kỹ năng giao tiếp, tư duy khoa học, hoạch định, làm việc nhóm; giải quyết vấn đề; ra quyết định; kỹ năng tự quản trị và các kỹ năng mềm khác để học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

M7: Có phẩm chất đạo đức tốt; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng”.

Việc mã hoá này một mặt là cơ sở cho việc xây dựng ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TCNH, mặt khác cũng bổ sung một số các mục tiêu mới (mục tiêu M6, M7), khẳng định trách nhiệm đào tạo của ngành đối với xã hội. Việc đối sánh sự thay đổi CTĐT năm 2019 và năm 2017 thể hiện ở: Báo cáo nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cập nhật CTĐT, CĐR ngành TCNH [H1.01.01.13g]

+ Mục tiêu cụ thể của CTĐT năm 2021 được thay đổi và mã hóa lại thành 8 nhóm thể hiện sự khoa học, phù hợp hơn với sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHHĐ, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

"PO1: Người học nắm vững các kiến thức cơ bản về Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng HCM, hệ thống pháp luật Việt Nam; hiểu biết và vận dụng các kiến thức về quốc phòng-an ninh, thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe, bảo vệ tổ quốc và phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

PO2: Người học nắm vững kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội; Có kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT) để khai thác thông tin, truy cập Internet, sử dụng tốt các phần mềm tin học ứng dụng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, kế toán, quản trị.

PO3: Người học có các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên (bao gồm các suy luận logic, các phương pháp tính toán, vận dụng các kiến thức này vào giải quyết các bài toán kinh tế, phân tích và xử lý thông tin,...) và các kiến thức khoa học xã hội - nhân văn (địa lý kinh tế, văn hóa Việt Nam; môi trường và con người); vận dụng được kiến thức liên ngành vào học tập và phục vụ công tác chuyên môn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trong việc gìn giữ, bảo vệ môi trường và bản sắc văn hóa Việt Nam, giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp cũng như trong cuộc sống..

PO4: Người học nắm vững và vận dụng thành thạo các kiến thức cơ sở, kiến thức chung của ngành tài chính - ngân hàng bao gồm: kinh tế vi mô, vĩ mô, kinh tế quốc tế; nguyên lý kế toán; nguyên lý thống kê; lý thuyết cơ bản về tài chính, tiền tệ; marketing căn bản; pháp luật về kinh tế, tài chính quốc tế, logistics đại cương, khởi sự kinh doanh, thương mại điện tử... để phục vụ quá trình học tập, nghiên cứu, ứng dụng vào thực tiễn nghề nghiệp.

PO5: Người học có kiến thức lý thuyết vững chắc, am hiểu thực tế về lĩnh vực tài chính công (lập dự toán ngân sách nhà nước; tổ chức cân đối ngân sách nhà nước; quản lý các quỹ tài chính Nhà nước, ...) để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp như: phân tích, tổng hợp, dẫn dắt, giám sát và giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến hoạt động chuyên môn trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội và phục vụ nghiên cứu khoa học.

PO6: Người học có kiến thức lý thuyết chuyên sâu và kiến thức thực tế vững chắc về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp như: Lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp; xác định các nguồn vốn tài trợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; quản lý chặt chẽ các khoản thu, chi; đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp; xây dựng và phân tích

các báo cáo tài chính của doanh nghiệp; xây dựng chiến lược đầu tư và quản lý các danh mục đầu tư... để hình thành các kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng vận dụng, phân tích, quản trị, giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến hoạt động tài chính doanh nghiệp; tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

PO7: Người học có kiến thức lý thuyết và hoàn thiện, phát triển các kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực ngân hàng, thị trường tài chính, hoạt động của các tổ chức tài chính trung gian như: thực hiện các nghiệp vụ quản lý tài sản, nguồn vốn của các tổ chức tài chính trung gian; các nghiệp vụ huy động vốn, cho vay và thực hiện các loại hình dịch vụ ngân hàng khác; quản trị rủi ro hoạt động ngân hàng... để có thể làm việc độc lập, tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn trong các tổ chức tài chính trung gian, các doanh nghiệp.

PO8: Người học được rèn luyện, trau dồi phẩm chất đạo đức; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; Có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng; Có khả năng tự học, tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác."

Như vậy, qua các đợt chỉnh sửa, bổ sung vào các năm 2017, 2019, 2021, mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể CTĐT ngành TCNH đã chú trọng đến việc đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức, có tri thức, có kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo trong bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục ở Việt Nam và xu hướng hội nhập quốc tế; **phù hợp với sứ mạng** “*đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước*” và **tầm nhìn của trường Đại học Hồng Đức** “*địa chỉ tin cậy, có uy tín về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở một số chuyên ngành mũi nhọn thuộc các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục, kỹ thuật công nghệ, nông - lâm - ngư nghiệp, kinh tế (mỗi lĩnh vực ngành chọn 1-2 chuyên ngành) đạt trình độ ngang tầm với các trường đại học lớn trong khu vực miền Trung* [H1.01.01.01]. Ngoài ra, tầm nhìn và sứ mạng của Trường còn được cụ thể hoá thành mục tiêu, nhiệm vụ then chốt cho từng đơn vị, theo từng giai đoạn, trong đó mục tiêu của CTĐT là một trong những trọng tâm ưu tiên hướng tới.

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

Mục tiêu của GDDH quy định tại luật GDDH hiện hành cũng gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Trong đó, (1) mục tiêu chung là : “*a. Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; b. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; c. có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; d. có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân*”. (2) Mục tiêu cụ thể là: “*Đào tạo trình độ ĐH để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có khả năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành đào tạo.*” [H1.01.01.09].

Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH đảm bảo phù hợp với Mục tiêu GDDH tại luật GDDH năm 2019 và sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHHĐ được thể hiện ở *Bảng 1.1*

Bảng 1.1: Quan hệ giữa mục tiêu chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng với Mục tiêu giáo dục đại học tại luật giáo dục đại học năm 2019 và Tâm nhìn – sứ mạng trường Đại học Hồng Đức

Sứ mạng – Tâm nhìn	Mục tiêu GDDH tại luật GDDH năm 2019	Mục tiêu CTĐT ngành TCNH năm 2017, 2019	Mục tiêu CTĐT ngành TCNH năm 2021
<p><i>Sứ mạng:</i> Trường Đại học Hồng Đức có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.</p> <p><i>Tâm nhìn:</i> Đến năm 2030, Trường ĐHHĐ là địa chỉ tin cậy, có uy tín về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở một số chuyên ngành mũi nhọn thuộc các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục, kỹ thuật công nghệ, nông - lâm - ngư nghiệp, kinh tế (mỗi lĩnh vực ngành chọn 1-2 chuyên ngành) đạt trình độ ngang tầm với các trường đại học lớn trong khu vực miền Trung.</p>	<p>- Mục tiêu chung là: “a. Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; b. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; c. có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; d. có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể là: “Đào tạo trình độ ĐH để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có khả năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành đào tạo”</p>	<p>Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính - Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc; có khả năng ngoại ngữ thành thạo và có kỹ năng về quản lý, điều hành hoạt động tài chính - ngân hàng trong các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính trung gian, các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội và có thể học sau đại học..</p>	<p>Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có khả năng ngoại ngữ, tin học thành thạo đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT; nắm vững kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý; vận dụng tốt các kỹ năng mềm, có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có kỹ năng về quản lý, điều hành hoạt động tài chính – ngân hàng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cho các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính trung gian, các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc; có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học; tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở các bậc học cao hơn để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.</p>

Mỗi lần xây dựng mới hoặc chỉnh sửa, bổ sung CTĐT, mục tiêu CTĐT, CDR, Nhà trường đều ban hành các quyết định thành lập các tổ soạn thảo [H1.01.01.10], ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện [H1.01.01.11]. Các khoa trên cơ sở quyết định sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch, thành lập ban soạn thảo gồm các giảng viên có trình độ, có kinh nghiệm của các bộ môn trong khoa [H1.01.01.12]. Quá trình rà soát, chỉnh sửa, xây dựng CTĐT, mục tiêu CTĐT được thực hiện trên cơ sở xin ý kiến góp ý của các chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà tuyển dụng [H1.01.01.13] trên cơ sở đó tiến hành luận giải để xây dựng, điều chỉnh, cập nhật CTĐT, mục tiêu CTĐT. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng, tổ soạn thảo có tham khảo mục tiêu CTĐT của một số các cơ sở đào tạo trong cả nước. Cụ thể: Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành TCNH trường đại học Hồng Đức của nhiều điểm tương đồng với CTĐT ngành TCNH của trường đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh: *"Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Tài chính-Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính-Ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc."*; tương đồng với CTĐT ngành TCNH của trường đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia: *"Đào tạo cử nhân có chất lượng tốt trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có khả năng tác nghiệp, quản trị, phân tích, đánh giá, tư vấn về các vấn đề liên quan đến tài chính - ngân hàng trong các doanh nghiệp, ngân hàng, cơ quan chính phủ, các định chế tài chính; có khả năng thực hiện nghiên cứu và trợ giảng tại các các cơ sở nghiên cứu và cơ sở giáo dục đại học; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, có khả năng học tập liên thông ở các chương trình đào tạo sau đại học ở nước ngoài."*

CTĐT được thẩm định bởi Hội đồng các nhà khoa học có uy tín [H1.01.01.14], [H1.01.01.15]. Mục tiêu của CTĐT sau khi rà soát, chỉnh sửa, cập nhật được thông tin đầy đủ tới cán bộ, giảng viên và sinh viên [H1.01.01.16]. Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như sổ tay, niên lịch đào tạo [H1.01.01.17], tờ rơi tuyên truyền tuyển sinh, qua các phương tiện thông tin của Trường, của Khoa để cho người học, cựu người học, GV và các nhà tuyển dụng có thể nắm rõ.

2. Điểm mạnh

- Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành TCNH đã được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của Luật giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nguồn nhân lực trong lĩnh vực TCNH

- CTĐT nói chung và mục tiêu của CTĐT nói riêng được xây dựng phù hợp với từng giai đoạn phát triển của giáo dục, của đơn vị đào tạo và nhu cầu xã hội thông qua việc khảo sát nhu cầu thị trường lao động và lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật các nội dung mới của ngành TCNH phù hợp với thực tế xã hội.

3. Điểm tồn tại

Sự thay đổi của mục tiêu chung CTĐT chưa được thể hiện một cách rõ nét qua mỗi lần điều chỉnh, cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 1.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 1.1)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Ban hành mục tiêu đào tạo chung mới có tính khái quát cao, mang đặc thù rõ nét của ngành đào tạo và mang tính định hướng về mục tiêu đào tạo ngành TCNH trong giai đoạn tới.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được trong việc thiết kế, xây dựng CTĐT ngành TC-NH nói chung và mục tiêu đào tạo cử nhân ngành TCNH nói riêng. Liên tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT cho phù hợp với yêu cầu của xã hội trong tình hình mới.	Phòng Quản lý đào tạo; Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành TCNH được xác định, mô tả rõ ràng, bao quát và thể hiện được các yêu cầu chung cũng như cam kết của trường ĐHHĐ với người học và xã hội về kiến thức, kỹ năng và thái độ, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR đã cụ thể hóa những yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể của CTĐT đối với người học sau khi tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành TCNH được tuyên bố lần đầu vào năm 2010 và liên tục được điều chỉnh vào các năm 2017, 2019 và sau đó được cập nhật, sửa đổi bổ sung vào năm 2021 [H1.01.02.01] đã phản ánh rõ sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong lĩnh vực đào tạo ngành TCNH [H1.01.01.01].

CĐR ngành TCNH năm 2021 đã thể hiện rõ yêu cầu người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp bao gồm: kiến thức (kiến thức chung và kiến thức chuyên môn), kỹ năng (kỹ năng chuyên môn, kỹ năng bổ trợ), mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của người học [H1.01.02.02]. Nội dung của CĐR được mã hoá chi tiết thành 19 nội dung cụ thể từ PLO1-PLO19. Đây là cơ sở để Bộ môn quản lý chuyên môn xây dựng ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra [H1.01.01.08], là cơ sở giúp cho người học và giảng viên dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình học tập và giảng dạy. CĐR được thiết kế qua 3 trụ cột mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp đó là kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm được thể hiện cụ thể các bản CĐR của CTĐT ngành TCNH các năm 2017, 2019, 2021 [H1.01.02.01].

Ba trụ cột này được thiết kế theo hướng dẫn của thông tư 07/2015 và tương đồng với tất cả các chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học trong cả nước. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo ngành TCNH trường Đại học Hồng Đức đã thiết kế các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm thành các chuẩn đầu ra chi tiết, cụ thể:

- Về mặt kiến thức chia thành kiến thức chung (từ PLO1-PLO4) là các CĐR kiến thức về triết học, kinh tế chính trị, ngoại ngữ, tin học, an ninh, quốc phòng, khoa học tự nhiên, xã; và kiến thức chuyên môn (PLO5-PLO9) là các kiến thức chung của khối ngành kinh tế và chuyên môn về lĩnh vực TCNH;

- Về mặt kỹ năng chia thành kỹ năng chuyên môn (PLO10-PLO13) và kỹ năng hỗ trợ (PLO14-PLO16);

- Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm được chi tiết thành các yêu cầu của CĐR từ PLO17-PLO19.

Việc cụ thể hóa CĐR theo mức độ đóng góp của các học phần theo lịch trình đào tạo trong CTĐT của ngành TCNH trường Đại học Hồng Đức có sự khác biệt với các CTĐT ngành TCNH của các cơ sở đào tạo khác. Cụ thể: CTĐT ngành TCNH của trường đại học Kinh tế quốc dân, CTĐT ngành TCNH của trường Đại học Kinh tế-ĐH Quốc gia...không đề cập chi tiết đến các chuẩn đầu ra chung của khối ngành.

CĐR của ngành TCNH phản ánh được mục tiêu đào tạo của ngành. Điều này được thể hiện ở mối quan hệ tương thích giữa mục tiêu đào tạo và CĐR. Bản mô tả CTĐT đã thiết lập được ma trận thể hiện mối quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo TCNH được cụ thể hóa ở Bảng 1.2 và Bảng ma trận năng lực người học đạt được sau khi kết thúc CTĐT đáp ứng CĐR của các năm 2017, 2019, 2021 [H1.01.01.08]

Bảng 1.3: Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo TCNH năm 2021

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của CTĐT																		
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17	PLO 18	PLO 19
PO1	3			2										2			3	2	2
PO2		3	3												3	3		2	2
PO3				3										3			2	2	2
PO4					3	3							2				3	3	3
PO5									4	5			4	2			4	4	4
PO6								4		3	5		4	3			4	4	4
PO7							4					5	4	3			4	4	4
PO8	3			3	2	2				3	3	3	3	3	3	3	4	4	4

Ghi chú: - Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.

- Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Thao tác/Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Liên kết/Thành thạo; 5-Tự nhiên hóa/Bản năng.

- Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hồi đáp; 3-Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.

Người học sau khi tốt nghiệp chuyên ngành TCNH có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu mà một người làm việc trong lĩnh vực TCNH cần có. Chuẩn đầu ra CTĐT ngành TCNH năm 2021 đã bao quát được các yêu cầu chung mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

- Kiến thức chung

PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng HCM, hệ thống pháp luật Việt Nam; về quốc phòng-an ninh và thể dục thể thao vào quá trình học tập, công tác.

PLO2: Sinh viên đạt được năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

PLO3: Người học trình bày được khái niệm về thông tin, các phương pháp biểu diễn thông tin; sử dụng thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng thành thạo thư điện tử, tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT) phục vụ công tác chuyên môn.

PLO4: Hiểu và vận dụng được kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội như: suy luận logic, các phương pháp tính toán, giải quyết được các bài toán kinh tế hoặc các vấn đề xã hội; phân tích và xử lý thông tin, xây dựng được các mô hình kinh tế; phân tích được thực trạng phát triển kinh tế của Việt Nam; văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa con người môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế- xã hội... để phục vụ quá trình học tập, nghiên cứu, hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

- Kiến thức chuyên môn

PLO5: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế học, kinh tế quốc tế; nguyên lý kế toán, phương pháp thống kê; phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành kinh tế, QTKD; marketing, pháp luật kinh tế để xử lý các tình huống thực tế ở doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội.

PLO6: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực kế toán tài chính, kinh tế lượng, logistics, khởi sự kinh doanh, tài chính quốc tế, thương mại điện tử... vào hoạt động thực tiễn ở các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội.

PLO7: Vận dụng được các nguyên lý cơ bản về lý thuyết tiền tệ, tài chính; hệ thống ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại; các tổ tài chính trung gian để phân tích, luận giải, xử lý và dự báo các vấn đề liên quan đến: hoạt động của ngân hàng thương mại; thị trường tài chính nói chung; thị trường chứng khoán, thị trường ngoại hối, thanh toán quốc tế, lĩnh vực bảo hiểm,... ở các đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức tài chính trung gian.

PLO8: Vận dụng thành thạo các kiến thức chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp, định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp, thẩm định tài chính dự án, phân tích tài chính doanh nghiệp để hình thành các ý tưởng; xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả tài chính của các phương án, dự án; tham gia vào hoạt động quản trị tài chính trong doanh nghiệp.

PLO9: Vận dụng sáng tạo lý thuyết về lĩnh vực tài chính công để thực hành, xử lý các nghiệp vụ: lập dự toán ngân sách nhà nước ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; lập các báo cáo quyết toán ngân sách ở các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; phân loại thu, chi NSNN theo các tiêu chí để có thể đánh giá hiệu quả của việc chi NSNN ở các cơ quan, đơn vị; quản lý thu thuế, phí, lệ phí; quản lý tài chính ở

các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện cân đối NSNN ở các cơ quan, đơn vị, quản lý các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách.

- Kỹ năng

+ Kỹ năng chuyên môn

PLO10: Có kỹ năng xây dựng và thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động kinh tế, tài chính của các đơn vị hành chính sự nghiệp như: Tổ chức thực hiện và quản lý thu, chi; vận dụng kiến thức vào phân tích, đánh giá hiệu quả của của khâu tài chính công; lập dự toán ngân sách nhà nước; lập các báo cáo quyết toán NSNN ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập.

PLO11: Có kỹ năng phân tích, giải quyết sáng tạo các vấn đề trong hoạt động quản trị tài chính doanh nghiệp như: Phân tích thị trường tài chính để xây dựng, quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định tài chính ngắn hạn, dài hạn của doanh nghiệp; tư vấn cho doanh nghiệp lựa chọn được phương án sản xuất kinh doanh phù hợp; phân tích, đánh giá tài chính doanh nghiệp.

PLO12: Có kỹ năng, tổng hợp, phân tích chuyên sâu, thực hiện và dẫn dắt các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động tài chính – ngân hàng như: Phân tích thị trường, phân tích đặc điểm của từng loại nguồn vốn, từng đối tượng khách hàng để có phương thức huy động vốn phù hợp đối với các tổ chức tài chính trung gian; phân tích, nhận diện rủi ro và quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng; thẩm định khách hàng khi thực hiện nghiệp vụ tín dụng; tư vấn cho khách hàng lựa chọn được phương thức đầu tư, phương thức tài trợ thích hợp.

PLO13: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hoạt động kinh tế, tài chính của các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp; các trung gian tài chính; có năng lực dẫn dắt hoạt động chuyên môn về quản trị tài chính doanh nghiệp, quản trị ngân hàng thương mại, quản lý tài chính nhà nước để xử lý những vấn đề có quy mô địa phương và vùng miền.

+ Kỹ năng bổ trợ

PLO14: Có kỹ năng giao tiếp tốt, bao gồm: kỹ năng thuyết trình; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail; kỹ năng đàm phán; kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng quản lý thời gian, quản lý công việc của bản thân; có kỹ năng sáng tạo, tư duy phân biện, phân tích, tổng hợp, ra quyết định, giải quyết vấn đề.

PLO15: Có kỹ năng nghe, nói, đọc viết bằng tiếng Anh trong giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

PLO16: Thành thạo trong sử dụng công nghệ thông tin trong việc soạn thảo văn bản, hợp đồng kinh tế phục vụ hoạt động chuyên môn. Sử dụng thành thạo phần mềm tin học kế toán, tin học ngân hàng, phần mềm quản trị doanh nghiệp,... đáp ứng yêu cầu công việc; có kỹ năng sử dụng internet và khả năng tiếp cận hoạt động chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO17: Có năng lực dẫn dắt, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện các hoạt động quản lý kinh tế; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh với khách hàng.

PLO18: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

PLO19: Có năng lực tự học tập, tự nghiên cứu và có khả năng học tập, nghiên cứu, thực tập ở các bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. [H1.01.02.01].

CĐR ngành TCNH đã xác định rõ cơ hội việc làm của sinh viên tốt nghiệp, theo đó sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành TCNH hệ chính quy của Trường ĐHHĐ có thể làm việc và phát triển tốt ở các vị trí như: Cán bộ, chuyên viên tại các cơ quan, Sở ban ngành như: Sở Tài Chính, Cục thuế, Sở Kế hoạch và đầu tư,... Giao dịch viên, cán bộ tín dụng, nhân viên thẩm định, nhân viên kinh doanh và các vị trí công việc khác tại các tổ chức tài chính trung gian; Nhân viên làm việc ở phòng tài chính và phòng kế toán của các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp; Nhân viên phân tích, tư vấn và quản lý danh mục đầu tư ở các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư; Nhân viên làm việc ở các bộ phận huy động vốn, thẩm định và cấp tín dụng ở các công ty tài chính và các công ty cho thuê tài chính; Nhân viên làm việc tại các phòng định giá, trung tâm đấu giá, định giá; Nghiên cứu viên, giảng viên ngành tài chính - ngân hàng tại các viện, trường đại học, cao đẳng và trung tâm nghiên cứu...

CĐR ngành TCNH cũng xác định cụ thể các loại hình và tổ chức doanh nghiệp mà sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng và cơ hội làm việc phù hợp như: các đơn vị hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp, các NHTM và các tổ chức tài chính trung gian khác.

CĐR của CTĐT có thể đo lường và đánh giá được: Để đảm bảo chuẩn đầu ra về kiến thức, sinh viên hệ chính quy tốt nghiệp phải hoàn thành 124 tín chỉ trong đó có 41 tín chỉ thuộc khối kiến thức chung và 83 TC thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp phải sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng và một số phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác chuyên môn. Với năng lực ngoại ngữ, chuẩn đầu ra yêu cầu tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo (tương đương cấp B1 - CEFR: Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu).

Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT còn được cụ thể hoá thông qua các CĐR của từng học phần, mỗi học phần trong CTĐT đều xác định những mục tiêu cần đạt được, đây là căn cứ để xây dựng tổng thể CĐR của CTĐT từ đó làm tăng tính khả thi của các CĐR.

Việc tổ chức xây dựng CĐR của CTĐT được thực hiện theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Bộ GD&ĐT [H1.01.02.03]. Để có cơ sở thực hiện việc rà soát, điều chỉnh CĐR ngành TCNH, Nhà trường đã ban hành quy định về việc xây dựng, điều chỉnh CĐR cho các ngành đào tạo đại học trong trường Đại học Hồng Đức [H1.01.02.04] đảm bảo người học tích lũy đủ khối lượng kiến thức và yêu cầu về năng lực theo Thông tư 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/04/2015, Thông tư 17/2021/TT- BGDĐT ngày 22/06/2021 [H1.01.01.03]. Từ năm 2015, Nhà trường đã thành lập các Tổ soạn thảo CTĐT, CĐR cho từng khối ngành, trên cơ sở đó các khoa thành lập nhóm soạn thảo CTĐT, CĐR theo từng ngành bao gồm các giảng viên có bề dày kinh nghiệm giảng dạy [H1.01.01.10], [H1.01.01.12]. Trước khi tham mưu ban hành CĐR, khoa đã tổ chức hội thảo và lấy ý kiến các bên liên quan đóng góp vào dự thảo CĐR đã được nhóm soạn thảo biên soạn [H1.01.01.13], [H1.01.02.05]. Trên cơ

sở lấy các ý kiến đóng góp của các bên liên quan, Hội đồng Khoa tổ chức họp và hoàn thiện CĐR và trình Hiệu trưởng ký ban hành CĐR [H1.01.02.06], [H1.01.02.07].

2. Điểm mạnh

CĐR ngành của ngành TCNH được công bố công khai để các bên quan tâm dễ dàng tiếp cận và có cơ sở giám sát chất lượng đào tạo.

CĐR của CTĐT ngành TCNH được thiết kế rõ ràng, nội dung CĐR hướng tới hình thành năng lực chủ động, sáng tạo của SV; đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT và khuyến khích khả năng học tập suốt đời cho người học. CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của trường Đại học Hồng Đức; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của sinh viên sau tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Việc xác định mối quan hệ tương thích giữa mục tiêu đào tạo và CĐR còn một số chỗ chưa thật sự khoa học.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 1.4: Kế hoạch hành động (tiêu chí 1.2)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, hoàn thiện chuẩn đầu ra cho khoa học, đáp ứng mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực TCNH có chất lượng cao cho xã hội.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc xây dựng và triển khai thực hiện CĐR ngành TCNH.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành TCNH được xây dựng dựa trên các quy định, văn bản của Bộ GD&ĐT, của Nhà trường [H1.01.02.03; 04], trên cơ sở tham khảo "Tổng hợp kết quả khảo sát chất lượng đào tạo tại các đơn vị sử dụng lao động có sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường các năm" [H1.01.01.04], có sự tham gia đóng góp ý kiến của nhà tuyển dụng lao động, giảng viên, người học, có sự điều chỉnh, bổ sung trong từng giai đoạn theo hướng ngày càng cụ thể, rõ ràng với các yêu cầu về kiến thức; kỹ năng; thái độ đạo đức nghề nghiệp; khả năng công tác sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường [H1.01.01.013].

CĐR được xây dựng, chỉnh sửa qua các năm 2017, 2019, 2021 đều có sự tham khảo các CTĐT hiện hành của các trường đại học uy tín trong và ngoài nước và các CTĐT của các trường trong nước như: Trường đại học Kinh tế quốc dân, Trường đại học kinh tế - đại học quốc gia Hà Nội, Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh, đồng thời có sự tham gia của các chuyên gia cùng lĩnh vực trong và ngoài trường; tham khảo ý kiến rộng rãi từ phía giảng viên, HV, cựu HV, và nhà tuyển dụng lao động [H1.01.01.13], [H1.01.02.05]. Cụ thể, CĐR đã thực hiện điều chỉnh theo góp ý của các bên liên quan như tăng khối lượng thực hành, thực tế; tăng cường rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu lĩnh vực TCNH. Riêng đối với nhà tuyển dụng thì đề xuất tăng thêm các môn học về kỹ năng mềm, năng lực tự chủ, kỹ năng giao

tiếp, tin học, ngoại ngữ [H1.01.01.13d,e].[H1.01.02.05]

Trên cơ sở Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp, Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H1.01.01.03], CĐR của CTĐT được rà soát, chỉnh sửa theo quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn xây dựng CĐR của Nhà trường [H1.01.02.03], [H1.01.02.04]. CĐR của CTĐT ngành đại học TCNH được Hội đồng chuyên môn cấp khoa, cấp trường thẩm định nghiệm thu và tham mưu trình Hiệu trưởng ra quyết định ban hành theo quy định vào các năm 2017, 2019, 2021 và được Hội đồng khoa học Khoa KT - QTKD họp công bố công khai rộng rãi đến toàn thể giảng viên và người học [H1.01.02.06]. CĐR của CTĐT ngành TCNH đã nêu rõ kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm đạt được sau quá trình đào tạo, đồng thời phản ánh được yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan. CĐR của CTĐT ngành TCNH đã được cập nhật, chỉnh sửa cho phù hợp với việc phát huy năng lực sáng tạo, chủ động của người học, đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng đồng thời phải đảm bảo được khối lượng kiến thức, năng lực mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Sự thay đổi CĐR giữa các phiên bản được thể hiện thông qua "Bảng ma trận năng lực người học đạt được sau khi kết thúc CTĐT đáp ứng CĐR năm 2017, 2019, 2021" và "Bảng đối sánh CĐR của CTĐT ngành TCNH các năm 2017, 2019, 2021"[H1.01.01.08], [H1.01.03.01]

Bảng 1.5: Điểm mới trong CĐR của CTĐT năm 2021 so với năm 2019

Tiêu chí	CĐR 2019	CĐR 2021 (điểm mới)
Căn cứ xây dựng CĐR	Quyết định 1285/QĐ-ĐHHD ngày 16/8/2019 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Khung chương trình theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo ĐH định hướng và phát huy năng lực người học ban hành theo Quyết định số 1270/QĐ-ĐHHD ngày 09/8/2017	Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học
Cấu trúc	Gồm 4 phần: Kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm bao gồm 17 chuẩn đầu ra được mã hóa từ C1 đến C17	19 CĐR được cụ thể hóa bằng kí hiệu theo số thứ tự dạng PLO1 đến PLO19
Nội dung CĐR về kiến thức, kỹ năng	Các CĐR được chia thành kiến thức chung và kiến thức chuyên môn; Kỹ năng chung và kỹ năng chuyên môn.	Các CĐR phân kiến thức được chia thành kiến thức chung và kiến thức chuyên môn với nội dung cụ thể, phù hợp, tương ứng với các học phần đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành. Các CĐR phân kỹ năng được chia thành Kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ.
Hình thức	Rõ ràng	Rõ ràng, khoa học hơn.

Việc rà soát, điều chỉnh CĐR và nâng cao chất lượng CTĐT ngành TCNH luôn nằm trong kế hoạch và nhiệm vụ của Khoa KT-QTKD được thực hiện 2 năm 1 lần. CĐR được công bố công khai trên website của Khoa và Nhà trường giúp cho người học, giảng viên, nhà

tuyển dụng và xã hội dễ dàng tiếp cận [H1.01.02.07].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành TCNH được xây dựng trên cơ sở các quy định hiện hành, có sự tham gia của các bên liên quan. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR của chương trình đào tạo được xuất phát từ thực tiễn nhu cầu lao động và việc làm, dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, gắn với vị trí làm việc của người lao động với sự tham gia của các doanh nghiệp.

Chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát và công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Nội dung cụ thể của CĐR được phản ánh trong Bản mô tả chương trình và trong từng học phần cụ thể của chương trình đào tạo và được chỉnh sửa hàng năm; được công bố công khai cho học viên ngay từ năm thứ nhất, và được cụ thể trong từng năm học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan để góp ý, xây dựng, chỉnh sửa CĐR trước khi ban hành chưa được đồng bộ, số lượng ý kiến phản hồi chưa cao so với số phiếu thăm dò ý kiến đã gửi. Chưa đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 1.6: Kế hoạch hành động (tiêu chí 1.3)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Đa dạng hoá đối tượng lấy ý kiến khảo sát trong xây dựng mục tiêu CTĐT để điều chỉnh và cập nhật phù hợp với thực tế xã hội.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch rà soát cập nhật, điều chỉnh CĐR thường xuyên hơn đáp ứng với những thay đổi về xu hướng, chính sách và nhu cầu đào tạo được điều chỉnh trong Mục tiêu. Công bố CĐR công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 1

CTĐT ngành TCNH đã thể hiện mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng người học đạt được khi tốt nghiệp. Mục tiêu và CĐR được xây dựng khoa học đã phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học đáp ứng được yêu cầu xã hội. CĐR của CTĐT ngành TCNH được định kỳ rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung có sự tham gia của các bên liên quan, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau tới người học và các bên liên quan.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTDH ngành TCNH tự đánh giá tiêu chuẩn 1 đạt 3/3 tiêu chí và đạt trung bình 5,3 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH được xây dựng theo đúng quy định trong các văn bản pháp quy và dựa trên mục tiêu, CDR, yêu cầu của thực tiễn trong nền kinh tế hội nhập, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Đây là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT của ngành TCNH tới người học, nhà tuyển dụng. Trên cơ sở CTĐT, bản mô tả CTĐT ngành TCNH, nhà trường đã tổ chức xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết các học phần đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH có đầy đủ thông tin cần thiết cho người sử dụng và liên tục được cập nhật. Cấu trúc bản mô tả CTĐT rõ ràng, tuân thủ theo quy định của Trường ĐHHĐ [H1.01.01.11] [H1.01.02.04]. Bản mô tả CTĐT được cập nhật theo đúng hướng dẫn chung của nhà trường [H1.02.01.01] và sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học [H1.02.01.02]; [H1.02.01.03].

Bản mô tả CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết về nội dung của CTĐT. Cụ thể: [H1.01.01.06]

- Tên gọi của văn bản: Cử nhân

- Ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng

- Hệ, bậc đào tạo: Đại học/Chính quy

- Mô tả chương trình đào tạo (Giới thiệu về chương trình đào tạo, thông tin chung về chương trình, mục tiêu đào tạo của chương trình, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá)

- Mô tả chương trình dạy học: Cấu trúc chương trình dạy học, Danh sách và mô tả các học phần, trình tự nội dung chương trình dạy học, ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra.

Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo TCNH của các trường đại học lớn trong nước như Học viện Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Kinh tế - ĐH Quốc Gia Hà Nội; các trường đại học nước ngoài như: Đại học RMIT, Đại học Middlesex – Vương quốc Anh, Trường Đại học Leeds – Vương quốc Anh.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật thường xuyên, liên tục: Bản mô tả CTĐT được cập nhật đầy đủ những vấn đề, thông tin mới nhất theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới. Khối kiến thức chuyên ngành và ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh nội dung thực hành, kiến tập của các kiến thức được đào tạo và các văn bản quy định hiện hành, bản mô tả CTĐT mới nhất được hoàn thiện và ban hành vào tháng 8/2021 [H1.01.01.06]. Cụ thể các nội dung cập nhật của bản mô tả CTĐT như sau:

Năm 2017: Bản mô tả CTĐT ngành TCNH lần đầu tiên được xây dựng cùng với chương trình đào tạo năm 2017. CTĐT năm 2017 được điều chỉnh theo hướng chuẩn hóa năng lực kiến thức và kỹ năng cho người học. Nội dung thông tin chung về CTĐT giới thiệu khá sơ sài. Mục tiêu đào tạo được chi tiết thành 2 mục tiêu là mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, trong đó: mục tiêu cụ thể được chi tiết thành các mục tiêu về kiến thức, về kỹ năng (bao gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm), về thái độ, về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm. CDR của ngành TCNH cũng được điều chỉnh về nội dung và hình thức. Các nội dung chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm được chi tiết, cụ thể hơn. Nội dung về ma trận hồ sơ năng lực lần đầu tiên được xây dựng bao gồm: Các

năng lực mà người học cần đạt được, tương ứng với các năng lực đó là sự đáp ứng của các học phần trong CTĐT; tiếp đó trong bản mô tả CTĐT ngành TCNH năm 2017 cũng đưa ra bảng "Năng lực đạt được của người học sau khi học xong học phần" góp phần xác định rõ vị trí, vai trò của các học phần trong việc hình thành, phát triển năng lực của người học.

Năm 2019, Nhà trường không điều chỉnh CTĐT mà chỉ biên soạn lại Bản mô tả CTĐT theo hướng kế thừa các nội dung của Bản mô tả ban hành năm 2017. Nội dung giới thiệu về CTĐT bao gồm các tóm lược về các mốc ban hành CTĐT, các nội dung cơ bản của CTĐT được bổ sung so với bản năm 2017. Phần nội dung thông tin chung về chương trình được chi tiết hơn đặc biệt là các nội dung về điều kiện tốt nghiệp, vị trí việc làm. Về mục tiêu đào tạo của chương trình đã có sự thay đổi đánh kể so với bản mô tả năm 2017. Mục tiêu chung được điều chỉnh theo hướng chỉ rõ cơ hội nghề nghiệp cũng như khả năng tiếp tục học tập, nâng cao trình độ của sinh viên chuyên ngành TCNH và nội dung mục tiêu cụ thể được mã hoá theo các mã M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7. Chuẩn đầu ra của CTĐT cũng được mã hoá thành các chuẩn từ C1 đến C17. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT lần đầu tiên được giới thiệu trong bản mô tả CTĐT năm 2019. Các nội dung còn lại của bản mô tả CTĐT năm 2019 về cơ bản giữ nguyên so với năm 2017.

Năm 2021: Nhà trường tiến hành điều chỉnh CTĐT từ 121 TC lên 124 TC, vì thế bản mô tả CTĐT cũng được cập nhật, thay đổi theo. Về cơ bản, hình thức và cấu trúc bản mô tả CTĐT năm 2021 được giữ nguyên như bản mô tả CTĐT năm 2019. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT năm 2021 có một số điểm khác biệt như: Phần giới thiệu về CTĐT được cập nhật, mô tả cụ thể, chi tiết hơn; Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, bao quát hơn và được mã hóa lại theo các mã từ PO1 đến PO8; Chuẩn đầu ra của CTĐT cũng được viết lại cho phù hợp hơn với mục tiêu đào tạo và cụ thể hơn. CDR năm 2021 cũng được mã hóa lại thành các mã từ PLO1 đến PLO19. Các bảng ma trận thể hiện mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và CDR; Mức độ đáp ứng CDR của các học phần cũng được hiệu chỉnh lại cho phù hợp.

Ngoài các thông tin chung về CTĐT, Bản mô tả của CTĐT năm 2021 có đề cập lịch trình dạy và học của chương trình đào tạo, gồm có: phương pháp dạy và học được áp dụng trong chương trình, đặc biệt là phương pháp xử lý và giải quyết tình huống; các phương pháp giảng dạy tích cực nhằm giúp sinh viên tiếp cận gần hơn với thực tiễn và phát triển các kỹ năng bổ trợ, các hoạt động và phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với từng học phần trong chương trình. Những thông tin tổng hợp này giúp sinh viên hình dung được các hoạt động học tập của mình trong 4 năm đào tạo để lên kế hoạch học tập và có sự chuẩn bị cần thiết để việc học tập đạt hiệu quả cao nhất. Ngoài ra, Bản mô tả CTĐT cũng đề cập tới kế hoạch giảng dạy của toàn khóa, trong đó chỉ ra mỗi học kỳ (từ học kỳ I đến học kỳ VIII) sinh viên được dự kiến học tập những học phần nào. Khung chương trình cũng cho biết các học phần tiên quyết của mỗi khối kiến thức. Tất cả những thông tin trên sẽ giúp người học hình dung khái quát về lộ trình học tập trong 4 năm nhằm xây dựng kế hoạch học tập để hoàn thành CTĐT.

Ma trận chỉ dẫn tích lũy kiến thức, kỹ năng của các học phần cũng được đề cập đến trong bản mô tả CTĐT, trong đó chỉ rõ mỗi học phần sẽ giúp sinh viên hình thành những năng lực cần thiết như đã tuyên bố trong CDR; tổng hợp ma trận CDR các nhóm học phần đóng góp vào việc hình thành CDR của CTĐT.

Bên cạnh đó, bản mô tả CTĐT cũng cung cấp thang điểm, trọng số các con điểm cho sinh viên. Sinh viên có thể biết được cách đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, kỹ

năng của mình, từ đó xây dựng kế hoạch cho giai đoạn còn lại để tại thời điểm tốt nghiệp đạt được năng lực như kỳ vọng.

Trong suốt quá trình giảng dạy, để đảm bảo người học đạt được các yêu cầu về chuẩn kiến thức và kỹ năng, CTĐT luôn có sự điều chỉnh cập nhật, bổ sung học phần mới, các học phần tự chọn... với các yêu cầu được chi tiết hóa trong đề cương học phần; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra - đánh giá,... để giúp sinh viên phát triển toàn diện hơn các kiến thức và kỹ năng như CDR đã tuyên bố, đồng thời đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng.

Việc xây dựng, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT có sự tham gia của các bên liên quan đảm bảo đủ thông tin, cập nhật và được công bố kịp thời trên hệ thống website của Khoa và Nhà trường. Trước khi trình Hiệu trưởng ký ban hành, Khoa và bộ môn chuyên ngành đã tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, CB, GV tham gia giảng dạy và người học đang theo học CTĐT ngành TCN để chỉnh sửa, hoàn thiện bản mô tả CTĐT, [H1.01.01.13].

Kết quả lấy ý kiến đội ngũ giảng viên trực tiếp giảng dạy CTĐT ngành TCNH trong năm 2017, 2019, 2021 cho thấy trên 80% ý kiến đánh giá hài lòng về 3 nội dung thuộc bản mô tả CTĐT [H1.02.01.04]. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT và CTĐT ngành TCNH để đội ngũ giảng viên xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp cho từng học phần được phân công giảng dạy theo học kỳ; từ đó nhà quản lý xây dựng kế hoạch giám sát hoạt động dạy học của đội ngũ GV và hoạt động học tập của người học theo học CTĐT [H1.02.01.05].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT đã cung cấp đầy đủ lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học từ: Mục tiêu đào tạo, Chuẩn đầu ra; mô tả rõ vị trí, vai trò của các học phần trong việc hình thành, phát triển năng lực của người học. Bản mô tả đã xây dựng được ma trận hồ sơ năng lực, phản ánh đúng cấu trúc CTĐT theo định hướng phát triển các năng lực nghề nghiệp - đích hướng tới của quá trình đào tạo và người học.

Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới. Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo quy định của các cấp quản lý thuộc trường đại học Hồng Đức. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy – học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CDR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT chưa lấy ý kiến phản hồi từ phía cựu sinh viên nên chưa đánh giá được toàn diện mức độ phù hợp so với nhu cầu của người học.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 2.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 2.1)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục hạn chế	Xây dựng mối quan hệ với nhiều đơn vị sử dụng lao động, người học, giảng viên, chuyên gia	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
2	Phát huy	Triển khai rà soát, cập	Phòng	Năm học	

	điểm mạnh	nhật, chỉnh sửa bản mô tả CTĐT ngoài việc tham khảo ý kiến từ phía các doanh nghiệp, các chuyên gia, đội ngũ giảng viên còn tổ chức tham khảo, lấy ý kiến từ phía cựu sinh viên.	Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	2023-2024	
--	-----------	--	--------------------------------------	-----------	--

5. Tự đánh giá: 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở CTĐT, bản mô tả CTĐT ngành TC - NH đã tổ chức xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết các học phần thuộc ngành quản lý theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Trường ĐHHĐ [H2.02.01.01], [H2.02.02.01, H2.02.02.02], cụ thể: Đề cương chi tiết học phần do giảng viên xây dựng, bộ môn góp ý và nghiệm thu, khoa phê duyệt và ban hành [H1.01.01.07], [H2.02.02.03,04,05]. Chương trình đào tạo ngành TC- NH năm 2021 gồm 48 học phần (tương đương 124 tín chỉ). CTĐT có 36 học phần bắt buộc (99 tín chỉ) và 12 học phần tự chọn (tương đương 25 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ, cụ thể: Kỳ 1: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ; Kỳ 2: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 3: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ; Kỳ 4: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 5: gồm 08 học phần, 18 tín chỉ; Kỳ 6: gồm 6 học phần, 17 tín chỉ; Kỳ 7: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 8: gồm 02 học phần thay thế KLTN và thực tập TN, 11 tín chỉ. Việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của Nhà trường. Đề cương chi tiết môn học thuộc CTĐT ngành TC- NH thể hiện đầy đủ, rõ ràng các thông tin cần thiết: thông tin về giảng viên; CĐR của học phần; mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực, mức độ tự chủ và trách nhiệm của cá nhân sinh viên để đạt được CĐR của học phần; hình thức tổ chức dạy học, chính sách đối với học phần; học liệu; phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; Cụ thể, đề cương học phần được thể hiện đầy đủ các thông tin, gồm:

- Thông tin về giảng viên
- Thông tin chung về học phần: tên học phần, mã học phần, ngành/chuyên ngành đào tạo, bậc đào tạo, khoa/bộ môn phụ trách học phần, loại học phần là bắt buộc hay tự chọn, yêu cầu của mỗi học phần, phân bổ giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học.
- Nội dung học phần: gồm tóm tắt nội dung học phần, năng lực cần đạt được
- Mục tiêu học phần: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Các mục tiêu này được xây dựng bám sát theo chuẩn đầu ra của CTĐT tương ứng với từng mục tiêu học phần cần đạt được.
- Chuẩn đầu ra của học phần.
- Nội dung chi tiết học phần.
- Thông tin về GV.
- Học liệu.
- Hình thức tổ chức và dạy học.
- Chính sách đối với học phần

- Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá KQHT học phần.

- Các yêu cầu khác.

Đề cương đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của môn học, phương pháp giảng dạy/học tập để có thể đạt được các CDR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy.

Tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành TC- NH đều có đề cương chi tiết kèm theo. Đề cương chi tiết học phần được Bộ môn, Khoa thẩm định, ký ban hành và Nhà trường thực hiện đánh giá [H1.01.01.06].

Hàng năm, Khoa xây dựng kế hoạch rà soát đề cương học phần về nội dung, điều chỉnh, bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá. Đầu mỗi kỳ học (Chậm nhất trước 2 tuần) đề cương tiết học phần được các bộ môn rà soát điều chỉnh và cập nhật [H2.02.02.03]; [H2.02.02.04]; [H2.02.02.05]. Việc rà soát được thực hiện nghiêm túc theo quy định và có biên bản rà soát ĐCCTHP kèm theo [H2.02.02.06], [H2.02.02.07]. Cụ thể:

Hàng năm, theo yêu cầu của Trường về việc cập nhật nội dung chương trình cho phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật, với thực tế và sự tiến bộ của khoa học, công nghệ, các bộ môn chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức rà soát khối lượng, nội dung kiến thức các học phần theo các bước:

- Triển khai kế hoạch, nội dung rà soát với các giảng viên trong bộ môn;

- Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các học phần như các chuyên gia, giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng....

- Rà soát khối lượng, nội dung kiến thức, thái độ, kỹ năng học phần. Xây dựng đề cương chi tiết học phần;

- Đóng góp ý kiến cho đề cương;

- Chính sửa, hoàn thiện đề cương.

Các khoa tổ chức họp Hội đồng khoa học và đào tạo của Khoa để thẩm định kết quả rà soát của bộ môn theo các bước:

- Báo cáo kết quả rà soát cấp bộ môn;

- Các thành viên góp ý kiến cho kết quả rà soát của bộ môn;

- Nộp kết quả thẩm định về phòng Quản lý khoa học

Trên cơ sở kết quả thẩm định của các Khoa, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường sẽ tổ chức nghiệm thu khối lượng, nội dung kiến thức/kỹ năng, đề cương chi tiết học phần theo các chương trình đào tạo đã ban hành, gồm các bước:

- Báo cáo kết quả rà soát khối lượng, nội dung kiến thức/kỹ năng của chương trình đào tạo (theo từng chương trình đào tạo);

- Hoàn thiện Đề cương chi tiết học phần;

- Phê duyệt và ban hành Đề cương chi tiết học phần và bổ sung vào chương trình đào tạo.

Đề cương học phần đều được các giảng viên cung cấp cho SV ngay khi bắt đầu học phần. Ngoài ra, mọi sinh viên đều có thể tham khảo đề cương học phần của CTĐT ngành TC- NH hệ chính quy trên trang thông tin điện tử của Khoa. Đề cương các học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT. Tất cả các Đề cương học phần được xây dựng theo mẫu của Trường ĐHHĐ. Mục tiêu chung của học phần thể hiện bao quát mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà học phần đóng góp vào Chuẩn đầu ra. Mục

tiêu cụ thể của học phần chi tiết từng mục tiêu về kiến thức, kỹ năng thái độ cụ thể mà học phần đóng góp. Tài liệu tham khảo bao gồm Tài liệu bắt buộc và hướng dẫn gồm những tài liệu mà Thư viện của Trường có đầy đủ. Phân phân bổ thời gian giảng dạy chi tiết cho từng chương gồm (số giờ lý thuyết, thực hành), bài kiểm tra. Các đề cương học phần đều có phần Tiêu chí đánh giá về kiến thức, kỹ năng, thái độ thông qua điểm chuyên cần, bài tập, bài kiểm tra, bài thi cuối kỳ của học phần.

Các đề cương học phần đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT của các trường đại học có uy tín trên thế giới về ngành TCNH doanh nghiệp như Đại học Kinh tế Quốc Dân, Học viện Tài chính. Việc cập nhật đề cương năm 2017 là rà soát và cập nhật danh mục tài liệu tham khảo. Năm 2019, 2021 là rà soát mục tiêu học phần phù hợp với mục tiêu chuẩn đầu ra của chương trình, các chương của học phần gắn với mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra học phần.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết học phần đào tạo theo hệ thống tín chỉ; 100% đề cương chi tiết học phần được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường, được bộ môn chuyên môn thẩm định, Khoa phê duyệt và công bố công khai cho người học và các đối tượng liên quan.

Đề cương chi tiết thuộc CTĐT ngành TC- NH bám sát mục tiêu, nội dung CTĐT và liên tục cập nhật. Trong quá trình biên soạn, cập nhật đề cương đã có sự tham gia của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Toàn bộ đề cương chi tiết học phần thuộc Bộ môn, Khoa quản lý được rà soát, cập nhật, điều chỉnh hàng năm nhưng chưa được làm rõ, cụ thể hóa những nội dung cập nhật, điều chỉnh bằng văn bản.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 2.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 2.2)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục hạn chế	Bộ môn, Khoa sẽ có báo cáo cụ thể, làm rõ, những nội dung cập nhật, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần hàng năm khi có thay đổi.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Các nội dung cập nhật, điều chỉnh cương chi tiết học phần sẽ được cụ thể hóa trong biên bản các cuộc họp chuyên môn và công bố rộng rãi đến người học, giảng viên, và các bên liên quan khác	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành TC-NH được thực hiện và ban hành lần đầu năm 2017, chỉnh sửa, bổ sung vào năm 2019, 2021 được thẩm định và ban hành kèm theo CTĐT [H1.01.01.06].

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần thuộc CTĐT được nghiệm thu, thẩm định bởi hội đồng cấp Trường và cấp Khoa cho ý kiến [H1.01.01.15].

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần trong chương trình cử nhân TC - NH được ban hành và công khai trên website của Nhà trường, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sinh viên chủ động lập kế hoạch học tập. Đồng thời, đề cương chi tiết các học phần được công bố cho người học thông qua giảng viên cung cấp trong tuần thứ nhất của lịch trình giảng dạy môn học theo quy định của Nhà trường, công khai trong các buổi tư vấn tuyển sinh; giới thiệu cho sinh viên khóa mới trong tuần giáo dục chính trị đầu khóa [H1.01.01.16]; báo cáo tổng kết công tác đào tạo [H2.02.03.01]; những điều chỉnh đều được cập nhật trên website của Nhà trường và của Khoa [H1.01.01.17]. Ngoài ra, qua việc công khai CTĐT và Đề cương các học phần giúp các bên liên quan nắm bắt được các thông tin về chương trình đào tạo và kiến thức truyền tải của các học phần trong chương trình đào tạo [H1.01.01.17].

Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến của các bên có liên quan đặc biệt là đối với người học đang theo học. Ngay từ khi tham gia tuần giáo dục công dân đầu khóa học, Sinh viên đã được hướng dẫn khai thác các dữ liệu trên trang web có liên quan đến CTĐT, CĐR, bản mô tả CTĐT. Sinh viên được giới thiệu đề cương chi tiết học phần trong tiết học đầu tiên do giảng viên bộ môn giảng dạy, trên website của Khoa [H1.01.01.16.17], [H2.02.03.01]. Tổng hợp các ý kiến của bên có liên quan (người học, giảng viên, nhà tuyển dụng) đều thống nhất cho rằng, Khoa đã áp dụng nhiều hình thức công bố bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần như phổ biến tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, các hướng dẫn trong niên lịch đào tạo, trên trang web của Khoa, được cung cấp bởi giảng viên trực tiếp giảng dạy. Khoa, bộ môn xây dựng kế hoạch tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về sự thuận lợi dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT, đề cương học phần [H2.02.03.02]. Theo ý kiến của người học, Đề cương học phần rõ ràng, dễ hiểu và dễ sử dụng, cách xây dựng khoa học, chi tiết, các mục cụ thể của từng chương đã nêu được cách thức đánh giá và mục tiêu đạt được. Tuy nhiên theo ý kiến của nhà tuyển dụng và các sinh viên đang học sẽ là tốt hơn nếu khoa có bản mô tả tóm tắt CTĐT ngành TC- NH bằng tiếng Anh và được công bố kịp thời trên hệ thống website của Khoa [H2.02.01.04].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được cung cấp cho người học và các bên liên quan đầy đủ, giúp cho người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho giảng viên phụ trách học phần trong CTĐT hiểu rõ kiến thức người học cần nắm được sau khi kết thúc học phần; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng của người học khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Chưa thật sự cập nhật và đa dạng hoá các kênh thông tin, công khai về đề cương chi tiết môn học (mới chỉ qua kênh website của Khoa và giảng viên giảng dạy).

4. Kế hoạch hành động

Bảng 2.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 2.3)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục hạn chế	Đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông. (website của Nhà trường) cập nhật sự thay đổi của bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa và Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động công khai, trong đó có công khai về CTĐT, bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết môn học trên nhiều kênh khác nhau nhằm phục vụ tốt hơn cho quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin, nghiên cứu, làm việc và học tập của sinh viên, giảng viên và các nhà quản lý.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Khoa đã xác định bản mô tả CTĐT là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, do vậy Khoa KT-QTKD đã chủ động xây dựng bản mô tả CTĐT ngành TC- NH một cách khoa học. CTĐT ngành TC- NH có mục tiêu rõ ràng, cung cấp đầy đủ kiến thức chuyên môn, tay nghề nghiệp vụ cơ bản cho người học, phần kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành có nhiều học phần tự chọn dễ dàng điều chỉnh hoặc cập nhật, giúp người học lựa chọn phù hợp với sở thích và nhu cầu thị trường.

Nội dung bản mô tả CTĐT và đề cương học phần có đầy đủ thông tin được cập nhật và công bố công khai cho các bên liên quan nắm được và dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên đề cương chi tiết học phần chưa thường xuyên cập nhật trên Website của nhà trường, đồng thời việc xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan đến việc điều chỉnh bản mô tả chưa được nhiều.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TC- NH tiêu chuẩn 2 đạt 3/3 tiêu chí và bình quân tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học ngành TC- NH được cấu trúc hợp lý và hệ thống, được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát chuẩn đầu ra, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT, có sự đóng góp rõ ràng cho chuẩn đầu ra. Chương trình đào tạo ngành TCNH được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học của cử nhân TCNH thể hiện được sự phù hợp với mục tiêu

sứ mệnh đào tạo của trường ĐHHĐ là theo định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, phục vụ quá trình phát triển thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa, của đất nước, chủ động hội nhập với các trường đại học trong và ngoài khu vực. CTDH của cử nhân TCNH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm được thể hiện ở "Bảng ma trận năng lực người học đạt được sau khi kết thúc CTĐT đáp ứng CĐR trong bản mô tả CTĐT" các năm [H1.01.02.01], [H1.01.01.08]. CTĐT được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của GV trong bộ môn, Hội đồng Khoa, phản hồi của các bên liên quan để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR [H1.01.02.05], [H1.01.01.06]; CTDH được xây dựng và thiết kế theo CĐR của CTĐT đã được công bố theo hướng dẫn của Nhà trường.

Chương trình dạy học hàng năm được điều chỉnh phù hợp chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra CTĐT các năm 2017, 2019, 2021 [H1.01.01.05]. Việc thiết kế CTDH hợp lý đáp ứng các CĐR về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm thông qua kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực, trình tự và tiến độ trong CTDH: từ lịch trình giảng dạy các học phần theo hướng tiếp cận các khối kiến thức mang tính thống nhất thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H3.03.01.01]; Các môn học có đóng góp rõ ràng trong chuẩn đầu ra thể hiện trong ma trận kỹ năng và bản mô tả chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo [H1.01.01.08]; [H1.01.02.01] và thiết kế các hoạt động của GV và SV theo yêu cầu của CĐR giúp người dạy và người học chủ động và trách nhiệm trong thực hiện vai trò của mình thể hiện trong hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.01.02]. Thiết kế các hoạt động của GV và HV theo yêu cầu của CĐR giúp người dạy và người học chủ động và trách nhiệm trong thực hiện vai trò của mình; Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần, với thông tin về mục tiêu và chuẩn năng lực; nội dung học phần; phương pháp và hình thức dạy học; học liệu; phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể [H1.01.01.07].

CTDH theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học đã tập trung vào việc mô tả chất lượng đầu ra, quy định những kết quả đầu ra mong muốn của quá trình đào tạo [H1.01.01.05] [H1.01.01.06] [H1.01.02.01] [H3.03.01.04]. Khoa và bộ môn TCNH đã chú trọng tới tính logic của các học phần trong chương trình dạy học, nhằm đảm bảo cho người học tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức chuyên ngành hẹp. Chương trình dạy học được thiết kế khoa học, logic, tương ứng với CĐR, phù hợp với tiến trình dạy học, bắt đầu từ các học phần khối kiến thức giáo dục đại cương (Các học phần Kinh tế chính trị, Phát luật đại cương, GDTC...), tiếp đến là khối kiến thức cơ sở ngành (Các học phần Nguyên lý thống kê, Nguyên lý kế toán, Thống kê doanh nghiệp...) và kiến thức chuyên ngành. [H1.01.02.01]; [H1.01.01.06]

Ngoài ra, CTDH cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bố giữa số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp, giờ dạy lý thuyết tích hợp với các hoạt động thảo luận, thực hành, thực tế và các giờ bài tập được thể hiện ở lịch trình dạy học trong CTĐT và đề cương chi tiết học phần. [H1.01.01.07]

Chương trình đã được điều chỉnh theo hướng giảm số giờ lý thuyết, tăng cường thực hành nghiệp vụ, tăng kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tăng cường tính chủ động, sáng tạo và các khả năng nghề nghiệp cho người học phù hợp với CĐR đã công bố [H1.01.01.08], [H1.01.02.01]. Các phương pháp dạy và học đa dạng từ lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập nhằm giúp sinh viên đạt được kiến thức, kỹ năng theo CĐR đã

công bố [H3.03.01.02]. Bên cạnh đó, CTDH thiết kế dựa trên CĐR còn được thể hiện rõ nét ở một số các học phần bố trí thời lượng nhất định cho SV thực hành ở phòng ngân hàng thực hành, một số hoạt động ngoại khóa, hội thi rèn nghề do các đơn vị tổ chức giúp SV có được kiến thức, nghiệp vụ thực tế phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu ở các học kỳ tiếp theo [H3.03.01.03]. Từ đó, SV được rèn luyện kỹ năng tìm hiểu thông tin, tra dồi kiến thức, nghiệp vụ cũng như các vấn đề chuyên môn về lĩnh vực TCNH khi thực hiện các nghiệp vụ tại Phòng ngân hàng thực hành. Việc tham gia các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi tìm hiểu nghiệp vụ, thực tập sinh tại các đơn vị tổ chức là các hoạt động thiết thực nhằm tăng cường hợp tác giữa nhà trường và các tổ chức tài chính trung gian, doanh nghiệp nhằm mở rộng các hoạt động, nội dung hợp tác, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường đáp ứng chuẩn đầu ra.

Việc đánh giá người học được thực hiện bằng nhiều phương pháp nhằm đạt được CĐR của CTĐT. Các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ, bài tập nhóm, thi kết thúc học phần đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của người học qua từng phần [H3.03.01.04]. Đồng thời, thông qua đánh giá các bài tập lớn đối với các sinh viên đủ điều kiện [H3.03.01.05], các giờ thảo luận, làm việc nhóm và thuyết trình khuyến khích người học phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, có tư duy phản biện và tăng khả năng thích ứng với hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp, phù hợp với góp phần tạo cơ hội cho người học đạt được CĐR.

2. Điểm mạnh

CTDH của cử nhân TCNH được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT theo định hướng ứng dụng có các nhiều hoạt động kết nối, hỗ trợ của các chuyên gia, các ngân hàng giúp thực hiện tốt và bám sát thực tiễn các chuẩn đầu ra đã công bố.

3. Điểm tồn tại

Các kỹ năng mềm chưa được mô tả thực sự rõ trong CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 3.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 3.1)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Điều chỉnh, rà soát và hoàn thiện chương trình dạy học theo hướng mô tả rõ nét, cụ thể các kỹ năng mềm	CB GV giảng dạy	Năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Mời các chuyên gia, các nhà khoa học tham gia chia sẻ	Khoa KT-QTKD	Năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các học phần trong CTĐT ngành TCNH đều có đề cương chi tiết [H1.01.01.07]. Các đề cương này được xây dựng theo quy định của Nhà trường [H2.02.02.01], [H2.02.02.02] do các nhóm giảng viên, chuyên môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với CĐR của CTĐT và phương thức đào tạo tín chỉ [H1.01.01.11]. Khoa KT-QTKD xây dựng CTĐT ngành TCNH với các

khối kiến thức theo trình tự cơ bản, cơ sở đến chuyên sâu, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H3.03.01.01c]. Điều này thể hiện sự đóng góp của học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng, cụ thể những nội dung cần đạt được khi kết thúc học phần trên các mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực đạt được của người học [H1.01.01.08]. Đây là những điểm có thể định lượng và đo lường được.

Cụ thể, đề cương học phần được thể hiện đầy đủ các thông tin, gồm:

- Thông tin về giảng viên
- Thông tin chung về học phần: tên học phần, mã học phần, ngành/chuyên ngành đào tạo, bậc đào tạo, khoa/bộ môn phụ trách học phần, loại học phần là bắt buộc hay tự chọn, yêu cầu của mỗi học phần, phân bố giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học.
- Nội dung học phần: gồm tóm tắt nội dung học phần, năng lực cần đạt được
- Mục tiêu học phần: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Các mục tiêu này được xây dựng bám sát theo chuẩn đầu ra của CTĐT tương ứng với từng mục tiêu học phần cần đạt được.
- Chuẩn đầu ra của học phần.
- Nội dung chi tiết học phần.
- Thông tin về GV.
- Học liệu.
- Hình thức tổ chức và dạy học.
- Chính sách đối với học phần
- Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá KQHT học phần.
- Các yêu cầu khác.

Đề cương đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của môn học, phương pháp giảng dạy/học tập để có thể đạt được các CĐR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Các học phần đều thể hiện rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy được sử dụng đó là các phương pháp Thuyết trình (lecturing), phương pháp Xêmina, phương pháp Thảo luận nhóm, phương pháp Nghiên cứu tình huống, mức độ chuyên cần, bài thi giữa học phần, bài tập lớn, bài thi kết thúc học phần [H1.01.01.07]; Các phương pháp dạy học và KTĐG đa dạng, linh hoạt, hỗ trợ nhau trong việc đáp ứng CĐR của CTDH trên cơ sở đánh giá việc sinh viên hiểu, vận dụng được kiến thức, đánh giá kỹ năng và thái độ học tập trong cả quá trình. Các phương pháp đánh giá được thiết kế dựa vào CĐR của CTĐT Hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá được lập kế hoạch và thiết kế CĐR của CTĐT yêu cầu người học cần có các mức độ kiến thức và kỹ năng cần thiết đáp ứng từng phần trong nội dung CĐR [H3.03.01.02], [H3.03.01.04]. Tất cả ĐCCTHP đều thể hiện việc áp dụng phương pháp giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên theo phương pháp tích cực nhằm đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm với thiết kế tỷ lệ phần trăm số tiết lý thuyết và số tiết thực hành thảo luận, tự học [H3.03.02.01].

Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng được thể hiện trong Bản mô tả CTĐT, cụ thể là trong "Bảng ma trận năng lực người học đạt được sau khi kết thúc CTĐT đáp ứng CĐR các năm 2017, 2019, 2021".[H1.01.01.08]. Mỗi một học phần đều đáp ứng được một hoặc một số CĐR tương ứng với kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ độ của CĐR trong CTĐT.

Trong quá trình dạy học thực tiễn, giảng viên chú trọng cho sinh viên cách thức

rèn luyện và tự học thông qua bài tập cá nhân, thảo luận nhóm để có thể tự tìm ra và nắm bắt kiến thức mới. Nội dung của phần tự học và thảo luận nhóm được thể hiện rõ ràng với thời lượng cụ thể trong ĐCCT học phần. Các chương trình thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp đều có kế hoạch và trong kế hoạch thể hiện rõ mục đích, yêu cầu cần đạt được sau khi thực hiện các chương trình đó. Mục tiêu của các chương trình thực tế này mô tả đảm bảo bám sát CDR của chương trình đào tạo. Để triển khai thực hiện đạt được mục tiêu đề ra, các kế hoạch đều chỉ rõ những mốc thời gian, yêu cầu công việc, trách nhiệm cụ thể của giáo viên, sinh viên, phòng thực hành, thực tập và các bộ phận quản lý có liên quan cũng như các yêu cầu về báo cáo thực tập và đánh giá kết quả, [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

Khi hoàn thành CTĐT, người học sẽ đáp ứng CDR về khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức ngành, chuyên ngành và thực tập, thực tế, có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống và sức khỏe tốt. Có đầy đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng cần thiết về kinh tế và tài chính – ngân hàng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, hiệu quả nhằm giải quyết những vấn đề trong kinh tế nói chung và tài chính – ngân hàng nói riêng; có trình độ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học và đơn vị tuyển dụng [H1.01.02.01].

Sinh viên tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để tiếp tục học tập, bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp và chuyên môn ở trình độ cao hơn, đáp ứng với yêu cầu của xã hội. 100% các học phần trong CTĐT có sự tương thích về nội dung để đảm bảo CDR; 100% các học phần trong CTĐT xác định phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp để đạt CDR. Kết quả khảo sát thông phương pháp lấy ý kiến trực tiếp về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng cũng được phản hồi khá tốt [H1.01.01.13].

2. Điểm mạnh

Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu, CDR của từng học phần và có sự gắn kết với các học phần trong các khối kiến thức khác nhằm đảm bảo quá trình dạy – học và đánh giá đạt được CDR của toàn CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là chưa đồng đều, có học phần đóng góp nhiều, còn có những học phần cùng thời lượng nhưng đóng góp hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 3.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 3.2)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Điều chỉnh, rà soát học phần trong việc đạt được chuẩn có học phần đóng góp nhiều sẽ tăng thời lượng phù hợp	CB GV giảng dạy	Năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	- Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu, CDR của từng học phần	Khoa KT-QTKD	Năm học 2023-2024	

		- Hoạt động giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá đáp ứng được CĐR của toàn CTĐT.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành TCNH có cấu trúc trình tự logic, các học phần được cấu trúc bảo đảm sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và ngành, bảo đảm chương trình trở thành khối kiến thức thống nhất [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H3.03.01.01].

CTDH được thiết kế dựa trên cơ sở CĐR của ngành với mục tiêu phát huy năng lực người học nên tăng thời lượng thực hành, giúp người học có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cũng như các kỹ năng cần thiết đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng. Bằng việc thiết kế các học phần bắt buộc và tự chọn trong CTDH giúp cho người học có kiến thức cơ bản, nền tảng bắt buộc của ngành học đồng thời có thể lựa chọn các học phần phù hợp với năng lực, sở trường của bản thân cụ thể tỷ lệ các học phần tự chọn khối kiến thức giáo dục đại cương là 2/14 học phần (tương đương 4/41 TC), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là: 10/34 học phần (tương đương 21/83 TC) [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H3.03.01.01].

Để đảm bảo sự cân đối giữa khối kiến thức và kỹ năng để hướng tới đạt CĐR, các học phần được sắp xếp logic, từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở, kiến thức ngành, chuyên ngành, thực hành, thực tế và được bố trí giảng dạy trong 4 năm [H3.03.01.01].

Các học phần được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu; Mọi liên hệ giữa các học phần thuộc kiến thức đại cương, cơ sở ngành và kiến thức ngành trong nhóm học phần bắt buộc và nhóm học phần tự chọn được xây dựng một cách hợp lý.

Các học phần trong chương trình dạy học 100% được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện...). Việc xác định học phần điều kiện, học phần tiên quyết, học phần học trước đóng vai trò hết sức quan trọng đối với các CTDH nói chung và đối với ngành TCNH nói riêng. Học phần tiên quyết, học phần học trước vừa đảm bảo cung cấp kiến thức nền tảng chung cho cả CTDH đồng thời vừa đảm bảo cung cấp kiến thức cho môn học tiếp theo (tính kế thừa giữa các môn học). Kiến thức chuyên sâu ngành chính luôn được bố trí học sau kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chung của ngành (ví dụ: Các học phần như Thuế, Tài chính công, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, Thị trường chứng khoán, TCNH ngân hàng... được bố trí học sau các học phần Tài chính tiền tệ, Quản trị tài chính doanh nghiệp 1...). Việc bố trí các học phần trong CTDH đảm bảo điều kiện tiên quyết các học phần, điều kiện tiên quyết đóng vai trò hết sức quan trọng nhằm đảm bảo cung cấp kiến thức nền tảng chung cho cả CTDH, đồng thời vừa đảm bảo cung cấp kiến thức cho môn học tiếp theo (tính kế thừa giữa các môn học) giúp cho người học dễ dàng tiếp cận các kiến thức chuyên sâu chuyên ngành.

Trong thiết kế chương trình học bố trí thời gian hợp lý các môn học để người học

có thời gian học tập trên giảng đường và thời gian thực tế, thực tập, tổng hợp, nghiên cứu. [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H3.03.01.01].

Chương trình đào tạo ngành TCNH đảm bảo sự gắn kết liền mạch giữa các học phần tạo kiến thức lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn TCNH với các môn học tạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề và Khóa luận tốt nghiệp giúp người học tổng hợp, vận dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên môn, kinh tế xã hội tạo thành một sản phẩm khoa học cuối khóa mang tính hệ thống, sáng tạo giúp sinh viên có khả năng tư duy, tổng hợp. Cơ cấu kiến thức của CTDH 124 tín chỉ được cụ thể hóa ở chương trình đào tạo năm 2021 [H1.01.01.05].

Bên cạnh đó, nội dung các học phần tích hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm giúp người học có điều kiện củng cố lý thuyết và hình thành kỹ năng thực hành, rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đặc biệt ở các học phần thực hành như học phần TCNH ngân hàng, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại sinh viên có cơ hội được áp dụng các kiến thức thực tế, lý thuyết về TCNH ở các ngân hàng, vận dụng các kiến thức chuyên môn để giải quyết các tình huống cụ thể trong công tác TCNH tại các ngân hàng [H3.03.01.03].

Học phần thực tập tốt nghiệp (5TC) và khóa luận tốt nghiệp (6TC). Sinh viên sẽ tham gia thực tập nghề nghiệp rồi viết khóa luận tốt nghiệp. Qua đó, sinh viên sẽ có cơ hội được học lý thuyết và triển khai nghiên cứu thực tế, được thực tập với nhiều nội dung khác nhau, tại các cơ sở như các ngân hàng, các doanh nghiệp, ... [H3.03.02.03].

CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. Các quy định, hướng dẫn việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học của Trường, Khoa được thường xuyên rà soát, đánh giá [H1.01.01.11]. Để rà soát và hoàn thiện CTDH theo chuẩn đầu ra, khoa KT - QTKD đã xây dựng kế hoạch cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo [H1.01.01.12], [H1.01.01.13]; Khoa cũng đã lấy thêm ý kiến đóng góp của giảng viên và chuyên gia, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. [H1.01.01.13]; Nhìn chung kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội. Đó là sự phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường. Đồng thời, sinh viên ngành TCNH được các nhà tuyển dụng đánh giá cao về chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp [H1.01.01.04].

Năm 2008: Theo chỉ đạo của Nhà trường, Khoa thực hiện chuyển đổi CTDH từ hình thức đào tạo theo Niên chế sang đào tạo theo Tín chỉ.

Năm 2016: Xây dựng CTDH theo hướng phát huy năng lực người học, chuyển đổi CTDH theo hướng tinh giản, giảm tải một số học phần nhằm đáp ứng hơn với thực tiễn. CTDH được giảm từ 130 tín chỉ xuống còn 126 tín chỉ [H1.01.01.05]; [H1.01.01.11].

Năm 2017: Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ ban hành Khung chương trình theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo Đại học định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học theo QĐ số 1270/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/8/2017, theo đó, khối ngành đào tạo TCNH có tổng số tín chỉ: 120 TC. Khoa, bộ môn đã kế thừa CTDH ban hành năm 2016 và tham khảo Dự thảo chuẩn chương trình đối với trình độ giáo dục đại học để điều chỉnh CTDH, nội dung học phần phù hợp, giảm số tín chỉ từ 126 tín chỉ xuống còn 120 tín chỉ [H1.01.01.05]; [H1.01.01.11].

Năm 2019: Thực hiện công văn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị, ĐHHĐ đã ban hành Quyết định số 1285/QĐ-ĐHHĐ ngày 16/08/2019 về

việc điều chỉnh các học phần thuộc bộ chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy. Theo đó, chương trình được cập nhật tăng số tín chỉ học phần khối kiến thức LLCT dẫn đến CTDH tăng từ 120 TC lên 121 TC [H1.01.01.06]; [H1.01.01.11]; [H1.01.01.13].

Năm 2021: Thực hiện công văn số 29/ĐHHD-QLĐT ngày 24/2/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức về việc cập nhật CTĐT, mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần, chương trình được cập nhật tăng số tín chỉ học phần khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp nên CTDH tăng từ 121 TC lên 124 TC [H1.01.01.06]; [H1.01.01.11]; [H1.01.01.13].

Chương trình đào tạo ngành Đại học TCNH gồm 48 học phần (tương đương 124 tín chỉ). CTĐT có 36 học phần bắt buộc (99 tín chỉ) và 12 học phần tự chọn (tương đương 25 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ, cụ thể: Kỳ 1: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ; Kỳ 2: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 3: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ; Kỳ 4: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 5: gồm 08 học phần, 18 tín chỉ; Kỳ 6: gồm 6 học phần, 17 tín chỉ; Kỳ 7: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 8: gồm 02 học phần thay thế KLTN và thực tập TN, 11 tín chỉ.

Trong quá trình thực hiện CTDH Khoa và Nhà trường đã tổ chức rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH, điều chỉnh trên cơ sở ý kiến đánh giá của người học trong quá trình học và sau khi tốt nghiệp về chất lượng CTDH, ý kiến của cán bộ giảng dạy, chuyên gia, của Hội đồng Khoa KT-QTKD trong cuộc họp nghiệm thu CTDH. Thông qua kết quả điều tra người sử dụng lao động, phỏng vấn chuyên gia và các bên liên quan có thể thấy rằng: Nội dung chương trình dạy học được xây dựng khá công phu và khoa học, các môn học chuyên ngành và các môn học kỹ năng bổ trợ được bố trí và phân bổ hợp lý. Từ ý kiến của các nhà khoa học và các đơn vị sử dụng lao động về sự cần thiết về ngoại ngữ và tin học đối với sinh viên tốt nghiệp ra trường đối với công việc thực tế, đồng thời sinh viên phải có kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức công nghệ và giải quyết vấn đề, CTDH ngành TCNH đã xây dựng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, đồng thời Nhà trường và Khoa cũng tăng cường sự liên kết với doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp trong quá trình đào tạo. Sau khi kết thúc thời gian giảng dạy, khoa tiến hành lấy phiếu đánh giá về các nội dung của từng học phần như nội dung kiến thức, kỹ năng giảng dạy của giảng viên, khả năng truyền đạt kiến thức đến người học cũng như những điểm cần lưu ý để hoàn thiện tốt hơn cho việc giảng dạy của từng giảng viên từ đó các giảng viên hoàn thiện hơn về chất lượng giảng dạy, khoa và nhà trường có cơ sở để đánh giá và hoàn thiện hơn nữa về chương trình đào tạo.

Theo kết quả khảo sát với doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp, giảng viên và các nhà quản lý giáo dục, các chuyên gia đều đánh giá tốt về CTDH ngành TCNH. Đa số người học, cựu người học, chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục đều đồng ý với mức độ phù hợp của CDR với kiến thức, kỹ năng của CTDH, trách nhiệm và mức độ tự chủ, đồng ý với mức độ hợp lý của CTDH. Điều này cho thấy CTDH ngành TCNH đã đáp ứng được nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã thực hiện công khai CTDH và bản mô tả các học phần trên trang thông tin điện tử của Khoa KT - QTKD và trang thông tin điện tử của Trường ĐHHD để sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận và nắm được nội dung cũng như kế hoạch học tập của mình trong suốt quá trình học [H1.01.01.17].

CTDH ngành TCNH có những điều chỉnh phù hợp, đảm bảo người học đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp, cụ thể CTDH 124 tín chỉ: Bổ sung

thêm các học phần mới: Dự báo kinh tế (02 TC), Giao tiếp trong kinh doanh (02 TC), Thương mại điện tử (02 TC) để phù hợp với xu hướng phát triển nền kinh tế; phù hợp với mục tiêu, CĐR của CTĐT. Điều chỉnh kỳ học của học phần Thuế, Thị trường chứng khoán do tăng số TC của CTĐT nên sắp xếp lại các học phần giữa các học kỳ cho phù hợp và đảm bảo số TC tương đồng giữa các kỳ. Điều chỉnh số lượng tín chỉ của các học phần Thuế, Định giá tài sản và giá trị doanh nghiệp, Quản trị tài chính doanh nghiệp 2 từ 02 TC thành 03 TC để phù hợp với mục tiêu, CĐR của CTĐT. Bỏ học phần Kinh tế đầu tư, Kinh tế môi trường. Chọn 2 trong 3 học phần Logistics và vận tải quốc tế; Kinh tế quốc tế; Lập và phân tích dự án đầu tư cho tương đồng kiến thức, dễ dàng cho SV lựa chọn học phần; phù hợp với CĐR. Chuyên cập tự chọn: Lập và phân tích dự án đầu tư; Thống kê doanh nghiệp thành cập tự chọn: Dự báo kinh tế; Thống kê doanh nghiệp cho tương đồng kiến thức, dễ dàng cho SV lựa chọn học phần; phù hợp với CĐR của ngành. Bỏ cập tự chọn: Kinh tế lao động; Kinh tế các ngành; Quản trị chất lượng, thay thế bằng cập tự chọn: Thương mại điện tử; Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại để đảm bảo tính cập nhật nội dung và phù hợp hơn với CĐR chương trình đào tạo. Chuyên học phần: Thị trường chứng khoán thành học phần bắt buộc phù hợp hơn với việc tăng kiến thức học phần chuyên ngành. Bỏ cập tự chọn: Phân tích và đầu tư CK; Kiểm toán căn bản; Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại thay thế bằng cập chọn 1 trong 2 (Kiểm toán căn bản, Kiểm toán báo cáo tài chính). Chuyên học phần: Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại sang cập tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần: Thương mại điện tử; Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại) mục đích sắp xếp các cập học phần tự chọn phù hợp hơn. [H1.01.01.13].

CTDH ngành TCNH, trường Đại học Hồng Đức được xây dựng theo hướng phân bổ hợp lý tỉ lệ thời lượng giữa lí thuyết và thực hành, trải nghiệm. Tích hợp nhiều nội dung kiến thức và kĩ năng học tập làm giảm số học phần và phát triển năng lực người học. CTDH của ngành TCNH đã được xây dựng trên cơ sở tăng cường kĩ năng nghề nghiệp như tăng thời lượng thực hành, thực tập, học tập phục vụ cho phát triển kĩ năng nghề nghiệp [H1.01.01.06].

Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo TCNH của các trường đại học lớn trong nước như Học viện Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Kinh tế - ĐH Quốc Gia Hà Nội; các trường đại học nước ngoài như: Đại học RMIT, Đại học Middlesex - Vương quốc Anh, Trường Đại học Leeds - Vương quốc Anh. [H1.01.01.13d] cụ thể như sau:

Các trường trong nước:

- Chương trình đào tạo Ngành ngân hàng - Đại học KTQD (năm 2018)

Tỷ lệ tham khảo: 36/48 (75%) trong đó có 36 học phần tương đồng

Các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng, Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3;

Các HP thuộc kiến thức cơ sở như: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế lượng, nguyên lý kế toán, tài chính tiền tệ, marketing căn bản, luật kinh tế.

Các HP thuộc kiến thức chung của ngành như: Kinh tế lượng, TCNH tài chính, QT TCDN1, tài chính quốc tế

Các HP chuyên sâu của chuyên ngành: QT TCDN 2; Nghiệp vụ NHTM, TCNH ngân hàng, Định giá tài sản và giá trị DN, thuế, tài chính công, Thị trường chứng khoán, thanh toán quốc tế.

Một số HP kiến thức bổ trợ: Thống kê DN, Kiểm toán căn bản, Phân tích và đầu

tư CK

<https://daotao.neu.edu.vn/vi/ctdt-he-chinh-quy/chuong-trinh-dao-tao-he-chinh-quy>

- Chương trình đào tạo Ngành TCNH - Học viện ngân hàng (năm 2019)

Tỷ lệ tham khảo: 32/48 (67%) trong đó có 32 học phần tương đồng

Các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng, Tiếng Anh1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3;

Các HP thuộc khối kiến thức chung của ngành: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán, nguyên lý thống kê, luật kinh tế, tài chính tiền tệ, marketing căn bản; kinh tế quốc tế

Các HP kiến thức chuyên ngành: Tài chính công, Nghiệp vụ NHTM, thuế, TCNH NHTM, Phân tích tài chính doanh nghiệp, thị trường chứng khoán, thanh toán quốc tế.

<https://hvn.edu.vn/bank/vi/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-chuyen-nganh-ngan-hang-359.html>

- Chương trình đào tạo Ngành TCNH - Đại học Kinh tế - ĐHQG Hà Nội (chất lượng cao) năm 2018

Tỷ lệ tham khảo: 36/48 (75%) trong đó có 36 học phần tương đồng

Các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng, phương pháp NCKH, logic học, Tiếng Anh1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3;

Các HP thuộc khối kiến thức chung của ngành: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán, nguyên lý thống kê, luật kinh tế, tài chính tiền tệ, marketing căn bản; kinh tế quốc tế;

Các HP chuyên sâu của chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp 1; Nghiệp vụ NHTM, Tài chính công; TCNH ngân hàng, Định giá tài sản và giá trị DN, thanh toán quốc tế, Thẩm định TCDA, Phân tích TCDN

Một số HP kiến thức bổ trợ: TCNH quản trị, kiểm toán căn bản.

http://ueb.edu.vn/Uploads/Article/luumaianh/2018_3/File/7.%20Cu%20nhan%20Tai%20chinh%20ngan%20hang%20CLC.pdf

Các trường nước ngoài:

- Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế & Tài chính trường- đại học RMIT

Tỷ lệ tham khảo: 9/48 (18,7%)

<https://www.rmit.edu.vn/vi/hoc-tap-tai-rmit/chuong-trinh-cu-nhan/cu-nhan-kinh-doanh-kinh-te-va-tai-chinh>

- Chương trình đào tạo Ngành TCNH - đại học Middlesex - Vương quốc Anh

Tỷ lệ tham khảo: 7/48 (14,5%)

<https://www.mdx.ac.uk/courses/undergraduate/banking-and-finance>

- Chương trình đào tạo Ngành TCNH trường đại học Leeds - Vương quốc Anh

Tỷ lệ tham khảo: 9/48 (18,7%)

<http://webprod3.leeds.ac.uk/catalogue/dynprogrammes.asp?Y=202021&P=BS-BANK%26FIN>

2. Điểm mạnh

CTDH ngành TCNH được thiết kế với cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao nhằm đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng đáp ứng được những yêu cầu của công việc. Các học phần trong chương trình luôn luôn được cập nhật, điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và xu hướng phát triển chung của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình xây dựng CTDH các nội dung cập nhật đổi mới có những nội dung chưa thực sự đáp ứng được với chương trình dạy học tiên tiến, chất lượng cao trong nước và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 3.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 3.3)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tăng cường tham khảo đa dạng các CTDH tiên tiến, chất lượng cao để tiếp cận và kế thừa CTDH này vào CTDH ngành TCNH cho các lần cập nhật CTDH tiếp theo.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được, cập nhật và đổi mới CTDH đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm trong tình hình mới.	Phòng Quản lý đào tạo; Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

Chương trình dạy học ngành TCNH được thiết kế dựa trên CDR đã được ban hành, với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của TCNH, trong đó thể hiện rõ sự đóng góp của các học phần trong thực hiện CDR. Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức nhóm ngành, ngành được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện cho người học. Nội dung của các học phần cơ sở và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

Chương trình dạy học được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, nội dung cập nhật, mang tính tích hợp. Chương trình dạy học thể hiện được năng lực của người học tốt nghiệp. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH tự đánh giá tiêu chuẩn 3 đạt 3/3 tiêu chí và đạt 5,0/7 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mở đầu

Với phương châm luôn tích cực, chủ động sáng tạo trong việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, trong thời gian qua Khoa KT - QTKD luôn chú trọng đến việc đổi mới, chuyển từ hình thức truyền thụ kiến thức một chiều mang tính hàn lâm, xa rời thực tiễn sang hướng giáo dục chủ động; chú trọng hình thành năng lực hành động, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. Để làm được điều này, CTĐT ngành TCNH xác định rõ mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên ngành, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến chuẩn đầu ra. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và chuẩn

đầu ra của chương trình cần được mỗi giảng viên và SV hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình. Trong tiêu chuẩn này, chúng tôi xin tự đánh giá phương pháp tiếp cận trong dạy và học thông qua 3 tiêu chí sau:

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Hồng Đức phù hợp với nguyên lý, mục tiêu giáo dục đại học được cụ thể hoá trong Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 đó là [H1.01.01.09]:

- Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

- Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.

Mục tiêu này đã được nhà trường thể hiện trong chính sách chất lượng của Nhà trường và được Nhà trường truyền tải mục tiêu qua chiến lược phát triển trường Đại học Hồng Đức đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đó là: “Trường Đại học Hồng Đức có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước”. Các giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định “Chất lượng - Hiệu quả - Chuyên nghiệp - Hội nhập” [H1.01.01.01].

Trên cơ sở *sứ mạng tầm nhìn*, các giá trị cốt lõi, mục tiêu giáo dục của Nhà trường và CĐR của ngành TCNH, khoa đã xác định mục tiêu giáo dục của ngành TCNH, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành TCNH từ năm 2017-2021 được xác định và điều chỉnh cụ thể như sau:

+ Mục tiêu đào tạo chung trong CTĐT năm 2017 là “Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính - Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc; có khả năng ngoại ngữ thành thạo và có kỹ năng về quản lý, điều hành hoạt động tài chính - ngân hàng trong các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính trung gian, các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội và có thể học sau đại học”. Đến năm 2021, mục tiêu chung được điều chỉnh trong đó chỉ rõ khả năng có thể đáp ứng của sinh viên sau khi ra trường là “nắm vững kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý; vận dụng tốt các kỹ năng mềm, có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có kỹ năng về quản lý, điều hành hoạt động tài chính - ngân hàng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cho các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính trung gian, các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc; có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học; tiếp tục học tập, nâng cao trình độ

ở các bậc học cao hơn để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.” [H1.01.01.06a]. Như vậy, có thể nói, mục tiêu đào tạo của ngành TCNH sau các lần điều chỉnh đã có sự xác định mục tiêu cụ thể hơn, rõ ràng hơn.

+ Mục tiêu cụ thể của CTĐT năm 2017 được chia thành 4 nhóm mục tiêu: Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ, Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Đến năm 2019, các mục tiêu cụ thể đã được mã hoá thành 7 mục tiêu từ M1-M7 ”[H1.01.01.05]. Việc mã hoá này một mặt là cơ sở cho việc xây dựng ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TCNH, mặt khác cũng bổ sung một số các mục tiêu mới (mục tiêu M6, M7), khẳng định trách nhiệm đào tạo của ngành đối với xã hội (*đã nêu tại tiêu chí 1.1*).

+ Mục tiêu cụ thể của CTĐT năm 2021 được thay đổi và mã hóa lại thành 8 nhóm thể hiện sự khoa học, phù hợp hơn với sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHHĐ, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học (*đã nêu tại tiêu chí 1.1*).

Nội dung về chủ trương, chiến lược giáo dục của Nhà trường được Khoa trao đổi trong các buổi họp Khoa [H4.04.01.01], tham luận trong các buổi hội thảo của Nhà trường [H4.04.01.02]. Bên cạnh đó, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TCNH được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.07], được phổ biến đến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng và toàn xã hội thông qua nhiều hình thức:

Đối với giảng viên, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra được các giảng viên thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], xây dựng logic những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.07]. CTĐT thể hiện được nội dung cũng như cách thức dạy học nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Mỗi giảng viên khi bắt đầu giảng dạy học phần của mình đều dành thời gian để giới thiệu vị trí của học phần trong CTĐT, mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, chuẩn đầu ra và tiêu chí đánh giá. Các giảng viên là cố vấn học tập sinh hoạt với SV định kỳ 1 tháng 1 lần, đồng thời bố trí thời gian trực tại văn phòng bộ môn để kịp thời giải đáp thắc mắc giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của Khoa để các em có kế hoạch đăng ký môn học phù hợp.

Đối với sinh viên, ngay từ khi nhập trường mục tiêu giáo dục được phổ biến tới sinh viên trong đợt học chính trị đầu khóa đưa vào kế hoạch tuần sinh hoạt công dân [H4.04.01.03]; đưa vào niên lịch đào tạo [H1.01.01.16].

Đối với nhà tuyển dụng, nhiều chuyên gia TCNH làm việc tại các Doanh nghiệp được mời tham gia xây dựng, đánh giá CTĐT của Khoa [H1.01.01.13]

Đối với xã hội, mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được công khai trên Website của Nhà trường [H4.04.01.04].

Để truyền tải mục tiêu giáo dục này, toàn bộ các học phần hiện nay của CTĐT ngành TCNH được xây dựng dựa trên nhu cầu xã hội, nằm trong chủ trương điều chỉnh của Nhà trường nhằm đảm bảo mục tiêu giáo dục đề ra, phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ thể hiện trong bố cục, nội dung của CTĐT. Cụ thể, CTĐT năm 2021 gồm 48 học phần (tương đương 124 tín chỉ). CTĐT có 36 học phần bắt buộc (99 tín chỉ) và 12 học phần tự chọn (tương đương 25 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ trong đó: Khối kiến thức lý luận chính trị gồm 05 học phần (13 tín chỉ); Khối kiến thức khoa học xã hội gồm 04 học phần (08 tín chỉ); Khối kiến thức ngoại ngữ gồm 03 học phần (10 tín chỉ); Khối kiến thức Toán-Tin học-Khoa học tự nhiên-Công nghệ-Môi trường gồm 04 học phần (10 tín chỉ); Khối kiến thức cơ sở ngành gồm

7 học phần (18 tín chỉ); Khối kiến thức ngành gồm 22 học phần (46 tín chỉ); Kiến thức chung của ngành gồm 9 học phần (22 tín chỉ); Kiến thức chuyên sâu của ngành gồm 9 học phần (24 tín chỉ); Kiến thức bổ trợ tự do gồm 04 học phần (8 tín chỉ); Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp (11 tín chỉ) [H3.03.01.01]. Kết cấu này đảm bảo đào tạo được những cử nhân TCNH có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có khả năng ngoại ngữ, tin học thành thạo đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT; nắm vững kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý; vận dụng tốt các kỹ năng mềm, có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có kỹ năng về quản lý, điều hành hoạt động tài chính - ngân hàng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cho các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính trung gian, các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc; có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học; tiếp tục học tập, nâng cao trình độ ở các bậc học cao hơn để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước [H1.01.01.06]. Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành TCNH được nêu rõ nội dung, mục tiêu, năng lực đạt được của sinh viên sau khi học xong học phần; thiết kế rõ ràng giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học...; tiêu chí kiểm tra đánh giá đều được tuyên bố rõ ràng, cụ thể [H1.01.01.07]. Sinh viên có thể biết được mình cần phải học những nội dung gì trong từng học phần, mục tiêu của từng học phần, hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá từ đó có thể truyền tải mục tiêu giáo dục của Nhà trường vào trong các hoạt động học tập. Nhiều hoạt động dạy và học khác nhau được áp dụng nhằm giúp sinh viên không những có kiến thức nền tảng chuyên môn và kiến thức xã hội mà còn có khả năng sử dụng các kiến thức này để cộng tác với người khác và phát triển năng lực, điểm mạnh của cá nhân. Từ đó hình thành các kỹ năng cá nhân như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Các phương pháp học tập tích cực hiện đại như làm việc nhóm, thuyết trình, dạy học với tình huống được vận dụng tích cực trong các học phần chuyên ngành [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo của ngành được tuyên bố rõ ràng trên website của Trường và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan. Mục tiêu này đã được các chuyên gia tại các cơ quan tuyển dụng góp ý, tham gia xây dựng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù nhà trường đã tiến hành phổ biến đến người học nhưng hình thức phổ biến vẫn chưa đa dạng dẫn đến vẫn còn một bộ phận người học chưa hiểu rõ về mục tiêu giáo dục, sứ mạng tầm nhìn của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 4.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 4.1)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Xây dựng kế hoạch công bố và tuyên truyền cụ thể, đa dạng chi tiết và rõ ràng hơn để mục tiêu giáo dục, sứ mạng tầm nhìn Nhà trường đến người học và các bên liên quan đảm bảo	Phòng Công tác HSSV; Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	

		tất cả người học hiểu rõ mục tiêu giáo dục của Nhà trường.			
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục theo các hình thức trước đây như công khai trên website, các buổi sinh hoạt chính trị đầu khoá.	Phòng Công tác HSSV; Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy học của CTĐT được thiết kế để tương thích với các CĐR của CTĐT, được bổ sung, cập nhật khi chỉnh sửa CĐR và nội dung CTDH [H3.03.01.02], [H3.03.01.04], H1.01.01.08].

Đối với hoạt động giảng dạy, các Bộ môn và giảng viên chủ động thực hiện theo ĐCCT HP đã được phê duyệt, sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy cho phù hợp với không gian lớp học và đối tượng người học. Trong mỗi ĐCCT HP, mục tiêu của HP được xác định và đối chiếu với CĐR của CTĐT; CĐR HP được xác định, đối chiếu với mục tiêu HP và CĐR của CTĐT; nội dung HP được xác định và đối chiếu với CĐR HP; từ đó, các PPGD, nhiệm vụ của SV, việc hướng dẫn SV tự học và tài liệu học tập được xác định phù hợp, cùng nhau thực hiện CĐR HP, góp phần thực hiện CĐR của CTĐT [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07]. Các PPGD được thiết kế trong các ĐCCT HP của CTĐT ngành TCNH rất đa dạng, được thể hiện trong ĐCCT HP [H1.01.01.07]. Theo đó, để thực hiện việc giảng dạy 1 HP bất kỳ của CTĐT, GV phải sử dụng phối hợp nhiều PPGD và kỹ thuật dạy học khác nhau nhằm phát huy mặt mạnh cũng như khắc phục mặt hạn chế của từng PPGD. Lời nói chuẩn mực, chính xác của GV luôn luôn cần thiết để giúp người học hiểu chính xác nội dung kiến thức và cách thức làm việc, được thể hiện trong PP diễn giảng (thuyết trình), diễn giảng nêu vấn đề, kỹ thuật hướng dẫn, kỹ thuật đặt câu hỏi. Ngoài ra, các PPGD và kỹ thuật dạy học khác nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự lực và sáng tạo của người học, gắn lý luận với thực tiễn, để phát triển phẩm chất và năng lực của người học cũng được sử dụng trong CTĐT, đó là: thảo luận, tình huống, khám phá, nêu vấn đề, trực quan, trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp, dạy học tích hợp, vận dụng vào thực tiễn, SV báo cáo (cá nhân, nhóm), SV thuyết trình, ...

Bên cạnh vai trò chủ đạo của giảng viên trong việc thực hiện các PPGD và kỹ thuật dạy học nói trên, vai trò chủ động, tích cực và tự lực của người học trong QTDH được thể hiện ở mục “Hướng dẫn SV tự học” trong ĐCCT HP [H1.01.01.07]. Theo đó, người học được hướng dẫn để chuẩn bị cho giờ học của HP theo từng tuần học, biết được nhiệm vụ cụ thể của mình phải chuẩn bị những gì trước giờ lên lớp (ôn kiến thức cũ có liên quan, tìm thông tin, đọc tài liệu, trả lời câu hỏi lý thuyết, lấy ví dụ, liên hệ thực tiễn, chuẩn bị bài báo cáo...) và các tài liệu cần sử dụng. Trong buổi học đầu tiên của mỗi lớp HP, SV được GV giải thích rõ ràng và đầy đủ về mục tiêu HP, nội dung HP, PPGD và học tập HP, và cách thức ĐG HP. Ngoài ra, trong quá trình dạy học, tùy tình hình cụ thể của lớp học mà người học có thể được hướng dẫn cụ thể hơn cho việc

chuẩn bị bài, nếu cần. Do đó, người học được tạo điều kiện để chủ động chuẩn bị bài cho giờ học, là cơ sở cho việc chủ động tiếp thu kiến thức và học tập có hiệu quả.

Vấn đề đổi mới nâng cao chất lượng dạy và học được chú trọng. Từng học kỳ các bộ môn luôn có kế hoạch dự giờ đối với từng giảng viên, tổ chức góp ý gợi mở các phương pháp giảng dạy và đánh giá người học sát với thực tế hơn nhằm đạt được mục tiêu của môn học [H4.04.02.01]

Đào tạo theo học chế tín chỉ đã tăng cường hoạt động tự học, thúc đẩy người học chủ động hơn. Nhà trường đã thiết lập công thông tin đào tạo để người học dễ dàng theo dõi nắm bắt những thông tin học tập từ phía Trường và Khoa để người học chủ động trong kế hoạch học tập [H4.04.02.02]

Trong suốt khóa học, người học không những chủ động học tập, nghiên cứu các vấn đề lý thuyết mà còn chủ động, tích cực hơn trong các HP thực hành chuyên môn, nghiệp vụ tại các phòng thực hành [H3.03.01.03], thực hiện các đề tài nghiên cứu (bài báo khoa học, luận văn, tiểu luận) [H4.04.02.03], thực tập tại doanh nghiệp [H3.03.02.03].

Như vậy, các hoạt động học tập được thiết kế để thực hiện CTĐT rất phong phú và đa dạng, bao gồm: học cá nhân, học theo nhóm/ lớp; học lý thuyết, thực hành, NCKH; tự học, học trong giờ chính khóa; học tại trường, thực tế ngoài trường, thực tập nghề nghiệp ở các doanh nghiệp. Như vậy, hệ thống các PPGD và kỹ thuật dạy học cùng các hình thức tổ chức dạy học và các hoạt động học tập của CTĐT giúp cho người học lĩnh hội kiến thức một cách chủ động; hình thành và rèn luyện kỹ năng cứng, kỹ năng mềm; rèn luyện ý thức và tác phong nhanh nhẹn. Thông qua đó, người học đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của CTĐT.

Nhà trường đã ban hành Quy định về tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được nhà trường tiến hành thường xuyên dưới nhiều hình thức: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy của GV, tổ chức lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ người học trong từng học kỳ để kịp thời điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng CDR [H4.04.02.04], [H4.04.02.05].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTDH có nhiều hoạt động thực tế, thực tập, thực hành, seminar. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần chưa xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể hóa các nội dung thực hành thực tế.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 4.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 4.2)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai cụ thể hóa các nội dung thực hành thực tế cụ thể trong ĐCCT HP	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, có nhiều hoạt động thực tế, thực tập, thực hành, seminar.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
---	--------------------	---	--	---------------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm. Các hoạt động dạy học, phương pháp giảng dạy phong phú, linh hoạt đã làm tăng chất lượng đào tạo của chuyên ngành Hoạt động học tập đa dạng giúp SV có thể lựa chọn kế hoạch phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể.

ĐCCT HP của CTDH đều có mục tiêu về kỹ năng, trong đó có cả kỹ năng cứng và kỹ năng mềm [H1.01.01.08]. Các PPGD, các nhiệm vụ của SV (thảo luận, báo cáo, thuyết trình, thực hành...), các hình thức và nội dung ĐG tương ứng với nhiệm vụ (điểm thảo luận, báo cáo, thuyết trình, thực hành...) cùng với các nhiệm vụ cụ thể trong phần “Hướng dẫn SV tự học” được mô tả trong các ĐCCT HP nói trên thể hiện việc rèn luyện các kỹ năng cứng liên quan đến nghề dạy học (xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học...).

Tất cả các đề cương học phần đều nhấn mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu của người học. Theo đó, các ĐCHP đều thiết kế theo phân bố sau: Giờ lý thuyết trên lớp, giờ đọc tài liệu, giờ làm bài tập, giờ thực hiện dự án và giờ các hoạt động khác; và nội dung công việc của từng giờ được qui định cụ thể trong phần Hoạt động tự học [H1.01.01.07]. Với triết lý nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, việc tự học, tự nghiên cứu của người học là một hoạt động bắt buộc nhằm đảm bảo sự cân đối hợp lý giữa tải trọng kiến thức và thời gian tiếp xúc trực tiếp giữa giảng viên và người học, được coi là một hình thức dạy học bằng chính các hoạt động học tập của người học [H1.01.01.07]. Hoạt động tự học tự nghiên cứu của người học bao hàm cả 2 công việc: chuẩn bị cho các giờ lên lớp (lý thuyết, seminar, làm việc nhóm, thực hành...) và tự học có hướng dẫn (nghiên cứu, đọc tài liệu, làm bài tập...). Mục tiêu chính của hình thức dạy học này là rèn luyện cho SV khả năng tự nghiên cứu, học hỏi, khả năng độc lập với các nguồn tài liệu, kinh nghiệm và những kiến thức, kỹ năng được triển khai ở trên lớp; góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời và rất nhiều người học của ngành TCNH. Ngoài ra, tự học giúp cho người học thể hiện tinh thần cầu tiến, khát vọng, sáng tạo. Qui trình tổ chức dạy học thông qua tự học tự nghiên cứu có hướng dẫn của GV gồm có ba hình thức sau: định hướng - triển khai - tổng kết đánh giá.

- Định hướng (đọc tài liệu): GV xây dựng danh mục các vấn đề nghiên cứu mang tính thực tiễn cao, công bố các yêu cầu về sản phẩm, giải đáp những khúc mắc; theo đó SV chủ động đọc tài liệu tham khảo, lựa chọn vấn đề nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện. Các tài liệu học tập bắt buộc và tham khảo được giáo viên cung cấp cụ thể trong

đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.07]. Hệ thống tài liệu tham khảo phong phú trong các đề cương học phần được cung cấp ở Trung tâm Thông tin thư viện hoặc trên internet có địa chỉ cụ thể để SV tự nghiên cứu.

- Triển khai (làm bài tập, thực hiện dự án): đây là phần hoạt động chính của SV để đạt được mục tiêu đã đề ra. Trong công đoạn này GV vẫn phải duy trì hoạt động theo dõi, định hướng và trợ giúp cho người học. Người học có nhiệm vụ thực hiện: thực hiện nghiên cứu, báo cáo sơ cấp kết quả nghiên cứu, kết quả làm việc nhóm [H4.04.03.01].

- Tổng kết, đánh giá (hoạt động khác: báo cáo): Giảng viên sau khi tập hợp các kết quả, sản phẩm của SV phải tổ chức hoạt động tổng kết đánh giá. Công việc này có thể được lồng ghép triển khai dưới các hình thức lên lớp khác nhau (seminar thảo luận, giờ lý thuyết tổng kết...). Mục đích chính của công đoạn này là dạy SV cách phân tích quá trình thực hiện và các kết quả của sản phẩm nghiên cứu, đánh giá chất lượng sản phẩm của nhóm, cách bố trí sắp xếp hợp lý, khoa học trong triển khai công việc.

Bên cạnh đó, SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như hội thảo khoa học, tham gia NCKH. Hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi SV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể. Hoạt động này đã thu hút được rất nhiều sinh viên tham gia nhờ tính thực tiễn và hữu ích [H4.04.02.03]. Các đề tài thảo luận đa dạng, phong phú đòi hỏi nghiên cứu sâu lý luận hay tính thực tiễn cao dưới hình thức thuyết trình rèn cho SV mạnh dạn trong giao tiếp, có khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác. Từ đó, uơm mầm và khuyến khích người học có đam mê nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động ngoại khóa do khoa tổ chức cũng góp phần rèn luyện các kỹ năng mềm như tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học.

GV thực hiện các phương pháp giảng dạy học (PPDH) phù hợp như đã công bố trong ĐCCT HP hoặc bổ sung thêm xu hướng dạy học mới như lớp học trực tuyến để tổ chức, hướng dẫn người học thực hiện các hoạt động học một cách chủ động, qua đó người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.02]. Các giáo viên trong và ngoài khoa sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy hỗ trợ người học nâng cao khả năng học tập suốt đời. Điều này được thể hiện thông qua các sản phẩm mà người học đã tạo ra trong các lớp HP như bài thuyết trình, bài thu hoạch đi thực tế ngoài trường, luận văn, tiểu luận, bài báo khoa học; các kết quả thực tập của người học tại các doanh nghiệp [H4.04.03.01].

Định kỳ, nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên để có những điều chỉnh kịp thời phương pháp dạy học cho phù hợp [H4.04.02.04]. Trong những năm gần đây hoạt động giảng dạy của giảng viên của Khoa đều được người học đánh giá tốt (đạt từ 90% trở lên) [H4.04.02.05].

2. Điểm mạnh

Người học được rèn luyện nhiều kỹ năng và khả năng học tập suốt đời thông qua các nhiệm vụ tự học phong phú và đa dạng, và sự gắn kết các nhiệm vụ tự học vào việc học trong giờ chính khóa.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần thiết kế phần tự học còn nặng về nghiên cứu lý thuyết hoặc phần thực hành chưa được cập nhật, ảnh hưởng đến khả năng tự nghiên cứu, học tập nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động của người học.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 4.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 4.3)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, chỉnh sửa nội dung hướng dẫn tự học chưa phù hợp trong một số ĐCCT HP mang nặng tính lý thuyết; bổ sung, cập nhật thêm phần thực hành nhằm tăng cường kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động cho SV.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các điểm mạnh trong việc rèn luyện kỹ năng, khả năng học tập suốt đời cho SV thông qua việc hướng dẫn các hình thức tự học phong phú, đa dạng và sự gắn kết các nhiệm vụ tự học vào việc học trong giờ chính khóa.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Mục tiêu của các phương pháp trong dạy học của Khoa KT - QTKD đã xác định rõ ràng. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

Các hoạt động dạy học phong phú theo định hướng phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV tự học, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin. SV qua đó có điều kiện phát triển cả kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như nhân cách cá nhân.

Một số hạn chế phương pháp tiếp cận trong dạy học của Khoa KT-QTKD: phương pháp tiếp cận trong dạy học này mặc dù được phổ biến rộng rãi đến từng sinh viên, giảng viên khác khoa trong trường, nhưng quá trình thay đổi từ phương pháp dạy học cũ, thụ động sang phương pháp mới còn chậm; SV chưa chủ động tự học, tham gia nghiên cứu khoa học, vẫn có những SV không tích cực trong quá trình tự học, tiếp thu kiến thức một cách thụ động, kém hiệu quả.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH tiêu chuẩn 4 đạt 3/3 tiêu chí và bình quân tiêu chí đều đạt 5,0/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình sinh viên theo học tại Trường Đại học Hồng Đức do Khoa KT-QTKD quản lý nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục

tiêu học phần và khóa học. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng đảm bảo giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học bởi điều này ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Do đó, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành TCNH tại khoa KT-QTKD, Trường Đại học Hồng Đức nhận được sự phản hồi tốt của các bên liên quan.

Tiêu chí: 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học tại Khoa KT-QTKD nói riêng và của Trường Đại học Hồng Đức nói chung được thiết kế dựa trên mục tiêu về chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

Ngành TCNH đã có các quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học để đạt được CDR và được công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan.

Trường Đại học Hồng Đức dựa trên kết quả thi THPT Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức và quy định điểm sàn của Bộ để làm căn cứ tuyển sinh đầu vào. Tất cả các quy trình, kế hoạch, đề án tuyển sinh được công bố rộng rãi trên trang web tuyển sinh của Trường (<https://tuyensinh.hdu.edu.vn/>). Nhà trường có các quy định, quy trình rõ ràng, cụ thể về việc đánh giá kết quả học tập của người học và liên tục cập nhật, cải tiến để phù hợp với các quy định mới của Bộ GD&ĐT và quy định về hoạt động đào tạo của Nhà trường [H5.05.01.01-05]. Các quy định này được công bố công khai trên website của nhà trường để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Về cơ bản, các nội dung kiểm tra/đánh giá bao gồm: tuyển sinh đầu vào, đánh giá quá trình học tập, thi tốt nghiệp. Dựa trên hướng dẫn và quy định của Bộ GD&ĐT, hằng năm, Nhà trường đều xây dựng đề án tuyển sinh. Việc tuyển sinh đầu vào đối với ngành Tài chính ngân hàng, nhà trường kết hợp kết quả của kỳ thi tốt nghiệp phổ thông quốc gia và cả hình thức xét tuyển học bạ với mức điểm tối thiểu từ 15,0 trở lên (<https://tuyensinh.hdu.edu.vn/>).

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, quy định về việc ra đề thi [H5.05.01.01]. Việc đánh giá kết quả học tập các học phần ở Trường Đại học Hồng Đức được thực hiện cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ, bao gồm: điểm thường xuyên, điểm thi giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần. Trong đó, đối với hệ thống đào tạo theo tín chỉ được quy định điểm thường xuyên chiếm trọng số là 30% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 20%; điểm thi kết thúc học phần là 50% [H3.03.02.02]. Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi của ngành TCNH được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với CDR học phần, trên cơ sở thiết kế ma trận câu hỏi thi, thiết kế hệ thống câu hỏi bám sát CDR của học phần, đảm bảo mỗi đề thi bao gồm các câu hỏi từ dễ đến khó (thông qua các mức độ hiểu, phân tích, tổng hợp, vận dụng). Với cách thức này, công tác thi, kiểm tra đánh giá được mức độ tích lũy về kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề của người học [H5.05.01.02], Bộ môn đã thực hiện việc xây dựng tiêu chí đánh giá cho các học phần [H5.05.01.03], nội dung Thực hành, bám sát CDR của học phần đảm bảo độ tin cậy trong việc đánh giá về kỹ năng, thái độ [H1.01.01.07]. Hằng năm, Nhà trường đều ban hành các công văn hướng

dẫn về việc điều chỉnh chỉnh sửa ngân hàng đề thi phù hợp với yêu cầu của CĐR. Ngành TCNH đã nhiều lần rà soát, chỉnh sửa bộ đề thi các học phần nhằm đảm bảo tính phù hợp, cập nhật với Chương trình đào tạo [H5.05.01.03].

Vào đầu mỗi học kỳ, nhà trường yêu cầu các Khoa, Bộ môn thực hiện việc đăng ký hình thức thi học phần cho các môn học thuộc học kỳ [H5.05.01.04]. Việc ra đề và nhất là xây dựng ngân hàng câu hỏi thi được khoa, bộ môn quản lý chặt chẽ về quy trình, tổ chức biên soạn, tổ chức hội đồng nghiệm thu và cho thực hiện [H5.05.01.05]. Quy trình tổ chức cho người học làm bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp và quy định chấm khóa luận tốt nghiệp cũng được quy định rõ ràng. Cụ thể, đối với sinh viên làm bài tập lớn: sau khi học được $\frac{1}{2}$ số tiết của HP, SV không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình đạt từ 8,0 điểm trở lên, SV được đăng ký làm bài tập lớn. Sinh viên đăng ký với GV dạy và bộ môn, nếu đủ điều kiện sinh viên làm đơn, giảng viên giảng dạy đề nghị Trưởng BM duyệt, khoa tập hợp báo cáo hiệu trưởng phê duyệt. Mỗi GV hướng dẫn không quá 05 BTL/1 kỳ; mỗi SV được phép làm không quá 02 tiểu luận/BTL/1 kỳ. Mỗi TL/BTL được trình bày từ 10 đến 15 trang đánh máy trên giấy A4 [H5.05.01.06]. Đối với khóa luận tốt nghiệp: đầu HK 1 năm cuối khóa, SV đủ điều kiện làm đồ án/KLTN được làm đơn đăng ký, nộp cho BM, khoa, các khoa/BM kiểm tra điều kiện, tập hợp DS SV làm đồ án/KLTN và dự kiến GV hướng dẫn gửi phòng QLĐT để trình Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt. Giảng viên được phân công hướng dẫn có nhiệm vụ hướng dẫn SV làm đề cương, duyệt đề cương, hướng dẫn SV thực hiện. Các BM có trách nhiệm thông qua Đề cương chi tiết đồ án/KLTN, giới thiệu GV chấm đề Hiệu trưởng ra quyết định. Việc chấm mỗi đồ án/KLTN phải do 2 GV có chuyên môn gần/trùng đảm nhiệm. Điểm của đồ án/KLTN là điểm TB cộng của người hướng dẫn, người chấm 1 và người chấm 2. Điểm của đồ án/KLTN được chấm theo thang điểm 10 và quy về điểm chữ. Kết quả chấm đồ án/KLTN được công bố chậm nhất là 3 tuần kể từ ngày nộp đồ án/KLTN, riêng khóa luận tốt nghiệp của SV, Nhà trường có hướng dẫn cụ thể về việc chấm, trong đó nêu rõ các yêu cầu về hình thức khóa luận, các yêu cầu về cách thức chấm. Các yêu cầu này đã được khoa cụ thể hóa trong *Phiếu đánh giá khóa luận tốt nghiệp* [H5.05.01.07]. Đối với học phần thực tập tốt nghiệp, sinh viên ngành TCNH có thể tự liên hệ (nhà trường gửi giấy giới thiệu) hoặc được Nhà trường liên hệ giới thiệu đến thực tập. Kết thúc đợt thực tập tại các cơ sở thực tập sinh viên được cơ sở đánh giá vào phiếu nhận xét [H5.05.01.07]. Căn cứ để đánh giá kết quả thực tập của sinh viên gồm 3 phần sau: Phần 1: Hồ sơ (Bao gồm Kế hoạch thực tập, Báo cáo GD 1, đề cương Báo cáo GD 2, Nhật ký thực tập) được đánh giá với trọng số 20% do GVHD chấm. Phần 2: Căn cứ vào kết quả đánh giá của cơ sở thực tập (Trọng số 20%). Phần 3: Báo cáo TTTN (Trọng số 60%), chấm theo nguyên tắc chấm 2 vòng độc lập do khoa đề nghị (là điểm Trung bình cộng của 2 vòng). Điểm thực tập của sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10. [H5.05.01.07].

Nhà trường có các quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá và tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Căn cứ các hướng dẫn của nhà trường, khoa và các bộ môn chỉ đạo thực hiện việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá, thể hiện trong ĐCHP [H1.01.01.07], trong việc đăng ký hình thức thi [H5.05.01.04], thiết kế đề thi [H5.05.01.02], thiết kế phiếu đánh giá [H5.05.01.08]. Đề cương các môn học trong Chương trình đào tạo đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm. GV luôn bám sát các yêu cầu về

CĐR của học phần để xây dựng nội dung, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá phù hợp với từng nội dung bài giảng [H1.01.01.07]. Mỗi học phần đều được các giảng viên chủ động thiết kế ma trận [H5.05.01.02] làm căn cứ để xây dựng đề thi, sao cho mỗi đề thi đều bao quát được các nội dung kiến thức của chương trình và bao gồm các mức độ đánh giá năng lực từ "nhớ" đến "hiểu, vận dụng" rồi "phân tích, tổng hợp, đánh giá", nghĩa là từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp [H5.05.01.02]. Tùy theo đặc thù của từng học phần để có phương pháp đánh giá phù hợp như: thi viết, trắc nghiệm trên máy, thi vấn đáp, viết tiểu luận/bài tập lớn thay bài thi cuối kỳ, ví dụ như học phần Marketing căn bản, Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, TCNH máy...thi theo hình thức trắc nghiệm trên máy, số học phần thi trắc nghiệm trên máy chiếm gần 30% tổng số các học phần trong CTĐT [H5.05.01.04]. Đến nay, tất cả các học phần chuyên ngành trong Chương trình đào tạo ngành TCNH đã sử dụng NHCHT cho việc tổ hợp đề thi phục vụ kỳ thi kết thúc học phần. Bên cạnh đó, tất cả các đề thi kết thúc học phần đều được nhà trường tổ chức đánh giá chất lượng [H5.05.01.08] để điều chỉnh hằng năm nhằm nâng cao hơn nữa mức độ phù hợp để đo lường, đánh giá CĐR.

Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của từng học phần ngành TCNH được thiết kế phù hợp, bao gồm các hình thức: tự luận, vấn đáp, thảo luận, thực hành, bài tập nhóm, thuyết trình trước nhóm, bài tập lớn... Ngoài ra, nhiều giảng viên còn sử dụng điểm chuyên cần trong học tập làm một con điểm thay thế bài kiểm tra thường xuyên, quan sát thái độ và quá trình học tập, kiểm tra hồ sơ học tập, chấm bài kiểm tra/bài tập, đánh giá kết quả seminar... [H1.01.01.07]. Các phương pháp và nội dung đề thi kiểm tra đánh giá kết quả học tập của từng học phần ngành TCNH phản ánh được nội dung kiến thức cơ bản của học phần, đảm bảo tính khách quan, độ dễ, khó và phù hợp để đo lường mức độ đạt được CĐR của NH.

Đối với các sinh viên đủ tiêu chuẩn làm khóa luận tốt nghiệp, bộ môn tổ chức 1 buổi triển khai về nội dung, phương pháp, cách thức viết khóa luận cho người học. Trong quá trình thực hiện viết khóa luận tốt nghiệp nếu có khó khăn vướng mắc sẽ được giáo viên hướng dẫn hỗ trợ. [H5.05.01.07].

SV của nhà trường nói chung và sinh viên ngành TCNH nói riêng được đánh giá cả hai mặt: Kết quả học tập [H5.05.01.09] và kết quả rèn luyện đạo đức, tư tưởng [H5.05.01.10]. CVHT sẽ tư vấn lại kế hoạch học tập thích hợp, tạo điều kiện cho SV có thể theo kịp CTĐT [H5.05.01.11].

Để đủ điều kiện tốt nghiệp cử nhân ngành TCNH ngoài việc SV tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo ngành TCNH, đạt điểm TBC tích lũy của toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); đạt CĐR Tiếng Anh bậc 3/6 (4,0/10) khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam [H1.01.02.02].

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ đảm bảo tính xác thực, công bằng, khách quan kết quả học tập của sinh viên. Nhờ đó có thể đo lường, phản ánh được năng lực của người học theo chuẩn đầu ra đã xác định và công bố công khai.

3. Điểm tồn tại

Quy định liên quan đến đánh giá chuẩn các kỹ năng mềm của sinh viên chưa thực sự rõ ràng.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 5.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 5.1)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa và các bộ môn sẽ thống nhất cách đánh giá điểm chuyên cần cho người học, kết hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ trong quá trình dạy/học để có thể đo được mức độ đạt được CĐR về kỹ năng mềm cho sinh viên.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được trong hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ đảm bảo tính xác thực, công bằng, khách quan kết quả học tập của sinh viên	Bộ môn; Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Hồng Đức đã có các tài liệu hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi (tuyển sinh đầu vào, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp; các hình thức phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá rất cụ thể chi tiết).

Việc tuyển sinh và đánh giá đầu vào tại Trường Đại học Hồng Đức được dựa trên kết quả thi THPT Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức và tuân thủ đúng quy định điểm sàn của Bộ. Tất cả các quy định và thông tin có liên quan được công bố rộng rãi trên trang web tuyển sinh của Trường (<https://tuyensinh.htu.edu.vn/>). Kết quả thi THPT Quốc gia cũng là cơ sở để giáo viên đánh giá sơ lược năng lực đầu vào của sinh viên.

Việc đánh giá kết quả học tập của SV tại Trường Đại học Hồng Đức được áp dụng theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT) và văn bản hợp nhất số 17/2014/VBHN-BGDĐT, ngày 15/5/2014 ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.02.01]. Trường Đại học Hồng Đức đã ban hành quy định đào tạo

hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H3.03.02.02]. trong đó quy định rõ ràng về thời gian, phương pháp, tiêu chí đánh giá, thang điểm và trọng số của các điểm thành phần.

Hàng năm Nhà trường, khoa có lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan về các quy định kiểm tra, đánh giá: thể hiện trong các buổi họp bộ môn, họp khoa, buổi giao ban công tác đào tạo hàng năm của Nhà trường. Các quy định này đã được điều chỉnh, cập nhật và ban hành mới thể hiện trong việc điều chỉnh QĐ 883 ngày 23/9/2008 thay bằng QĐ 395 ngày 29/4/2020 [H5.05.01.01].

Quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được thể hiện đầy đủ trong hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần [H2.02.02.01-02] và đề cương chi tiết học phần được đánh giá kiểm tra để chỉnh sửa hoàn thiện trước khi sử dụng giảng dạy [H1.01.01.07]; [H2.02.02.03-07]. Trong đề cương chi tiết học phần đã quy định rõ thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số đánh giá điểm (tỷ lệ điểm kiểm tra thường xuyên (30%), giữa kỳ (20%) và điểm kết thúc học phần (50%)) và được quy định cụ thể số tiết lý thuyết, thực hành [H1.01.01.07]; Nhà trường ban hành quy định về đánh giá và quản lý kết quả học tập, quy định các khâu của quá trình đánh giá: đề thi, coi thi, chấm thi học phần một cách rõ ràng, chặt chẽ và phân công trách nhiệm đến từng bộ phận, giảng viên, cụ thể [H5.05.01.01].

Nhà trường có hệ thống phần mềm xây dựng lịch thi, quản lý điểm, đảm bảo quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.02.02].

Ngoài hình thức thi tự luận là phổ biến, tùy vào đặc thù và mục tiêu môn học, một số học phần (như học phần: Marketing căn bản, Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô...) thi theo hình thức trắc nghiệm trên máy, làm bài tập lớn, tiểu luận thay cho bài thi kết thúc học phần..., giúp người học tăng cường tính chủ động, phát triển năng lực tư duy sáng tạo, tự nghiên cứu trong học tập [H5.05.01.04], [H5.05.02.03].

Đầu năm học, Nhà trường ban hành Kế hoạch giảng dạy của các lớp cho giảng viên [H5.05.02.04], SV có từ 14-15 tuần học, sau khi kết thúc học kì, sinh viên được nghỉ học ôn thi cuối kì, thời gian nghỉ ôn thi và thi trong vòng 1 tháng. Lịch thi kết thúc học phần được nhà trường công bố cho sinh viên ít nhất 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu được nhà trường công bố trên Website nhà trường. Đa dạng hóa hình thức đánh giá kết quả học tập của người học như: thi viết (với yêu cầu tối thiểu 40% dành cho bài tập, vận dụng thực tế), thi trắc nghiệm trên máy... giúp người học tăng cường tính chủ động, phát triển năng lực tư duy sáng tạo, tự nghiên cứu trong học tập. Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thống nhất ở tất cả học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá [H5.05.01.04].

Cơ chế phản hồi công khai tới người học được thông báo ngay từ buổi học đầu tiên, trong niên lịch đào tạo [H1.01.01.16], tuần giáo dục chính trị đầu khóa [H4.04.01.02]. Trước năm học 2019-2020, toàn bộ điểm thường xuyên, điểm giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần, giảng viên ghi vào phiếu tô điểm, chuyển phòng đào tạo quét điểm vào phần mềm quản lý điểm sau đó công bố cho sinh viên. Tuy nhiên từ năm học 2019-2020 công tác này đã được Nhà trường cải tiến, được quy định cụ thể trong quy định về tổ chức thi kết thúc học phần của Nhà trường. Giảng viên sau khi

chấm đã nhập điểm trực tiếp vào hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, người học ngay lập tức biết được kết quả học tập của mình trên cổng thông tin cá nhân. Các bài kiểm tra thường xuyên, bài giữa kỳ, sinh viên đều được giảng viên chữa bài chi tiết, giúp sinh viên biết được những hạn chế của mình để có phương pháp học tập phù hợp [H5.05.02.05]. Điểm cuối kỳ thi kết thúc học phần được bộ môn gửi lại trợ lý giáo vụ khoa và chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc chấm [H5.05.02.06]. Có một số học phần thi trắc nghiệm trên máy sinh viên được biết điểm thi ngay sau khi kết thúc bài thi trên máy. Việc thông báo kết quả điểm thi, điểm học phần được công bố công khai cho người học tại khoa đào tạo và có thể tra cứu trên website của Nhà trường bằng tài khoản cá nhân [H5.05.02.07]. Trường hợp người học có yêu cầu khiếu nại kết quả học tập, bộ phận chức năng giải quyết kịp thời, thỏa đáng theo đúng quy trình, quy định chấm phúc tra [H5.05.02.08]. Khóa luận tốt nghiệp được quy định về cấu trúc, nội dung, quy định thời gian, trách nhiệm của sinh viên và giáo viên hướng dẫn, cách tính điểm khóa luận tốt nghiệp; Khoa đã thực hiện nghiêm túc các quy định trên và có triển khai chi tiết bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm, mẫu phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp, kết quả chấm khóa luận được Khoa tổng hợp, tô điểm gửi Phòng Quản lý đào tạo và thông báo cho SV kịp thời [H3.03.02.02]; [H5.05.01.07].

2. Điểm mạnh

Hệ thống các văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của người học là đầy đủ, rõ ràng và được công bố công khai đến người học bằng nhiều hình thức, được thể hiện một cách rõ ràng. Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận có liên quan trong việc triển khai việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm QLĐT sử dụng trước năm 2019 đôi khi truy nhập bị lỗi. Ở một số học phần các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập đôi khi phổ biến đến người học còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020 Nhà trường đã đưa vào sử dụng phần mềm mới, các giảng viên sẽ trực tiếp cập nhật điểm trên phần mềm. Bộ môn sẽ thường xuyên đôn đốc giảng viên chấm thi nghiêm túc, đảm bảo đúng tiến độ và nhập điểm lên hệ thống đúng thời hạn.

Bảng 5.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 5.2)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường đã đưa vào sử dụng phần mềm mới, các giảng viên sẽ trực tiếp cập nhật điểm trên phần mềm. Bộ môn sẽ thường xuyên đôn đốc giảng viên chấm thi nghiêm túc, đảm bảo đúng tiến độ và nhập điểm lên hệ thống đúng thời hạn.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được trong việc ban hành các văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của người học. Bổ sung các văn bản phù hợp theo yêu cầu của thực tế phát sinh.	Nhà trường, Bộ môn; Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp và quy trình đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng ngành Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Hồng Đức được xác định cụ thể tại Hướng dẫn xây dựng và thực hiện quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ [H5.05.01.01-05]; Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H3.03.02.02]; Quy định về thực tập, quy định về viết khóa luận tốt nghiệp [H5.05.01.07].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng, đáp ứng mục tiêu môn học, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, bao gồm thi viết, Trắc nghiệm trên máy, thực hành, làm bài tập lớn. [H5.05.01.04], [H5.05.01.06]. Hình thức thi của từng học phần được thống nhất của các giảng viên giảng dạy, bộ môn, khoa và được thể hiện cụ thể trong đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.07].

Để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, hiện nay 100% các học phần ngành Tài chính - Ngân hàng đã xây dựng NHCHT. Quy trình biên soạn, quản lý và sử dụng NHCHT đều được quy định cụ thể. Việc thiết kế đề thi của từng học phần được thực hiện theo hướng dẫn biên soạn đề thi và ngân hàng câu hỏi thi của nhà trường ban hành; hình thức được thay đổi theo hướng sử dụng công nghệ hiện đại trong việc tổ hợp đề thi [H5.05.01.05]. Đầu năm học, Trưởng bộ môn rà soát NHCHT do bộ môn quản lý; lập kế hoạch xây dựng mới hoặc điều chỉnh, bổ sung NHCHT (nếu cần), báo cáo Hiệu trưởng (thông qua phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục); xây dựng kế hoạch và phân công giảng viên biên soạn; phản biện, duyệt và gửi lên phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục. Ngân hàng câu hỏi thi được xây dựng đánh giá kỹ năng thực hành, vận dụng và liên hệ thực tế chiếm tối thiểu 40%, nội dung tối thiểu trong cơ cấu đề thi là 2 nội dung. Đối với đề thi viết, chuyên viên phụ trách phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ hợp ngẫu nhiên thành 2 đề thi, mã hóa và niêm phong, lãnh đạo phòng có trách nhiệm lựa chọn ngẫu nhiên 1 đề trong 2 đề đó để làm đề thi chính thức. Đối với đề thi trắc nghiệm, tổ hợp thành 04 mã đề thi từ ít nhất 30 câu hỏi. Đề thi tự luận hay trắc nghiệm đều phải đảm bảo kiểm tra được kiến thức cơ bản của học phần, cũng như kiểm tra được kỹ năng, thái độ của người học, đảm bảo sự công bằng giữa các đề thi [H5.05.01.01], [H5.05.01.02]. Việc đánh giá kết quả học tập nhằm đánh giá khả năng đạt chuẩn đầu ra của người học; mỗi bài thi kết thúc học phần (thi tự luận) đều do 2 giảng viên chấm độc lập và bảng điểm có chữ ký của 2 GV chấm thi, trưởng bộ môn và giáo vụ khoa [H5.05.03.01].

Sau khi kết thúc kì thi, tiến hành đánh giá chất lượng đề thi học phần với các tiêu chí: tính đồng đều giữa các đề thi về độ khó dễ, tỷ lệ vận dụng kiến thức trong đề thi, nội dung đề thi phù hợp với mục tiêu, nội dung đã công bố trong đề cương chi tiết học phần, việc đánh giá kiến thức và kỹ năng người học, phân bố điểm thi phân loại trình độ về độ chính xác, chi tiết, rõ ràng, thang điểm cụ thể cho từng câu, từng ý của đáp án đề thi... với các mức độ A, B, C [H5.05.01.08]. Trên cơ sở đó, triển khai kế hoạch chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống ngân hàng câu hỏi thi, đề thi sử dụng cho các khóa tiếp theo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H5.05.01.03].

Khoa KT-QTKD cũng đã tích cực trong việc đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng cho sinh viên. Mỗi giảng viên có hồ sơ về đánh giá điểm thường xuyên và điểm giữa kỳ của sinh viên và công bố công khai cho sinh viên ngay trên lớp hoặc thông qua website của Trường [H5.05.02.05]; [<http://sinhvien.hdu.edu.vn/>]. Trường hợp có sinh viên không đủ điều kiện dự thi, giảng viên nêu lí do và thông báo trước lớp.

Phương pháp đánh giá mỗi học phần đều được căn cứ trên tinh thần, thái độ học tập, kết quả học tập. Kết quả đánh giá cuối cùng của một học phần dựa trên điểm thường xuyên (chiếm trọng số 30%); điểm thi giữa kỳ (chiếm trọng số 20%) và điểm thi kết thúc học phần (chiếm trọng số 50%). Các nội dung này được thể hiện trong từng đề cương chi tiết học phần được xây dựng theo quy định [H1.01.01.07].

Các học phần trong Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng được đánh giá qua 03 cột điểm, trong đó điểm giữa kỳ chiếm trọng số 20%, quá trình chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 50%. Đánh giá kết quả học tập của một học kỳ bao gồm điểm TBC của học kỳ và điểm TBC tích lũy. Điểm TBC học kỳ để xét học bổng, khen thưởng; điểm TBC tích lũy học kỳ để và cảnh báo kết quả học tập và xét thôi học. Đánh giá kết quả toàn khóa là điểm TBC tích lũy của tất cả các học phần của CTĐT [H3.03.02.02].

Nhằm nâng cao chất lượng ngành đào tạo, nhà trường có kế hoạch đổi mới phương pháp đánh giá với các nội dung như rà soát chỉnh sửa, bổ sung các văn bản về NHCHT; quy trình tổ chức thi; cấu trúc đề thi; xây dựng quy trình kiểm tra, đánh giá [H5.05.03.02]

Quy trình tổ chức cho người học làm bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp và quy định chấm khóa luận tốt nghiệp cũng được quy định rõ ràng về điều kiện được làm bài tập lớn/khóa luận tốt nghiệp; về thời gian và quy trình đăng ký, phê duyệt và thực hiện BTL/KLTN [H5.05.01.06-07]. Riêng khóa luận tốt nghiệp của SV, nhà trường có hướng dẫn cụ thể về việc chấm, trong đó nêu rõ các yêu cầu về hình thức khóa luận, các yêu cầu về cách thức chấm [H5.05.01.07].

Khi có kết quả đánh giá học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại theo quy định, quy trình khiếu nại. Đối với điểm quá trình, điểm giữa kì, người học khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy học phần đó khi có kết quả kiểm tra, đánh giá. Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học làm đơn gửi Văn phòng khoa để khiếu nại. Sinh viên có thể khiếu nại về điểm thi kết thúc học phần hoặc điểm học phần bằng văn bản, trong vòng 14 ngày kể từ khi công bố điểm thi. 100% ý kiến kiến nghị về kết quả học tập của người học đã được khoa kịp thời kiểm tra, xem xét và giải quyết thỏa đáng [H5.05.02.08].

Để đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy, nhà trường còn thành lập phòng Thanh tra giáo dục; Ban thanh tra giáo dục và có Báo kết kết quả kết quả thanh tra công tác quản lý người học [H5.05.03.03].

Mỗi học kì nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học trong đó có tiêu chí đánh giá về hoạt động kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của giảng viên. Kết quả phản hồi của sinh viên cho thấy về cơ bản đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và sự phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá như đã công bố, đồng thời qua đó giúp Nhà trường và Khoa xem xét, cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công

bảng [H4.04.02.04], [H4.04.02.05] & [H5.05.03.04].

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với CDR. Các Quy trình xây dựng NHCHT, ra đề thi, chấm thi, đánh giá đề thi đều được quy định rõ ràng, chặt chẽ, đảm bảo được độ giá trị, độ tin cậy và công bằng trong tất cả các phương pháp đánh giá hiện có; nhiều sinh viên làm bài tập lớn thay thế bài thi cuối học phần.

3. Điểm tồn tại:

Chưa đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá, chưa có nhiều học phần sử dụng hình thức vấn đáp, thực hành.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 5.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 5.3)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung thêm các học phần sử dụng hình thức thi vấn đáp, thi thực hành trong đánh giá kết quả học tập của người học	Phòng ĐBCL và KT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được trong phương pháp đánh giá kết quả học tập	Phòng ĐBCL và KT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

SV khi nhập học được Nhà trường cung cấp một cuốn “Niên lịch đào tạo”, trong đó thông tin đầy đủ về quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ bao gồm những quy định chung, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét và công nhận tốt nghiệp [H1.01.01.16].

Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, Quy định về việc giao đề tài đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho SV thuộc đại học, cao đẳng hệ chính quy, kết quả đánh giá được công bố công khai đến GV và người học để thực hiện và kiểm tra giám sát được thực hiện [H5.05.01.01].

Để đảm bảo đúng tiến độ Khoa KT-QTKD chỉ đạo các bộ phận giáo vụ, trưởng bộ môn nhắc nhở giảng viên trong việc hoàn thiện điểm đánh giá theo thời gian quy định (cụ thể sau thời gian kiểm tra giữa kỳ, kết thúc học phần trong 3 ngày GV phải hoàn thành điểm nhập trên hệ thống nếu không sẽ bị khóa- thể hiện trên hệ thống). Nhằm đảm bảo phản hồi kịp thời điểm thường kỳ trên hệ thống, Phòng Quản lý đào tạo luôn hỗ trợ, xử lý nhanh các trường hợp nhập muộn, lỗi như: Ban hành mẫu đơn đề nghị mở khoá cập nhật điểm thường xuyên [H5.05.04.01]. Việc công bố điểm sẽ được phòng Quản lý đào tạo công bố công khai, đúng thời gian quy định trên Web trường, người học có thể tra cứu để có phương án cải thiện kết quả học tập [H5.05.02.02].

Đồng thời, sau khi có KQHT mỗi học kỳ của người học, các CVHT ngành Tài

chính - Ngân hàng đều tiến hành tổ chức họp lớp để khuyến khích, động viên SV có KQHT tốt; nhắc nhở những SV có ý thức học tập chưa tốt; giải đáp những thắc mắc của người học trong học tập; tư vấn cho người học phương pháp học có hiệu quả, để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [H5.05.01.11].

Việc xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy trình xét tốt nghiệp và được công bố công khai quyết định CNTT trên website, Quy trình được thực hiện theo QĐ 234, năm 2019 thay thế bằng QĐ 2008, cụ thể: Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:(i) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;(ii) Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho CTĐT của từng ngành. (iii) Điểm TBC tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4); (iv) Đạt chuẩn đầu ra của ngành đào tạo đã công bố và chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; (v) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao; (vi) Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp. Vào trung tuần tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12 hàng năm, căn cứ vào thời gian đào tạo và đơn xin xét công nhận tốt nghiệp của sinh viên, nhà trường thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, Trưởng phòng Quản lý đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa đào tạo có sinh viên đề nghị xét công nhận tốt nghiệp, trưởng phòng KH-TC, phòng Khảo thí&Đảm bảo chất lượng, Phòng Thanh tra giáo dục, Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Phòng Quản lý đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp [H3.03.02.02]. Trong quá trình học các giấy tờ và bảng điểm học kỳ nếu người học có nhu cầu sẽ được nhà trường cung cấp đầy đủ [H5.05.04.02].

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo giúp trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Kết quả học tập của người học được trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường, được sao lưu định kỳ vào hệ thống quản lý và hệ thống máy chủ [H5.05.02.02].

Trong quá trình học, người học có quyền đề nghị Khoa, Nhà trường cấp bằng điểm tạm thời của một hoặc nhiều kỳ đã học. Bảng điểm này ghi KQHT (đạt hoặc không đạt) cho tất cả các môn học mà người học đã học trong các kỳ [H5.05.04.02]. Ngoài ra, Nhà trường còn có các quy trình hướng dẫn SV về thủ tục xin nghỉ học tạm thời, trở lại học tập, chuyển trường, thôi học của SV hệ chính quy [H5.05.04.03]

Cách thức phản hồi và thời gian phản hồi kết quả học tập được người học đánh giá 100% mức độ hài lòng thông qua đánh giá các tiêu chí hàng năm từ phòng ĐBCL&KT và thông qua đối các hội nghị đối thoại sinh viên [H5.05.04.04].

2. Điểm mạnh

Các qui trình về phản hồi KQĐG người học được công khai và qua nhiều kênh. Phòng QLĐT luôn hỗ trợ GV một cách kịp thời trong quá trình lỗi nhập điểm trên hệ thống.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm QLĐT đôi khi còn bị quá tải nên ảnh hưởng đến việc tra cứu thông tin về đánh giá tình hình học tập.

Một số học phần còn chưa phản hồi kịp thời về kết quả đánh học tập như chậm công bố công khai kết quả đánh giá điểm bộ phận.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 5.4: Kế hoạch hành động (tiêu chí 5.4)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường sẽ có kế hoạch nâng cấp đường truyền internet giúp cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và các bên liên quan cập nhật tốt hơn các thông tin về kết quả của người học. Nhanh chóng hoàn thiện phần mềm và sử dụng thành thạo kỹ phần mềm quản lý đào tạo mới được cập nhật để thống nhất quy trình hỗ trợ đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Giảng viên cần đảm bảo tính chính xác, đúng thời gian quy định trong quá trình nhập điểm. Bộ môn Tài chính - Ngân hàng quán triệt, giao trách nhiệm, đôn đốc thường xuyên đối với giảng viên để hoàn thiện kết quả đánh giá và công bố công khai, kịp thời cho người học.	Phòng QT vật tư, Phòng ĐBCL và KT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được trong việc phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập	Phòng ĐBCL& KT, Khoa KT- QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Hồng Đức luôn quan tâm đến kết quả của người học. Bởi kết quả của người học phản ánh chất lượng của công tác đào tạo. Nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học, trong quá trình học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại kết quả học tập theo các quy định, quy trình khiếu nại [H5.05.02.08]. Đối với điểm quá trình, người học khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp. Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy điểm trên phần mềm không chính xác thì người học làm đơn gửi Văn phòng khoa đề nghị xem xét lại. Khi người học có yêu cầu khiếu nại kết quả học tập, bộ phận chức năng giải quyết kịp thời, thỏa đáng theo đúng quy trình, quy định chăm phúc tra và có sổ theo dõi về khiếu nại điểm của SV. Các quy trình khiếu nại về kết quả học tập luôn được cố vấn học tập tư vấn, giảng viên giảng dạy các học phần phổ biến trong mở đầu môn học. Sinh viên có thể khiếu nại về điểm thi kết thúc học phần hoặc điểm học phần bằng văn bản, trong vòng 14 ngày kể từ khi công bố điểm thi. Phòng QLĐT chủ trì phối hợp với các khoa/bộ môn giải quyết khiếu nại cho sinh viên về điểm thi kết thúc

học phần và điểm học phần, chậm nhất 07 ngày từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Kết quả phúc khảo bài thi được thông báo ngay cho SV và cập nhật, chỉnh sửa vào bảng tổng hợp theo từng kỳ để lưu nếu có sai sót [H3.03.02.02];[H5.05.02.08].

Người học được phổ biến đầy đủ các quy định về khiếu nại kết quả học tập thông qua tài liệu tập huấn tra cứu trước năm học của tuần công dân đối với sinh viên năm nhất, và được CVHT ngành TCNH liên tục hỗ trợ nhắc nhở sinh viên vào các kỳ học [H1.01.01.16], [H5.05.01.11].

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến GV và người học theo kênh thông tin trên trang web của Trường qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và khiếu nại kết quả học tập [H5.05.02.02].

Theo kết quả báo cáo từ phòng quản lý đào tạo về số lượng người học khiếu nại về kết quả học tập trong các năm học qua đa phần là điều chỉnh điểm) và được Phòng QLĐT thống kê các trường hợp sai sót sửa điểm, khi xem xét và cũng đã chỉ ra nguyên nhân của sự sai sót này (cán bộ vào nhầm điểm, cộng sai cơ học ...). Điểm phúc tra sẽ được công bố trực tiếp trên tài khoản cá nhân của người học trên hệ thống Website của trường. Thông qua việc thống kê trường hợp người học khiếu nại về kết quả học tập và kết quả điều chỉnh sau khi xem xét đã giúp Nhà trường, Khoa và Bộ môn nắm bắt tình hình từ đó có những giải pháp khắc phục [H5.05.02.08]. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp giải quyết khiếu nại còn chậm.

Bảng 5.5. Tình hình sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng khiếu nại về kết quả học tập giai đoạn 2017 -2022

Năm Học	Mã SV	Họ và tên	Học phần	Nguyên nhân sai lệch (nếu có)
2017 - 2018	1664030009	Nguyễn Thị Linh	Nguyên lý kế toán	Vào nhầm điểm
	1464030031	Lê Thị Tuyết Mai	Thẩm định tài chính dự án	Vào nhầm điểm
	1464030032	Lê Thị Minh	Thẩm định tài chính dự án	Vào nhầm điểm
	1464030035	Nguyễn Thị Ngọc	Thẩm định tài chính dự án	Vào nhầm điểm
	1564030002	Lê Thị Vân Anh	QT TCDN2	Vào nhầm điểm
	1764030032	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Pháp luật đại cương	Cộng nhầm điểm bài thi
2018 - 2019	1564030029	Phạm Thu Ngân	QT doanh nghiệp	Vào nhầm điểm
	1664030020	Lê Thị Thu	QT doanh nghiệp	Lên nhầm điểm giữa 2 sinh viên
	1664030014	Lê Thảo Phương	Nghiệp vụ NHTM	Tô nhầm điểm
	1664030017	Đặng Thế Sơn	Nghiệp vụ NHTM	Tô nhầm điểm
	1664030023	Nguyễn Ngọc Vinh	Thống kê doanh nghiệp	Cộng sót điểm bài thi
2019 -2020	1964030017	Lê Văn Tuấn	Toán cao cấp	Không thay đổi điểm
	1864030006	Lương Văn Dũng	Tài chính – Tiền Tệ	Không thay đổi điểm
2020 - 2021	Không phát sinh bài thi phúc tra điểm			
2021 - 2022	Không phát sinh bài thi phúc tra điểm			

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo)

Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên, đặc biệt là cố vấn học tập, Quản lý sinh viên và người học hàng năm cho thấy người học được dễ dàng tiếp cận với thủ tục khiếu nại và 100% các trường hợp được giải quyết thỏa đáng các khiếu nại kết quả học tập thông qua đối thoại với người học tổ chức hàng năm [H5.05.04.04].

2. Điểm mạnh

- Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại nhằm hỗ trợ người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại.

- Trường có các bộ phận chuyên trách để hỗ trợ người học trong quá trình giải quyết khiếu nại, Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học. Trong quá trình học tập và ngay sau khi có kết quả kiểm tra đánh giá, người học được chủ động trao đổi, hỗ trợ trực tiếp từ cố vấn học tập hoặc phòng quản lý đào tạo, từ giảng viên, từ các bộ phận chuyên môn thông qua các hệ thống thông tin khác nhau hoặc trao đổi trực tiếp.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn 1 số trường hợp khiếu nại giải quyết chậm hơn so với thời gian quy định.

4. Kế hoạch hành động

Các bộ phận trực tiếp liên quan như giáo vụ khoa Kinh tế- QTKD, phòng chức năng, Trường các bộ môn và giảng viên cần thực hiện phối hợp tốt hơn nữa đúng theo quy định. Nghiên cứu xây dựng cách thức tổ chức lưu trữ bài thi khoa học, để thuận tiện cho giải quyết khiếu nại của người học.

Bảng 5.6 Kế hoạch hành động (tiêu chí 5.6)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Các bộ phận trực tiếp liên quan như giáo vụ khoa Kinh tế- QTKD, phòng chức năng, Trường các bộ môn và giảng viên cần thực hiện phối hợp tốt hơn nữa đúng theo quy định. Nghiên cứu xây dựng cách thức tổ chức lưu trữ bài thi khoa học, để thuận tiện cho giải quyết khiếu nại của người học.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa KT - QTKD, bộ môn TCNH	Đầu năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc xây dựng và triển khai về giải quyết các khiếu nại của người học	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của người học theo Chương trình đào tạo ngành TCNH được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD-ĐT, các văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của Trường Đại học Hồng Đức, bám sát các yêu cầu của

chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng học phần. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai cho người học. Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ chính xác và an toàn. Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập tại trường. Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học, giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành TCNH tự đánh giá tiêu chuẩn 5 đạt 5/5 tiêu chí (Bình quân đạt 5/7 điểm).

Tiêu chuẩn 6 : Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Tính đến 31/5/2022, Khoa KT-QTKD có 61 cán bộ, giảng viên (55 giảng viên), gồm: 03 PGS, 25 Tiến sĩ; 30 thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 25 người (đạt 40,9%), trong đó ngành Tài chính ngân hàng có 11 giảng viên, gồm: 01 PGS; 04 Tiến sĩ; 06 thạc sĩ.

Khoa KT - QTKD là đơn vị có đội ngũ cán bộ, giảng viên có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ, năng lực chuyên môn cao, được quy hoạch, tuyển dụng đúng quy định đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của khoa và của trường Đại học Hồng Đức. Khoa và bộ môn đã xây dựng môi trường làm việc dân chủ: cán bộ quản lý, giảng viên và người học tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của khoa, của trường.

Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định, dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng làm việc của giảng viên.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở định biên được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt và yêu cầu thực tế của từng ngành đào tạo, Trường Đại học Hồng Đức đã xây dựng và ban hành Chiến lược Phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 [H1.01.01.01] theo đó, mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên là “xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô, bậc ngành đào tạo, có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu NCKH chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế, phát triển ngang tầm với nhiều trường đại học lớn trong cả nước” được rà soát, điều chỉnh năm 2016 đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ nhu cầu của cộng đồng, hàng năm, nhà trường dựa trên Chiến lược phát triển đội ngũ để ban hành kế hoạch quy hoạch đào tạo theo từng giai đoạn [H6.06.01.01]. Hiện nay, tổng số cán bộ của khoa là 61 người (Sinh hoạt theo 06 bộ môn), trong đó, có 55 giảng viên tham gia trực tiếp vào CTĐT của ngành Tài chính – Ngân hàng, độ tuổi bình quân của giảng viên là 35 tuổi; Số giảng viên đạt trình độ Tiến sĩ trở lên là

25 người (chiếm 40,9 %); Số giảng viên đang làm nghiên cứu sinh là 13 người (chiếm 21,31%) [H6.06.01.02] [H1.01.01.01] trong đó số lượng giảng viên thuộc bộ môn Tài chính - Ngân hàng là 11 người với 1 phó giáo sư, 4 tiến sĩ và 3 nghiên cứu sinh với số lượng và trình độ hiện tại của đội ngũ giảng viên đã đáp ứng tốt các yêu cầu trong hoạt động giảng dạy cũng như NCKH.

Công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện phù hợp với chiến lược và đề án vị trí việc làm của bộ môn, Khoa và trường Đại học Hồng Đức, hàng năm nhà trường dựa trên kế hoạch quy hoạch đào tạo bồi dưỡng xây dựng nguồn kinh phí thực hiện [H6.06.01.01], [H6.06.01.03].

Nhà trường, Khoa và bộ môn đã áp dụng chính sách thu hút những nhà khoa học có trình độ cao, những cán bộ có học hàm, học vị về công tác tại trường nhằm nâng cao năng lực đội ngũ giảng dạy và NCKH [H6.06.01.04].

Trên cơ sở thực trạng về đội ngũ cán bộ giảng viên của khoa, tiêu chí, quy định chung của toàn trường, Ban Lãnh đạo khoa KT- QTKD và Hội đồng khoa học đào tạo cũng thường xuyên họp, đánh giá tình hình và đề ra các tiêu chí riêng trong việc thu hút, tuyển dụng những cán bộ giảng dạy có chất lượng tốt phục vụ chiến lược phát triển lâu dài của Khoa và được Hiệu trưởng phê duyệt. Trong giai đoạn 2017 – 2022, Nhà trường đã thực hiện việc tuyển dụng/điều chuyển giảng viên đáp ứng cho thực hiện CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng [H6.06.01.01], [H6.06.01.05].

Tiêu chí tuyển dụng giảng viên giảng dạy cho CTĐT ngành Tài chính ngân hàng: Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm và chuyên ngành giảng dạy (tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên) phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy; Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên; Có chứng chỉ bồi dưỡng hạng giảng viên; Ngoại ngữ: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh; Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; Chứng chỉ tiếng Anh B1 Châu Âu (hoặc tương đương) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trở lên; Tin học: Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin [H6.06.01.07]. Năng lực nghiên cứu khoa học cũng là căn cứ quan trọng trong tuyển dụng giảng viên, khi thi tuyển cần thể hiện được năng lực nghiên cứu thông qua việc báo cáo một nghiên cứu trước hội đồng chuyên môn.

Căn cứ vào các tiêu chuẩn trên Nhà trường, khoa và bộ môn thực hiện việc đề nghị tiếp nhận giảng viên về Khoa công tác, từ năm 2017 đến nay khoa đã tiếp nhận thuyên chuyển 01 trợ lý giáo vụ khoa, 01 trợ lý công tác HSSV, 01 cán bộ hành chính (03 cán bộ tiếp nhận đều là thạc sĩ); tuyển dụng 03 giảng viên (03 thạc sĩ) [H6.06.01.04].

Công tác bổ nhiệm, bố trí công việc của khoa, bộ môn được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo các tiêu chuẩn và các bước thực hiện [H6.06.01.03]; [H6.06.01.05]. Việc chấm dứt hợp đồng và nghỉ chế độ của nhà trường được thực hiện theo đúng quy định.

Tính đến 31/05/2022 tổng số cán bộ giảng viên của khoa là 61 người, 100% có trình độ Sau đại học. Trong tổng số 55 Giảng viên, có 03 PGS.TS (chiếm 4,92%), 25 Tiến sĩ (tỷ lệ 40,9%) và 27 Thạc sĩ (tỷ lệ 44,2%); giảng viên đang đi học NCS là 13 người. Khoa có nhiều cán bộ giảng viên đã tốt nghiệp ở các trường Đại học danh tiếng

của các nước như Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp, New Zealand, Australia... Nhiều cán bộ, giảng viên có trình độ ngoại ngữ đã tham gia giảng dạy các học phần tiếng anh cho các chuyên ngành thạc sĩ QTKD và kế toán của Khoa.

Bảng 6.1. Thống kê đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng trong 5 năm

Trình độ	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
PGS, TS.	1	1	1	1	2
TS	11	6	6	6	10
ThS	24	25	24	28	26
Cử nhân	0	0	0	0	0
Tổng số	36	32	31	35	38

(Nguồn: H6.06.01.02)

Hiện nay, số giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT ngành Tài chính Ngân hàng hiện nay là 81 người; 100% có trình độ Sau đại học (03 PGS, 19 Tiến sĩ; 60 thạc sĩ.), trong đó, số lượng GV thuộc bộ môn quản lý ngành TCNH là 11 người, trong đó có 01 PGS (chiếm 9,09%), 4 TS (chiếm 36,36%) và 03 NCS (chiếm 27,27%), trong đó, có 01 NCS đang theo học Tiến sĩ tại Thái Lan, 02 NCS đang theo học chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng tại trường Học viện tài chính. [H6.06.01.02] [H1.01.01.01]. Như vậy, tính đến thời điểm năm học 2021 - 2022, tỷ lệ GV ngành Tài chính ngân hàng có bằng tiến sĩ là 27,2%. Điều này cho thấy số lượng và chất lượng đội ngũ GV ngành Tài chính – Ngân hàng hiện nay đã đáp ứng yêu cầu đặt ra về phát triển đội ngũ GV của Khoa và nhà trường trong giai đoạn 2017 – 2022.

Bảng 6.2. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu ngành Tài chính – Ngân hàng theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2021 - 2022

TT	Trình độ/ Học vị	Số lượng người	Tỷ lệ %	Phân loại giới tính		Phân loại theo tuổi (Người)				
				Nam	Nữ	<30	30 - 40	41- 50	51- 60	>60
1	PGS. TS	1	9,1	1	0	0	0	1	0	0
2	TS	4	36,36	1	3	0	3	1	0	0
3	ThS	6	54,54	1	5	0	5	0	1	0
4	Cử nhân	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	11	100	3	8	0	8	2	1	0

(Nguồn: phòng TCCB)

Với đội ngũ mạnh cả về lượng và chất đội ngũ cán bộ giảng viên ngành Tài chính – Ngân hàng đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Cụ thể, năm học 2021-2022 trong số 11 giảng viên ngành có 1 giảng viên đang chủ nhiệm đề tài cấp tỉnh, 2 giảng viên chủ nhiệm đề tài NCKH cấp cơ sở. 100% giảng viên tham gia thành viên đề tài và có bài viết đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước [H6.06.01.08].

Công tác bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Khoa được thực hiện theo đúng hướng dẫn, quy định, xây dựng quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo quản lý của đơn vị, bộ môn giai đoạn 2015-2020 (A1) và giai đoạn 2021 - 2025, việc quy hoạch được tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo quyền dân chủ, đảm bảo nguyên tắc quy hoạch những người có năng lực, trình độ vào các vị trí quản lý, tạo nguồn cán

bộ bỏ nhiệm đến năm 2022 [H6.06.01.09]; [H6.06.01.10].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu của cán bộ giảng viên được thực hiện đúng theo quy định và kế hoạch. Hằng năm Khoa đề nghị Nhà trường gia hạn hợp đồng với giảng viên đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nhà trường, và thực hiện chế độ cho cán bộ giảng viên đủ thời gian nghỉ hưu theo quy định hiện hành [H6.06.01.11].

2. Điểm mạnh

Công tác quy hoạch đội ngũ và xây dựng Kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 – 2025 của Nhà trường, Khoa và bộ môn phù hợp với thực tiễn của đơn vị và được triển khai đúng tiến độ, được đánh giá, điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn.

Đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng đáp ứng tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng, nhiều cán bộ giảng viên được đào tạo từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước, có khả năng sử dụng tốt ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Kết quả hoạt động NCKH của ngành Tài chính - Ngân hàng tập trung vào một số giảng viên, một số ít giảng viên còn chưa có nhiều công trình khoa học có chất lượng cao.

Một số ít giảng viên trong quy hoạch đi học nghiên cứu sinh vì nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan thực hiện quá thời gian đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Khoa KT - QTKD và ngành Tài chính Ngân hàng sẽ tăng cường đôn đốc, chỉ đạo việc thực hiện đúng quy hoạch đào tạo và thực hiện các chế tài đối với cán bộ giảng viên không đảm bảo tiến độ trong việc thực hiện quy hoạch đào tạo.

Bảng 6.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.1)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường đôn đốc, chỉ đạo việc thực hiện đúng quy hoạch đào tạo và thực hiện các chế tài đối với cán bộ giảng viên.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ giảng viên có trình độ cao.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/ người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Theo kết quả đánh giá ngoài của nhà trường năm 2017 dựa trên tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT đã xác định được tỷ lệ bình quân số SV trên 1 GV (sau khi quy đổi) là 14,57 SV/1GV. Hằng năm, Nhà trường, Khoa đều công khai thông tin tổng số giảng viên cơ hữu và tổng số sinh viên để xã hội cùng giám sát [H6.06.01.02], [H6.06.02.02].

Khoa KT - QTKD đào tạo sinh viên thuộc khối ngành II (Kinh doanh và quản lý) có số sinh viên trên giảng viên bình quân hàng năm nằm trong ngưỡng cho phép

của Bộ GD&ĐT đã được xác định. Đối với ngành Tài chính - Ngân hàng hàng năm luôn thực hiện công tác rà soát và lập kế hoạch học tập, bồi dưỡng của giảng viên nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH trong từng giai đoạn [H6.06.01.06]. Tính đến thời điểm năm học 2021 - 2022, tỷ lệ giảng viên có bằng tiến sĩ trở lên là 27,2%

Bảng 6.4. Số lượng giảng viên tham gia chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng giai đoạn 2017-2022

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số	CB - GV quy đổi thành GV toàn thời gian (FTEs [*])	% có bằng tiến sĩ
Phó giáo sư	3	0	3	3x3=9	3,7% (3/81)
GV toàn thời gian	20	59	79	19x2+60x1= 98	23,5%(19/81)
Trong đó: Tiến sĩ			19		
Giáo sư/GV thỉnh giảng	0	0	0	0	0
Tổng số	23	59	81	107	27,2%(23/81)

(*)1 FTE tương đương với 40 giờ làm việc một tuần (tương đương thời gian làm việc toàn thời gian). Một cán bộ GV làm việc 8 giờ/tuần sẽ tương đương với 0,2 FTE.

Tổng số GV ngành Tài chính ngân hàng: 107(PGS 3x3 +TS 19x2 +Th.s 60x1) GV quy đổi

Tính đến cuối năm học 2021 - 2022, ngành Tài chính ngân hàng đang đào tạo 137 SV. Tỷ lệ quy đổi đối với giảng viên tham gia đào tạo ngành Tài chính ngân hàng bình quân là 2,54 SV/GV, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành

Bảng 6.5. Tỷ lệ người học/giảng viên của ngành

Năm học	Tổng số CBGV tham gia giảng dạy	Tổng số FTEs của Giảng viên	Tổng số CB - GV quy đổi thành toàn thời gian của người học (FTEs [*])	Tỷ lệ người học/giảng viên
2017-2018	36	49**	149***	3,0
2018-2019	32	40**	109***	2,7
2019-2020	31	39**	94***	2,4
2020-2021	35	43**	85***	2,0
2021-2022	38	52**	137***	2,6

(*) Ước lượng thực tế số FTEs của giảng viên

(**) Danh sách giảng viên ngành Tài chính ngân hàng trong kỳ đánh giá, bao gồm cả quy đổi

Năm 2017-2018: 49 (PGS 1x3 +TS 11x2 +Th.S 24x1) GV quy đổi

Năm 2018-2019: 40 (PGS 1x3 +TS 6x2 +Th.S 25x1) GV quy đổi

Năm 2019-2020: 39 (PGS 1x3 +TS 162 +Th.S 24x1) GV quy đổi

Năm 2020-2021: 43 (PGS 1x3 +TS 6x2 +Th.S 28x1) GV quy đổi

Năm 2021-2022: 52 (PGS 2x3 +TS 10x2 +Th.S 26x1) GV quy đổi

(***) Danh sách người học trong kỳ đánh giá

Việc quy đổi khối lượng định mức công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên theo giờ chuẩn rất cụ thể, rõ ràng và dễ đo đếm, đánh giá; qua đó cũng xác định đúng định mức giờ giảng/khối lượng công việc, tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên cần thực hiện trong một năm. Cụ thể, đối với GV

hạng II năm học 2021-2022 phải thực hiện định mức 270 giờ giảng dạy và 215 giờ NCKH trên 1 năm; đối với Giảng viên hạng III phải thực hiện định mức 250 giờ giảng dạy và 195 giờ NCKH trên 1 năm [H6.06.02.03]. Với định mức NCKH như trên, mỗi năm GV sẽ phải tham gia các hội thảo khoa học, đăng bài báo trên tạp chí khoa học hoặc tham gia/ thực hiện 01 đề tài NCKH cấp cơ sở (chủ nhiệm đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tác giả mỗi bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước có chỉ số ISSN sẽ được Nhà trường quy đổi bằng 235 giờ chuẩn; đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước không có xuất bản phẩm được 180 giờ chuẩn, bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường được quy đổi 30 tiết, cấp khoa 15 tiết, hướng dẫn sinh viên NCKH đạt giải các cấp được quy đổi tương đương theo từng cấp, ...) [H6.06.02.03].

Để nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH hàng năm Khoa KT - QTKD còn tổ chức nhiều hoạt động thăm quan thực tế doanh nghiệp, tham gia các hội thảo khoa học, tham gia các diễn đàn kinh tế, tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về kinh tế, quản trị kinh doanh, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, ... [H2.02.01.05b]

Ngoài ra, các hoạt động phong trào cũng được Khoa đặc biệt quan tâm tạo điều kiện để CBGV và sinh viên được tham gia nhằm góp phần làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn như: chiến dịch mùa hè xanh, chương trình chung sức cùng cộng đồng tại huyện Bá Thước, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo... được cộng đồng đánh giá cao [H6.06.02.04].

Vào tháng 4 hàng năm, căn cứ vào định mức của giảng viên theo quy định, căn cứ vào khối lượng công việc thực tế của Khoa đảm nhiệm, các bộ môn và Khoa tiến hành xây dựng kế hoạch cho năm học sau (*kế hoạch giảng dạy, NCKH, hội thảo khoa học các cấp, thực tập, rèn nghề, viết tài liệu giáo trình, đề thi, ngân hàng câu hỏi thi...*) [H2.02.01.05a,b], trình Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt với tổng số giờ thực hiện không vượt quá 200% định mức phải thực hiện trong năm học [H6.06.02.05]. Giảng viên triển khai thực hiện kế hoạch năm học của cá nhân, ngoài công tác quản lý chuyên môn trực tiếp từ lãnh đạo Bộ môn, Khoa, còn có các đơn vị như Phòng quản lý đào tạo, Phòng quản lý khoa học & công nghệ, Phòng HTQT, Phòng thanh tra giáo dục, Phòng ĐBCL&KT phối hợp giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của GV nhằm mục đích nâng cao CLĐT, đảm bảo giờ giảng dạy và NCKH của GV [H6.06.02.06, H6.06.02.07].

Nhà trường đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, thanh toán vượt định mức giảng dạy và các hoạt động khác [H2.02.01.05].

Để đánh giá chất lượng giảng viên, hàng năm khoa căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và định mức công việc của từng giảng viên để có tiêu chí đánh giá phù hợp. Thông thường Khoa và bộ môn tổ chức dự giờ thao giảng theo kế hoạch đã xây dựng đầu năm học, qua đó đánh giá nhanh chất lượng giảng dạy và có những góp ý nhanh để giảng viên tự hoàn thiện giảng dạy [H5.05.02.04]. Một kênh quan trọng trong đánh giá chất lượng giảng viên là lấy phiếu khảo sát chất lượng của sinh viên sau khi kết thúc học phần. Tiêu chí đánh giá khách quan đó sẽ là căn cứ khoa học để giảng viên điều chỉnh và hoàn thiện. Đối với mỗi giảng viên ngoài giảng dạy thì NCKH cũng là nhiệm vụ chính, vì vậy việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá giảng viên. Trên thực tế, 100% giảng viên bộ môn Tài chính - Ngân hàng hoàn thành nhiệm vụ NCKH và trung bình hàng năm có từ 1-3 giảng viên được khen thưởng có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH [H6.06.02.07].

Căn cứ vào kế hoạch đầu năm và kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối năm mỗi

CBGV sẽ được đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hay không. Mức độ hài lòng của giảng viên, nghiên cứu viên về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc đã thực hiện dân chủ thông qua: Cuối mỗi học kỳ, năm học căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng và chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, sau đó được bộ môn đánh giá, lãnh đạo khoa đánh giá và trình lên Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp Trường bình xét, đánh giá xếp loại cuối năm [H6.06.02.08] [H6.06.02.09]. Việc thường xuyên đánh giá này không chỉ giúp từng giảng viên đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, đánh giá những hạn chế của bản thân đưa ra giải pháp cụ thể để học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, mà còn là cơ sở để các cấp quản lý bao quát tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, từ đó đưa ra kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, định hướng chiến lược phát triển đơn vị thích hợp. Kết quả đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm được thực hiện đúng quy trình chặt chẽ, chính xác và được đội ngũ CBGV đồng thuận cao [H6.06.02.10].

Toàn bộ đội ngũ CBGV ngành Tài chính ngân hàng có đủ kiến thức, phẩm chất đạo đức tốt và nhiệt huyết tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: 100% CBGV có ít nhất 1 lần tham gia hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi; 02/11 giảng viên tham gia đề án khởi sự kinh doanh, hỗ trợ khởi nghiệp của Tỉnh Đoàn Thanh Hoá, 02/11 GV tham gia đề án Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch theo mô hình chuẩn quốc tế giai đoạn 2017-2022 [H6.06.02.07].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ giảng viên/ người học đáp ứng quy định hiện hành (2,5 SV/1 GV) và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được xác định và được giám sát bởi bộ môn, khoa và các đơn vị chức năng trong nhà trường, góp phần cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

100% giảng viên đủ và vượt định mức giờ NCKH hàng năm, 8/11 giảng viên thuộc bộ môn quản lý ngành đào tạo là chủ nhiệm đề tài NCKH các cấp tỉnh và cơ sở, 100% giảng viên tham gia viết bài đăng tạp chí chuyên ngành.

Giảng viên tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân và uơm tạo tài năng kinh doanh, khởi nghiệp trẻ cho thanh niên, sinh viên trong Tỉnh cũng như tham gia các hoạt động chung sức cùng cộng đồng, được sinh viên và xã hội đánh giá cao. Từ đó tăng uy tín và hình ảnh của giảng viên ngành Tài chính – Ngân hàng và khoa KT - QTKD nói riêng, trường Đại học Hồng Đức nói chung.

3. Điểm tồn tại

Cơ chế giám sát khối lượng công việc của giảng viên chưa thực sự chặt chẽ và thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Khoa KT - QTKD, bộ môn Tài chính - Ngân hàng sẽ xây dựng, hoàn thiện cơ chế giám sát khối lượng công việc của giảng viên, rà soát mức độ hoàn thành khối lượng công việc 3 lần/kỳ, đặc biệt thường xuyên rà soát và cảnh báo về mức độ hoàn thành khối lượng NCKH.

Bảng 6.6: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.2)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng, hoàn thiện cơ chế giám sát khối lượng công việc của giảng viên, rà soát mức độ hoàn thành khối lượng công việc 3 lần/kỳ, đặc biệt thường xuyên rà soát và cảnh báo về mức độ hoàn thành khối lượng NCKH.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024)
2	Phát huy điểm mạnh	Tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân và ươm tạo tài năng kinh doanh, khởi nghiệp trẻ cho sinh viên TCNH.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ năng lực công tác tốt là một yếu tố vô cùng quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo. Bởi vậy, Khoa và Nhà trường luôn đảm bảo tuyển dụng cán bộ giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt và trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu. Trên cơ sở các tiêu chí chung về tuyển giảng viên và đặc thù riêng của khoa KT - QTKD, khoa đã tổ chức thảo luận, thống nhất đề xuất và tham mưu để nhà trường ban hành tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên cả về mặt đạo đức và chuyên môn học tập được thông báo công khai.

Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển giảng viên, nghiên cứu viên cụ thể, rõ ràng phù hợp với yêu cầu tuyển dụng được đội ngũ giảng viên giỏi, bao gồm các tiêu chí: *Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; có năng lực giảng dạy và NCKH, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; có bằng thạc sĩ trở lên đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; có trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc; có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp; có lý lịch bản thân rõ ràng...* [H6.06.01.05].

Các tiêu chí tuyển dụng, tuyển chọn và bổ nhiệm cán bộ giảng viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H6.06.03.01]. Tiêu chí tuyển dụng được rà soát, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của nhà trường, phù hợp với nâng cao chất lượng đội ngũ của nhà trường. Việc tuyển dụng được thực hiện bởi hội đồng nhằm đảm bảo khách quan, chính xác. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai trên địa chỉ website <http://www.hdu.edu.vn/>.

Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng đảm bảo trình độ chuyên môn, phẩm chất năng lực theo các tiêu chí đã xác định. Quá trình

tuyển dụng giảng viên được triển khai chặt chẽ thông qua Hội đồng tuyển dụng nhà trường, giảng viên tham gia ứng tuyển ngoài đáp ứng các tiêu chuẩn chung như thông báo còn phải thực hiện thi tuyển trực tiếp thông qua hoạt động giảng dạy và báo cáo kết quả NCKH. Sau khi trúng tuyển, giảng viên đều được nhà trường phân công giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn thử việc, thực hiện biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng, giảng báo cáo trước bộ môn và được bộ môn dự giờ, góp ý và đánh giá chuyên môn. Nếu đảm bảo các yêu cầu, bộ môn đề nghị với lãnh đạo Khoa bố trí lịch giảng dạy các môn thực hành có sự giúp đỡ của giảng viên được phân công hướng dẫn [H6.06.01.05]; [H6.06.03.02]; [H6.06.03.03]. Giảng viên thử việc cũng phải hoàn thành định mức và thực hiện 1 nghiên cứu khoa học, báo cáo trước hội đồng khoa khi kết thúc giai đoạn thử việc.

Trên cơ sở các tiêu chí tuyển dụng đã ban hành, nhà trường đã tổ chức thông báo nhu cầu tuyển dụng, thành lập Hội đồng xét tuyển hồ sơ và tổ chức thi tuyển đội ngũ giảng viên. Trong giai đoạn 2017-2022, Khoa đã tiếp nhận và tuyển dụng được 03 giảng viên đáp ứng các tiêu chí và yêu cầu đề ra (03 giảng viên đều có trình độ thạc sĩ) [H6.06.03.02].

Công tác quy hoạch nhằm xây dựng đội ngũ quản lý có chất lượng được tiến hành công khai minh bạch, đảm bảo dân chủ, quy hoạch được những cán bộ có năng lực, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức, có đủ uy tín vào những vị trí quản lý cho từng nhiệm kỳ. Việc đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức và luân chuyển các chức vụ quản lý của Khoa được Nhà trường thực hiện đúng quy trình, quy định theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo tính kế thừa và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Nhà trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng khoa/Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn/ Phó trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về giảng dạy, nghiên cứu khoa học [H6.06.03.04], [H6.06.03.05], [H6.06.01.10].

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý lãnh đạo trong khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm lãnh đạo quản lý khoa căn cứ vào tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo khoa của Nhà trường giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2021 – 2025 [H6.06.01.10], [H6.06.03.05].

Hàng năm Nhà trường tổ chức đánh giá xếp loại thi đua, khen thưởng viên chức đúng quy trình và thủ tục, đảm bảo công bằng cho các giảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H6.06.02.09], [H6.06.02.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến, thảo luận, thống nhất xây dựng và ban hành tiêu chí tuyển dụng cụ thể, phù hợp với chuyên ngành, góp phần tuyển dụng được đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, và nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí tuyển dụng được công bố công khai và giúp các ứng viên dễ dàng tiếp cận, từ đó khoa, bộ môn tuyển dụng được đội ngũ giảng viên có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc các chính sách của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo.

3. Điểm tồn tại

Việc tuyển dụng chưa thực sự phù hợp với cơ cấu giữa các ngành.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2022-2023, Nhà trường tiếp tục rà soát số lượng giảng viên và nhu cầu đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ cũng như kế hoạch mở ngành đào tạo mới để có căn cứ tuyển dụng cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Bảng 6.7: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.3)

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục rà soát số lượng giảng viên và nhu cầu đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ cũng như kế hoạch mở ngành đào tạo mới để có căn cứ tuyển dụng cho phù hợp với điều kiện thực tế.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024)
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công bố công khai tiêu chí tuyển dụng cán bộ giảng viên có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc các chính sách của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Để hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ, giảng viên cần phải có năng lực giảng dạy, NCKH, tự học và phục vụ cộng đồng. Để thực hiện được năng lực giảng dạy, giảng viên phải có năng lực xây dựng thiết kế và thực hiện CTDH, năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR, năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc. Đối với NCKH, giảng viên cần có năng lực tự nghiên cứu đề tài, hướng dẫn sinh viên NCKH, viết bài đăng tạp chí khoa học và liên kết hợp tác thực hiện các nghiên cứu [H6.06.04.01]. Tự học và phục vụ cộng đồng cũng là những năng lực quan trọng được hình thành thông qua việc tích cực cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, chia sẻ kiến thức, chủ động tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng. Nhà trường đã tổ chức triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho đội giảng viên của Bộ môn, Khoa. Hầu hết giảng viên của Khoa đều tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, trao đổi nghiên cứu học thuật thông qua các hội thảo khoa học [H6.06.02.07] [H6.06.04.02]. Nhiều giảng viên của Khoa tham gia các đề tài NCKH cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ và có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước [H6.06.02.07].

Cơ cấu trình độ của giảng viên của các bộ môn trong khoa KT - QTKD (bảng 6.5) theo biểu đồ (số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên của khoa KT - QTKD tăng lên hàng năm).

**Bảng 6.8. Thống kê đội ngũ cán bộ - giảng viên khoa KT – QTKD
giai đoạn 2017-2022**

Năm	Trình độ				Chuyên ngành			
	GS. PGS	TS	Ths	CN	QTKD	Kế toán	TCNH	Kinh tế
2017-2018	1	16	41	02	14	17	13	16
2018-2019	02	22	34	01	15	17	13	15
2019-2020	02	23	32	0	13	17	12	15
2020-2021	03	22	32	0	14	17	11	15
2021-2022	03	25	27	0	14	17	11	15

(Nguồn: phòng TCCB)

Hiện nay, 100% giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm về giảng dạy đại học, trình độ ngoại ngữ của khoa có 15% giảng viên có trình độ tiếng Anh thành thạo 4 kỹ năng, 100% GV có trình độ tiếng Anh đạt loại B1 trở lên; 30 % giảng viên có văn bằng 2 tiếng Anh, 26% giảng viên được đào tạo từ nước ngoài. 100% GV có trình độ tin học đáp ứng yêu cầu công việc được giao, trong đó 100 % giảng viên có chứng chỉ tin học đạt chuẩn [H6.06.04.01], những chuẩn năng lực của giảng viên thường xuyên được cập nhật và công bố công khai trên website của nhà trường.

Trên cơ sở chuyên môn được đào tạo và kế hoạch dạy học hằng năm, các bộ môn đã phân công các học phần giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo và năng lực sở trường của cá nhân [H2.02.01.05b].

Cơ cấu tổ chức chuyên môn của đội ngũ cán bộ giảng viên trong khoa đủ đáp ứng yêu cầu theo chương trình đào tạo Đại học giáo dục hiện tại. Đội ngũ cán bộ giảng viên của khoa không ngừng tự học tập nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của người học và xã hội. Bên cạnh đó, số lượng giảng viên có trình độ ngoại ngữ và tin học ngày càng cao, đủ đáp ứng yêu cầu khai thác thông tin, cập nhật những kiến thức mới đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu khoa học [H6.06.01.02].

Đội ngũ cán bộ giảng viên chủ động tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố nhằm giúp người học chủ động lĩnh hội và chiêm lĩnh tri thức. Trên cơ sở kế hoạch dạy học được phân công, giảng viên đã chủ động đăng ký và triển khai các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với nội dung từng tiết học [H6.06.04.02].

Căn cứ vào kế hoạch dạy học và bản đăng ký đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên, bộ môn và khoa tăng cường các hoạt động dự giờ thăm lớp để giám sát, đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, làm cơ sở đánh giá, xếp loại và bình xét thi đua cuối năm đối với từng cá nhân [H6.06.04.03]. Bên cạnh đó, hàng tuần trợ lý giáo vụ khoa kiểm tra sổ đầu bài để thống kê, tổng hợp số tiết học dùng phương pháp dạy học tích cực của từng học phần và cá nhân từng giảng viên, hàng tháng, Ban chủ nhiệm khoa sẽ trực tiếp kiểm tra và xác nhận vào sổ đầu bài của mỗi lớp để tăng cường hiệu quả quản lý [H6.06.04.04].

Trong 5 năm gần đây, Khoa KT - QTKD có 03 đề tài cấp bộ, 01 đề tài cấp tỉnh

đã được nghiệm thu; 03 đề tài cấp bộ và 04 đề tài cấp tỉnh đang được triển khai thực hiện; Có 18 đề tài cơ sở đã được nghiệm thu và 06 đề tài cấp cơ sở chuẩn bị nghiệm thu; các đề tài đều được nghiệm thu, xếp loại đạt từ Khá trở lên; có 245 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó có 16 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN và 15 bài có chỉ số scopus; hướng dẫn 131 sinh viên NCKH và đạt giải cấp Khoa, cấp Trường; tổ chức 20 hội thảo cấp Khoa, Trường đạt kết quả tốt. Ngoài ra, giảng viên trong khoa còn thực hiện 01 đề án “Đào tạo và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp Du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2016-2020”; 02 đề án đào tạo Khởi sự kinh doanh (năm 2018, 2019); 02 đề án “Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 844” năm 2017, 2019 [H6.06.04.05]; [H6.06.01.08].

Để đánh giá năng lực dạy học của đội ngũ giảng viên, ngay từ năm 2008 Nhà trường đã ban hành quy định tiêu chí đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên theo Quyết định 1080/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/10/2008, nay là QĐ Số: 1200/QĐ-ĐHHĐ, ngày 02/8/2019 của Hiệu trưởng trường ĐHHĐ [H6.06.04.06].

Trước khi kết thúc học phần, phòng ĐBCL&KT tham mưu kế hoạch lấy phiếu khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên theo đúng quy trình đã ban hành; việc xử lý các thông tin thu được bằng phần mềm chuyên dụng và được phân tích, đánh giá và phản hồi kết quả đến đơn vị, cá nhân giảng viên để kịp thời điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H6.06.04.07].

Kết quả đánh giá trong những năm vừa qua cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học. Điểm đánh giá, phản hồi của người học đều đạt trên 90%. Sinh viên đánh giá cao hoạt động giảng dạy trên lớp cũng như nội dung các bài dạy của giảng viên. Kết quả lấy ý kiến người học về chất lượng hoạt động giảng dạy cho thấy người học hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên khoa KT - QTKD ngày càng tăng [H4.04.02.05].

Việc đánh giá năng lực của giảng viên được thực hiện theo đúng quy định về đánh giá, xếp loại cán bộ của trường Đại học Hồng Đức công bằng, khách quan; đánh giá lần lượt theo từng nội dung công việc (hoạt động giảng dạy, NCKH, đánh giá của đồng nghiệp dự giờ thao giảng, đánh giá của người học). Căn cứ vào hướng dẫn đánh giá cán bộ viên chức hằng năm [H6.06.04.08] và hướng dẫn đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm [H6.06.04.09], cá nhân tự đánh giá xếp loại, bộ môn/tổ công tác đánh giá xếp loại, khoa họp hội đồng bình xét, xếp loại, trình Hội đồng nhà trường xem xét kết quả, thành tích đóng góp của viên chức để xếp loại vào các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ/ hoàn thành tốt nhiệm vụ/ hoàn thành nhiệm vụ/ không hoàn thành nhiệm vụ* [H6.06.02.08]. Hội đồng trường căn cứ kết quả đánh giá từ Khoa, kết hợp với kết quả đánh giá của người học để xem xét và xin ý kiến hội đồng thi đua khen thưởng công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng, nhất quán. Bộ môn, Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành tiêu chí xác định năng lực của đội ngũ giảng viên trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan, được công bố công khai và thống nhất dùng chung trong toàn trường.

Các hoạt động đánh giá năng lực giảng viên được quy trình hóa và được thực

hiện đảm bảo nghiêm túc, thông tin thu được đảm bảo chính xác.

Kết quả đánh giá năng lực hoạt động của đội ngũ GV được lưu trữ hằng năm và đối sánh giữa các năm giúp giảng viên phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao năng lực người học đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ giảng viên chưa thực sự đồng đều. Số lượng bài báo quốc tế/giảng viên chưa cao, chưa có nhiều bài báo có chỉ số web of science và Scopus.

4. Kế hoạch hành động

Khoa/Bộ môn khuyến khích cán bộ giảng viên tự học tập nâng cao năng lực ngoại ngữ; Xây dựng các nhóm nghiên cứu đề tập trung hỗ trợ nghiên cứu và viết bài báo chất lượng đăng trên tạp chí có chỉ số WEB OF SCIENCE và Scopus

Bảng 6.9: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.4)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khuyến khích cán bộ giảng viên tự học tập nâng cao năng lực ngoại ngữ; Xây dựng các nhóm nghiên cứu đề tập trung hỗ trợ nghiên cứu và viết bài báo chất lượng đăng trên tạp chí có chỉ số WEB OF SCIENCE và Scopus.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đánh giá năng lực giảng viên theo quy trình hóa và thực hiện đảm bảo nghiêm túc, thông tin thu được đảm bảo chính xác.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ đã được Nhà trường ban hành trong kế hoạch chiến lược của trường Đại học Hồng Đức giai đoạn 2010 - 2020 và điều chỉnh, bổ sung trong Kế hoạch chiến lược 2020 tầm nhìn 2030 [H1.01.01.01], Chi bộ khoa đã ban hành Nghị quyết và phương hướng nhiệm vụ cả nhiệm kỳ của chi bộ và chỉ đạo Ban chủ nhiệm khoa xây dựng Kế hoạch trung hạn về phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng yêu cầu về đội ngũ của CTĐT [H6.06.05.01]. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ giảng viên đã xây dựng kế hoạch đầu mỗi năm học, thông qua báo cáo đánh giá hàng năm và Kế hoạch trung hạn về phát triển đội ngũ, Khoa đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí cán bộ theo từng

năm học và được rà soát, đánh giá điều chỉnh phù hợp theo từng giai đoạn [H6.06.05.02].

Đội ngũ GV của Khoa KT – QTKD luôn có nhu cầu được đào tạo và phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.01.06]. Trong thời gian qua, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đã được nhà trường triển khai, hỗ trợ kinh phí, đã thu hút đông đảo đội ngũ giảng viên của Khoa tham gia như: bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, các khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy ở bậc đại học và các khóa học nâng cao năng lực ngoại ngữ [H6.06.04.02].

Bảng 6.10. Số lượng giảng viên Khoa KT-QTKD tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn giai đoạn 2017 – 2022

Năm học		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021 – 2022
Đào tạo dài hạn						
Trình độ đào tạo	TS	17	14	14	13	13
	Ths	2	1	0	0	0
Kế hoạch học tập		Cấp bằng	Cấp bằng	Cấp bằng	Cấp bằng	Cấp bằng
Loại hình đào tạo		Không TT	Không TT	Không TT	Không TT	Không TT
Chuyên ngành đào tạo		Tài chính – Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng
Trong hoặc ngoài nước		Trong nước	Trong nước	Trong nước	Trong nước	Trong nước
Kinh phí thực hiện		HP theo QĐ	HP theo QĐ	HP theo QĐ	HP theo QĐ	HP theo QĐ
Đào tạo ngắn hạn						
Kế hoạch học tập		Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chứng chỉ	Chứng chỉ
QLGD			4			
Tin học			3	11		
NVSP			8			
GV hạng 1				6		
GV hạng 2		4		6		
GV hạng 3			7			
Kinh phí thực hiện		theo QĐ	theo QĐ	theo QĐ	Theo QĐ	Theo QĐ

Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Nhà trường tổ chức, đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa, bộ môn còn tự học tập thông qua hình thức tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, hội thảo nghiệp vụ cấp bộ môn và cấp Khoa, cấp Trường và tham gia các hội thảo ngoài trường, các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên ngành quản lý, thuế, kinh tế do các tổ chức chuyên môn tổ chức [H6.06.04.03].

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa, bộ môn luôn bám sát Quy định về phát triển đội ngũ giảng viên đạt chuẩn của Nhà trường. Định kỳ, Khoa yêu cầu cán bộ chưa đạt chuẩn đăng ký kế hoạch học tập, nâng cao

trình độ theo quy định [H6.06.01.01]. Đến nay, số cán bộ đạt trình độ PGS là 03 người (chiếm 4,91%), trình độ Tiến sĩ là 25 người (chiếm 40,9%). Trong thời gian 5 năm gần đây, 100% GV chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng đã được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.05.04].

Đối với hoạt động đào tạo bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên, nhà trường luôn quan tâm hỗ trợ về mặt thời gian và một phần kinh phí học tập, đi lại. Cụ thể hỗ trợ một phần học phí, giảm ½ định mức hàng năm, khuyến khích khen thưởng khi giảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập [H6.06.02.03].

2. Điểm mạnh

Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ định mức, hỗ trợ kinh phí đào tạo...). Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho giảng viên chất lượng, hiệu quả. Nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ CBGV được xác định chuẩn xác và phù hợp với nhu cầu phát triển của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Hàng năm chưa có khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên từ đó làm căn cứ tổng kết, đánh giá và điều chỉnh phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2023 trở đi, khoa thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu của cán bộ giảng viên và phù hợp với nhu cầu sử dụng của khoa; xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn của giảng viên.

Bảng 6.11: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.5)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu của cán bộ giảng viên và phù hợp với nhu cầu sử dụng của khoa; Xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn của giảng viên.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ định mức, hỗ trợ kinh phí đào tạo...).	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Hồng Đức có quy định cụ thể về chế độ làm việc của cán bộ giảng viên ban hành kèm theo Quyết định 1803/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/11/2020; Trong đó có các nội dung về định mức khối lượng công tác giảng viên về Giảng dạy, NCKH bắt buộc phải thực hiện trong năm (đối với GV định mức giảng dạy là 250 giờ giảng dạy; 195 giờ NCKH và 141 giờ hoạt động chuyên môn khác mỗi năm; giảng viên chính định mức giảng dạy là 270 giờ, 215 giờ NCKH và 101 giờ HĐ chuyên môn khác; giảng viên cao cấp định mức giảng dạy là 290 giờ, 235 giờ NCKH và 61 giờ HĐ chuyên môn khác mỗi năm) [H6.06.02.03].

Đầu mỗi năm học (tháng 8 hàng năm), Khoa KT - QTKD và Nhà trường đã triển khai việc giao định mức các hoạt động giảng dạy, học tập kèm theo kinh phí theo từng nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị [H6.06.06.01]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo bộ môn căn cứ vào năng lực chuyên môn, sở trường của mỗi giảng viên để phân công khối lượng giờ giảng cho từng giảng viên theo quy định của Nhà trường vào đầu năm học [H2.02.01.05b]. Bên cạnh đó, giảng viên còn phải hoàn thành các khối lượng công việc cụ thể như: biên soạn và chỉnh sửa ĐCCT, NHCHT, soạn bài giảng, viết bài báo khoa học, hướng dẫn SV NCKH, tham gia hội thảo, semina, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp,... [H2.02.01.05b]; [H6.06.06.02].

Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả, tiến độ triển khai khối lượng công tác của giảng viên được thực hiện nghiêm túc thông qua Trưởng bộ môn và lãnh đạo Khoa, bộ phận quản lý đào tạo, quản lý khoa học & công nghệ... của nhà trường [H6.06.02.08]; [H6.06.04.05a] [H6.06.06.03] [H6.06.02.07b]. Các bài báo của cán bộ, giảng viên có nội dung phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường, gắn kết chặt chẽ với các ngành, chuyên ngành đào tạo của Trường và phù hợp với các chương trình KH&CN trọng tâm của tỉnh Thanh Hoá [H6.06.02.07]. Nhà trường có quy định hỗ trợ đối với các công trình khoa học đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao (WEB OF SCIENCE, SCI, Scopus...), nhằm khích lệ GV tham gia nhiều hơn nữa trong NCKH, nâng cao vị thế của Nhà trường [H2.02.01.05c]. Các đề tài trong lĩnh vực giáo dục, đổi mới công tác quản lý và nhiều đề tài nghiên cứu đổi mới CTĐT, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới công tác thi, kiểm tra đánh giá theo yêu cầu của thực tiễn đã được CBGV Nhà trường chú trọng thực hiện. Đây là các nghiên cứu quan trọng góp phần tích cực trong việc xây dựng và phát triển Nhà trường, trước yêu cầu cấp thiết của đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo [H6.06.02.07b].

Tổ chức đánh giá khối lượng thực hiện của giảng viên theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật, xếp loại, thi đua của nhà trường, của Đảng bộ và các tổ chức chính trị đều được thực hiện rất nghiêm túc và nền nếp [H6.06.02.10]. Cụ thể, đầu năm mỗi giảng viên sẽ có kế hoạch về khối lượng công việc cũng như đăng ký các tiêu chí thi đua của trường, cuối năm căn cứ khối lượng công việc thực hiện cũng như những tiêu chí thi đua làm căn cứ đánh giá xếp loại và khen thưởng giảng viên [H6.06.06.03].

Bảng 6.12. Kết quả đánh giá xếp loại giảng viên của chương trình đào tạo giai đoạn 2017 - 2022

TT	Năm học	Kết quả xếp loại								
		Hoàn thành XS nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành NV		Tổng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	2017-2018	3	8,33	31	86,11	1	2,78	1	2,78	36
2	2018-2019	5	15,63	25	78,13	2	6,25	0	0,00	32
3	2019-2020	5	16,13	24	77,42	1	3,23	1	3,23	31
4	2020 – 2021	4	11,43	30	85,71	0	0,00	1	2,86	35
5	2021-2022	3	7,89	34	89,47	1	2,63	0	0,00	38

Các danh hiệu thi đua được tôn vinh, bình xét vào cuối năm học (đối với thi đua của Đảng được thực hiện vào cuối năm dương lịch). Cụ thể, giảng viên được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi có các thành tích xuất sắc trong giảng dạy, NCKH và gương mẫu trong thực hiện nội quy, quy chế đào tạo. Những giảng viên này sẽ được bình xét lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp hằng năm. Trong giai đoạn 2017 – 2022, tỷ lệ giảng viên của CTĐT đạt xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên luôn chiếm trên 90%.

Đối với khen thưởng NCKH, giảng viên phải có ít nhất một trong các điều kiện sau: Có đề tài NCKH đạt loại xuất sắc hoặc có ít nhất 4 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành được hội đồng nhà nước tính điểm hoặc có 1 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số SSI, Scopus hoặc có chỉ số Impact. Sự ghi nhận và khen thưởng đối với giảng viên luôn được triển khai kịp thời, đúng quy định đó chính là động lực cho đội ngũ giảng viên tích cực hơn trong công tác [H6.06.06.04];[H6.06.02.09]. Trong giai đoạn 2017 – 2022, tỷ lệ GV của CTĐT được khen thưởng trong hoạt động NCKH ngày càng tăng lên, điều này chứng tỏ, hoạt động NCKH của giảng viên ngày càng được chú trọng và đầu tư cả về mặt số lượng lẫn chất lượng. Đặc biệt những giảng viên có thành tích xuất sắc và đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2 năm liên tục được xem xét nâng bậc lương trước hạn [H6.06.06.05].

Bảng 6.13. Kết quả thi đua, khen thưởng giảng viên của chương trình đào tạo giai đoạn 2017 - 2022

TT	Năm học	Khen thưởng										Tăng lương trước hạn	
		LĐTT		CSTĐ cấp trường		CSTĐ cấp tỉnh		Cấp Bộ		XS trong HD NCKH cấp trường			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	2017-2018	34	94,44	2	5,56	1	2,78	1	2,78	3	8,33		
2	2018-2019	30	93,75	3	9,38			1	3,13	3	9,38	1	3,13
3	2019-2020	29	93,55	3	9,68	1	3,23			4	12,90	1	3,23
4	2020 – 2021	34	97,14	2	5,71					5	14,29		
5	2021 – 2022	37	97,37	2	5,26					3	7,89		

2. Điểm mạnh

Việc quản lý, xác nhận kết quả khối lượng công tác, kết quả bình xét thi đua khen thưởng đối với đội ngũ giảng viên luôn được thực hiện công khai, minh bạch, kịp thời, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn làm thước đo khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa.

3. Điểm tồn tại

Việc quản trị theo kết quả công việc đôi lúc còn chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho giảng viên, nghiên cứu viên.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2022 – 2023, Nhà trường sẽ chỉnh sửa, bổ sung quy trình, đánh giá kết quả nhằm tạo động lực cho giảng viên, nghiên cứu viên

Bảng 6.14: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.6)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung quy trình, đánh giá kết quả nhằm tạo động lực cho giảng viên, nghiên cứu viên.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng quy trình bình xét, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ giảng viên công khai, minh bạch, kịp thời, lấy kết quả	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	

		thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn làm thước đo khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, giúp theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động KH&CN của Nhà trường được thực hiện theo QĐ số 577/QĐ-ĐHHĐ trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT được Hiệu trưởng ban hành và công bố công khai tới các đơn vị (Văn bản); Hộp thư điện tử của Đơn vị/ Trưởng đơn vị; trên website của nhà trường [H6.06.07.01].

Đề đáp ứng yêu cầu về nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH trở thành nhiệm vụ quan trọng của người giảng viên đại học. Theo quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên [H6.06.02.03]. Hằng năm giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian trong năm để thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho giảng viên và đơn vị theo định mức, cuối năm phải hoàn thành các nhiệm vụ quy đổi là 180 giờ (Chủ trì/tham gia thực hiện đề tài các cấp; chuyển giao kết quả NCKH; công bố kết quả trên tạp chí chuyên ngành; hướng dẫn SV NCKH; đề xuất, chủ trì/tham gia các hoạt động về HTQT trong KH&CN; đề xuất hoặc thực hiện ý tưởng sáng tạo và các hoạt động KH&CN) [H6.06.02.03]; [H6.06.07.01].

Ngay sau khi Hội đồng đã thẩm định hợp đánh giá, góp ý, Hiệu trưởng ký thông báo nhiệm vụ NCKH của mỗi cá nhân để tiếp tục triển khai, thực hiện [H2.02.01.05a,b];[H2.06.02.07c]. Khi xây dựng và ban hành các quy định này, cán bộ giảng viên của nhà trường đều có ý kiến tham gia đầy đủ. Công tác quản lý đề tài cấp cơ sở, nhà trường đã ban hành quy định rất rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn của chủ nhiệm đề tài, quy trình, mẫu biểu thẩm định và nghiệm thu đề tài, quy định về kiểm tra tiến độ thực hiện... Đề tài xếp loại xuất sắc được áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống sẽ được Hiệu trưởng xem xét khen thưởng, ngược lại đề tài không thực hiện đúng tiến độ thì thu hồi kinh phí và xử phạt theo quy định [H6.06.07.02]. Nhà trường và khoa KT - QTKD luôn quan tâm, tạo điều kiện để giảng viên tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, các đề tài NCKH của sinh viên được đánh giá Xuất sắc hoặc triển khai ứng dụng, giáo viên hướng dẫn được xem xét khen thưởng [H6.06.07.02]; [H6.06.07.03].

Trong 5 năm gần đây, Khoa KT - QTKD có 05 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp Tỉnh đã được nghiệm thu; 03 đề tài cấp Bộ và 04 đề tài cấp Tỉnh đang được triển khai thực hiện; Có 22 đề tài cơ sở đã được nghiệm thu và 06 đề tài cấp cơ sở chuẩn bị nghiệm thu; có 265 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành; hướng dẫn 121 sinh viên NCKH và đạt giải cấp Khoa, cấp Trường; tổ chức hội thảo cấp Khoa, Trường đạt kết quả tốt [H6.06.02.07]. Số liệu các công trình NCKH cụ thể do cán bộ giảng viên khoa KT - QTKD thực hiện trong giai đoạn 2017-2021 được tổng hợp bảng dưới đây:

Bảng 6.15: Bảng thống kê các công trình nghiên cứu khoa học do cán bộ giảng viên khoa đảm nhận trong 5 năm gần đây (2017-2021)

Hạng mục công trình	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021 - 2022	Tổng
Đề tài, dự án cấp Nhà nước	0	0	1	0	0	0	1
Đề tài, dự án cấp Bộ, Tỉnh	0	2	4	3	6	3	15
Đề tài, dự án cấp cơ sở	6	6	6	6	6	6	30
Hội thảo khoa học các cấp	5	4	4	9	5	5	27
Bài báo khoa học	27	52	72	52	62	66	265

(Nguồn: phòng QL KH&CN)

Bên cạnh các đề tài, hội thảo, bài báo, giai đoạn 2017 – 2022 giảng viên Tài chính – Ngân hàng đã tham gia xuất bản các tài liệu phục vụ hoạt động dạy học như sau:

Bảng 6.16: Bảng thống kê các tài liệu phục vụ dạy học được xuất bản của giảng viên ngành Tài chính – Ngân hàng trong 5 năm gần đây (2017-2022)

TT	Tên tài liệu dạy học	Tên tác giả	Năm, nhà xuất bản
1	Chính sách và nghiệp vụ thuế	Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Bất	2016, NXB Lao động
2	Câu hỏi và bài tập thuế	Lê Hoàng Bá Huyền	2016, NXB Lao động
2	Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp	TS. Lê Quang Hiếu, Nguyễn Thị Loan	8/2019, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
3	Câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô	TS. Tôn Hoàng Thanh Huế, TS Đỗ Thị Mẫn	2020, NXB Kinh tế quốc dân
4	Câu hỏi và bài tập Kế toán tài chính	TS Lê Thị Hồng, TS Lê Thị Minh Huệ, ThS Lê Thị Diệp	2019, NXB Tài chính
5	Kế toán quản trị chi phí	TS Nguyễn Thị Bình, Ths. Nguyễn Thị Nhung, Ths. Lê Thị Minh Trí	2019, NXB Tài chính
6	Hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí	TS. Đặng Lan Anh, TS, Phạm Thị Bích Thu, ThS Trần Thị Lan Hương, Ths Nguyễn Thị Thanh	2019, NXB Tài chính
7	Kiểm soát nội bộ	TS. Phạm Thị Bích Thu, TS. Lê Huy Chính, TS. Đặng Lan Anh, Ths. Lê Thị Diệp	2019, NXB Tài chính
8	Giáo trình kế toán tài chính quyển 1	TS. Nguyễn Thị Thu Phương, TS. Lê Thị Hồng, TS. Đặng Lan Anh, TS. Trần Thị Lan Hương, ThS Lê Thị Diệp, ThS Nguyễn Thùy Linh, ThS Lê Thị Mỹ Dung	2021, NXB Tài Chính

TT	Tên tài liệu dạy học	Tên tác giả	Năm, nhà xuất bản
9	Giáo trình Kế toán quản trị	TS. Lê Thị Minh Huệ, TS. Lê Thị Hồng, TS. Đặng Lan Anh, TS. Nguyễn Thị Thanh	2021, NXB ĐH KTQD
10	Câu hỏi và bài tập tài chính công	PGS.TS Lê Hoàng Bá Huyền, TS. Lương Đức Danh, Th.s Lê Đức Đạt,	2022, NXB tài chính

Qua bảng 6.9 và 6.10 cho thấy, số lượng các công trình NCKH của giảng viên tham gia CTĐT nói chung và của ngành Tài chính – Ngân hàng ngày càng gia tăng không chỉ về mặt số lượng mà còn nâng cao về mặt chất lượng, cấp độ và hàm lượng khoa học trong các đề tài, hội thảo bài báo ngày càng cao. Tuy nhiên, số lượng tài liệu phục vụ dạy học được xuất bản còn khiêm tốn, số lượng đề tài NCKH cấp cao thấp, chưa tương xứng với năng lực NCKH của đội ngũ giảng viên. Số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên trong nhà trường nói chung và khoa KT - QTKD nói riêng đều được giám sát chặt chẽ, xác định chính xác khối lượng quy đổi và có điều chỉnh kịp thời [H6.06.02.03].

Với các thành tích về NCKH nên nhiều giảng viên đã được xếp loại viên chức hoàn thành xuất sắc và chiến sỹ thi đua hàng năm [H6.06.02.09].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên tham gia ngày càng nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: Đề tài khoa học các cấp, các dự án, các hội thảo, các bài báo khoa học được đăng trên các kỷ yếu khoa học trong nước và quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Chưa có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước về lĩnh vực kinh doanh và quản lý, số lượng giảng viên tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài còn ít. Các công trình nghiên cứu mang tính đóng góp cho phát triển địa phương chưa nhiều, số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo thuộc danh mục WEB OF SCIENCE/Scopus còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Khoa KT - QTKD động viên thúc đẩy giảng viên tham gia đa dạng hóa các hình thức nghiên cứu khoa học, tích cực viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có uy tín thuộc danh mục WEB OF SCIENCE/Scopus. Khoa tích cực tham gia đầu thầu chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước.

Bảng 6.17: Kế hoạch hành động (tiêu chí 6.7)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục động viên thúc đẩy giảng viên tham gia đa dạng hóa các hình thức nghiên cứu khoa học, tích cực viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có uy tín thuộc danh mục WEB OF SCIENCE/Scopus. Khoa tích cực tham gia đầu thầu	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	

		chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước.			
2	Phát huy điểm mạnh	Đội ngũ giảng viên tiếp tục tham gia ngày càng nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: Đề tài khoa học các cấp, các dự án, các hội thảo, các bài báo khoa học được đăng trên các kỷ yếu khoa học trong nước và quốc tế.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 6

Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo chương trình ngành Tài chính – Ngân hàng cơ bản đáp ứng được yêu cầu về năng lực chuyên môn và NCKH; cán bộ giảng viên của Khoa được tuyển dụng công khai, minh bạch trên cổng thông tin theo đúng quy trình tuyển dụng của Nhà trường. Khoa và nhà trường khuyến khích, động viên cán bộ giảng viên tham gia đầy đủ và có chất lượng các hoạt động KH&CN, góp phần nâng cao trình độ, khả năng độc lập nghiên cứu của giảng viên.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng tự đánh giá tiêu chuẩn 6 đạt 7/7 tiêu chí và bình quân đạt 5,0/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Nhà trường và Khoa KT - QTKD luôn chú trọng việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong quá trình tuyển dụng, các tiêu chí và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Hàng năm, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

Nhà trường và Khoa luôn xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và các hoạt động triển khai. Đồng thời, thường xuyên tiến hành triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên gồm cả khen thưởng và công nhận để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở phân tích dự báo nhu cầu về thực trạng nhân sự phục vụ cho đào tạo trên cơ sở số lượng người học, Trường ĐHHĐ đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên trong kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHHĐ giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030 [H1.01.01.01b] và xác định vị trí việc làm đối với cán bộ hỗ trợ tại các bộ phận phòng, ban, Khoa [H6.06.01.03] trong đó mô tả chi tiết các vị trí công việc, yêu cầu đối với công việc và số lượng cụ thể cho từng vị trí của từng Khoa đào tạo. Nhà trường đã có bản mô tả công việc đối với đội ngũ nhân viên [H7.07.01.01], qua đó nhà trường thực hiện việc quy hoạch đội

ngũ này dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng thể hiện qua quy định về tuyển, học việc, thử việc và mẫu hồ sơ thử việc đối với lao động hợp đồng trong trường ĐHHĐ [H6.06.01.05].

Chương trình đào tạo ngành TCNH được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm như phòng GDCT và công tác HSSV, phòng Quản lý Đào tạo, trung tâm Thông tin Thư viện, Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông; trung tâm Giáo dục thường xuyên,... Tại Khoa KT - QTKD, có 5 nhân viên cán bộ hỗ trợ bao gồm 02 trợ lý quản lý sinh viên giải quyết công việc liên quan đến học tập của sinh viên; 02 trợ lý giáo vụ hỗ trợ phụ trách công tác đào tạo sau đại học, chính quy, liên thông, văn bằng 2 và vừa làm vừa học, 01 cán bộ phòng máy hỗ trợ các buổi học thực hành. Ngoài ra, còn có các Giảng viên kiêm nhiệm: 01 cán bộ trợ lý Khoa học và Nghiệp vụ giải quyết các công việc liên quan hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, giảng viên cũng như các vấn đề về thực tập của sinh viên; 01 cán bộ phụ trách kiểm soát tài liệu ISO của khoa có nhiệm vụ kiểm soát hồ sơ của bộ môn, khoa và 8 cố vấn học tập tư vấn về chọn môn học, giải quyết các thắc mắc của sinh viên về ngành học, môn học. Đội ngũ nhân viên của Khoa có đầy đủ hồ sơ, lý lịch [H7.07.01.01], đáp ứng được nhu cầu đào tạo và NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết quả đánh giá viên chức - lao động hàng năm cho thấy các trợ lý Khoa được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H6.06.02.08]

Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên, được đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ như: tin học, công tác văn thư, lưu trữ, nghiệp vụ kiểm soát tài liệu;... Trong số các giảng viên kiêm nhiệm có 2 người có trình độ Tiến sĩ và tất cả đều có kinh nghiệm từ 5 năm trở lên, hiểu biết rất sâu sắc về CTĐT, là cầu nối giúp lãnh đạo khoa, hỗ trợ sinh viên thực hiện CTĐT [H7.07.01.01]. Hàng năm Nhà trường và Khoa đều tiến hành rà soát và đánh giá từ đó cho phép các cá nhân thực hiện việc đăng ký nhiệm vụ học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm đảm bảo chất lượng, các cán bộ hỗ trợ đều cố gắng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: kỹ năng tin học, công tác văn thư. Các giảng viên kiêm nhiệm công việc trợ lý luôn có giờ trực và được tập huấn định kỳ để thực hiện nhiệm vụ được giao. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa luôn hoàn thành tốt việc hỗ trợ học tập và nghiên cứu của SV trong quá trình học tập.

Hàng năm, Trưởng các đơn vị có trách nhiệm đề xuất quy hoạch, kế hoạch cho đội ngũ cán bộ của đơn vị. Dựa vào số lượng SV đơn vị hỗ trợ, khối lượng công việc đảm nhận và kế hoạch đào tạo cán bộ, độ tuổi về hưu, Trưởng đơn vị xác định được nhu cầu về đội ngũ nhân viên ở đơn vị mình trong các năm và đề xuất chỉ tiêu tuyển dụng với Phòng TC-HC-QT, Phòng TC-HC-QT sẽ xem xét và trình Hiệu trưởng phê duyệt ra quyết định thông báo tuyển viên chức với các yêu cầu về trình độ nghiệp vụ, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp với từng vị trí của các đơn vị. Nhà trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Nhà trường [H6.06.01.05], [H7.07.01.01]. Việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ nhân viên được dựa vào quy chế đánh giá phân loại cán bộ viên chức, người lao động trường ĐHHĐ [H6.06.04.08]

Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Trung tâm thông tin – Thư viện luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin lưu trữ, tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động học tập và nghiên

cứu của giảng viên và sinh viên. Tư liệu của các Khoa luôn được kịp thời cập nhật, kiểm kê và phân loại số lượng theo danh mục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu tư liệu.

Đội ngũ nhân viên thư viện của trường đủ về số lượng, có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Số lượng cán bộ thư viện gồm 23 người (TS: 1; ThS: 2; ĐH: 19), được tổ chức trong 3 bộ phận: bộ phận Nghiệp vụ, bộ phận phục vụ bạn đọc, bộ phận QL, khai thác Thư viện điện tử. Nhân viên 3 bộ phận này tích cực hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu, khai thác tài liệu. Đội ngũ cán bộ ở các bộ phận được sắp xếp hợp lý, có khả năng và năng lực chuyên môn tốt và được GV, người học hài lòng ở mức trên 85% [H7.07.01.02]. Để kịp thời động viên và thu hút đội ngũ nhân viên, bên cạnh các chế độ ưu đãi được hưởng như các đối tượng khác trong nhà trường, đội ngũ nhân viên thư viện còn được hưởng chế độ độc hại theo quy định hiện hành [H2.02.01.05c].

Đội ngũ cán bộ CNTT của Nhà trường hiện nay có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo sự hoạt động tốt của các thiết bị hiện đại, cơ sở vật chất phục vụ chung trong nhà trường, Khoa và Bộ môn. Nhà trường hiện có đội ngũ cán bộ CNTT ở khoa CNTT&TT với 19 CBGV và 10 CB thuộc Phòng TC- HC-QT, phòng ĐBCL&KT đủ đáp ứng yêu cầu trong việc theo dõi, sửa chữa, hướng dẫn sử dụng hệ thống thiết bị CNTT và tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả của người học với các học phần thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính, đánh giá CDR ngoại ngữ.

Thư viện điện tử và nguồn tài nguyên số luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin, lưu trữ và cập nhật dữ liệu mới để tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên trong Trường. Các công cụ lưu trữ và tra cứu tài liệu được kiểm tra, đánh giá định kỳ để nâng cấp và cải tiến cho chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn. Đội ngũ cán bộ nhân viên phục vụ thường xuyên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H7.07.01.03]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và đội ngũ cán bộ giảng viên về chất lượng và thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên, các ý kiến đều thống nhất cho rằng đội ngũ kỹ thuật viên có thái độ phục vụ nghiêm túc, thành thạo nghiệp vụ, tuy nhiên cần phản ứng nhanh hơn khi có yêu cầu hỗ trợ và đáp ứng tốt nhu cầu của người đọc [H7.07.01.02].

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có năng lực, trình độ chuyên môn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao [H7.07.01.04]; đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động khác trong Trường được người học, đơn vị và Nhà trường đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên [H6.06.02.09].

Nhà trường, Khoa chú trọng việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nhân viên thông qua kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm [H6.06.05.01] [H6.06.05.02]. Kết quả được thể hiện thông qua các báo cáo công tác, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức và người lao động các năm của Nhà trường. Hàng năm, nhà trường gửi các kỹ thuật viên, nhân viên đi bồi dưỡng nghiệp vụ, cách thức quản lý, sử dụng các trang thiết bị, thư viện điện tử ở một số trường trong và ngoài nước. Từ năm 2017 đến năm 2022 có 145 lượt kỹ thuật viên, nhân viên được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ [H7.07.01.03].

Kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên định kỳ cho thấy người học hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.05].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của Khoa, Nhà trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với vị trí việc làm, có kỹ năng, tay nghề vững vàng; được quan tâm, tạo điều kiện tham gia các chương trình, dự án, các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn hoặc tập huấn nghiệp vụ, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu phục vụ dạy học và NCKH được người học tin tưởng, đánh giá cao.

Đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin và trung tâm thông tin thư viện hỗ trợ người học có thái độ phục vụ nghiêm túc, thành thạo nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu CTĐT và được người học đánh giá cao.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Khoa và Nhà trường chú trọng việc thực hiện phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên.

Bảng 7.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 7.1)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan đến vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên	Phòng TC-HC-QT, Khoa KT – QTKD	Từ năm học 2022- 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh về số lượng, trình độ đội ngũ cán bộ, nhân viên	Phòng TC-HC-QT, Khoa KT - QTKD	Từ năm học 2022- 2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường và Khoa KT - QTKD rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy định về tuyển, học việc, thử việc và mẫu hồ sơ thử việc đối với lao động hợp đồng trong trường ĐHHĐ [H6.06.01.05]; [H7.07.02.01];[H7.06.03.02]. Các quy định cụ thể về các tiêu chí bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo quản lý theo quy định của tỉnh Thanh Hóa [H6.06.03.04]. Các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học theo quy định. Các tiêu chuẩn tuyển dụng là có lí lịch rõ ràng, văn bằng, chứng chỉ đào tạo và kỹ năng phù hợp vị trí việc làm, có đủ sức khỏe để thực hiện công việc. Mặt khác, việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào các vị trí Trưởng/Phó các đơn vị cũng cần đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác,... Các tiêu chí tuyển dụng, tuyển chọn và bổ nhiệm đội ngũ nhân viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H6.06.03.01]. Tiêu chí tuyển dụng được rà soát, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của nhà trường, phù hợp với nâng cao chất lượng đội ngũ của nhà trường. Việc tuyển dụng được thực hiện bởi hội đồng nhằm đảm bảo khách quan, chính xác. Kết quả tuyển dụng được công bố

công khai trên địa chỉ website <http://www.hdu.edu.vn/>.

Căn cứ tình hình cụ thể hàng năm Nhà trường cũng như lãnh đạo khoa xây dựng kế hoạch nhu cầu đội ngũ hỗ trợ của Khoa và Nhà trường [H6.06.01.04], [H6.06.01.06]. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H6.06.02.03]. Để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Tiêu chí tuyển dụng ngoài trình độ chuyên môn, khả năng ngoại ngữ, tin học còn có bài khảo sát hiểu biết về công việc chuyên môn [H6.06.01.05]. Nhà trường có đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đào tạo các ngành học của trường nói chung và đào tạo ngành TCNH nói riêng, NCKH và các hoạt động khác.

Trong thời gian vừa qua Khoa thực hiện tiếp nhận 02 cán bộ hỗ trợ về Khoa trên cơ sở kết quả tuyển dụng đã được hội đồng tuyển dụng Nhà trường đánh giá và tuyển chọn. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong thời gian vừa qua, cụ thể là kết quả đánh giá xếp loại CBVC cho thấy đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên đặc biệt là 02 nhân viên này đã đáp ứng tốt hơn yêu cầu về nhân lực và hoạt động hỗ trợ người học [H7.07.02.01].

Nhà trường và khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm ngạch chuyên viên (chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp) [H7.07.02.02]. Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, Nhà trường và Khoa luôn chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động được báo cáo hàng năm [H6.06.01.04].

Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm được phổ biến công khai đến các đơn vị trong toàn Trường [H7.07.02.03].

2. Điểm mạnh

Khoa đã tuyển dụng đội ngũ nhân viên đáp ứng chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm và điều chuyển được Nhà trường công khai đầy đủ trên hệ thống website, được phổ biến đến toàn thể CBVC-LĐ trong trường và được công khai qua các phương tiện thông tin (đài, báo của Tỉnh) vào các đợt tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Công tác tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ trợ lý giáo vụ chưa được tiến hành thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 7.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 7.2)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho bộ phận trợ lý giáo vụ	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, căn cứ Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHHĐ và các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc đánh giá, xếp loại viên chức – lao động, các đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện việc đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên trong đơn vị theo quy trình, phương pháp và các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể [H6.06.02.10], [H6.06.04.09]; [H6.06.02.08]. Hằng tháng, trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được lãnh đạo đơn vị phân công, việc đánh giá năng lực của nhân viên (với 4 mức đánh giá Hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ) được Khoa/Phòng thực hiện theo các bước như sau: Nhân viên tự đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ trong tháng, các tổ/bộ phận đánh giá và ban lãnh đạo Khoa/Phòng đánh giá [H6.06.04.09], kết quả đánh giá hằng tháng được căn cứ đánh giá xếp loại cuối năm đối với cán bộ hỗ trợ.

Ngoài ra, để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn vị trí việc làm [H6.06.01.03]. Bên cạnh đó, để cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên trong công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu, các đơn vị đã chủ trì xây dựng kế hoạch, mẫu phiếu tổ chức lấy ý kiến đội ngũ GV, người học về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên; [H7.07.01.02]. Các kết quả lấy ý kiến này cũng là một trong các tiêu chí được đưa vào đánh giá xếp loại đội ngũ nhân viên hàng năm.

Khoa KT - QTKD là một trong các khoa đào tạo của nhà trường, vì vậy bên cạnh đội ngũ giảng viên luôn có sự hỗ trợ tích cực của đội ngũ nhân viên. Hiện nay, đội ngũ nhân viên của khoa KT - QTKD có 05 cán bộ hỗ trợ bao gồm: 02 cán bộ trợ lý công tác HSSV, 02 cán bộ trợ lý Giáo vụ và 1 cán bộ phụ trách phòng máy, thực hành. Trong đó cả 5/5 cán bộ có trình độ thạc sỹ đạt 100%. Có đầy đủ các chứng chỉ, kỹ năng như tin học, tiếng Anh, công tác văn thư, lưu trữ...[H7.07.03.01]. Các CVHT là các giảng viên có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm am hiểu về CTĐT, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ quá trình học tập của SV. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà nước. Các giảng viên kiêm nhiệm công việc trợ lý luôn có giờ trực và được phân công việc cụ thể các ngày trong tuần theo từng bộ môn.

Đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng thực hành của Khoa KT - QTKD hiện nay có 01 viên chức là giảng viên kiêm phụ trách các phòng thực hành (phòng thực hành Kế toán ảo, Ngân hàng ảo, Phòng thực hành kế toán máy, Mô hình Siêu thị mini) có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên, đảm bảo về khối lượng và chất lượng công việc được phân công, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu, triển khai ứng dụng của GV, học viên và SV [H7.07.01.01].

Ngoài ra, do đặc thù của khoa trong công tác đào tạo, khoa còn xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm: 08 cố vấn học tập phụ trách các khóa, lớp Đại học và Cao đẳng của các chuyên ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Tài chính ngân hàng; 01 cán bộ trợ lý Khoa học và Nghiệp vụ – Hợp tác quốc tế; 01 cán bộ kiểm soát tài liệu ISO của Khoa [H7.07.03.02]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ cho hoạt động của các CTĐT được đảm bảo về số lượng và chất lượng; được tuyển chọn theo các tiêu chuẩn quy định về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm

việc. Các yêu cầu về năng lực tổng hợp, năng lực giải quyết các vấn đề thực tế, các kỹ năng soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, phối hợp thực hiện, kỹ năng giao tiếp là các tiêu chuẩn tối thiểu để lựa chọn khi tuyển dụng, xác định và đánh giá năng lực trong quá trình công tác.

Để đạt được hiệu quả cao trong công việc, các cán bộ hỗ trợ đều được tập huấn và đào tạo đầy đủ hàng năm theo đúng công việc mà mình phụ trách thực hiện theo công văn tập huấn cán bộ nhân viên hằng năm. Kế hoạch và kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên [H7.07.03.03]; [H7.07.03.04]; [H6.06.01.01].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của khoa làm việc theo giờ hành chính theo quy định của nhà nước. Các giảng viên kiêm nhiệm công việc trợ lý, CVHT luôn hoàn thành đúng chức trách nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu cho lãnh đạo khoa trong việc triển khai, kiểm tra kết quả thực hiện công tác CVHT, công tác kế hoạch dạy học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; chính xác trong công tác thi kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và lưu giữ điểm của người học; trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện mục tiêu chất lượng hằng năm của đơn vị; công tác quản lý nắm bắt diễn biến tư tưởng người học; quản lý công văn, lưu giữ đầy đủ hồ sơ minh chứng và luôn làm đúng theo kế hoạch của Khoa và Nhà trường [H6.06.04.08]; [H6.06.04.09]; [H6.06.02.08]; [H7.07.03.05].

Bên cạnh đó, còn có đội ngũ nhân viên thuộc phòng GDCT và công tác HSSV, TC-HC-QT, Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Trung tâm. TTTV, Ban quản lý nội trú, Ban Quản lý Nhà ở SV,... khoa CNTT&TT hỗ trợ hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của đội ngũ cán bộ giảng viên trường ĐHHĐ nói chung và đội ngũ GV ngành Tài chính – Ngân hàng nói riêng.

Để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn vị trí việc làm [H6.06.04.08]; [H6.06.01.03]. Năng lực của nhân viên được đánh giá dựa trên các tiêu chí về trình độ chuyên môn, tinh thần học tập và nâng cao trình độ chuyên môn nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tư tưởng chính trị, tác phong lễ lối thực hiện và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các tiêu chí được đưa ra cụ thể và cho điểm rõ ràng làm căn cứ để xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên [H6.06.04.09]. Bên cạnh đó, để cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên trong công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của đội ngũ giảng viên các đơn vị đã chủ trì xây dựng kế hoạch, mẫu phiếu tổ chức lấy ý kiến đội ngũ giảng viên, người học về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên [H7.07.01.05].

Việc đánh giá năng lực của nhân viên được xét đến trong quá trình làm việc và tiến hành đánh giá định kỳ hàng năm trong tháng 12 trước khi bình xét thi đua khen thưởng hàng năm. Kết quả đánh giá cuối cùng được thể hiện dưới dạng quyết định của Trường. Năng lực của nhân viên hỗ trợ, CBVC được thể hiện thông qua kết quả đánh giá CBVC hàng năm cùng với kết quả thi đua khen thưởng cá nhân và các đơn vị hỗ trợ [H6.06.02.09] [H6.06.02.10].

Hằng năm, Nhà trường đều phối hợp cùng với khoa thành lập các đoàn kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ mà cán bộ hỗ trợ khoa đảm nhiệm. Thông qua đó để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của khoa và đặc biệt là đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H7.07.03.06]. Những đóng góp của đội ngũ nhân viên của khoa được đánh giá theo đúng tiêu chuẩn và quy trình bình xét danh hiệu thi đua đã ban hành; được nhà

trường ghi nhận bằng các quyết định đạt các danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; trong những năm qua đội ngũ nhân viên của Khoa liên tục đạt danh hiệu lao động tiên tiến [H6.06.02.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên một cách cụ thể rõ ràng; hoạt động đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, khách quan, công bằng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa lấy ý kiến để điều chỉnh, cải tiến mẫu phiếu tự đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 7.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 7.3)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cải tiến mẫu phiếu tự đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ giảng viên	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên là hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ, là điều kiện quyết định để Nhà trường nói chung và Khoa KT - QTKD nói riêng có thể khẳng định vị thế trong môi trường cạnh tranh hiện nay. Vì vậy, công tác đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ luôn được Nhà trường, Khoa xác định và có kế hoạch thực hiện nghiêm túc. Thông qua việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức hành chính của các đơn vị, Nhà trường triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.01]. Đội ngũ nhân viên của khoa KT - QTKD nói riêng và trường đại học Hồng Đức nói chung, có đầy đủ năng lực và trình độ chuyên môn để hoàn thành công việc. Nhà trường có chính sách hỗ trợ về thời gian và kinh phí để chuyên viên, nhân viên có thể tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn như các khóa học bồi dưỡng ngắn hạn hay dài hạn được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của trường [H2.02.01.05c]. Để có cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân viên Nhà trường đã tổ chức khảo sát về nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng có kế hoạch thực hiện rõ ràng. Kết quả khảo sát được thể hiện trong báo cáo trình lãnh đạo xem xét để có cơ sở chuẩn bị nguồn lực thực hiện triển khai. Hàng năm, Nhà trường gửi thông báo đến các đơn vị có nhu cầu đăng ký cho nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng. Việc thông báo và cử nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện đúng quy định, thông báo đến các đơn vị có nhu cầu đăng ký cho nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.02.03] [H7.07.04.02], trên cơ sở thông báo về xây dựng kế hoạch học tập bồi dưỡng các cá

nhân xây dựng kế hoạch bản thân và các tổ chuyên môn thực hiện việc tổng hợp kế hoạch học tập bồi dưỡng trình lên Khoa để rà soát và gửi phòng TC-HC-QT thực hiện việc tham mưu cho Hiệu Trưởng ra quyết định

Nhân viên phục vụ trực tiếp của khoa có 06 người: 02 người làm trợ lý công tác HSSV, 02 người làm trợ lý giáo vụ, 01 người làm công tác hành chính khoa, 01 người cán bộ phòng máy. Đội ngũ nhân viên đã đóng góp quan trọng vào kết quả hàng năm của Khoa KT - QTKD [H7.07.03.01].

Để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của người học, Khoa đã xây dựng nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị giai đoạn 2017 – 2022 được các phòng chức năng thẩm định và Ban giám hiệu phê duyệt ban hành trong nhà trường [H6.06.01.06]. Trên cơ sở đó Khoa và nhà trường đã triển khai kế hoạch về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên như: tập huấn công tác giáo vụ, công tác kiểm soát tài liệu ISO, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, tiếng anh.... [H7.07.04.02]. Kết quả, trong 05 năm qua đội ngũ nhân viên của Trường được cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H7.07.04.03], đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hoạt động dạy, học của GV và người học [H7.07.04.03]. Sau khi được tham gia bồi dưỡng, tập huấn các nhân viên của Khoa báo cáo kết quả học tập với lãnh đạo quản lý trực tiếp và văn bằng chứng chỉ được sao lưu gửi phòng TC-HC-QT theo quy định của trường.

Hàng tháng, đội ngũ nhân viên được đánh giá xếp loại theo quy định ở 4 mức (hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ) [H6.06.02.08]; Cuối năm học được xếp loại viên chức – lao động, nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xem xét khen thưởng [H6.06.02.09]. Hàng năm khoa và các đơn vị có trách nhiệm đánh giá lại hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực báo cáo Ban giám hiệu [H2.02.01.05]; [H1.01.01.16].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và khoa đã xác định đúng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và được triển khai thực hiện đúng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đã được xác định.

Nhà trường đã có cơ chế chính sách đáp ứng yêu cầu học tập bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên phục vụ nói riêng và cán bộ giảng viên nói chung.

3. Điểm tồn tại

Tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa tương xứng với yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 7.4: Kế hoạch hành động (tiêu chí 7.4)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên Khoa theo định kỳ	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cũng như thực hiện nghiêm túc quy hoạch đào tạo	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện các hoạt động hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng cho tất cả các ngành đào tạo của Trường trong đó có ngành Tài chính – Ngân hàng, đội ngũ nhân viên được bố trí tại các phòng ban, trung tâm như Thông tin Thư viện, TTGD TX, Phòng Đảm bảo chất lượng và KT, Phòng QLĐT, Phòng QLKH&CN và hợp tác quốc tế, Phòng TC-HC-QT, Khoa CNTT& TT; Phòng GDCT và HSSV, Tại Khoa KT - QTKD có nhân viên làm nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo đó là quản lý sinh viên, trợ lý giáo vụ, nhân viên phụ trách phòng thực hành, phòng kế toán ảo, phòng ngân hàng ảo. Ngoài ra, khoa còn xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm các cố vấn học tập thực hiện hỗ trợ người học trong quá trình lập kế hoạch và theo dõi tiến độ học tập [H7.07.03.01] [H7.07.03.02].

Với từng chức danh công việc, Nhà trường đã có quy định về chức năng, nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên, khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên để có cơ sở đánh giá hiệu quả và năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H6.06.01.03].

Các quy định về đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng của nhà trường, của Đảng bộ và các tổ chức chính trị đều được thực hiện rất nghiêm túc và nền nếp [H6.06.02.10] và bản mô tả vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ được nêu rõ trong Đề án xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc trong trường Đại học Hồng Đức [H6.06.01.03].

Các nhân viên hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hàng kỳ đều có kế hoạch công tác, học tập bồi dưỡng. Trên cơ sở kế hoạch, tình hình thực tế, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Về phía nhà trường và khoa KT - QTKD luôn thực hiện việc giám sát và kiểm tra chặt chẽ hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác của GV, người học. Việc theo dõi giám sát hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện thông qua trưởng bộ phận, đơn vị và phòng Thanh tra giáo dục theo các văn bản quy định của Nhà trường về chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc của cán bộ hành chính, trợ lý, cán bộ kiểm soát tài liệu và CVHT, quy định của nhà trường, khu nội trú, phòng học,... [H7.07.03.05]. Việc quản lý công việc và khen thưởng cũng như ghi nhận thành tích của CBVC của Nhà trường được công khai và thực hiện theo quy chế thi đua, khen thưởng [H6.06.04.09]. Nhà trường luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên, hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình giảng dạy và NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Ngoài ra, hàng tháng Tổ trưởng và Lãnh đạo khoa cũng sẽ tổ chức họp bình xét đánh giá kết quả xếp loại lao động trên cơ sở chất lượng công việc trong tháng và theo từng vị trí chức danh căn cứ theo chức trách nhiệm vụ đã được mô tả trong đề án vị trí việc làm và bản mô tả công việc [H7.07.01.01] theo quy trình từ phía cá nhân đến các tổ và lãnh đạo Khoa đối với cán bộ viên chức và lao động hợp đồng của Khoa. Kết quả xếp loại lao động của CBVC-LĐ sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm. Thu nhập tăng thêm hàng tháng là nguồn động viên, khuyến khích kịp thời để CBVC-LĐ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm. Kết quả của Hội đồng khen thưởng

được công khai rộng rãi trong toàn trường [H6.06.07.03]. Mức chi khen thưởng tương ứng với thành tích của nhân viên đạt được trong các hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động hỗ trợ cộng đồng được nêu chi tiết trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm [H2.02.01.05].

Hàng năm, nhà trường đều có văn bản hướng dẫn tổng kết, đánh giá, xếp loại, bình xét thi đua khen thưởng, các danh hiệu thi đua được tôn vinh, bình xét cán bộ, viên chức – lao động về các mặt hoạt động đào tạo, NCKH, Công tác CVHT, hỗ trợ đào tạo... [H6.06.04.09]. Sự công nhận kết quả và khen thưởng, bình xét lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp hàng năm là động lực cho đội ngũ nhân viên tích cực hơn trong công tác [H6.06.02.09].

Công tác đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng của Nhà trường và Khoa KT - QTKD được thực hiện đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, chính xác, khách quan, góp phần giúp đội ngũ này cải thiện hiệu quả công việc được giao. Hàng năm, tất cả các nhân viên thuộc khoa KT - QTKD đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong mỗi công việc luôn có những suy nghĩ cải tiến để đem lại hiệu quả cao hơn. Mỗi thành viên đều rất cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ cho dù có khó khăn phát sinh, thành tích hoạt động đó được thể hiện trong biên bản họp bộ môn [H6.06.02.08]. Thông qua nhiệm vụ thực hiện hàng tháng các tổ chuyên môn giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, lãnh đạo Khoa phụ trách lĩnh vực theo dõi kết quả làm việc của nhân viên phụ trách để đôn đốc nhắc nhở và đánh giá mức độ hoàn thành công việc được giao. Kết quả công việc của nhân viên Khoa KT - QTKD được đánh giá, khen thưởng và kỷ luật rõ ràng theo đúng quy định nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tính đến thời điểm hiện nay chưa nhận được đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho cán bộ viên chức - lao động và việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên công khai, minh bạch và rõ ràng [H7.07.05.01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có sự phân công công việc cho đội ngũ nhân viên một cách rõ ràng, có cơ chế giám sát chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo khen thưởng. Kết quả công việc được đánh giá định kỳ hàng năm, nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Một số vị trí của đội ngũ nhân viên chưa được khen thưởng theo vị trí công việc cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 7.5: Kế hoạch hành động (tiêu chí 7.5)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Ban hành tiêu chí đánh giá, khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc đánh giá kết quả công việc của đội ngũ cán bộ và nhân viên	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
---	--------------------	--	-------------------------------------	-------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Khoa KT - QTKD cơ bản đảm bảo về số lượng và chất lượng, nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy trình và công bố công khai. Trường ĐHHĐ tạo mọi điều kiện để học viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn có tinh thần phục vụ cao và sẵn sàng nhận nhiệm vụ được phân công.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH tự đánh giá tiêu chuẩn 7 đạt 5/5 tiêu chí (bình quân đạt 4,8/7 điểm).

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Người học của ngành tài chính ngân hàng, Trường Đại học Hồng Đức được bảo đảm các điều kiện nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người học như: thực hiện kịp thời các chế độ chính sách, học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ ngoài ngân sách, cấp Giấy xác nhận vay vốn tín dụng đào tạo, tổ chức hội chợ việc làm, bồi dưỡng kiến thức khởi nghiệp... để người học có cơ hội gặp gỡ, giao lưu với các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp và rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp.

Chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch.

Nhà trường đang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đây là hình thức đào tạo ưu việt giúp người học có điều kiện tham gia vào tất cả các khâu trong quá trình đào tạo.

Người học ngành TCNH được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ phần mềm đến hệ thống giảng viên, cố vấn học tập, trợ lý và cán bộ của Khoa, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan trong Nhà trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách và quy định về tuyển sinh ngành TCNH được Nhà trường, khoa KT-QTKD thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT; Đề án tuyển sinh của Nhà trường nói chung, ngành TCNH nói riêng được xây dựng và cập nhật hằng năm dựa trên các tiêu chí cụ thể, rõ ràng được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, Bộ GD&ĐT ký duyệt giao chỉ tiêu [H8.08.01.01], [H8.08.01.02], [H8.08.01.03].

Tất cả các thông tin về tổ hợp môn xét tuyển, đối tượng tuyển sinh, quy trình xét tuyển, khu vực, đối tượng ưu tiên... đều được công khai trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường, được đưa tin trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa, đăng tải trên Website của Nhà trường, Khoa KT - QTKD, trên tờ rơi tuyên truyền tuyển sinh, trên các trang mạng xã hội như fanpage, facebook, zalo, các lớp sinh viên trong khoa. Cụ thể, tất cả các thông tin về phương thức xét tuyển (sử

dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia và sử dụng kết quả học tập 3 năm THPT), tổ hợp xét tuyển, điểm xét tuyển tất cả các ngành đào tạo và điểm ưu tiên cho từng đối tượng (khu vực, gia đình chính sách, điểm xét tuyển thẳng, vv...) được công bố công khai và rõ ràng trong đề án tuyển sinh của nhà trường. Công thông tin tuyển sinh của Nhà trường, Khoa luôn có cán bộ trực để trả lời các câu hỏi, thắc mắc mà thí sinh và phụ huynh quan tâm đến công tác tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.05]; [H8.08.01.06]; [H8.08.01.01-03].

Chính sách tuyển sinh liên tục được cập nhật qua các năm và được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành, có sự tham gia góp ý của các bên liên quan và phân tích/dự báo nhu cầu nguồn nhân lực. Ngoài những chính sách tuyển sinh chung của Nhà trường, khoa KT - QTKD cũng có những chính sách riêng cho sinh viên của mình, cụ thể là sinh viên được hỗ trợ trong việc kết nối với các doanh nghiệp để tìm kiếm cơ hội thực tập trong quá trình học tập và tìm kiếm việc làm sau khi ra trường. Kết quả tuyển sinh ngành TCNH trong 5 khóa (K20-K25) giai đoạn 2017-2022, được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 8.1. Tình hình tuyển sinh ngành đại học Tài chính – Ngân hàng giai đoạn 2017-2022 (K20-K25)

Năm tuyển sinh	Chỉ tiêu	Ứng viên			
		Điểm trúng tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học	Đạt tỷ lệ (%)
2017	60	15,5	37	33	89,19
2018	40	13,0	54	23	42,6
2019	40	14,0	35	21	60
2020	40	15,0	58	24	41,4
2021	30	15,0	120	76	63,3
2022	70	15,0	94	71	75,5

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo và phòng Công tác HSSV)

Kết quả bảng 8.1 cho thấy, số lượng người học nhập học ngành TCNH có sự tăng giảm không đều. Từ giai đoạn 2017 - 2022 có xu hướng tăng lên nguyên nhân là do giai đoạn này nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội đối với ngành tài chính ngân hàng tăng. Đặc biệt từ năm 2021 đến năm 2022, số lượng tuyển sinh khóa K24, K25 có số lượng trúng tuyển và nhập học tăng vượt trội so với chỉ tiêu của nhà trường. Nguyên nhân là do một phần vì nhu cầu xã hội, bên cạnh đó nhà trường, khoa đã có những kế hoạch, hành động tuyển sinh từ đầu năm phù hợp; nội dung, phương pháp tuyên truyền đa dạng, phong phú. Đặc biệt, nhà trường, khoa KT-QTKD đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sử dụng lao động, các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các địa phương lân cận để ký kết thỏa thuận hợp tác, trao học bổng cho sinh viên, xác lập địa điểm thực hành, thực tập, rèn nghề và tuyển dụng sinh viên ngành đại học TCNH sau khi tốt nghiệp [H8.08.01.07], [H8.08.01.08], [H8.08.01.09], [H8.08.01.10].

Tuy nhiên, trong những năm qua Nhà trường, Khoa chưa lấy ý kiến của các bên liên quan về công tác tuyển sinh ngành ĐH TCNH thông qua Phiếu khảo sát mà chủ yếu lấy ý kiến trực tiếp thông qua các hội nghị, các cuộc làm việc có liên quan. Vì thế chưa có phân tích, dự báo, đánh giá cụ thể về nguồn nhân lực.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường, khoa được thực hiện theo đúng Quy định

của Bộ GD&ĐT, được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội, tờ rơi tuyên truyền; hình thức tuyên truyền tuyên phong phú, dễ hiểu. Ngoài ra, cán bộ giảng viên trong Khoa, Đoàn thanh niên, Hội SV đã tích cực tham gia vào hoạt động tuyên truyền tuyển sinh, đồng thời đưa ra những ý kiến góp ý hiệu quả, góp phần tăng tỷ lệ thí sinh xét tuyển, nhập học vào ngành tài chính ngân hàng. Bên cạnh đó, Khoa cũng tổ chức các cuộc thi cho SV như cuộc thi mang đậm bản sắc kinh tế như Festival kinh tế hai năm một lần, cuộc thi rèn nghề mỗi năm với mỗi chủ đề khác nhau về xu hướng kinh tế hiện thời để nâng cao kiến thức học thuật chuyên ngành và tăng cường các các kĩ năng mềm cho SV giúp SV vừa học tập vừa liên hệ với các tình huống thực tế về chuyên ngành mình theo học. Các hình ảnh, video về các cuộc thi luôn được cập nhật trên trang web của khoa, thu hút đông đảo SV theo dõi, share,... từ đó mang được các hiệu ứng tuyển sinh đến nhiều đối tượng hơn.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường, Khoa chưa lấy ý kiến của các bên liên quan về công tác tuyển sinh ngành ĐH TCNH thông qua Phiếu khảo sát mà chủ yếu lấy ý kiến trực tiếp thông qua các hội nghị, các cuộc làm việc trực tiếp có liên quan. Vì thế chưa có phân tích, dự báo, đánh giá cụ thể về nguồn nhân lực. Số lượng sinh viên nhập học còn thấp hơn so với chỉ tiêu đề ra.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 8.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 8.1)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường, Khoa xây dựng Phiếu khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về công tác tuyển sinh hằng năm, từ đó sẽ phân tích, đánh giá và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để xây dựng Đề án tuyển sinh ngành TCNH đáp ứng nhu cầu xã hội, chính sách tuyển sinh phù hợp hơn.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD, bộ môn TCNH	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong công tác tuyên truyền tuyển sinh ngành TCNH.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD, bộ môn TCNH	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu 6/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành TCNH được Khoa và Nhà trường xác định rõ ràng, thể hiện chi tiết trong Đề án, thông báo tuyển sinh CTĐT, chính sách tuyển sinh, phương thức xét tuyển, kết quả tuyển sinh hằng năm của ngành

ĐH Tài chính ngân hàng. Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được duy trì bằng 3 phương thức: (1) xét tuyển thẳng, (2) là dựa vào kết quả của kỳ thi THPT quốc gia và (3) là dựa vào kết quả học tập của 3 năm học THPT với số điểm xét tuyển theo từng phương thức tuyển sinh được công bố công khai, rõ ràng. Hàng năm, nhà trường căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT kết hợp với nhu cầu tuyển sinh của Nhà trường để đưa ra tiêu chí và phương thức tuyển sinh phù hợp nhất nhằm đủ số lượng nhưng cũng đảm bảo chất lượng đầu vào của thí sinh trúng tuyển. [H8.08.02.01-02], [H8.08.01.05].

Từ năm 2014 trở về trước, phương thức tuyển sinh ngành TCNH được thực hiện theo quy định của BGD&ĐT, cụ thể: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tuyển đại học các khối A, A1 và D1. Từ năm 2015 đến năm 2019, tuyển sinh theo phương thức xét tuyển kết quả thi THPT quốc gia hoặc xét tuyển học bạ THPT thuộc các tổ hợp môn xét tuyển, gồm: (A00): Toán - Lý- Hóa, (C01): Toán- Văn- Lý, (C02): Toán- Văn- Hóa, và (D01): Toán-Văn-Tiếng Anh; Năm 2020, Nhà trường tuyển sinh theo phương thức xét tuyển kết quả thi THPT quốc gia hoặc xét tuyển học bạ THPT thuộc các tổ hợp môn xét tuyển và nhận đăng ký tuyển sinh theo 2 cách là đăng ký trực tiếp và đăng ký trực tuyến trên hệ thống website của Nhà trường, tổ hợp xét tuyển gồm: (A00) Toán - Lý- Hóa; (D01) Toán-Văn-Anh; (C04) Văn-Toán-Địa; (C14) Văn-Toán-GDCD; Năm 2021, Nhà trường thực hiện tổ chức tuyển sinh theo 5 phương thức: (1) Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT 2021; (2) Sử dụng kết quả thi THPT QG 2019 và tốt nghiệp THPT năm 2020; (3) Sử dụng kết quả học tập ở THPT; (4) Tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT, xét tuyển thẳng học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh; (5) Xét tuyển sinh có chứng chỉ IELTS từ 5.0 hoặc TOEFLiPT từ 60 điểm trở lên (trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký) theo Đề án tuyển sinh hằng năm của Nhà trường. [H8.08.01.01-05]

Bên cạnh đó, Nhà trường, Khoa KT-QTKD tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh (do Báo tuổi trẻ tổ chức); trực tiếp tư vấn tuyển sinh, giới thiệu về ngành đào tạo, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính ngân hàng, thông tin tuyển sinh của Khoa, Nhà trường cho học sinh lớp 12 các trường THPT. Phương thức tuyên truyền tuyển sinh đa dạng, phong phú, hấp dẫn, đồng thời phát tờ rơi cho học sinh và phụ huynh, trong tờ rơi ghi đầy đủ thông tin về đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên... để thí sinh và phụ huynh tham khảo [H8.08.01.05-06].

Vào tháng 12 hằng năm, Nhà trường tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh, qua hội nghị tổng kết, Nhà trường nghe ý kiến trực tiếp của các bên liên quan, của các giảng viên, các đơn vị chức năng từ đó tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá tiêu chí, phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn người học ngành TCNH nói riêng và là cơ sở để xây dựng Đề án tuyển sinh cho năm tiếp theo. Thông thường, các góp ý liên quan đến phương thức tuyển sinh, tổ hợp tuyển sinh, điểm chuẩn sẽ được phân tích kỹ lưỡng để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình tuyển sinh thực tế của mỗi năm. [H8.08.01.10].

Sau khi thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành Tài chính ngân hàng, Nhà trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh để tuyển chọn, làm các thủ tục nhập học cho người học và khám sức khỏe đầu vào ngay sau khi người học hoàn thành thủ tục nhập học.

Nhà trường, Khoa có hệ thống quản lý đào tạo để hỗ trợ lưu trữ, nhập dữ liệu về người học và thống kê kết quả tuyển sinh hằng năm, như số lượng đăng ký xét tuyển vào ngành, số thí sinh trúng tuyển, điểm trúng tuyển, số lượng người học nhập học vào ngành ĐH Tài chính ngân hàng, điểm trung bình của ngành theo quy định...

[H8.08.01.08&09].

Tuy nhiên, do nhu cầu xã hội cũng như nhu cầu việc làm sau khi tốt nghiệp của đại đa số các ngành đào tạo đã dần bão hòa, trong đó có ngành TCNH đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tuyển sinh của Nhà trường, của Khoa mà đặc biệt là ngành Tài chính ngân hàng, vì thế chất lượng đầu vào của ngành TCNH còn nhiều hạn chế, những năm gần đây phần lớn thí sinh dùng học bạ THPT để xét tuyển theo tổ hợp các môn học vào ngành Tài chính ngân hàng; mặt khác chưa tiến hành khảo sát các bên liên quan thông qua Phiếu lấy ý kiến trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

Bảng 8.3: Trích bảng tổng hợp điểm tuyển sinh trong 5 năm

Nhóm ngành/ ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2017			Năm tuyển sinh 2018			Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020			Năm tuyển sinh 2021			Năm tuyển sinh 2022		
	Chi tiêu	SL nhập học	Điểm TT	Chi tiêu	SL nhập học	Điểm TT	Chi tiêu	SL nhập học	Điểm TT	Chi tiêu	SL nhập học	Điểm TT	Chi tiêu	SL nhập học	Điểm TT	chi tiêu	SL nhập học	Điểm TT
Khối ngành III																		
Tài chính – ngân hàng	60	33		40	23		40	21		40	24		30	76		70	71	17,1
A00: Toán-Lý-Hóa		3	15,0			13,0			14,0			15,0			16,5			17,1
D01: Toán-Văn-Anh		15	15,0			13,0			14,0			15,0			16,5			17,1
C02: Toán-Văn-Hóa		8	15,0			13,0			14,0									
C01: Văn-Toán-Lý		7	15,0			13,0			14,0									
C04: Văn-Toán-Địa												15,0			16,5			17,1
C14: Văn-Toán-GDCD												15,0			16,5			17,1

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo)

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành TCNH được Khoa và Nhà trường xác định rõ ràng, thể hiện chi tiết trong Đề án, thông báo tuyển sinh Chương trình đào tạo, chính sách tuyển sinh, phương thức xét tuyển, kết quả tuyển sinh hằng năm của ngành TCNH và được cập nhật thường xuyên. Mỗi năm, Nhà trường, Khoa tổng kết, đánh giá tình hình chung và nhu cầu thực tế, từ đó đưa ra các tiêu chí và chỉ tiêu tuyển sinh hợp lý.

3. Điểm tồn tại

Khoa và nhà trường chưa tiến hành khảo sát các bên liên quan thông qua Phiếu lấy ý kiến trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học dẫn đến việc là đôi khi tiêu chí và phương pháp tuyển sinh chưa thực sự sát với thực tế.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 8.4: Kế hoạch hành động (tiêu chí 8.2)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sử dụng lao động, các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các địa phương lân cận để ký kết thỏa thuận hợp tác, trao học bổng cho sinh viên, xác lập địa điểm thực hành, thực tập, rèn nghề và tuyển dụng sinh viên ngành TCNH sau khi tốt nghiệp; tạo nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên; xác định tiêu chí rõ ràng, cụ thể, sát với tình hình thực tế hơn; phương pháp tuyên truyền tuyển sinh đa dạng, phong phú về nội dung; có nhiều chính sách thu hút sinh viên hơn, như kết quả xét tuyển vào ngành cao sẽ được miễn giảm học phí. Xây dựng Phiếu khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng và chuyên gia về tiêu chí, phương pháp tuyển sinh, có tổng kết, phân tích, đánh giá và điều chỉnh hàng năm cho phù hợp.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD Phòng và bộ phận công tác quản lý học sinh sinh viên của Nhà trường, Khoa.	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024)
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc chương trình tuyển sinh hằng năm của Khoa, Nhà Trường.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa, Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học qui định đầy đủ trong các văn bản qui định và được các cán bộ, giảng viên thực hiện đầy đủ.

Các qui định này được thể hiện chi tiết trong CTĐT [H1.01.01.07] và Quy chế, quy định về đào tạo [H3.03.02.02], Quy chế, quy định về công tác sinh viên, Quy chế, quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của người học [H5.05.01.10].

Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thực hiện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa, được thể hiện chi tiết trong CTĐT do Nhà trường ban hành trên cơ sở Quy chế, quy định về đào tạo, Quy chế, quy định về công tác sinh viên và Quy chế, quy định, quy trình về đánh giá kết quả rèn luyện của người học [H1.01.01.07]; [H3.03.02.02], [H5.05.01.10], [H5.05.02.01].

- Cấp trường: Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác HSSV thông qua các văn bản gửi trực tiếp đến các khoa, các lớp và hệ thống quản lý trực tuyến như Website của trường <http://www.hdu.edu.vn/> và fanpage: facebook.com/Đại học Hồng Đức (trang FB chính thức của trường có gần 27.000 thành viên).

- Cấp khoa: Lãnh đạo khoa, Bộ môn, Ban chấp hành Liên Chi đoàn, Chi hội SV, CVHT, Trợ lý giáo vụ, Trợ lý Công tác HSSV. Trợ lý công tác HSSV là người được giao quản lý lớp SV, theo dõi nền nếp, theo dõi việc tham gia các hoạt động phong trào, cùng với Ban cán sự lớp đánh giá kết quả rèn luyện của người học trong lớp; CVHT đóng vai trò quan trọng, trực tiếp theo dõi, tư vấn và hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập.

- Cấp bộ môn: Trưởng bộ môn, cố vấn học tập.

- Cấp lớp: Ban cán sự lớp, Ban Chấp hành Chi đoàn.

- Cơ sở dữ liệu về kết quả học tập, rèn luyện của người học được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo, ngoài ra còn được thể hiện trong Sổ Công tác người học (mỗi lớp một cuốn dùng cho toàn khóa) do Trợ lý Công tác HSSV quản lý, hồ sơ của CVHT, giáo vụ khoa... [H5.05.01.10&11], [H5.05.02.01].

Bảng 8.5: Kết quả học tập của sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng 5 khóa liên tiếp (K17 – K21)

Khóa học	Tỷ lệ sinh viên đạt điểm trung bình (GPA) theo thang điểm tín chỉ					
	$GPA \leq 1.39$	$1.40 \leq GPA \leq 1.99$	$2.0 \leq GPA \leq 2.49$	$2.5 \leq GPA \leq 3.19$	$3.2 \leq GPA \leq 3.59$	$3.6 \leq GPA \leq 4.0$
2014-2018 (K17)	-	-	35,4%	56,3%	8,3%	
2015-2019 (K18)	-	-	42,9%	57,1%	0	
2016-2020 (K19)	-	-	25%	70,8%	4,2%	
2017-2021 (K20)	-	-				
2021 – 2022 (K21)						

Nguồn: Phòng quản lý đào tạo

Việc theo dõi và đánh giá kết quả rèn luyện của người học được thực hiện đúng theo Quy chế, quy định và quy trình về đánh giá kết quả rèn luyện ở từng học kỳ, năm học, khóa học [H5.05.01.10].

Bảng 8.6: Tỷ lệ xếp loại điểm rèn luyện Sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng giai đoạn 2017-2022

Đvt: (%)

Năm học	XUẤT SẮC	TỐT	KHÁ	T.BÌNH	YẾU	KÉM	KHÔNG XL
2017-2018	0	12,9	80,6	6,4	0	0	-
2018-2019	0	3,85	69,2	0	0	0	26,9
2019-2020	0	23	77	0	0	0	0
2020-2021	4,7	9,5	85,7	0	0	0	0
2021- 2022	2,6	21,4	58,1	11,1	0,9	0	6

(Nguồn: Phòng Công tác HSSV, Khoa KT-QTKD)

Đối với ngành Tài chính ngân hàng, người học sẽ phải hoàn thành số tín chỉ quy định trong CTĐT đã được phê duyệt [H1.01.01.07], trong 4 năm (8 kỳ học chính). Nhà trường có quy định chặt chẽ về ràng buộc thứ tự các môn học (điều kiện tiên quyết), khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ là 15 tín chỉ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực trung bình, quy định về học nhanh, học chậm, quy định về mở lớp học phần...[H1.01.01.07], [H3.03.02.02].

Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo 3 loại thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm bằng chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D và F). Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1, thang điểm chữ đạt từ điểm D. Trong trường hợp SV không đạt phải đăng ký học lại học phần đó. SV được công nhận tốt nghiệp khi tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2.0 trở lên theo thang điểm 4 và đạt chuẩn đầu ra của ngành đào tạo được công bố [H3.03.02.02].

Mỗi học kỳ, Nhà trường cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến độ của người học trên phần mềm quản lý đào tạo. Bên cạnh đó, Phòng Quản lý đào tạo kết hợp với Khoa KT-QTKD quản lý, rà soát sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp, sinh viên chậm tiến độ, SV thôi học hoặc có những vấn đề trong học tập, chưa hoàn thành được các học phần trong Chương trình đào tạo thì CVHT sẽ gặp gỡ, trao đổi trực tiếp, giúp người học lập kế hoạch học tập tốt hơn để có thể đảm bảo tốt nghiệp đúng theo kế hoạch [H5.05.01.10&11], [H8.08.01-03].

Bảng 8.7: Tỷ lệ người học ngành Tài chính - Ngân hàng tốt nghiệp và thôi học 5 khóa (K17-K21)

Năm tuyển Sinh	Số lượng người học	Tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Tỷ lệ người học thôi học trong thời gian				Khóa
		3,5 năm	4 năm	trên 4 năm	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ 4 và tiếp theo	
2014	68	0	64,5	13	4,4	2,9	2,9	1,5	K17
2015	28	11,5	61,5	7,7	10,8	0	0	0	K18
2016	30	0	92,3	7,7	0	6,7	3,3	0	K19
2017	32	0	28,6	52,4	12,5	3,1	0	3,1	K20
2018	30	0	52,2	30,4	0	20	0	3,3	K21
Trung bình	188								

(Nguồn: Phòng Công tác HSSV, Khoa KT-QTKD)

Hình thức, thời gian và tiêu chí kiểm tra đánh giá được ghi rõ ràng trong đề cương chi tiết học phần của mỗi môn học để người học biết và thực hiện [H1.01.01.08].

Về công tác NCKH, Nhà trường có quy định về mức kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV, đây là điều kiện thuận lợi để đông đảo SV tham gia NCKH [H8.08.03.04].

Thông tin về quá trình học tập và rèn luyện của người học được thông báo đến từng người học sau khi kết thúc từng học kỳ và được cập nhật trong Sổ công tác người học của từng lớp SV, trên phần mềm quản lý đào tạo, website của Nhà trường, Khoa; ngoài ra, người học có thể nắm bắt thông tin về kết quả học tập và rèn luyện thông qua các buổi sinh hoạt nhóm, giao ban công tác SV [H8.08.03.05], [H5.05.02.01]. Đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu, CVHT và Trợ lý công tác SV sẽ thông báo cho gia đình SV để có giải pháp hỗ trợ học tập cho SV phù hợp hơn [H5.05.01.11].

Nhờ thực hiện tốt công tác hỗ trợ SV mà hằng năm tỷ lệ SV của khoa được khen thưởng, nhận học bổng khuyến khích học tập, cũng như các nguồn tài trợ khác luôn ở mức cao [H8.08.03.06]. Đây là động lực thúc đẩy SV của Khoa nói chung, của ngành ngành TCNH nói riêng phấn đấu ngày một tốt hơn.

Người học có chủ động theo dõi tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập trên phần mềm quản lý đào tạo <http://sinhvien.hdu.edu.vn/sinhvien-dang-nhap.html>, mỗi sinh viên được cấp một tài khoản riêng có đầy đủ các thông tin cá nhân, điểm, các môn học còn phải học...

Khi sinh viên gặp khó khăn trong tiến trình học tập cố vấn học tập sẽ trực tiếp gặp gỡ tư vấn và kết nối với các khoa, các phòng ban chức năng để tìm biện pháp hỗ

trợ tiến độ cho sinh viên [H5.05.01.11]. Bên cạnh đó CVHT và Trợ lý QLSV sẽ liên hệ đến phụ huynh sinh viên nhằm kết hợp giữa gia đình và nhà trường để sinh viên hoàn thành tiến độ học tập.

Cuối kỳ trước CVHT sẽ tư vấn việc lựa chọn các môn học cho kỳ kết tiếp phù hợp với tiến độ sinh viên và chương trình đào tạo. Trong trường hợp sinh viên vì lý do cá nhân mà không thể hoặc chưa tham gia học sẽ được CVHT và Trợ lý QLSV tư vấn bảo lưu kết quả học tập hoặc làm đơn xin thôi học [H8.08.03.07]

Bên cạnh sự sát sao CVHT và Trợ lý QLSV, Trường/Khoa hằng năm có tổ chức các buổi đối thoại với SV từ cấp lớp, cấp khoa và cấp trường để có tìm hiểu các lý do khiến SV hoàn thành chương trình chậm hơn dự kiến từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp hơn đối với sinh viên [H5.05.04.04]

Đối với sinh viên năm thứ nhất, Trường/Khoa có chú ý đặc biệt đến việc đào tạo về phương pháp học tập tại trường đại học thông qua tuần sinh hoạt công dân [H4.04.01.03] và các buổi trao đổi chia sẻ kinh nghiệm học tập tại đại học.

100% sinh viên hoàn thành luận văn đúng tiến độ. Khoa và Trợ lý nghiệp vụ, CVHT sẽ hỗ trợ kết nối thực tập cho SV (nếu cần). Giáo viên hướng dẫn sẽ hỗ trợ tư vấn trực tiếp SV về chuyên môn nghiệp vụ cũng như kết nối với cơ sở thực tập để theo dõi việc hoàn thành luận văn tốt nghiệp của SV [H2.02.01.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa; những quy định về cách tính điểm học tập thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần, cách đánh giá kết quả rèn luyện công khai, minh bạch và thực hiện nghiêm túc theo quy định.

3. Điểm hạn chế

Công tác tư vấn, hướng dẫn người học có khả năng học nhanh, cũng như những người học chậm tiến độ chưa được thường xuyên nên vẫn còn người học chưa thể tốt nghiệp theo tiến độ do còn nợ học phần.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 8.8: Kế hoạch hành động (tiêu chí 8.3)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường, Khoa KT-QTKD tăng cường công tác phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác HSSV, các đơn vị, đoàn thể liên quan và nâng cao vai trò trách nhiệm của Bộ môn Tài chính ngân hàng, đặc biệt là CVHT, Trợ lý công tác HSSV trong việc theo dõi, giám quá trình học tập, rèn luyện của người học ở từng học kỳ, năm học; lập danh sách người học chậm tiến độ để kịp thời nhắc nhở, nâng cao ý thức học tập của mỗi SV và kịp thời tư vấn, hỗ trợ để người học đăng ký và học các	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD; Phòng và bộ phận Quản lý học sinh viên của Nhà trường, Khoa KT-QTKD	Đầu khoá tuyển sinh của các năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		học phần còn thiếu, chậm tiến độ; thông báo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình người học sau mỗi học kỳ, năm học.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy và nâng cấp các hệ thống giám sát tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD Phòng và bộ phận Quản lý học sinh viên của Nhà trường, Khoa KT-QTKD	Đầu khoá tuyển sinh của các năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có quy trình/kế hoạch và thực hiện triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học, cụ thể:

Nhà trường: Bộ phận hỗ trợ SV trực thuộc Phòng Công tác HSSV; Khoa có CVHT, Trợ lý Công tác SV, Trợ lý giáo vụ, Trợ lý khoa học, Trợ lý Văn-Thể-Mỹ [H8.08.03.01&02]; Liên Chi đoàn, Liên Chi hội SV, các CLB sinh viên đã thường xuyên tư vấn, hỗ trợ người học trong học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học [H8.08.03.01].

Phòng Công tác HSSV, Khoa KT-QTKD là đầu mối phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động, các nhà tuyển dụng, Hội Cựu SV, Câu lạc bộ Nhà doanh nghiệp tương lai thường xuyên tổ chức hội nghị giới thiệu việc làm cho người học [H8.08.04.01].

Nhà trường, khoa thường xuyên có các hoạt động kết nối các cơ quan, doanh nghiệp để hỗ trợ các nguồn học bổng, tìm kiếm cơ hội việc làm, địa điểm thực hành, thực tập, rèn nghề cho SV [H3.03.02.03].

Trong các buổi sinh hoạt, CVHT hướng dẫn cho người học thực hiện các quy chế, quy định; khuyến khích người học tham gia các CLB học thuật, nghiên cứu khoa học, rèn luyện các kỹ năng: thu thập, xử lý thông tin, thuyết trình, soạn giáo án, kỹ năng đứng lớp, tiếp cận các trường phổ thông; tham gia các hoạt động văn, thể, mỹ bổ ích như: thăm quan danh lam, thắng cảnh; tham gia các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, văn nghệ, thể thao, bóng đá, các câu lạc bộ, nghiên cứu khoa học và

vay vốn tín dụng... [H8.08.04.02-08]. Khi có kết quả học tập, rèn luyện, những người học có kết quả chưa đạt yêu cầu, CVHT bố trí lịch để có buổi tư vấn riêng [H5.05.01.11];

Quá trình học tập của người học được tư vấn đăng ký học phần phù hợp; tiến độ học nhanh, học chậm; phương pháp học tập, tìm kiếm và xử lý thông tin; phương pháp NCKH... [H8.08.03.01]. Các học phần có bố trí thời lượng thực tế, kiến tập môn học, cũng như người học đi thực tập tốt nghiệp Khoa và Nhà trường bố trí địa điểm thực tập, thành lập ban chỉ đạo, cung cấp đầy đủ các tài liệu, mẫu biểu và yêu cầu về kết quả thực hiện [H3.03.01.03]. Đối với những người học tham gia NCKH, làm khóa luận tốt nghiệp Khoa và Nhà trường phân công giảng viên hướng dẫn từ khi lựa chọn hướng nghiên cứu đến khi thực hiện và báo cáo kết quả [H8.08.04.7].

Các hoạt động tư vấn học tập để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học:

+ Nhà trường, Khoa đã thực hiện giới thiệu về Chương trình đào tạo ngành TCNH, về đội ngũ giảng viên và hệ thống hỗ trợ học tập cho người học thông qua Tuần sinh hoạt Công dân HSSV đầu khóa [H4.04.01.03].

+ CVHT thường xuyên tư vấn, hướng dẫn cho người học thực hiện các Quy chế, Quy định; khuyến khích người học tham gia các CLB học thuật, nghiên cứu khoa học, rèn luyện các kỹ năng. Quá trình học tập của người học được tư vấn đăng ký học phần phù hợp; tiến độ học nhanh, học chậm; phương pháp học tập, tìm kiếm và xử lý thông tin; phương pháp NCKH. Khi có kết quả học tập, rèn luyện, những người học có kết quả chưa đạt yêu cầu, CVHT bố trí lịch để có buổi tư vấn riêng [H5.05.01.11].

+ Trong năm học Nhà trường tổ chức hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với người học thông qua 3 cấp: cấp lớp, cấp khoa và cấp trường. Thông qua hội nghị, Nhà trường được nghe những kiến nghị, đề xuất, hiến kế của giảng viên, người học trong quá trình đào tạo, từ đó giải pháp đồng bộ, giải quyết thỏa đáng các kiến nghị, đề xuất của người học để dần đáp ứng các yêu cầu trong dạy-học và quá trình đào tạo và sự hài lòng của người học về chất lượng các hoạt động hỗ trợ, phục vụ của đội ngũ CBVC-LĐ trong trường, chất lượng các loại hình và dịch vụ trong trường... Kết quả đối thoại cho thấy về cơ bản người học hài lòng về hệ thống quản lý và các hoạt động hỗ trợ người học của Nhà trường, Khoa [H5.05.04.01].

Như vậy, Chương trình đào tạo ngành TCNH có các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng tìm kiếm việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.

Bảng 8.9. Thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp theo ngành đào tạo (ĐVT: SV)

Việc làm sau tốt nghiệp	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Đúng ngành đào tạo	8	10	7	8
Liên quan đến ngành đào tạo	24	12	7	-
Không đúng ngành đào tạo	15	0	6	4
Tỷ lệ việc làm/Tổng SV phản hồi	74,6%	88%	74,07%	85,71%
Tỷ lệ việc làm/Tổng SV tốt nghiệp	63,51%	78,57%	62,5%	75%

Nguồn: Phòng công tác HSSV

Bảng 8.10: Thống kê về việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp theo đơn vị làm việc

ĐVT: SV

Tình trạng có việc làm tại các đơn vị	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Công ty/tổ chức Nhà nước	8	0	3	0
Công ty/tổ chức tư nhân	35	22	14	10
Công ty/tổ chức nước ngoài	2	0	1	0
Tự tạo việc làm	2	0	2	2
Chưa có việc làm	13	3	7	0
Thu nhập trung bình (triệu đồng/tháng)	5-7 triệu	5-7 triệu	5-7 triệu	5 - 7 triệu

(Nguồn: Phòng công tác HSSV)

Các học phần có bố trí thời lượng dành cho thực hành, thực tế, qua đó người học có cơ hội học tập rèn nghề [H1. H3.03.01.03]. [H3.03.02.03]

Chính sách khen thưởng của Nhà trường dành để khuyến khích các phong trào thi đua, học tập của người học được thể hiện qua các cuộc thi và các học bổng. Nhằm khích lệ, động viên người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, NCKH, Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, cá nhân, đơn vị sử dụng lao động, các nhà tài trợ để trao nhiều suất học bổng có giá trị cho người học, như: Học bổng “Doãn Tới”, học bổng ANNORA, KOVA, giải thưởng Lê Khả Phiêu... [H8.08.04.08].

Các chương trình ngoại khóa của sinh viên được tổ chức hằng năm để khuyến khích sự tham gia hoạt động và trau dồi kỹ năng như: Cuộc thi sinh viên khởi nghiệp, Ý tưởng sáng tạo, các hoạt động văn nghệ, thể thao, được khoa và nhà trường thường xuyên tổ chức vào các dịp 20/11, 08/3, 26/3, 20/10, khai giảng năm học mới... [H8.08.04.03]; chương trình quyên góp giúp đỡ đồng bào, học sinh vùng lũ lụt, thiên tai tại Mường Lát, Quan Hóa, Lang Chánh, hiến máu nhân đạo... SV của Ngành luôn tích cực tham gia [H8.08.04.03].

Sinh viên được tham dự các lớp học khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo do Đại sứ Quán Mỹ tổ chức và các lớp của Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Thanh Hóa tổ chức. Bên cạnh đó Khoa cũng là 1/21 đơn vị trong cả nước được thực hiện Đề án 844 về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia, vì vậy các Sinh viên của ngành TCNH cũng được nhiều cơ hội học tập và tham quan thực tế miễn phí [H6.06.01.08-09].

Khoa thường xuyên kết nối với các doanh nghiệp để giới thiệu cơ hội việc làm cho sinh viên [H8.08.04.01].

Nhà trường có báo cáo, phân tích, đánh giá hàng năm về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác thông qua báo cáo của Trụ lý Công tác HSSV, Đoàn Thanh Niên, Hội Sinh viên [H8.08.04.03]. Kết quả được dùng để Trường/ Khoa đánh giá hoạt động này và góp phần cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

Kết quả lấy ý kiến người học của Chương trình đào tạo ngành TCNH cho thấy trên 90% ý kiến hài lòng và rất hài lòng về hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của CBGV trong Khoa và Nhà trường đã

giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học [H8.08.04.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa có bộ phận CVHT, Trợ lý công tác SV chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động để hỗ trợ việc làm, trao học bổng, liên hệ thực tập, trao đổi hợp tác cho người học

3. Điểm tồn tại

Công tác tư vấn, hướng dẫn người học chưa thật sự đồng đều nên vẫn còn tình trạng có sinh viên còn thụ động trong các hoạt động ngoại khóa.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 8.11: Kế hoạch hành động (tiêu chí 8.4)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ lấy ý kiến người học về các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, sinh hoạt và tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp... Chủ động lấy ý kiến người học để kịp thời điều chỉnh, cải tiến hình thức triển khai nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hoạt động hỗ trợ, tư vấn người học, tăng tỷ lệ người học có việc làm và việc làm đúng ngành đào tạo.	Nhà trường, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động để hỗ trợ việc làm, trao học bổng, liên hệ thực tập, trao đổi hợp tác cho người học	Phòng công tác HSSV, CVHT, Trợ lý HSSV của Khoa Kinh tế - QTKD.	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có khuôn viên rộng, xanh, sạch, đẹp, cơ sở vật chất đáp ứng đầy đủ cho việc dạy-học, cụ thể: Nhà trường có tổng diện tích 55,47 ha, bao gồm hệ thống Nhà điều hành, các giảng đường, văn phòng khoa, bộ môn, Trung tâm giáo dục quốc phòng, ký túc xá hiện đại được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học [H8.08.05.01].

Khuôn viên nhà trường rộng rãi, thoáng mát; công tác đảm bảo vệ sinh môi

trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, nhiều cây xanh trong khuôn viên trường, khu liên hợp thể thao, gồm: sân bóng đá với sân cỏ tự nhiên đảm bảo chất lượng, sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném, cầu lông, tennis, nhà tập luyện bóng bàn có công năng sử dụng cho luyện tập thể thao, nhà tập luyện thể dục thể hình, hội trường lớn có sức chứa 504 chỗ ngồi phục vụ tốt cho các hoạt động chung [H8.08.05.01].

Sinh viên ngành TCNH được hỗ trợ bởi các cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập như trung tâm thông tin - thư viện được xây dựng khang trang với nguồn tài liệu phong phú, hàng năm đều được bổ sung, cập nhật phù hợp với chương trình đào tạo, được trang bị hệ thống máy vi tính có kết nối mạng Internet phục vụ cho việc khai thác, tìm kiếm dữ liệu; Trang thiết bị học tập ngày càng hoàn thiện và hiện đại trong đó có phòng thực hành nghiệp vụ TCNH tạo cơ hội cho sinh viên ngành TCNH được tiếp cận với thực tiễn trong hoạt động đào tạo và NCKH [H8.08.05.02].

Nhà trường có quy định về văn hóa ứng xử trong học đường [H8.08.05.03], ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy Thư viện [H8.08.04.04] và nội quy khu nội trú [H8.08.05.04].

Hưởng ứng phong trào màu sắc đồng phục theo Khoa, Nhà trường ban hành quy định về đồng phục và triển khai trong toàn trường; đối với ngành TCNH tổ chức mặc đồng phục vào thứ 2 và thứ 5 hàng tuần [H8.08.05.05].

Hàng năm, Nhà trường, Khoa KT-QTKD, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Liên Chi đoàn, Liên chi hội sinh viên Khoa đều tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao và các cuộc thi bổ ích, tạo sân chơi lành mạnh cho sinh viên rèn luyện về thể lực, trí lực, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng sinh viên của Khoa KT-QTKD nói riêng và sinh viên toàn trường nói chung. Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trường tổ chức các giải cầu lông HSSV, bóng đá, bóng chuyền, điền kinh cấp trường, Trò chơi dân gian HSSV, Văn nghệ chào đón tân sinh viên We are Student, Cuộc thi cắm hoa 20/10, Giọng hát hay HSSV, Hội thi văn nghệ 20/11, Sinh viên khởi nghiệp, Giao lưu văn hoá Anh – Việt, Hội thi tiểu phẩm phòng chống tệ nạn xã hội, Olympic Tiếng Anh, Tin học. Các hoạt động Đoàn – Hội không chỉ giúp sinh viên phát triển toàn diện mà còn tạo niềm tin và sự gắn kết với ngành học, Khoa đào tạo và Nhà trường [H8.08.04.02, 03].

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa cũng tạo điều kiện để sinh viên ngành TCNH được tham dự các lớp học về khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo, từ đó sinh viên có nhiều cơ hội được học tập và phát triển nhiều kỹ năng mềm [H8.08.04.03].

Ngoài ra, hàng tuần Khoa KT-QTKD còn điều động sinh viên tình nguyện của Khoa tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên Khoa, như: lau cửa kính, quét dọn hành lang các giảng đường... với mục đích vừa làm sạch môi trường, vừa giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và rèn luyện ý thức lao động trong người học [H8.08.05.06].

Việc chăm lo sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Vì vậy, Nhà trường đặc biệt quan tâm và bổ sung mua sắm trang thiết bị cần thiết cho Trạm y tế phục vụ tốt nhất công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho SV mới nhập học và khám sức khỏe định kỳ; tổ chức chương trình tư vấn, chia sẻ kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho người học [H8.08.05.07].

Công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm tại các Căng tin phục vụ người học của Nhà trường luôn được Trạm Y tế kiểm tra, nhắc nhở và đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn thực phẩm [H8.08.05.08].

Công tác tập huấn nghiệp vụ, diễn tập cho cán bộ làm công tác SV về công tác phòng, chống cháy nổ luôn được Nhà trường quan tâm và thường xuyên kiểm tra, mua sắm bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác PCCC. Hàng năm, Nhà trường phối hợp với Công an PCCC xây dựng kế hoạch, tổ chức cho cán bộ và người học thực hành diễn tập về PCCC. Tại Nhà Điều hành, khu giảng đường, phòng học, phòng làm việc của Khoa, Bộ môn, phòng chờ giáo viên, trung tâm thư viện, khu nội trú... luôn được Nhà trường trang bị các thiết bị PCCC đầy đủ kèm theo tiêu lệnh và nội quy PCCC được niêm yết và có kiểm tra PCCC của cơ quan chức năng ngành [H8.08.05.09], [H8.08.05.10].

Nhằm tăng cường công tác an ninh trật tự và an toàn trong trường học, Ban bảo vệ phân công trực 24/24. Ngoài ra, hệ thống điện chiếu sáng được lắp đặt theo thiết kế đảm bảo trong toàn khuôn viên Nhà trường, chiếu sáng đầy đủ vào ban đêm, đảm bảo an toàn cho người học và công tác quản lý tài sản chung của Nhà trường [H8.08.05.11].

2. Điểm mạnh

Trường có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch, đẹp, an toàn, tạo môi trường học tập, nghiên cứu, làm việc thân thiện, thoải mái, đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT. Sinh viên ngành TCNH luôn có ý thức tuân thủ các quy định trong trường học và quy định của Luật pháp.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một bộ phận nhỏ người học chưa có ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường chung của Khoa và Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 8.12: Kế hoạch hành động (tiêu chí 8.5)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho người học làm tốt công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.	Nhà trường, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc xây dựng môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch, đẹp, an toàn, tạo môi trường học tập, nghiên cứu, làm việc thân thiện, thoải mái, đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT.	Đoàn thanh niên, hội sinh viên, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm học 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 8

Chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành TCNH được Khoa và Nhà trường xác định rõ ràng và được cập nhật thường xuyên. Bên cạnh đó, để hỗ trợ tốt nhất cho người học, Khoa Kinh tế - QTKD và nhà trường cũng đã xây dựng hệ thống giám sát phù hợp để đánh giá sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, đồng thời có các hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khoá, thi đua và các hoạt động hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập cũng như tăng khả năng có việc làm của người học. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan cũng là yếu tố tạo thuận lợi, tạo

sự thoải mái cho người học trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH tự đánh giá tiêu chuẩn 8 đạt 5/5 tiêu chí (bình quân đạt 5,2/7 điểm).

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Với nguồn lực hiện có, Nhà trường, khoa KT-QTKD luôn đáp ứng tốt các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học của khoa KT-QTKD nói chung, của ngành Tài chính ngân hàng nói riêng. Những nguồn lực đó được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng, thư viện và mô hình phòng thực hành, hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho CB, GV, SV và học viên rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho CB, GV, SV và học viên làm việc và học tập, nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trong những năm qua nhà trường đã quy hoạch tổng thể về phát triển cơ sở vật chất và đầu tư xây dựng theo phương án đã được phê duyệt với hệ thống phòng học, phòng làm việc, các phòng chức năng theo hướng ngày càng hiện đại, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó, nhà trường đã trang bị tương đối đầy đủ các trang thiết bị phù hợp, thường xuyên cập nhật, nâng cấp hệ thống trang thiết bị đảm bảo đáp ứng nhu cầu giảng dạy của giảng viên cũng như học tập của người học.

Trường & Khoa có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH phục vụ chương trình đào tạo theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, báo cháy, thoát hiểm để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường có tổng diện tích đất sử dụng là 640.000m², trong đó diện tích dành cho nơi làm việc là 11.536m², dành cho nơi học là 35.385m², dành cho nơi vui chơi giải trí là 32.170m². Bình quân diện tích sàn trên người học chính quy là 13,15m²/ 1 sinh viên [H9.09.01.02] (cao hơn so với quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học ở Thông tư 24/2015/TTBGDDĐT ngày 23/09/2015 [H9.09.01.01]).

Hiện nay, Khoa Kinh tế - QTKD đang sử dụng toàn bộ tầng 1, 2, 3 nhà A2 cơ sở chính của Trường với tổng cộng 16 phòng, trong đó: 6 phòng dành cho 6 bộ môn, 3 phòng cho lãnh đạo đơn vị, 1 phòng giáo vụ, 1 phòng công tác học sinh học viên, 1 phòng dành cho Trung tâm bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế, 1 phòng dành cho Liên chi Đoàn, 1 văn phòng khoa, 1 phòng đa năng (dùng để tổ chức hội thảo, phòng họp...) và 2 phòng lưu trữ tài liệu, luận văn của Khoa. Ngoài ra, Khoa còn được sử dụng chung 5 phòng hội thảo có đầy đủ phương tiện, hệ thống WiFi phục vụ hội thảo các cấp [H9.09.01.02]; Các phòng làm việc được trang bị bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, máy tính được kết nối internet, máy in,... Phòng làm việc, quản lý học viên và giáo vụ khoa có đầy đủ bàn ghế, tủ, máy móc thiết bị phù hợp với nhiệm vụ của từng cá nhân, mỗi cá nhân được trang bị 01 bộ bàn ghế làm việc, 01 máy vi tính để bàn và

máy in đáp ứng yêu cầu công việc [H9.09.01.03].

Về phòng học, Khoa KT - QTKD được trang bị 9 phòng học cố định từ tầng 1 đến tầng 3 nhà A2 (với tổng diện tích là 920m²), học viên bậc thạc sĩ của Khoa chủ yếu được bố trí học tập tại các phòng học này. Ngoài ra do đặc thù Khoa đông học viên nên Khoa được nhà trường bố trí giảng dạy tại các giảng đường khác trong trường tại các nhà A1, nhà A2, nhà A5 cho sinh viên các ngành. Các phòng học có đầy đủ hệ thống quạt và hệ thống chiếu sáng, máy chiếu đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo. Sinh viên ngành Tài chính ngân hàng nói riêng và của Khoa nói chung được học tập trong hệ thống phòng học đạt chuẩn của Trường. Với số phòng và trang thiết bị có, Khoa KT-QTKD đã đủ điều kiện dạy và học cho các lớp và các hệ đào tạo. Cơ sở vật chất của Khoa bao gồm các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng [H9.09.01.04]. Hàng năm cơ sở vật chất của khoa thường xuyên được sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp và đầu tư phát triển theo kế hoạch của Nhà trường [H9.09.01.05]. Tháng 12 năm 2020, Nhà trường đã thực hiện đánh lại số phòng tại các toà nhà để đảm bảo thuận tiện cho cán bộ giảng viên và học viên trong quá trình làm việc, lên lớp và học tập [H9.09.01.06].

Nhà trường cũng thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên và người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, giảng đường, các phòng chức năng [H9.09.01.07]. Ngoài ra, Khoa cũng thường xuyên tổ chức, đánh giá hiệu quả sử dụng, khả năng phối hợp hệ thống phòng học, phòng chức năng và các phòng thực hành, phòng máy cùng trang bị có sẵn [H9.09.01.08].

2. Điểm mạnh

Khoa có phòng làm việc chung và phòng làm việc riêng cho Ban chủ nhiệm, có các phòng máy tính được trang bị đủ máy tính có kết nối internet, máy in, máy chiếu, có phần mềm dạy học online, có tai nghe và hệ thống âm thanh, có máy điều hòa không khí/quạt trần/quạt treo tường, tạo môi trường thích hợp cho các hoạt động đào tạo và NCKH. Sinh viên ngành Tài chính ngân hàng được học tập trong hệ thống phòng học đạt chuẩn của Trường, được luyện tập để phát triển năng lực chuyên môn trong những phòng chức năng chuyên biệt, định kỳ được bảo trì, tu sửa.

3. Điểm tồn tại

Khi trời mưa, mái hiên trước cửa khoa còn thấm dột.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 9.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 9.1)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoạt động bảo dưỡng, nâng cấp, tu sửa để đáp ứng nhu cầu về CSVC và trang thiết bị hàng năm	Phòng QTVTTB	Từng học kỳ/ từng năm	
2	Khắc phục tồn tại	Sửa chữa mái hiên trước cửa Khoa, làm đường ống thoát nước tại khu vực này.	Phòng QTVTTB	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Xác định đúng tầm quan trọng của hoạt động thư viện trong trường đại học, ngay từ khi mới thành lập Trường, Trường Đại học Hồng Đức đã luôn chú trọng đầu tư phát triển thư viện. Sau nhiều năm hoạt động ở nhiều cơ sở, từ tháng 8 năm 2020 thư viện Nhà trường đã chuyển về tập trung tại cơ sở mới, riêng biệt với các khu vực khác, cơ bản đáp ứng phục vụ tốt nhu cầu của người học và cán bộ, giảng viên [H9.09.02.01].

Trung tâm TT – TV bao gồm thư viện sách, thư viện điện tử, hệ thống hỗ trợ học tập và hệ thống mạng máy tính, hệ thống máy chủ để tìm kiếm và quản lý thông tin phục vụ công tác đào tạo, học tập và NCKH. Tòa nhà thư viện có tổng diện tích sàn là 5.166 m², có kết cấu 5 tầng nằm trên khuôn viên rộng 10.465m², ở vị trí trung tâm của Trường Đại học Hồng Đức. Thư viện có kiến trúc mở, hiện đại, rất thuận tiện cho người sử dụng. Bốn phía của nhà thư viện đều có hành lang rộng và cửa ra vào cho người sử dụng. Từ tầng 1 đến tầng 4 đều bố trí các kho thư viện lớn, rộng khoảng 700m² - 800m² dùng để bố trí hệ thống kệ sách, máy tính, bàn ghế phục vụ người sử dụng thư viện. Tầng 5 là khu vực tổ chức hội thảo, hội nghị, bảo vệ luận văn, luận án, tổ chức các sự kiện học thuật khác theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Các phòng chức năng khác của thư viện dùng để quản lý, tổ chức các hoạt động nghiệp vụ của thư viện được bố trí bên cạnh các kho sách lớn [H9.09.01.01], [H9.09.02.01].

Tầng 1 có 2 khu vực, mỗi khu vực rộng khoảng 350m² phục vụ người sử dụng. Khu vực phía Đông được sử dụng để bố trí không gian cafe sách, kết hợp đọc sách với thư giãn, giải trí cho người sử dụng thư viện. Khu vực phía Tây được bố trí 50 bộ máy tính có cấu hình mạnh, kết nối internet tốc độ cao, wifi free dùng để cho người sử dụng tra cứu thông tin thư viện và khai thác cơ sở dữ liệu. Tầng 2 và tầng 3 có cấu trúc giống nhau, bao gồm 01 kho sách lớn rộng 800m² và 01 phòng nghiệp vụ 18m². Trong kho sách lớn được bố trí hệ thống 48 giá sách, bàn ghế đọc sách, 20 bộ máy tính có cấu hình mạnh, kết nối internet tốc độ cao để phục vụ người sử dụng và 03 phòng học nhóm rộng 18m² có trang bị bàn ghế, bảng và máy chiếu. Tài liệu ngành Kinh tế - QTKD được bố trí ở tầng 3, người đọc có thể đọc tại chỗ hoặc mượn về nhà. Tầng 4 có diện tích 1.324m² (bao gồm cả hành lang và cầu thang bộ), trong đó có 01 kho sách lớn rộng 800m², 02 phòng nội bộ thư viện. Kho sách lớn được bố trí 30 giá sách, bàn ghế đọc tài liệu và 20 bộ máy tính có cấu hình mạnh, kết nối internet tốc độ cao để phục vụ người sử dụng. Kho sách tầng 4 là nơi lưu trữ và phục vụ tất cả các loại tài liệu in có trong thư viện, trong đó có các loại tài liệu quý, hiếm, đơn bản, báo, tạp chí, ấn phẩm nộp lưu chiểu. Tầng 4 phục vụ theo hình thức mở, đọc tại chỗ. Tầng 5 có 02 phòng đa năng, rộng 200m²/1 phòng để tổ chức hội họp học thuật theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Khu vực 02 phòng này được bố trí đường truyền internet tốc độ cao rất mạnh để phục vụ các hoạt động trực tuyến. Kho thư viện rộng 400m² dùng để làm kho lưu tài liệu thư viện [H9.09.01.01], [H9.09.02.01].

Để tiện lợi và dễ dàng cho người sử dụng thư viện, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn trong hoạt động thư viện ở Trường Đại học Hồng Đức

nư Nội quy Thư viện, Quy định nộp lưu chiểu, Quy trình bổ sung tài liệu, giáo trình... Trung tâm Thông tin - Thư viện ban hành và công khai các văn bản trên website của Trung tâm (<http://tttv.hdu.edu.vn/>) như chức năng, nhiệm vụ, thông tin liên lạc của cán bộ, nhân viên thư viện; Hướng dẫn sơ đồ thư viện, Quy trình phục vụ bạn đọc, Quy trình bổ sung tài liệu in, thư mục sách mới định kỳ. Thư viện đã sử dụng phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0, về cơ bản các hoạt động bổ sung, quản lý tài liệu, tra cứu tài liệu, quản lý bạn đọc, được thực hiện thông qua phần mềm. Phần mềm Libol 6.0 giúp cho người sử dụng có thể tra cứu từ xa nguồn tài nguyên của thư viện [H9.09.02.02]. Môi trường thư viện luôn sạch sẽ, ngăn nắp, gọn gàng, chuyên nghiệp, tạo cảm hứng thoải mái sáng tạo cho người dùng thư viện. Khi sử dụng các dịch vụ của thư viện, người sử dụng sẽ được phục vụ miễn phí nước lọc RO và truy cập wifi trong môi trường điều hòa không khí ở tất cả 5 tầng của tòa nhà thư viện. Thư viện mở cửa hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 7, buổi tối phục vụ từ thứ 2 đến thứ 5, luôn sẵn sàng để phục vụ nhu cầu thông tin tài liệu cho người học [H9.09.02.03].

Tài nguyên của thư viện bao gồm tài liệu in và cơ sở dữ liệu. Tài liệu in gồm có sách, báo, tạp chí, báo cáo, luận văn, luận án, khóa luận, đề án tốt nghiệp... Trong đó có 21.680 đầu sách, 153.212 bản sách; hơn 7000 tạp chí và 3058 luận văn, luận án, báo cáo [H9.09.02.04 a]. Riêng tài liệu của chuyên ngành Tài chính ngân hàng có 433 đầu sách, với 2355 bản, cơ bản đáp ứng đủ học liệu, tài liệu tham khảo phục vụ cho quá trình đào tạo [H9.09.02.04 b]. Cơ sở dữ liệu số gồm có các nguồn sau: hơn 4000 tài liệu nội sinh; 1,4 triệu tài liệu được cung cấp có hợp đồng mua bản quyền từ Công ty Trực tuyến ViNa, trong đó riêng chuyên ngành Tài chính ngân hàng có gần 300 tài liệu [H9.09.02.05]; toàn bộ kho tài liệu số của Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội được chia sẻ theo thỏa thuận giữa các thành viên Liên Chi hội Thư viện các Trường Đại học Khu vực phía Bắc (NALA); tài liệu số của Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Hải Phòng và Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Hùng Vương theo thỏa thuận chia sẻ tài liệu giữa hai Trường [H9.09.02.06]. Đặc biệt, từ năm 2019, Trung tâm TT-TV Trường Đại học Hồng Đức tham gia và được sử dụng bản quyền khai thác toàn bộ cơ sở dữ liệu điện tử của Dự án Thư viện điện tử dùng chung (SAHEP), trong đó có nguồn tài liệu được cung cấp từ 962 tạp quốc tế đa ngành và 160 tạp chí ngành kinh tế, tài chính, kinh doanh. Bên cạnh đó, Thư viện Trường còn có bản quyền tài khoản khai thác toàn bộ cơ sở dữ liệu Kinh tế - Tài chính vĩ mô của Việt Nam hiện hành [H9.09.02.07]. Về cơ bản, tài liệu phục vụ cho đào tạo chuyên ngành Tài chính ngân hàng đã được Thư viện Trường đáp ứng đủ nhu cầu. Hàng năm, Trung tâm TT-TV lập kế hoạch bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo cho chuyên ngành Tài chính ngân hàng; tích cực phối hợp Khoa, Bộ môn quản lý chuyên ngành trong việc rà soát, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo cho chương trình đào tạo chuyên ngành Tài chính ngân hàng [H9.09.02.08 a,b]. Nhờ đó nguồn tài liệu, tạp chí, của Trung tâm luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và học viên. Năm học 2021 – 2022, Nhà trường giao cho TTTTV triển khai thực hiện phần mềm quét đạo văn cho CBGV để kiểm tra tính trùng lặp nội dung luận văn cho sinh viên các chuyên ngành nói chung và ngành Tài chính ngân hàng nói riêng, cũng như kiểm tra tính trùng lặp trong các nghiên cứu khoa học trong Nhà trường từ đó nâng cao chất lượng các nghiên cứu khoa học và luận văn của sinh viên

[H9.09.02.09].

Cán bộ, nhân viên thư viện được đào tạo cơ bản, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, thái độ phục vụ chuyên nghiệp, trọng thị người sử dụng thư viện [H9.09.02.10 a]. Hàng năm, cán bộ, nhân viên thư viện luôn được cập nhật kiến thức, kỹ năng mới trong công tác thông tin - thư viện thông qua hoạt động tham dự các hội thảo, hội nghị, tập huấn của ngành thư viện trong cả nước [H9.09.02.10 b].

Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá về vai trò của thư viện, cơ sở vật chất tài nguyên của thư viện đến với người học và cán bộ giảng viên được Trung tâm TT-TV tổ chức đều đặn hàng năm thông qua việc tổ chức trưng bày sách nhân dịp các ngày Lễ lớn, tổ chức sự kiện Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam 21/4. Đầu khóa học, Trung tâm TT-TV tổ chức giới thiệu, tập huấn hoạt động thư viện cho sinh viên năm thứ nhất [H9.09.02.11].

Từ năm 2011, thư viện tổ chức khảo sát thăm dò chất lượng phục vụ của đơn vị, sự hài lòng của SV nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Kết quả hài lòng của SV hàng năm đạt trên 90% số liệu cụ thể như sau [H9.09.02.12].

- Năm 2015 – 2016: 97,5%

- Năm 2016 – 2017: 97,5%

- Năm 2017 – 2018: 90%

- Năm 2018 – 2019: 95%

- Năm 2019 – 2020: 94,5%

- Năm 2020 – 2021: 95%

- Năm 2021 – 2022: 95%

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất tốt, hiện đại, khuôn viên nhà thư viện thoáng mát. Môi trường thư viện thân thiện, dịch vụ đa dạng, nhiều tiện ích.

Đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho từng môn học thuộc chương trình đào tạo Tài chính ngân hàng.

Nguồn cơ sở dữ liệu đa dạng, được liên kết, sử dụng nhiều nguồn cơ sở dữ liệu số từ nhiều nguồn cung cấp khác nhau, ở cả trong và ngoài nước trong đó có một số tạp chí chuyên ngành nước ngoài phục vụ trực tiếp cho chương trình đào tạo.

Đội ngũ cán bộ, nhân viên thư viện được đào tạo cơ bản, được bồi dưỡng thường xuyên; có tinh thần, thái độ phục vụ chuyên nghiệp, tận tình, lịch sự, nhân văn, hiếu khách.

3. Điểm tồn tại

Nguồn tài liệu nội sinh còn ít, nguồn tài liệu điện tử chưa phong phú. Ngoài các cơ sở đào tạo thì việc liên kết để sử dụng chung nguồn tài liệu với các đơn vị xuất bản còn hạn chế.

Phần mềm thư viện điện tử Libol không được thường xuyên cập nhật, thiếu thiết bị để khai thác hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 9.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 9.2)

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ giảng viên sử dụng hiệu quả các nguồn cơ sở dữ liệu thuộc Dự án Thư viện điện tử dùng chung, Trung tâm Tri thức số của NALA và giáo viên.	Trung tâm thông tin thư viện, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
2	Khắc phục hạn chế	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật phần mềm quản lý thư viện điện tử. Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật để khai thác tối đa các tính năng của phần mềm Libol. - Tăng cường bổ sung tài liệu số, cơ sở dữ liệu phục vụ trực tiếp cho các chương trình đào tạo, trong đó cho chương trình Tài chính ngân hàng - Cập nhật thường xuyên tài liệu mới xuất bản, tài liệu liên quan đến chương trình đổi mới giáo dục phổ thông để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới phù hợp chuyên ngành đào tạo. - Mở rộng hoạt động liên kết, chia sẻ tài liệu số với các cơ sở giáo dục đại học khác. 	Phòng kế hoạch tài chính, Trung tâm thông tin thư viện, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh có 01 siêu thị mini, 02 phòng máy thực hành, 01 phòng thực hành kế toán ảo, 01 phòng thực hành Ngân hàng ảo phục vụ cho các hoạt động giảng dạy và thực hành của giảng viên, người học trong Khoa. Trong đó phòng thực hành Ngân hàng ảo là mô hình thực hành phục vụ trực tiếp cho việc đào tạo sinh viên của ngành Tài chính ngân hàng (P302A2). Tại đây, các sinh viên của ngành Tài chính ngân hàng được thực hành các nghiệp vụ ngân hàng, ghi chép, xử lý, lưu trữ các chứng từ kế toán đúng quy định theo chương trình học tập học phần Kế toán ngân hàng; có khả năng vận dụng và thực hành thành thạo các nghiệp vụ ngân hàng hiện đại, thực hiện các giao dịch với khách hàng một cách nhanh chóng, chính xác theo chương trình học tập học phần Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, đồng thời đây cũng là nơi các sinh viên giao lưu, làm việc theo nhóm giúp tăng kỹ năng giao tiếp, tư vấn khi thực hiện các giao dịch tại phòng thực hành mô phỏng. Các phòng thực

hành mô phỏng đều được trang bị các trang thiết bị cần thiết cho việc học tập, thực hành của sinh viên [H9.09.03.01].

Các phòng máy của khoa được trang bị đầy đủ trang thiết bị, luôn đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát, an toàn, phục vụ tốt cho chương trình đào tạo của khoa nói chung, ngành Tài chính ngân hàng nói riêng, như: Bàn ghế, bảng viết, máy vi tính, âm ly, loa máy, micro, quạt gió, điện chiếu sáng, internet, máy chiếu Projector, màn chiếu; máy móc, thiết bị, dụng cụ, sổ sách, hệ thống máy tính kết nối mạng internet và được trang bị các phần mềm phục vụ cho việc thực hành của sinh viên, như phần mềm T24 là Phần mềm chuyên dụng về quản lý hoạt động Ngân hàng tích hợp những ứng dụng tin học trong quản trị thông tin, gia tài; thanh toán giao dịch, quản trị rủi ro đáng tiếc ... trong mạng lưới hệ thống Ngân hàng [H9.09.03.02].

Nhà trường luôn quan tâm đến hiệu quả công tác quản lý, sử dụng các phòng thực hành và trang thiết bị nhằm phục vụ tốt nhất việc học tập, giảng dạy và NCKH. Tại các phòng thực hành luôn có các sổ theo dõi tần suất sử dụng [H9.09.03.03]. Các trang thiết bị trong phòng thực hành đặc thù luôn được vệ sinh, lau chùi, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, nâng cấp đáp ứng yêu cầu về đào tạo và NCKH của người học trong khoa nói chung và của ngành Tài chính ngân hàng nói riêng [H9.09.03.04]. Khoa KT - QTKD cũng đã tổ chức biên soạn các quy định quản lý các phòng thực hành; tài liệu hướng dẫn [H9.09.03.05].

Nhà trường giao cán bộ phòng thực hành đặc thù có trách nhiệm đóng mở cửa, theo dõi tình hình hoạt động của các trang thiết bị, máy móc tại phòng thực hành đặc thù, ghi chép vào sổ nhật ký hằng ngày và đánh giá hiệu quả việc sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị [H9.09.03.06].

Hàng năm, Khoa xây dựng kế hoạch mua mới, bổ sung và nâng cấp nhằm thay thế các trang thiết bị đã hỏng, Nhà trường bố trí thẩm định, sửa chữa, đầu tư, nâng cấp các thực hành cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch, quy mô đào tạo [H9.09.03.07].

Việc rà soát tình trạng trang thiết bị thực hành được thực hiện thông qua: nhật ký sử dụng thiết bị, thống kê số giờ vận hành từng loại thiết bị, kiểm kê tài sản cuối mỗi năm. Ngoài ra, Trường còn tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về diện tích, chất lượng phòng thực hành, trang thiết bị thực hành. Định kỳ, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. GV và SV đều đánh giá đáp ứng tốt và rất tốt với tỷ lệ trên 80 % [H9.09.03.08].

2. Điểm mạnh

Các phòng thực hành đặc thù của khoa KT-QTKD được trang bị đầy đủ trang thiết bị, luôn đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát, an toàn, phục vụ tốt cho chương trình đào tạo của Khoa nói chung, ngành Tài chính ngân hàng nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa tổ chức đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị phòng thực hành, phục vụ đào tạo và NCKH để có cơ sở đề xuất với nhà trường có các giải pháp cải tiến và bố trí nguồn kinh phí bổ sung trang thiết bị phù hợp đảm bảo yêu cầu của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 9.3: Kế hoạch hành động (tiêu chí 9.3)

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	- Giám sát chặt chẽ việc vận hành, sử dụng, khai thác trang thiết bị tại các phòng thực hành đặc thù để nâng cao hiệu quả sử dụng. - Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, mua sắm mới kịp thời các trang thiết bị xuống cấp, hư hỏng để phục vụ tốt nhất quá trình đào tạo và NCKH của người học và giảng viên.	Phòng kế hoạch tài chính, Phòng QT vật tư thiết bị, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022 - 2023	
2	Khắc phục hạn chế	Định kỳ tổ chức đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị tại các phòng thực hành, phòng mô phỏng và siêu thị mini.	Phòng QT vật tư thiết bị, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022 - 2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường đã được tập trung đầu tư và có khả năng đáp ứng khá tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của Khoa cũng như Nhà trường. Hiện tại, Nhà trường trang bị 16 máy chủ, 50 máy tính xách tay và 938 máy tính để bàn phục vụ công tác quản lý và đáp ứng nhu cầu chuyên môn. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã trang bị cho tất cả CB, GV làm công tác quản lý ở các khoa, phòng, ban, trung tâm một bộ máy tính để làm việc nên hiện nay số máy tính đã đáp ứng đủ để cán bộ làm việc [H9.09.04.01 a].; 01 phòng thực hành chuyên ngành Mạng; 06 phòng thực hành tin học; 01 phòng lab; 02 phòng học ngoại ngữ đa năng, 02 phòng thi trắc nghiệm trực tuyến; 01 phòng học thông minh, 02 phòng thực hành kế toán trên máy tính, 01 phòng thực hành kế toán ngân hàng. Số lượng máy vi tính dùng cho quản lý: 178 máy. Tỷ lệ máy tính khối phòng ban đạt xấp xỉ 1 máy/người. Hiện tại số lượng máy tính đủ đáp ứng yêu cầu công việc [H9.09.04.01 b]. Tại nhà Điều hành có trang bị 01 phòng họp trực tuyến với trang thiết bị hiện đại bao gồm hệ thống âm thanh 2 chiều, camera đa chiều, màn hình cỡ lớn, kết nối internet tốc độ cao [H9.09.04.02].

Phòng máy chủ được lắp đặt theo mô hình Datacenter bao gồm 02 máy chủ Database và 01 máy chủ ứng dụng cài đặt hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến, 01 máy chủ Web, 01 hệ thống lưu trữ dữ liệu, hệ thống máy chủ được bảo vệ bởi các thiết bị an ninh nhiều lớp đảm bảo an toàn phục vụ công tác điều hành, quản lý và đào tạo. Riêng trung tâm thư viện được trang bị 130 máy vi tính nối mạng, 02 phòng đa năng

phục vụ hội nghị, hội thảo, giảng dạy, bảo vệ luận văn, luận án và các sự kiện học thuật khác theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Hệ thống cơ sở dữ liệu được tích hợp trên phần mềm quản lý thư viện điện tử Libol; trên 3000 file luận án luận án, luận văn đã số hóa; thư viện số (*thuvienso.hdu.edu.vn*) với trên 1,4 triệu tài liệu. Băng thông Internet cung cấp cho mạng nội bộ thư viện đạt 200Mb đảm bảo truy cập internet tốc độ cao. Hệ thống wifi free được phủ sóng toàn bộ khu vực nhà Thư viện phục vụ truy cập internet tốc độ cao cho người sử dụng. Hạ tầng mạng nội bộ được kết nối cáp quang tốc độ cao từ nhà điều hành tới tất cả các khoa, phòng, ban, trung tâm và các giảng đường. Mạng nội bộ của Trường được kết nối dịch vụ Internet tốc độ cao với tổng băng thông toàn mạng đạt 1,1 Gb đáp ứng được nhu cầu tra cứu, khai thác thông tin, cập nhật tin bài lên website của các đơn vị và Nhà trường [H9.09.04.03].

Khoa KT-QTKD được trang bị 12 máy in, 12 bộ máy tính phục vụ công tác quản lý của đơn vị và 91 máy tính để bàn phục vụ dạy học tại các phòng thực hành, trong đó tại phòng máy là 59 máy, phòng thực hành Kế toán ảo 16 máy, phòng mô hình ngân hàng ảo 16 máy [H9.09.04.01]. Hệ thống máy tính tại các phòng làm việc và các phòng thực hành được kết nối mạng internet, song song với wifi tốc độ cao được phủ sóng, được cài đặt sẵn các phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học, công tác quản lý, điều hành của khoa, hỗ trợ sinh viên của khoa nói chung, sinh viên ngành Tài chính ngân hàng nói riêng [H9.09.04.04].

Nhà trường sử dụng Hệ thống phần mềm có bản quyền được trang bị đủ cho tất cả các hoạt động chính bao gồm: Phần mềm dùng chung (Phần mềm quản lý tổng thể các hoạt động chính của Trường bao gồm: Quản lý đào tạo, sinh viên, cơ sở vật chất, tài chính, tổ chức, hành chính, khoa học công nghệ...). Bên cạnh đó tại các phòng, ban còn được trang bị các phần mềm chuyên biệt như PM trắc nghiệm VTS cho phòng ĐBCL&KT, phần mềm thư viện LIBOL cho TTTT-TV; phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp Misa cho Phòng Kế hoạch - tài chính [H1.09.04.05].

Hoạt động quản lý, sử dụng hệ thống CNTT trong Nhà trường được thực hiện bởi *Quy định quản lý, sử dụng mạng nội bộ và các dịch vụ số của Trường Đại học Hồng Đức* được ban hành theo Quyết định số 1384/QĐ-ĐHHD ngày 14/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức [H9.09.04.06].

Đầu năm 2020 trước tình hình dịch bệnh Covid – 19 có những diễn biến phức tạp khó lường, vì vậy để đảm bảo thực hiện kế hoạch năm học trong tình trạng không thể học tập trung, Nhà trường đã triển khai dạy học trực tuyến đối với tất cả các trình độ, hình thức đào tạo từ tháng 3/2020, lịch học trực tuyến được thực hiện theo đúng thời khóa biểu học kỳ II năm học 2019 - 2020. [H9.09.04.07 a], theo đó bộ phận công nghệ thông tin chịu trách nhiệm hướng dẫn, tập huấn đội ngũ CBGV và HSSV toàn trường sử dụng các phần mềm dạy học trực tuyến, phần mềm Zoom, phần mềm Amazon Chime, phần mềm LMS. Tập trung hoàn thiện hệ thống mạng Wifi, dây LAN cho các toà nhà và ký túc xá, đảm bảo yêu cầu truy cập các lớp học trực tuyến của giảng viên và người học [H9.09.04.07 b]. Để đảm bảo kế hoạch, tiến độ năm học 2020 – 2021 không ảnh hưởng tới thời gian tốt nghiệp của người học, việc kiểm tra đánh giá thi trực tuyến online của sinh viên và người học được nhà trường thông báo cụ thể theo quyết định số 137 /TB - ĐHHD [H9.09.04.08].

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành kiểm kê, đánh giá chất lượng và lấy ý kiến CB, GV và HSSV về mức độ khả dụng của hệ thống máy móc CNTT phục vụ hoạt động dạy học, NCKH để kịp thời sửa chữa và mua sắm thay thế, nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu hoạt động dạy học và NCKH của CB, GV và HSSV [H9.09.04.09]. Kết

quả lấy ý kiến CB, GV và HSSV về chất lượng của hệ thống thông tin phục vụ cho công tác đào tạo của Nhà trường trong những năm qua đều đạt mức hài lòng trên 80%. Các sự cố kỹ thuật về hệ thống kỹ thuật thông tin như: máy chiếu, máy tính, đường truyền tại các phòng học, các khoa... đều đã được xử lý một cách nhanh chóng kịp thời.

2. Điểm mạnh

Hạ tầng CNTT hỗ trợ hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học cơ bản đã được đầu tư đầy đủ, có hệ thống.

Hệ thống CNTT hoạt động tương đối ổn định, an toàn, hỗ trợ cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin và tri thức phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Khoa đã sử dụng phần mềm Zoom có bản quyền để phục vụ dạy học online, tạo được môi trường cho GV, SV tương tác trong học tập và NCKH.

Việc vận hành và bảo trì hệ thống CNTT đảm bảo hoạt động 24/24 được thực hiện bởi bộ phận phụ trách thuộc Trung tâm TT-TV.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở hạ tầng CNTT của Trường/Khoa phục vụ CTĐT còn chưa được nâng cấp đồng bộ, chưa chú trọng phát triển các phần mềm quản lý, cố vấn học tập của CTĐT chưa được sử dụng phần mềm chuyên dụng để quản lý những sinh viên do mình phụ trách nhằm giảm tải khối lượng công việc. Cán bộ, người học còn gặp khó khăn khi sử dụng wifi trong giờ cao điểm.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 9.4: Kế hoạch hành động (tiêu chí 9.4)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn Thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống CNTT, tăng cường công tác kiểm tra, quản lý để đáp ứng kịp thời nhu cầu của CB GV và người học.	Trung tâm TTTV	Năm 2022-2023	
2	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường và phòng chức năng thực hiện rà soát, điều chỉnh và sửa đổi quy trình kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc thiết bị hệ thống thông tin trong trường. - Tăng cường hệ thống wifi tại phòng hội trường dùng chung. Thành lập trung tâm CNTT phụ trách hệ thống CNTT của Nhà trường	Trung tâm TTTV	Năm 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn; về bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe; về phòng cháy, chữa cháy; về vệ sinh an toàn thực phẩm. Tất cả các khu nhà làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành, thể dục thể thao, KTX, nhà ăn, căn tin đều có công khai các bảng nội quy, quy định. Công tác môi trường, sức khỏe và an toàn được chú trọng; cây xanh, thảm cỏ, khuôn viên nhà trường được trồng và chăm sóc tỉ mỉ, tạo không gian thoáng mát cho CB, GV và người học. Hệ thống nước thải sinh hoạt và các khu thí nghiệm đều được xử lý trước khi thải ra môi trường [H9.09.05.01a]. Bên cạnh đó Khoa KT- QTKD cũng ban hành văn bản riêng quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn trong các phòng thực hành [H9.09.05.01b].

Với quy mô hơn 8.000 người học, 695 CBVC&LD, có thể nói Trường Đại học Hồng Đức là nơi tập trung đông người của thành phố Thanh Hoá, vì thế Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ. Tại Nhà điều hành, nhà trường có trang bị hệ thống báo cháy tự động và chống sét [H9.09.05.02]. Nhà trường đã phối hợp với cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tỉnh Thanh Hoá tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ [H9.09.05.03].

Nhà trường luôn chú trọng đến công tác môi trường, sức khỏe và an toàn; cây xanh, thảm cỏ, khuôn viên nhà trường được trồng và chăm sóc tỉ mỉ, tạo không gian thoáng mát cho CB, GV và người học. Hằng tuần, Trạm Y tế tổ chức kiểm tra, giám sát việc đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà trường, đặc biệt là các khu giảng đường, nhà điều hành và các bếp ăn tập thể tại Khu nội trú [H9.09.05.04]. Hệ thống nước thải sinh hoạt và các khu thí nghiệm đặc biệt là khu thí nghiệm Hóa học, Sinh học và Hóa Sinh của Khoa KHTN đều được xử lý trước khi thải ra môi trường [H9.09.05.05]. Phòng Phòng TC-HC-QT và Ban quản lý KTX, YT, ANTT là các đơn vị đầu mối để triển khai, thực hiện công tác môi trường, sức khỏe và an toàn trong nhà trường [H9.09.05.06].

Sinh viên Khoa KHTN nói riêng và sinh viên toàn trường nói chung được Trạm Y tế tổ chức khám sức khỏe đầu vào cho 100% thí sinh trúng tuyển hệ chính quy nhập học; khám sức khỏe định kỳ cho người học 1 lần/năm học; tổng hợp kết quả khám, phân loại sức khỏe, cập nhật vào sổ khám bệnh, hồ sơ quản lý sức khỏe của từng người học và thực hiện công tác BHYT cho người học đúng theo kế hoạch và tổng hợp, báo cáo theo quy định, đặc biệt, những SV khuyết tật được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện ở KTX tầng 1, được khám sức khỏe theo nhu cầu [H9.09.05.07]. Để đảm bảo sức khỏe cho CBGV và SV trong quá trình làm việc và học tập, Trạm y tế tiến hành phân công lịch trực chuyên môn cụ thể theo từng tháng, vào giờ hành chính [H9.09.05.08].

Ban Bảo vệ được chia thành 02 tổ công tác, đảm bảo phân ca trực 24/24 giờ trong ngày, chia thành 3 ca, mỗi ca có từ 2-3 người trực theo các vị trí được phân công trong toàn bộ khuôn viên Nhà trường, cán bộ trực được trang bị đầy đủ dụng cụ, các đồ bảo hộ phục vụ cho công tác tuần tra, đảm bảo ANTT trường học [H9.09.05.09].

Ngoài ra, nhà trường đã hợp đồng với Công an phường trên địa bàn trường đóng để tăng cường công tác phối hợp, tuần tra đảm bảo ANTT trường học, đồng thời trong các đợt nghỉ lễ tết Nhà trường phối hợp với công an các cấp thành lập Ban chỉ đạo trực tăng cường đảm bảo ANTT trong nhà trường [H9.09.05.10]. Cuối mỗi năm học, nhà

trường tổ chức tổng kết, đánh giá công tác ANTT trường học và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong năm học tiếp theo, kết quả về công tác đảm bảo ANTT trong nhiều năm qua nhà trường đã vinh dự được Bộ Công an, UBND tỉnh, Thành phố, Giám đốc Công an tỉnh tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen cho nhà trường; các mô hình đảm bảo ANTT của nhà trường đã được Bộ Công an thông báo nhân rộng ra toàn quốc [H9.09.05.10].

Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể CBVC-LĐ và người học trong nhà trường thông qua “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu khóa, các hội nghị về công tác sinh viên và được quy định cụ thể trong Nội quy ra vào cơ quan, nội quy ra vào khu Nội trú, nội quy phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành... [H9.09.05.11]. Trong đó, nhà trường đặc biệt quan tâm và luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm để hỗ trợ tốt nhất cho người học, đặc biệt là người học bị khuyết tật; tăng cường trồng cây xanh, tạo bóng mát đảm bảo môi trường luôn trong sạch, thông thoáng góp phần nâng cao sức khỏe cho CBVC-LĐ và người học.

Đặc biệt trong thời gian xảy ra đại dịch covid 19 năm 2020 và 2021 trường đã thành lập Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid 19 đưa ra nhiều công văn, quyết định kịp thời chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn sức khỏe cho CBVC - LĐ và người học [H9.09.05.12]. Triển khai hướng dẫn tiêm vacxin phòng chống Covid 19 theo lịch của Sở Y tế Thanh Hóa đến toàn thể CBVC - LĐ và người học [H9.09.05.13].

Hàng năm, nhà trường lấy ý kiến phản hồi của CBVC-LĐ, người học và các bên liên quan thông qua nhiều kênh, như tổ chức Hội nghị CBVC-LĐ, hội nghị đối thoại, Hội nghị giao ban đề CBVC-LĐ, người học và các bên liên quan đóng góp ý kiến về môi trường, sức khỏe và an toàn trong quá trình triển khai, thực hiện của nhà trường, kết quả cho thấy phần lớn CBVC-LĐ, người học và các bên liên quan hài lòng cao với các tiêu chí về môi trường, sức khỏe, đảm bảo an toàn về ANTT khi tham gia làm việc, học tập, nghiên cứu tại trường [H9.09.05.14].

2. Điểm mạnh

Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn (có lưu ý đến người khuyết tật) được triển khai thực hiện có hiệu quả; được người học và CBGV đánh giá cao. Nhà trường đã bố trí lực lượng bảo vệ chuyên trách, đủ về quân số, được huấn luyện cơ bản về nghiệp vụ và trang thiết bị đầy đủ.

Công tác an ninh trật tự, an toàn trong Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, sự phối hợp, hỗ trợ của các địa phương và lực lượng công an; thường xuyên giữ mối liên hệ với Công an tỉnh, công an các địa phương nơi trường đóng quân để trao đổi thông tin và bàn bạc, thống nhất phương án về công tác an ninh, trật tự.

Có đầy đủ các phòng chức năng phụ trách các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn. Các tiêu chí này được quy định và triển khai đồng bộ đến toàn thể CBVC-LĐ và người học. 100% người học ký cam kết thực hiện tốt ANTT, VSMT; nhà trường luôn đạt các tiêu chí về “Nhà trường an toàn về ANTT”.

3. Điểm tồn tại

Chưa có quy định cụ thể cho người khuyết tật đối với các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn; Các phòng học chưa bố trí chỗ ngồi học dành riêng cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 9.5: Kế hoạch hành động (tiêu chí 9.5)

Stt	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	- Tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể CBVC-LĐ, người học về công tác đảm bảo VSMT, sức khỏe và an toàn; kiện toàn Trung đội dân quân tự vệ, đội cờ đỏ; tập huấn nghiệp vụ và diễn tập. - Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản về môi trường, y tế, ANTT; tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra giám sát đảm bảo VSMT, sức khỏe, an toàn;	Phòng HCTH; Trạm y tế, Ban Bảo vệ, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
2	Khắc phục hạn chế	Xây dựng quy định cụ thể dành riêng cho người khuyết tật đối với các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn trong nhà trường. Thiết kế, bố trí chỗ ngồi học dành riêng cho người khuyết tật học tập một cách thuận lợi	Phòng HCTH; Phòng QTVTTB, Trạm y tế, Ban Bảo vệ, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Là một trong những ngành luôn nhận được sự quan tâm lựa chọn của người học cũng như nhu cầu lớn từ thị trường lao động, ngành Tài chính ngân hàng nói riêng và Khoa KTQTKD nói chung luôn nhận được sự quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của CBGV và sinh viên trong Khoa. Ngoài ra, Khoa cũng không ngừng chủ động cải thiện môi trường làm việc và học tập của CBGV và sinh viên. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế đòi hỏi Khoa và Nhà trường cần tập trung khắc phục trong thời gian tới.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH tự đánh giá tiêu chuẩn 9 đạt 5/5 tiêu chí (bình quân đạt 5,0/7 điểm).

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Tầm nhìn của Trường ĐHHĐ được xác định đến năm 2030 sẽ là địa chỉ tin cậy, có uy tín về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở một số chuyên ngành mũi nhọn thuộc các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục, kỹ thuật công nghệ, nông - lâm - ngư nghiệp, kinh tế (mỗi lĩnh vực ngành chọn 1-2 chuyên ngành) đạt trình độ ngang tầm với các trường đại học lớn trong khu vực miền Trung. Do vậy, Nhà trường rất chú trọng việc nâng cao chất lượng ở các ngành đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu

nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu HV, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, các chuyên gia kinh tế và giáo dục) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả

Chương trình đào tạo ngành TCNH được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu xã hội [H1.01.01.05&H1.01.01.06]. Nhận định đúng vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, chuyên gia, cán bộ quản lý, người tuyển dụng và sử dụng lao động, cựu người học,... trong việc cung cấp các thông tin hữu dụng về đặc điểm, yêu cầu của xã hội đối với nguồn lực lao động do nhà trường, khoa đào tạo ra, ngay từ năm 2008 Nhà trường đã thành lập TT.PTĐT&HTHT, đơn vị chuyên trách trong việc thu thập thông tin phản hồi từ các đơn vị, cá nhân bên ngoài trường. Một hệ thống thông tin đã được tổng hợp từ Trường đến Khoa và được tập trung tại bộ phận thường trực thuộc TT.PTĐT& HTHT. Năm 2016, TT.PTĐT&HTHT được sát nhập vào trung tâm GDTX [H10.10.01.01], tuy nhiên để phát huy được hết vai trò trong việc thu thập thông tin phản hồi, nhiệm vụ của TT.PTĐT& HTHT đã được điều chuyển sang phòng CTHSSV (nay gọi là phòng GDCT & CTHSSV) [H10.10.01.02].

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin, hằng năm, nhà trường đã kiện toàn Ban chỉ đạo và tổ chức lấy ý kiến rà soát chỉnh sửa nội dung mẫu phiếu hỏi [H10.10.01.03; H10.10.01.04; H2.02.01.04]. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà tuyển dụng lao động, sinh viên đang học tại trường, cựu sinh viên, GV, các chuyên gia kinh tế và giáo dục... được dùng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.13; H10.10.01.05].

Theo hướng dẫn của nhà trường, Khoa KT- QTKD đã thực hiện điều chỉnh CTĐT qua các lần vào năm 2017, 2018, 2019, 2021 [H1.01.01.05&H1.01.01.06]. Khoa KT- QTKD đã thực hiện gửi Phiếu lấy ý kiến phản hồi đến: các đơn vị tuyển dụng; cựu SV; giảng viên về chất lượng CTĐT để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của SV tốt nghiệp do Khoa đào tạo thông qua những ý kiến đóng góp xây dựng và điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.13].

Để tiếp tục nâng cao chất lượng CTĐT, nhà trường đã ban hành Khung chương trình theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại trường ĐHHĐ yêu cầu hồ sơ trình thẩm định CTĐT phải kèm theo đầy đủ kết quả khảo sát năng lực người học, phiếu phản hồi của nhà tuyển dụng, người đã tốt nghiệp, Hồ sơ góp ý của chuyên gia trong và ngoài trường về CĐR, CTĐT [H1.01.02.05]. Việc khảo sát được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát; phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại; tổ chức hội thảo,... theo quy định của Nhà trường.

Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức các cuộc tọa đàm về phương pháp học tập bậc đại học, trao đổi về ngành TCNH trong đó, SV có thể nêu các câu hỏi và góp ý kiến về chương trình [H10.10.01.06].

Ngoài việc phát bảng hỏi đến giảng viên để thu thập thông tin phản hồi trong các lần điều chỉnh CTĐT, Hội đồng Khoa họp định kỳ mỗi năm để góp ý phát triển chương trình và bộ môn đều họp triển khai việc phát triển chương trình để từng giảng viên góp ý [H10.10.01.07].

Ý kiến phản hồi của người học được nhà trường tổng hợp và gửi tới các Khoa, kết hợp với các ý kiến trao đổi, góp ý và nhu cầu của các bên liên quan như các chuyên gia, CB quản lý, GV, cựu SV và nhà tuyển dụng, đồng thời tham khảo các chương trình đào tạo ngành TCNH của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước, Khoa đã thực hiện việc rà soát và điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội. Từ những nguồn này đã được nhóm chuyên gia xây dựng sử dụng làm dữ liệu cho những thay đổi cần thiết trong quá trình hiệu chỉnh CDR, điều chỉnh CTĐT ngày càng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn [H1.01.02.01; H1.01.02.02; H1.01.01.05 & H1.01.01.06].

2. Điểm mạnh

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được hình thành từ cấp trường đến khoa; Hằng năm, Khoa KT- QTKD đều lấy ý kiến phản hồi về CTĐT bằng cách gửi phiếu hỏi và nhận được nhiều ý kiến, góp ý của các chuyên gia, nhà nghiên cứu cùng ngành; Các thông tin phản hồi từ các đơn vị, cá nhân có liên quan về CTĐT đều được nhà trường, khoa kiểm chứng về mức độ chính xác qua phân tích, tổng hợp, thụ lý các ý kiến góp ý từ các bên và sử dụng hợp lý, hiệu quả trong các lần điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với mục tiêu đào tạo.

Các kênh phản hồi đa dạng thông qua việc lấy phiếu khảo sát từ các cuộc trao đổi qua điện thoại hoặc gặp gỡ trực tiếp lãnh đạo của đơn vị kinh doanh trong quá trình sinh viên đi thực tập, tọa đàm, hội thảo, họp bộ môn và các cuộc họp hội đồng Khoa trong năm giữa các giảng viên trong và ngoài khoa cùng tham gia giảng dạy chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Một số thông tin phản hồi của nhà sử dụng lao động chưa thật sự rõ ràng gây khó khăn trong việc điều chỉnh và thiết kế chương trình đào tạo một cách phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 10.1: Kế hoạch hành động (tiêu chí 10.1)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục hạn chế	Đẩy mạnh hơn nữa hiệu quả hoạt động phản hồi thông tin về chất lượng CTĐT và các hoạt động của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành TCNH.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, CTĐT trình độ đại học ngành TCNH định kỳ 2 năm/lần (những năm gần đây) được điều chỉnh và đánh giá tính phù hợp với nhu cầu xã hội. Chuẩn đầu ra đã được Nhà trường ban hành, CTĐT ngành TCNH đã được điều chỉnh vào năm 2017, 2019, 2021

Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đã thực hiện trình tự các bước theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Nhà trường [H1.01.01.10]. Quy trình Phê duyệt CTĐT

theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học thiết kế và phát triển CTĐT có tầm quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, trên cơ sở các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, năm 2008 nhà trường đã ban hành CTĐT theo hình thức tín chỉ và đã được rà soát điều chỉnh vào năm 2011 [H1.01.01.05] năm 2015 Nhà trường đã ban hành quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT [H1.01.01.10], theo đó việc xây dựng mới, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT ngành TCNH được khẩn trương thực hiện, ban lãnh đạo khoa thành lập tổ soạn thảo theo đề xuất của bộ môn. Lãnh đạo khoa đã phân công các thành viên tham gia soạn thảo đề xuất khung chương trình, hội đồng Khoa thảo luận để thống nhất, các nội dung trong khung chương trình dự thảo được gửi đến giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi thẩm định [H1.01.01.13]. Sau khi thẩm định, Tổ soạn thảo tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết luận trong biên bản để chính thức tham mưu ban hành CTĐT ngành TCNH, từ đó các đề cương chi tiết học phần được biên soạn và nghiệm thu đưa vào sử dụng [H1.01.01.07]

Khoa KT-QTKD đã thực hiện đúng theo quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT đã ban hành ngày 11/3/2014, phòng Quản lý Đào tạo định kỳ lấy ý kiến các chuyên gia, đội ngũ CB quản lý và GV để cải tiến, hoàn thiện quy trình góp phần nâng cao chất lượng hoạt động xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi và cập nhật các văn bản mới của Bộ GD&ĐT, ngày 23/02/2017 phòng Quản lý Đào tạo tiếp tục tham mưu để Hiệu trưởng ban hành Quy trình Phê duyệt CTĐT theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học [H1.01.01.11]. Khoa KT-QTKD áp dụng quy trình trên để chỉnh sửa, bổ sung, xây dựng CTĐT theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học và CTĐT ngành TCNH đã được nghiệm thu vào tháng 10/2017 [H1.01.01.05].

Kết quả sau quá trình điều chỉnh, CTĐT TCNH được áp dụng từ năm 2017 đã có những thay đổi trong việc phân bổ các học phần theo kỳ học hợp lý hơn, tăng cường số tín chỉ cho các học phần chuyên ngành và các học phần thực hành, thực tập tại cơ sở. Những học phần không phù hợp đã được lược bỏ khỏi CTĐT. Chương trình được áp dụng từ 2017 cũng có sự điều chỉnh phù hợp hơn với xu thế tăng cường khối kiến thức chuyên ngành, giảm bớt khối kiến thức cơ sở ngành. Đồng thời tăng kiến thức chuyên ngành Năm 2017 có 62 TC thì năm 2021 tổng kiến thức chuyên ngành đã tăng lên 65TC (Bảng 10.1) Bên cạnh đó CTĐT được chỉnh sửa từ năm 2017, năm 2019 và 2021 đã bổ sung thêm một số học phần phù hợp với yêu cầu thực tế cho SV, tích hợp một vài học phần và cập nhật một số học phần mới đáp ứng yêu cầu hội nhập. Cụ thể CTĐT năm 2017 đã bổ sung 3HP: Phương pháp NCKH chuyên ngành; Môi trường và con người và Khởi sự kinh doanh. CTĐT năm 2019 tiếp tục bổ sung 3 HP mới: Dự báo kinh tế, Giao tiếp trong kinh doanh và Thương mại điện tử , đồng thời đổi tên và thay đổi số TC của 1 số HP ể phù hợp với xu hướng phát triển nền kinh tế; phù hợp với mục tiêu, CDR của CTĐT (Bảng 10.2).

Bảng 10.2: So sánh số tín chỉ của các học phần trong CTĐT trước và sau khi điều chỉnh

Khối kiến thức	Chương trình 2017-2018	Chương trình từ 2019	Chương trình từ 2021
Kiến thức chung	40	41	41
Kiến thức cơ sở ngành	18	18	18
Kiến thức chuyên ngành	62	62	65
Tổng số TC	120	121	124

Bảng 10. 3. Các học phần được điều chỉnh trong CTĐT

TT	CTĐT trước	Chương trình sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
I	CTĐT 2016	CTĐT 2017	
1	Marketing căn bản (3TC)	Marketing căn bản (2TC)	Phù hợp với CTĐT của ngành
2	Quản trị doanh nghiệp (3TC)	Quản trị doanh nghiệp 1 (2TC)	Phù hợp với CTĐT của ngành
3	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC) HP Tự chọn	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC) HP bắt buộc	Phù hợp với yêu cầu phát huy năng lực của người học và nhà tuyển dụng lao động
4		Bổ sung thêm HP: Phương pháp NCKH chuyên ngành (2TC)	Phù hợp với yêu cầu phát huy năng lực của người học
5	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Bỏ HP này	Phù hợp với CTĐT theo quy định
6	Lịch sử kinh tế quốc dân HP bắt buộc	Lịch sử kinh tế quốc dân HP tự chọn	Phù hợp với CTĐT của ngành
7		Bổ sung HP: Môi trường và con người (2TC) HP tự chọn	Theo đề nghị của sinh viên, của CBGV và của các đơn vị tuyển dụng lao động.
8		Bổ sung thêm HP: Khởi sự kinh doanh (2TC)	Phù hợp với yêu cầu phát huy năng lực của người học và nhà tuyển dụng lao động
9	Kinh tế lượng (3TC)	Kinh tế lượng (2TC)	Phù hợp với CTĐT của ngành
10	Kinh tế phát triển (2TC) HP bắt buộc	Kinh tế phát triển (2TC) HP tự chọn	Phù hợp với CTĐT của ngành
11	Chọn 1 trong 2 HP: - Kinh tế các ngành - Kinh tế đầu tư Chọn 1 trong 3 HP: - Tin học ứng dụng - Quản trị chất lượng - Quản lý nhà nước về kinh tế	Chọn 1 trong 2 HP: - Kinh tế phát triển - Kinh tế đầu tư Chọn 1 trong 3 HP: - Quản trị chất lượng - Kinh tế các ngành - Quản lý nhà nước về kinh tế	Phù hợp với CTĐT của ngành
12	Bảo hiểm (2TC) HP Bắt buộc Thị trường chứng khoán (2TC) HP Bắt buộc	Chọn 2 trong 3 HP - Bảo hiểm - Thị trường chứng khoán - Kiểm toán báo cáo tài chính	Phù hợp với CTĐT của ngành
13	Phân tích hoạt động kinh doanh (2TC) HP bắt buộc	Chọn 1 trong 2 HP - Phân tích hoạt động kinh doanh	Phù hợp với CTĐT của ngành

		- TCNH quản trị chi phí	
14	Thanh toán quốc tế (2TC) HP bắt buộc Chọn 1 trong 2 HP: - Kiểm toán căn bản - Phân tích và đầu tư chứng khoán Chọn 1 trong 3 HP: - Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại - TCNH thuế	Chọn 2 trong 3 HP - Phân tích và đầu tư chứng khoán - Kiểm toán căn bản - Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại Chọn 1 trong 2 HP - Thanh toán quốc tế - TCNH thuế	Phù hợp với CTĐT của ngành
II	CT2018	CT2019	
1	Chọn 1 trong 2 HP: Kinh tế đầu tư Kinh tế phát triển	Chọn 1 trong 2HP: Kinh tế đầu tư Logistic và vận tải quốc tế	Phù hợp với CTĐT của ngành
2	Chọn 1 trong 3 HP: Quản lý nhà nước về kinh tế Kinh tế các ngành Quản trị chất lượng	Chọn 1 trong 3 HP: Kinh tế lao động Kinh tế các ngành Quản trị chất lượng	Phù hợp với CTĐT của ngành
	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin	Tên học phần	Thay đổi thành 3 HP: Triết học Mác – Lê nin, Kinh tế chính trị Mác – Lê nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	Tên học phần	Thay đổi thành HP: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
II	CT2019	CT2021	
I. Bổ sung học phần mới (Ghi rõ tên học phần, số tín chỉ, học kỳ thứ....)			
1	Dự báo kinh tế	02TC, HK6	Phù hợp với xu hướng phát triển nền kinh tế; phù hợp với mục tiêu, CDR của CTĐT
2	Giao tiếp trong kinh doanh	02TC, HK7	
3	Thương mại điện tử	02TC, HK5	
II. Đổi tên học phần/số lượng TC/đổi học kỳ học			
1	Thị trường CK	2 TC (HK7 chuyển sang HK6)	Do tăng số TC của CTĐT nên sắp xếp lại các học phần giữa các học kỳ cho phù hợp và đảm bảo số TC tương đồng giữa các kỳ.
2	Thuế	3 TC (HK5 chuyển sang HK 6)	
III. Điều chỉnh số lượng tín chỉ (tăng hoặc giảm):			
1	Thuế	Từ 2 TC lên 3 TC	Tăng khối lượng kiến thức các học phần
2	Định giá TS>DN	Từ 2 TC lên 3 TC	

3	Quản trị TCDN2	Từ 2 TC lên 3 TC	chuyên ngành phù hợp với mục tiêu, CĐR của CTĐT
IV. Thay thế học phần (Học phần A trong CTĐT hiện hành sẽ bỏ và thay thế bằng học phần A')			
1	Chọn 1 trong 2 học phần Logistic và vận tải quốc tế Kinh tế đầu tư Chọn 1 trong 2 học phần Kinh tế quốc tế Kinh tế môi trường	Bỏ học phần Kinh tế đầu tư, Kinh tế môi trường. Chọn 2 trong 3 học phần -Logistics và vận tải quốc tế -Kinh tế quốc tế -Lập và phân tích dự án đầu tư	Tương đồng kiến thức, dễ dàng cho SV lựa chọn học phần; phù hợp với CĐR.
2	Chọn 1 trong 2 học phần: Lập và phân tích dự án đầu tư Thống kê doanh nghiệp	Chọn 1 trong 2 học phần: Dự báo kinh tế Thống kê doanh nghiệp	Tương đồng kiến thức, dễ dàng cho SV lựa chọn học phần; phù hợp với CĐR của ngành.
3	Chọn 1 trong 3 học phần: Kinh tế lao động Kinh tế các ngành Quản trị chất lượng	Bỏ, thay thế bằng cặp tự chọn: Chọn 1 trong 2 học phần: Thương mại điện tử Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại	Đảm bảo tính cập nhật nội dung và phù hợp hơn với CĐR chương trình đào tạo.
4	Chọn 2 trong 3 HP: Bảo hiểm Thị trường chứng khoán Kiểm toán báo cáo tài chính	Chuyển học phần: Thị trường chứng khoán thành học phần bắt buộc	Phù hợp hơn với việc tăng kiến thức học phần chuyên ngành.
5	Chọn 2 trong 3 học phần -Phân tích và đầu tư CK -Kiểm toán căn bản -Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại	Thay thế bằng cặp chọn 1 trong 2 (Kiểm toán căn bản, Kiểm toán báo cáo tài chính) - Chuyển học phần: Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại sang cặp tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần: Thương mại điện tử; Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại)	Sắp xếp các cặp học phần tự chọn phù hợp hơn.

Để nâng cao chất lượng hoạt động, định kỳ Nhà trường tổ chức triển khai cho các ngành tự đánh giá chất lượng CTĐT [H10.10.02.01] kết quả, 100 % CTĐT (đã có SV tốt nghiệp) của Nhà trường hằng năm được tổ chức tự đánh giá và cải tiến chất lượng trên cơ sở kết quả tự đánh giá CTĐT. Nhà trường yêu cầu các đơn vị tổ chức rà soát các CTĐT hiện đang áp dụng để điều chỉnh theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học, mà trong đó kết quả tự đánh giá là một trong các căn cứ để đơn vị điều chỉnh nội dung chương trình ngày càng phù hợp hơn và xác định chỉ tiêu tuyển sinh [H1.01.01.13].

2. Điểm mạnh

Quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ. Quy trình này là cơ sở để giảng viên trong và ngoài khoa tham gia các nhiệm vụ được phân công trong quá trình cải tiến và xây dựng CTDH liên tục cập nhật và thay đổi qua các năm học.

Khoa KT- QTKD luôn cập nhật các nội dung cần điều chỉnh trong CTĐT tại các cuộc họp chuyên môn của các Bộ môn như một bước bổ sung so với quy trình chung để đem lại hiệu quả trong xây dựng và cải tiến chương trình dạy học.

3. Điểm tồn tại

Chương trình dạy học chưa tham khảo đa dạng các chương trình dạy học tiên tiến.

4. Kế hoạch hành động

Từ học năm học 2023-2024, Khoa tham khảo nhiều hơn các chương dạy học của các trường đại học trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học cho các giảng viên trong Khoa

Bảng 10.4: Kế hoạch hành động (tiêu chí 10.2)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục hạn chế	Khoa sẽ tham khảo nhiều hơn các chương dạy học của các trường đại học trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học cho các giảng viên trong Khoa	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV là một khâu rất quan trọng không thể thiếu trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHHĐ nói chung và đào tạo Ngành TCNH nói riêng. Nó là khâu cuối cùng, không chỉ có ý nghĩa đánh giá độ tin cậy kết quả học tập của quá trình dạy và học mà còn có tác dụng điều tiết trở lại hết sức mạnh mẽ đối với quá trình đào tạo. Kết quả kiểm tra, đánh giá không chỉ phản ánh năng lực học của SV mà còn phản ánh một phần phương pháp dạy học của GV, bởi vì kiểm tra, đánh giá gắn liền và quan hệ trực tiếp với việc đổi mới phương pháp dạy học của GV và đổi mới phương pháp học tập của SV. Khoa và Nhà trường đã thực hiện việc rà soát, đánh giá quá trình dạy, học căn cứ vào văn bản Quy định xây dựng, quản lý hồ sơ học phần và tổ chức đào tạo theo hướng ứng dụng, phát triển năng lực người học nhằm quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên, trong đó quy định về thành phần hồ sơ cụ thể cách thức xây dựng và quản lý hồ sơ cũng như trách nhiệm của các bên liên quan, gồm: GV, các khoa và các phòng/ ban [H2.02.02.01]. Bên cạnh các quy định chung, nhà trường yêu cầu mỗi nội dung phải có phương pháp dạy học và hình thức, tiêu chí kiểm tra đánh giá cụ thể phù hợp với các kỹ năng của người học đạt được được quy định cụ thể tại QĐ Số 395/QĐ- ĐHHĐ Ngày 29/4/2020 [H10.10.03.03]; [H1.01.01.07];

[H2.02.02.07] đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.

Quá trình dạy và học cũng như việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành Đại học TCNH được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành bởi Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian, tiêu chí đánh giá, thang điểm (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, bao gồm: bài kiểm tra viết tại lớp, tiểu luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,... Hình thức thi của từng học phần được đề xuất, ghi rõ trong đề cương chi tiết và được thông báo cho người học ngay từ đầu kỳ, đảm bảo mọi người học có định hướng và kế hoạch học tập cho từng học phần [H10.10.03.03]. Nhà trường có quy định rà soát, đánh giá quá trình dạy học, đánh giá KQHT của người học, trong đó quy định về nội dung, công cụ, xử lý dữ liệu, tổng hợp và lưu giữ kết quả; Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí làm đầu mối, tham gia có các khoa và một số đơn vị khác trong Trường [H6.06.04.07]. Khoa cũng có quy định về việc thực hiện rà soát /đánh giá, thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy – học và đánh giá kết quả học tập của người học với chuẩn đầu ra [H10.10.03.04]. Từ đó tiến hành đánh giá về kết quả thực hiện đã đạt được trong thực tế triển khai so với các yêu cầu, quy định này.

Đánh giá quá trình dạy học của giáo viên được thực hiện tại bộ môn trong các năm học thông qua việc đăng ký các tiết dự giờ, thao giảng trong kế hoạch cá nhân của mỗi giảng viên [H6.06.04.03]. Bộ môn thường xuyên tổ chức các buổi kiểm tra, đánh giá đối với những giảng viên lần đầu tiên giảng dạy một học phần mới nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học [H10.10.03.01].

Bộ môn luôn có được kết quả đánh giá cao trong việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học [H5.05.03.01], lấy ý kiến về chất lượng hoạt động giảng dạy học phần và chất lượng quá trình đào tạo trước khi kết thúc khoá học thông qua người học trong các năm học, có trên 90% số ý kiến rất hài lòng và trên 5% ý kiến hài lòng, chỉ có dưới 5% số ý kiến của người học chưa hài lòng về chất lượng giảng dạy của đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT [H10.10.01.05]. Thông tin được lấy từ sự kết hợp giữa cán bộ khoa KT- QTKD và Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần, nhằm lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động dạy - học, kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần của giảng viên. Về cơ bản tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá đã công bố được GV thực hiện tốt, tất cả sinh viên đều hài lòng với việc đánh giá của giảng viên [H10.10.03.02].

Lãnh đạo bộ môn chỉ đạo một cách quyết liệt và thường xuyên công tác giám sát, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, nhắc nhở tiến độ, chất lượng thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng của từng cá nhân, bộ môn thường xuyên tiến hành tổ chức dự giờ thăm lớp và đánh giá phân loại các tiết học, họp bộ môn và đóng góp ý kiến cho từng tiết học cụ thể để CB, GV kịp thời điều chỉnh, rút kinh nghiệm để phát huy điểm mạnh, khắc phục những vấn đề tồn tại của bản thân; kết quả dự giờ thăm lớp cho thấy 100% số giờ đều được đánh giá xếp loại Khá, Giỏi [H6.06.04.03]. Tất cả các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về phương pháp giảng dạy [H6.06.04.03], phương pháp đánh giá kết quả học

tập được tiếp thu và sử dụng trong rà soát đảm bảo sự phù hợp và tương thích với CDR [H1.01.02.06].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được bộ môn và Khoa KT-QTKD được theo dõi một cách thường xuyên, nghiêm túc.

Phương pháp và quy trình rà soát, đánh giá được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, phù hợp với quy định của Nhà trường, đảm bảo tính khách quan, công bằng. Kết quả kiểm tra đánh giá được sử dụng làm công cụ để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét tốt nghiệp cho người học.

Hình thức kiểm tra đa dạng bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận đã được thực hiện đồng bộ ở tất cả các học phần.

3. Điểm tồn tại

Hình thức đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa đa dạng, chủ yếu dựa vào kết quả dự giờ, thao giảng của giảng viên trong bộ môn và ý kiến đánh giá của người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ học năm học 2023-2024, Khoa đa dạng hoá các hình thức đánh giá nâng cao chất lượng giảng dạy như là tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học; trao đổi, thảo luận để nâng cao chất lượng trên cơ sở phân tích kết quả đánh giá các học phần.

Bảng 10.5: Kế hoạch hành động (tiêu chí 10.3)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục hạn chế	Khoa sẽ đa dạng hoá các hình thức đánh giá nâng cao chất lượng giảng dạy như là tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học; trao đổi, thảo luận để nâng cao chất lượng trên cơ sở phân tích kết quả đánh giá các học phần.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH), Nhà trường và Khoa KT - QTKD luôn coi công tác NCKH là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu cùng với quá trình đổi mới nội dung và phương pháp dạy học thể hiện trong quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên của trường đại học Hồng Đức. Theo đó, NCKH là nhiệm vụ bắt buộc đối với tất cả các chức danh giảng viên làm việc tại nhà trường từ giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên hạng 3, giáo sư, phó giáo sư đến trợ giảng và giáo viên thực hành [H10.10.04.01]. Trong những năm qua, hoạt động NCKH của giảng viên khoa Kinh tế - QTKD được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp, viết bài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, hội thảo trong nước và quốc tế, viết sách tham khảo, hướng dẫn sinh viên NCKH... bước đầu đạt được những thành tựu

đáng kể.

- Giai đoạn từ 2016 đến nay, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh đã thực hiện được nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở (06 đề tài cấp bộ, 05 đề tài cấp tỉnh, gần 30 đề tài NCKH cấp cơ sở) có liên quan trực tiếp đến hoạt động dạy và học các chuyên ngành, thể hiện thông qua quá trình thẩm định đề tài và danh mục đề tài được thực hiện hàng năm liên quan đến chương trình dạy học ngành QTKD nói riêng và các ngành trong khoa Kinh tế - QTKD nói chung, cụ thể:

+ Đối với đề tài nghiên cứu khoa học của Giảng viên, theo quy định quản lý đề tài NCKH của giảng viên [H10.10.04.02] các đề tài trước khi được thực hiện đều được thông qua kiểm duyệt đảm bảo tính cấp thiết cũng như tính liên quan và ứng dụng kết quả trong quá trình dạy và học mới được phép thực hiện. Cụ thể, các giảng viên khi muốn thực hiện các nhiệm vụ khoa học phải tiến hành đăng ký trong kế hoạch năm học của bộ môn, khoa và Nhà trường. Sau đó, các đề tài được thông qua vòng kiểm duyệt, xác định tên, mục tiêu, đối tượng và một số các yếu tố khác của đề tài. Sau khi đề tài được kiểm duyệt đáp ứng tính cấp thiết, tính ứng dụng trong quá trình dạy và học, Nhà trường sẽ ra quyết định giao nhiệm vụ khoa học hàng năm cho cán bộ giảng viên toàn trường [H10.10.04.03]. Sau khi nhận nhiệm vụ NCKH, các chủ nhiệm đề tài tiếp tục thông qua 2 vòng đánh giá cấp khoa và cấp trường về Thuyết minh đề tài NCKH bao gồm các nội dung về tính cấp thiết, mục tiêu nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu... được Hội đồng cấp khoa và cấp trường đánh giá lại theo các tiêu chí cho sẵn, trong đó đảm bảo tính ứng dụng về mặt lý luận và thực tiễn, phục vụ cho công tác dạy và học là một trong những tiêu chí hàng đầu để thông qua Thuyết minh ĐTNCKH [H10.10.04.04]; [H10.10.04.05]. Nhìn chung, quy trình thẩm định ban đầu đối với đề tài nhằm ngoài mục đích thẩm định tính cấp thiết, tính phù hợp với yêu cầu lý luận, pháp lý và thực tiễn, thì tất cả các đề tài NCKH được thực hiện đều được khoa và Nhà trường thẩm định với tiêu chí liên quan trực tiếp và ứng dụng cho hoạt động dạy và học của sinh viên cũng như cán bộ giảng viên trong khoa.

Bảng 10.6: Bảng tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học các cấp phục vụ cho việc dạy và học ngành Tài chính ngân hàng

STT	Năm học	Số lượng đề tài		
		Cấp Bộ	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	2017 – 2018	01	01	6
2	2018 - 2019	02	-	6
3	2019 – 2020	01	03	6
4	2020 – 2021	02	01	6
5	2021 - 2022	02	02	6
	Tổng cộng	08	07	30

(Nguồn: Phòng QLKH, khoa Kinh tế - QTKD)

+ Đối với đề tài của sinh viên chuyên ngành Kế toán, các đề tài NCKH được sinh viên thực hiện được giáo viên hướng dẫn định hướng dựa trên các hướng nghiên cứu đã được bộ môn xây dựng và ban hành [H10.10.04.06]. Các hướng nghiên cứu được bộ môn chuyên môn ban hành dựa trên các nội dung lý thuyết cơ bản của các học phần chuyên ngành kết hợp với tính ứng dụng trong phạm vi nghiên cứu cụ thể, với mục đích giúp sinh viên nắm vững kiến thức, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, nâng cao chất lượng việc dạy và học. Với lộ trình đó, 100% đề tài NCKH của sinh viên trong 5 năm trở lại đây đều thuộc các định hướng nghiên cứu của bộ môn chuyên môn cũng

nhu liên quan trực tiếp đến việc dạy và học.

- Các kết quả NCKH bước đầu đã được vận dụng trong việc cải tiến chất lượng việc dạy và học. Cụ thể:

+ Các giảng viên đã bắt đầu định hướng các nghiên cứu vào việc hoàn thiện các tài liệu dạy học phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu các học phần ngành TCNH nói riêng và các ngành đào tạo trong khoa Kinh tế - QTKD nói chung. Trong 5 năm qua, các cán bộ giảng viên trong khoa đã biên soạn được nhiều tài liệu dạy học phục vụ trực tiếp và gián tiếp cho việc dạy và học chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng. Các tài liệu dạy học được biên soạn đều phục vụ cho việc dạy và học các học phần trong chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng, là tài liệu chính hoặc tài liệu tham khảo chính thống cho việc giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giảng viên và sinh viên. Sau khi được biên soạn, việc giảng dạy và học tập các học phần này được cải thiện đáng kể. Các tài liệu được biên soạn dựa trên nguồn tư liệu phong phú, có giá trị khoa học cao, đồng thời đảm bảo tính thống nhất trong nghiên cứu giúp người học có được tư liệu giá trị cao phục vụ nghiên cứu và học tập.

+ Các kết quả nghiên cứu như các đề tài NCKH của giảng viên, sinh viên, luận văn, luận án được nhà trường yêu cầu nộp lại trung tâm thông tin thư viện nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập và giảng dạy của sinh viên và giảng viên, từ đó cải tiến chất lượng dạy và học. [H10.10.04.08]. Các công trình nghiên cứu khoa học được Nhà trường yêu cầu các tác giả là giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên... nộp bản lưu chiếu vào trung tâm thư viện bằng bản mềm và bản cứng. Bản mềm sẽ được lưu giữ trong kho dữ liệu số online, bản cứng được lưu tại trung tâm thư viện nhằm phục vụ cho việc tra cứu tài liệu, sử dụng tài liệu của người học cũng như cán bộ giảng viên. Các kết quả NCKH được lưu giữ đóng vai trò vô cùng là kho tàng tri thức vô giá, vô cùng hữu ích cho hoạt động dạy và học của cán bộ giảng viên và người học hiện tại và trong tiến trình nhiều năm tới.

+ Hàng năm vào thời điểm cuối năm học, Khoa Kinh tế - QTKD tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học. Hội nghị đã chỉ ra được các thành tựu đạt được trong NCKH, phổ biến các kết quả nghiên cứu, tuyên dương các cá nhân và tập thể có nhiều thành tích trong hoạt động NCKH của Khoa đồng thời chỉ ra những tồn tại, rút kinh nghiệm trong công tác NCKH và ứng dụng kết quả NCKH vào công tác giảng dạy, học tập [H10.10.04.09]. Từ đó, giúp sinh viên và giảng viên nhận thức được việc phát huy những thế mạnh trong NCKH, rút kinh nghiệm, khắc phục những hạn chế, góp phần cải tiến nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH cũng như hoạt động học tập, giảng dạy.

2. Điểm mạnh

Các đề tài NCKH các cấp của sinh viên và giảng viên đều góp phần nâng cao chất lượng đào tạo;

Các kết quả đề tài NCKH đã được sử dụng vào việc cải tiến việc dạy và học

3. Điểm tồn tại

Việc áp dụng/chuyên tải các kết quả NCKH thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2022 - 2023, nhà trường, khoa và bộ môn chuyên môn cần xây dựng kế hoạch, quy định hướng dẫn để áp dụng/chuyên tải các kết quả NCKH thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH.

Bảng 10.7: Kế hoạch hành động (tiêu chí 10.4)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục hạn chế	Nhà trường, khoa và bộ môn chuyên môn cần xây dựng kế hoạch, quy định hướng dẫn để áp dụng/chuyển tải các kết quả NCKH thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.5 Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đóng vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo đối với các cơ sở giáo dục nói chung và các trường đại học nói riêng. Trong những năm gần đây, trường Đại học Hồng Đức đã liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng các dịch vụ, tiện ích như trang bị thêm nhiều tư liệu từ điện tử cho đến các đầu sách, liên kết với nhiều CSDL điện tử hỗ trợ tìm kiếm tài liệu chuyên ngành, hệ thống CNTT được nâng cấp phục vụ cho học tập online.

Ngay từ năm 2010, nhà trường đã ban hành Sổ tay kiểm soát hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 [H10.10.05.01] quy định và hướng dẫn thực hiện quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trong đó, Điều 13 về theo dõi và đo lường sự hài lòng của người học có quy định: "...Nhà trường sẽ theo dõi và thăm dò sự thỏa mãn của người học thông qua phiếu lấy ý kiến người học. Định kỳ 12 tháng/lần, các đơn vị chức năng được phân công có nhiệm vụ lấy ý kiến, tổng hợp, phân tích và báo cáo cho Ban Giám hiệu. Từ các thông tin thu thập được này sẽ là cơ sở để Ban Giám hiệu đưa ra những quyết định nhằm tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.... Khách hàng của trường là những người học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan...".

Nhà trường cũng ban hành Mục tiêu chất lượng, Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng theo từng năm học làm căn cứ cải tiến chất lượng [H10.10.05.01]. Các văn bản trên thể hiện các mục tiêu: Đảm bảo ít nhất 80% giáo trình, tài liệu đáp ứng yêu cầu tài liệu dạy học cho các học phần thuộc các chương trình đào tạo của Nhà trường. Đơn vị chủ trì là Trung tâm TT-TV chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch rà soát, thống kê, báo cáo kết quả, lập kế hoạch mua sắm giáo trình, tài liệu, thiết bị còn thiếu đồng thời phối hợp các bộ môn phụ trách CTĐT tìm các giải pháp bổ sung giáo trình và tài liệu tham khảo; 100% máy móc, thiết bị được kiểm soát định kỳ theo kế hoạch, trong đó có trên 75% máy móc thiết bị đạt tiêu chuẩn phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đơn vị chủ trì là Phòng TC-HC-QT chịu trách nhiệm tổng hợp danh mục thiết bị phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, theo dõi kiểm soát tình hình hoạt

động của từng máy móc thiết bị, xây dựng kế hoạch bảo trì bảo dưỡng, báo cáo kết quả bảo trì bảo dưỡng và đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của hệ thống máy móc thiết bị [H10.10.05.02], [H10.10.05.03].

Trung tâm TTTV được trang bị hệ thống 80 máy tính, được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng; truy cập khai thác, sử dụng CSDL điện tử trên mạng do Liên hiệp thư viện Việt Nam về nguồn tin điện tử và Cục KHCN Quốc gia cung cấp; nguồn tài nguyên số từ website Tailieu.vn với hơn 1.400.000 tài liệu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tài liệu trực tuyến ViNa; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0. Hiện tại trung tâm Thông tin – Thư viện có 3 máy chủ dùng để cài đặt website và các phần mềm dùng chung của Nhà trường thường xuyên được cải tiến, cập nhật [H9.09.01.07], [H9.09.02.02].

Ngoài các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện của Nhà trường thì Khoa KT - QTKD còn có 2 Phòng Kế toán thực hành với 50 máy tính, 1 Phòng Kế toán mô phỏng, 1 Phòng Ngân hàng thực hành và 1 Siêu thị mini phục vụ và hỗ trợ cho người học trong việc tiếp cận với công việc thực tế [H3.03.01.03], [H8.08.05.02], [H9.09.03.01-05], [H9.09.03.07].

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến được phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị chức năng trong Nhà trường (Trung tâm TTTV, Phòng TC-HC-QT, Phòng GDCT & CT HSSV, Phòng ĐBCL&KT...). Định kỳ, Nhà trường tiến hành các hoạt động khảo sát về chất lượng phục vụ của Trung tâm TTTV [H9.09.02.12]; khảo sát mức độ hài lòng của người học đối với CSVC, trang thiết bị [H9.09.03.08]; khảo sát chất lượng phòng ở khu nội trú [H8.08.05.04], khảo sát ứng dụng CNTT [H9.09.04.07], hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe cho người học và CBGV được quy định và hoạt động 24/7 [H8.08.05.07], hoạt động vệ sinh trong khuôn viên trường được theo dõi và báo cáo kết quả thường xuyên [H8.08.05.08]. Kết quả khảo sát cho thấy: mức độ hài lòng của CBGV, SV đối với chất lượng phục vụ của Trung tâm TTTV khoảng 70-80% [H9.09.02.12], mức độ hài lòng đối với CSVC, thái độ phục vụ của cán bộ kỹ thuật bình quân trên 90%; mức độ hài lòng đối với chất lượng phục vụ phòng ở khu nội trú xấp xỉ 100%. Từ năm học 2017-2018, bên cạnh việc lấy ý kiến mức độ hài lòng của các bên liên quan theo quy định, Phòng TC-HC-QT còn trực tiếp tổ chức lấy ý kiến của người học về chất lượng phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên để điều chỉnh nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.05.04].

Thông qua các kết quả phân tích, Trường và Khoa xem xét rà soát và có kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo. Cụ thể chất lượng hoạt động dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá qua các năm, đa số đều được hài lòng thoả mãn nhu cầu của đối tượng được khảo sát. Để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của người học, Nhà trường, Khoa yêu cầu các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ cần xác định rõ ràng những hạn chế và lập kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ người học [H7.07.01.05]. Về cơ bản, các hoạt động từ thư viện, cơ sở vật chất, đến hoạt động hỗ trợ học tập, NCKH, ... của SV đều được cải thiện tích cực hơn, đảm bảo ngày càng phục vụ tốt hơn cho hoạt động học tập, NCKH và phục vụ cộng đồng. Như vậy, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV [H8.08.03.04], [H10.10.03.02], [H10.10.01.03].

Kết quả đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của trung tâm thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ khác thông qua người học, đội ngũ kỹ thuật viên làm căn cứ để

các đơn vị xem xét, đánh giá trách nhiệm của từng cá nhân, từng hình thức triển khai đề ra giải pháp khắc phục hữu hiệu để tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học và đội ngũ CBGV [H10.10.05.04].

Đề đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ người học, mỗi năm Nhà trường và Khoa đều xây dựng kế hoạch và tổ chức 02 buổi đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường, Lãnh đạo khoa với người học [H8.08.03.04]. Qua đó, khoa và Nhà trường nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của người học, các ý kiến phản hồi của người học về chất lượng các dịch vụ để kịp thời chỉ đạo các đơn vị, cá nhân điều chỉnh hoạt động sớm đáp ứng yêu cầu của người học.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành các quy định về đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Nhà trường thực hiện rà soát, xây dựng, đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng nhằm cải tiến chất lượng phục vụ người học và môi trường học tập.

- Hoạt động khảo sát lấy ý kiến về chất lượng phục vụ từ các bên liên quan được thực hiện hàng năm thể hiện sự cầu thị trong việc cải tiến chất lượng và bám sát mục tiêu cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng đảm bảo sự hài lòng và thỏa dụng của khách hàng trong vai người học.

- Hoạt động đối thoại người học với Nhà trường được thực hiện định kỳ hàng năm thể hiện sự cầu thị lắng nghe ý kiến phản hồi, quan điểm, mong muốn của người học nhằm cải tiến chất lượng phục vụ tiệm cận gần nhất với mong muốn của người học. Đồng thời, Khoa luôn chủ động nắm bắt, đề xuất và giải quyết các kiến nghị của SV nhằm cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

- Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa kịp thời đáp ứng (như việc bảo trì, sửa chữa, nâng cấp hệ thống máy tính, máy chiếu, quạt; vệ sinh hồng, bản...) do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

- Số lượng và chất lượng các đầu sách tại thư viện còn chưa thực sự đảm bảo. Chất lượng phục vụ của Thư viện còn chưa cao như: tài liệu lỗi thời, lượt đọc, tra cứu còn thấp, tốc độ truy cập internet chậm, lỗi.

4. Kế hoạch khắc phục

Bảng 10.8: Kế hoạch khắc phục (tiêu chí 10.5)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục hạn chế	Nhà trường nghiên cứu điều chỉnh nội dung khảo sát, cách thức khảo sát để đảm bảo đánh giá được mức độ phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đáp ứng được yêu cầu đặc thù riêng đối với CTĐT để giúp cho Khoa, CTĐT có được kết quả đánh giá	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm 2024	

		cụ thể và có đủ căn cứ để lập kế hoạch cải tiến chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của CTĐT.			
2	Khắc phục hạn chế	Thông qua kết quả khảo sát, Nhà trường hiện rà soát hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ người học; tiếp tục đôn đốc việc nâng cấp, sửa chữa hệ thống máy tính đề xuất giải pháp để nâng chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm 2024	

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường, hàng năm Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để nắm bắt tình hình và định hướng cải tiến hoạt động đào tạo nói chung của trường. Trường/Khoa có hệ thống, quy trình, quy định, công cụ thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, người học, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) cho các mặt hoạt động ở cấp Trường và cấp Khoa. Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học.

Theo đó, Nhà trường cũng đã ban hành các quy định về cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H4.04.02.04], [H6.06.04.06], [H6.06.04.07], [H10.10.01.03], [H10.10.01.05] [H10.10.06.06], [H10.10.06.07]. Công việc này được giao cho 2 phòng chủ đạo là Phòng ĐBCL&KT, Phòng GDCT&CT HSSV tiến hành [H10.10.06.02], [H10.10.01.02]. Phòng ĐBCL&KT có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng về hoạt động khảo thí, đảm bảo chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu về kiểm định chất lượng trường, triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 trong toàn bộ hoạt động đào tạo và công tác quản lý của nhà trường. Phòng GDCT&CT HSSV tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác chính trị, quản lý sinh viên của trường.

Phòng ĐBCL&KT đã tham mưu cho nhà trường ban hành kế hoạch đảm bảo chất lượng [H10.10.06.01] trong đó việc lấy ý kiến phản hồi của các bên có liên quan (người học, cựu người học, chuyên gia và nhà tuyển dụng lao động) được thực hiện thường xuyên và có tính hệ thống [H10.10.06.06], [H10.10.06.07]. Để nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu quả của hoạt động lấy ý kiến các bên có liên quan nhà trường đã giao cho Phòng ĐBCL&KT lấy ý kiến người học về chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên và chất lượng quá trình đào tạo [H10.10.06.02], [H4.04.02.04], [H10.10.06.05]; Phòng ĐBCL&KT sẽ thực hiện việc in các mẫu phiếu khảo sát và phát hành xuống các lớp học trong trường để sinh viên thực hiện khảo sát, sau khi thu thập các phiếu phát ra, cán bộ Phòng ĐBCL&KT sẽ trực tiếp thống kê và tổng hợp các ý kiến người học về chất lượng giảng dạy cũng như chương trình đào tạo [H1.01.01.13].

Hoạt động lấy ý kiến người học và các bên liên quan được triển khai đồng bộ, thường xuyên, đúng quy định, quy trình, thủ tục [H6.06.04.06]. Hoạt động này được thực hiện bảo mật, các cá nhân có liên quan không tham gia trực tiếp vào việc lấy ý kiến, người được hỏi trả lời trực tiếp vào phiếu lấy ý kiến (khuyết danh), kết quả lấy ý kiến được xử lý bằng phần mềm chuyên dụng và được lưu trữ trong phần mềm Excel để xác định độ tin cậy và đối sánh giữa các năm. Kết quả lấy ý kiến sau khi được xử lý sẽ thông báo đến các đơn vị, cá nhân để kịp thời điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của các bên liên quan. Trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan khoa đã phân tích, đánh giá và lựa chọn các ý kiến để đưa vào nhằm cải tiến CTĐT (lich trình đào tạo, tỷ lệ lý thuyết, thực hành,... tài liệu, giáo trình học tập,...) [H1.01.02.05], [H1.10.01.13]. Tuy số lượng phiếu khảo sát không nhiều và không bao phủ hết tất cả các lớp ngành Tài chính – Ngân hàng nhưng đa số ý kiến từ sinh viên đều hài lòng với chất lượng đào tạo của nhà trường [H1.01.02.05], [H1.01.01.13].

Ngoài ra, Nhà trường đã ban hành các thủ tục, quy trình về lấy ý kiến của giáo viên và cựu sinh viên và nhà tuyển dụng lao động về chất lượng đào tạo của từng ngành, trong đó là ngành Tài chính – Ngân hàng; quy trình Khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.13], [H1.01.02.05], [H10.10.06.09].

Phòng GDCT&CT HSSV hàng năm liên hệ với một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có sinh viên đã tốt nghiệp tại trường đang làm việc để lấy ý kiến các nhà tuyển dụng, sử dụng lao động về chất lượng đào tạo, về năng lực cựu sinh viên, về việc làm và thu nhập [H10.10.06.07],... Sau khi có kết quả khảo sát, Phòng GDCT&CT HSSV đã thực hiện thống kê và tổng hợp kết quả khảo sát báo cáo Nhà trường [H1.01.01.13], [H10.10.06.08]. Những đánh giá của các bên có liên quan là cơ sở giúp trường ĐHHĐ thực hiện các rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với người học và cả các đơn vị tuyển dụng. Từ năm 2017 trở lại đây Nhà trường đã có những nhiều đợt điều chỉnh chương trình đào tạo, Nhà trường đã giao Phòng Quản lý Đào tạo và các đơn vị liên quan tổ chức soạn thảo điều chỉnh nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo theo hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học [H10.10.06.09], [H10.10.06.10].

Ngoài việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng giảng dạy, quá trình đào tạo, nhà trường còn khảo sát ý kiến phản hồi của người học, giảng viên, cán bộ về mức độ đáp ứng của trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị [H7.07.01.05], [H9.09.03.08], [H10.10.03.02].

Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên có liên quan, định kỳ các phòng chức năng đều tổ chức lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, cá nhân trong nhà trường và bổ sung theo từng giai đoạn để cập nhật, điều chỉnh, cải tiến quy trình lấy ý kiến và nội dung phiếu hỏi nhằm tăng tính hiệu quả, độ tin cậy của hoạt động này. Trên cơ sở đó, hoạt động phản hồi sẽ giúp Nhà trường khai thác được nhiều thông tin hữu ích hơn trong việc cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo [H1.01.01.13].

Trên cơ sở Quy định tạm thời về tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên ban hành kèm theo Quyết định 1080/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/10/2008 và Quyết định ban hành “Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên và quá trình đào tạo tại Trường ĐHHĐ” số 1200/QĐ-ĐHHĐ ngày 02/8/2019 [H10.10.06.05], phòng chức năng đã lập kế hoạch, xây dựng mẫu phiếu, tham mưu thành lập ban chỉ đạo và tổ công tác lấy ý kiến phản

hỏi của người học và các bên có liên quan về chất lượng hoạt động giảng dạy của trên 80% GV ngay trước khi kết thúc môn học (mỗi học kỳ 1 lần), chất lượng quá trình đào tạo của 100% người học trước khi kết thúc khóa học, về chất lượng CTĐT các ngành thông qua các bên liên quan (mỗi năm 1 lần) [H1.01.01.13].

Về vấn đề khắc phục chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường: ngay sau khi nhận được báo cáo đánh giá ngoài về chất lượng giáo dục trường của Trung tâm KĐCL Đại học Quốc gia Hà Nội, Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch hành động khắc phục sau đánh giá ngoài nhằm khắc phục triệt để những vấn đề còn tồn tại được phát hiện trong quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài, tiếp tục nâng cao chất lượng các lĩnh vực hoạt động trong toàn trường [H10.10.06.03]. Định kỳ đôn đốc nhắc nhở các đơn vị có liên quan báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong kế hoạch và cập nhật hồ sơ minh chứng phục vụ công tác Kiểm định chất lượng giữa giai đoạn [H10.10.06.04].

2. Điểm mạnh

- Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống, nhận được nhiều ý kiến đóng góp hữu ích, từ đó phục vụ cho các hoạt động của Khoa và nhà trường về xây dựng, phân tích đánh giá CTĐT nói chung và CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng nói riêng.

- 100% hoạt động lấy ý kiến phản hồi được thực hiện đúng quy trình, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn; các ý kiến phản hồi đảm bảo độ tin cậy, hoạt động phản hồi của các bên có liên quan đảm bảo tính hiệu quả và được khoa tham khảo để điều chỉnh, cải tiến CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống các văn bản quy định về hoạt động lấy ý kiến và mẫu phiếu hỏi chưa được rà soát, cập nhật, cải tiến một cách thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 10.9: Kế hoạch hành động (tiêu chí 10.6)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục hạn chế	Nhà trường giao cho các phòng ban chức năng tổ chức rà soát hệ thống văn bản, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các văn bản đã ban hành. Đặc biệt là các quy định về hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan, cập nhật và điều chỉnh mẫu phiếu hỏi phù hợp với từng CTĐT để có hiệu quả và thường xuyên liên tục hơn	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm 2024
2	Khắc phục hạn chế	Nhà trường yêu cầu các phòng chức năng tiếp tục nghiên cứu để cải tiến về nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức lấy ý kiến của các bên có liên quan đáp ứng mục đích đề ra, giúp nhà trường thực hiện tốt việc đánh giá CTĐT theo quy định.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 10

Nâng cao chất lượng đầu ra là một trong những tiêu chí cơ bản của chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng, được thể hiện trong việc tập trung chú trọng hoàn thiện phát triển chương trình đào tạo, thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan làm căn cứ phát triển chương trình. Sau đó thường xuyên thực hiện các hoạt động đánh giá việc thiết kế và phát triển chương trình từ đó đưa ra các cải tiến. Chuẩn đầu ra của chương trình được thiết kế dựa trên cơ sở khoa học, quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình. Thêm vào đó, nhà trường chú trọng việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào việc dạy và học cho sinh viên, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích học tập thường xuyên được đánh giá và cải tiến. Cuối cùng, nhà trường luôn xem trọng cơ chế phản hồi của các bên liên quan, cơ chế phản hồi được xây dựng có tính hệ thống, thường xuyên được đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành cử nhân Tài chính ngân hàng tiêu chuẩn 10 đạt 6/6 tiêu chí (bình quân đạt 4,8/7 điểm).

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để quản lý và giám sát cơ sở dữ liệu học tập của người học Nhà trường đã xây dựng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.02.02]. Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý công tác này.

Công tác quản lý người học được thực hiện trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.02.02], tất cả cơ sở dữ liệu về người học, đặc biệt là danh sách người học thôi học, tốt nghiệp từng đợt được thống kê, cập nhật [H11.11.01.01&02].

Bảng 11.1. Tỷ lệ người học ngành đại học Tài chính – Ngân hàng tốt nghiệp 5 khóa (K17-K21) và thôi học 5 khóa (K17-K21)

Năm tuyển Sinh	Số lượng người học	Tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Số lượng người học thôi học trong thời gian				Khóa
		3,5 năm	4 Năm	trên 4 năm	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ 4 và tiếp theo	
2014	62	0	64,5	13		14,5	8		K17
2015	26	11,5	61,5	7,7		19,3			K18
2016	26	0	92,3	7,7		0			K19
2017	21	0	28,6	52,4	4,7	9,6	4,7		K20
2018	23	0	52,2	30,4		4,3			K21

(Nguồn: Phòng Công tác HSSV, Khoa KT-QTKD)

Từ thống kê số liệu người học thôi học ở từng học kỳ, năm học của ngành ĐH

TCNH, nhà trường và khoa KT-QTKD rà soát sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp, sinh viên chậm tiến độ, SV thôi học hoặc có những vấn đề trong học tập, chưa hoàn thành được các học phần trong Chương trình đào tạo thì CVHT sẽ gặp gỡ, trao đổi trực tiếp để tư vấn cho người học đăng ký môn học, tư vấn cách học giúp người học lập kế hoạch học tập tốt hơn để có thể đảm bảo tốt nghiệp đúng theo kế hoạch [H5.05.01.10&11]. Ngoài ra, Khoa, trường còn tổ chức các câu lạc bộ học thuật, tạo sân chơi bổ ích cho người học nhằm hỗ trợ tích cực cho người học trong quá trình đào tạo [H8.08.04.03], [H8.08.04.05].

Sau mỗi học kỳ, năm học, Nhà trường tổng hợp và công bố kết quả học tập của người học ngành ĐH TCNH theo lớp, khóa học [H5.05.01.09]. Từ đó khoa, bộ môn phân tích, tìm ra nguyên nhân đối với những người học chậm tiến độ, kết quả học tập chưa đạt ở mỗi học kỳ và giao cho bộ môn TCNH, Cố vấn học tập xây dựng kế hoạch, nội dung thời gian gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc qua email, điện thoại, facebook, zalo... để tư vấn, hướng dẫn cho người học phương pháp học các học phần còn nợ nhằm thúc đẩy người học sớm hoàn thành chương trình, tốt nghiệp đúng hạn, tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp [H5.05.01.11].

So với một số nhóm ngành kinh tế, kỹ thuật khác trong trường thì tỷ lệ người học tốt nghiệp của ngành ĐH TCNH cao, trung bình là 84.37%, tốt nghiệp trước thời hạn và trong thời gian chính khóa trung bình là 62.12%. Song, thực tế cho thấy trong 5 khóa gần nhất, vẫn còn 15.63% người học chưa thể tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phần mềm quản lý, kịp thời theo dõi tỷ lệ người học thôi học, tốt nghiệp; khoa KT-QTKD, bộ môn TCNH, Cố vấn học tập đã làm tốt công tác quản lý, giám sát kết quả học tập của người học; kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho người học chậm tiến độ, nợ môn học phần.

3. Điểm tồn tại

Trong 5 khóa gần nhất, vẫn còn người học thôi học, chủ yếu là năm thứ Nhất, thứ Hai, người học chưa thể tốt nghiệp. SV còn ỷ lại, chưa chủ động trong việc học các học phần tiếng Anh, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng để đảm bảo các điều kiện CDR của chương trình đào tạo theo quy định.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 11.2: Kế hoạch hành động (tiêu chí 11.1)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục hạn chế	Làm tốt hơn công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người học, đặc biệt là người học năm thứ Nhất; thống kê người học chậm tiến độ, chưa hoàn thành môn học trong học kỳ, năm học để có kế hoạch, lịch tư vấn, hỗ trợ người học kịp thời	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường

hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát thời gian tốt nghiệp của SV [H8.08.03.03]. Nhà trường có quy trình, quy định, công cụ giám sát, phân tích, đối sánh, đánh giá chất lượng SVTN (thời gian tốt nghiệp trung bình) Chương trình đào tạo ngành ĐH TCNH được thiết kế 121 tín chỉ, trong khoảng thời gian chính khóa là 4 năm [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình là 6 năm [H3.03.01.07].

Trong các khóa gần đây, tỷ lệ trung bình người học ngành ĐH TCNH tốt nghiệp là 79,47%, trong đó có 63,47% tốt nghiệp trước và đúng thời gian khóa học và 16% tốt nghiệp sau 4 năm [H11.11.01.04].

Bảng 11.3. Tỷ lệ người học ngành Đại học Tài chính ngân hàng tốt nghiệp trong 6 khoá (K17-K21)

Năm tuyển Sinh	Số lượng người học	Tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Chưa tốt nghiệp (%)	Khóa
		3,5 năm	4 năm	trên 4 năm		
2014	62	0	64,5	13	22,5	K17
2015	26	11,5	61,5	7,7	19,3	K18
2016	26	0	92,3	7,7	0	K19
2017	21	0	28,6	52,4	19	K20
2018	23	0	52,2	30,4	17,4	K21
Trung bình	158	1,9	62,03	18,99	17,09	

(Nguồn: Phòng Công tác HSSV, khoa KT-QTKD)

Nhà trường, khoa KT-QTKD đã tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học chưa thể tốt nghiệp theo khóa học là do nợ các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và chuẩn Tiếng Anh đầu ra. Từ đó Khoa KT-QTKD chỉ đạo bộ môn TCNH, Cố vấn học tập xây dựng kế hoạch, nội dung, thời gian gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc qua email, điện thoại, facebook, zalo... để tư vấn, hướng dẫn cho người học phương pháp học phần còn nợ, thúc đẩy người học sớm hoàn thành chương trình và tốt nghiệp đúng thời gian của khóa học [H4.04.01.04]

Từ khóa K15 đến K20, trung bình tỷ lệ người học tốt nghiệp là 79,47%, trong đó tốt nghiệp trước và đúng hạn của khóa học là 63,47%. Điều này cho thấy, Nhà trường, khoa KT-QTKD đã có nhiều giải pháp đồng bộ để hỗ trợ, tư vấn phù hợp để người học rút ngắn thời gian khóa học [H11.11.02.01].

Bảng 11.4: Đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Tài chính ngân hàng và các ngành khác trong khoa

Năm tuyển Sinh	Số lượng người học	Tỷ lệ % sinh viên tốt nghiệp		Thời gian tốt nghiệp trung bình		Khóa
		CTĐT được đánh giá	CTĐT của ngành QTKD	CTĐT được đánh giá	CTĐT của ngành QTKD	
2014	62	77,5	75,81	4,08	3,70	K17
2015	26	80,7	69,73	4,00	4,27	K18

2016	26	100	71,7	4,02	4,37	K19
2017	21	81	73,91	4,19	4,46	K20
2018	23	82,6	78,18	4,09	4,21	K21
Trung bình		68.32	73,87	4,06	4,20	

(Đổi sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp)

Sau mỗi năm học, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác đào tạo và công tác Cố vấn học tập, trong đó có ngành ĐH Tài chính ngân hàng. Tuy nhiên, báo cáo chưa đi sâu phân tích, đánh giá một cách khái quát các biện pháp hỗ trợ để người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.01.05].

2. Điểm mạnh

Đại học ngành TCNH trung bình có 79,47% người học tốt nghiệp, trong đó có 63,47% tốt nghiệp trước (3,5 năm) và đúng thời gian của khóa học.

3. Điểm tồn tại

Trong công tác đào tạo và Cố vấn học tập chưa đi sâu phân tích, đánh giá một cách khái quát các biện pháp hỗ trợ người học để rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Khoa chưa thực hiện đổi sánh số liệu với cùng ngành ĐT ở cơ sở giáo dục trong nước và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 11.5: Kế hoạch hành động (tiêu chí 11.2)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục hạn chế	Nhà trường, khoa KT-QTKD tập trung phân tích, đánh giá và có nhiều hoạt động cụ thể để hỗ trợ người học, đặc biệt là các hoạt động tư vấn phương pháp học tập.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	

Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đổi sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Mục tiêu chung của tất cả người học sau khi tốt nghiệp là có việc làm đúng với ngành đã được đào tạo, mức thu nhập phù hợp với khả năng, môi trường làm việc chuyên nghiệp. Đây cũng là mục tiêu mà Nhà trường, khoa đặt ra, cùng với nhà sử dụng lao động ký kết thỏa thuận hợp tác trong đào tạo, tiếp nhận người học thực tập và tuyển dụng sau khi tốt nghiệp. Nhà trường đã có hệ thống giám sát quá trình học tập cũng như tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp, đổi sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến. Điều đó đã và đang được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau như khảo sát trực tuyến, thông qua các hội nghị, hội thảo...

Hàng năm, phòng Công tác HSSV, khoa KT-QTKD là đơn vị đầu mối triển khai, tổ chức thực hiện khảo sát người học sau 01 năm tốt nghiệp và lưu trữ đầy đủ dữ liệu về danh sách người học tốt nghiệp của ngành ĐH TCNH có việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác, SV tự tạo việc làm... [H11.11.03.01].

Quy trình khảo sát được mô tả rõ ràng, cụ thể, đảm bảo các thông tin này được thu thập một cách đầy đủ và chính xác, gồm: Lập danh sách người học đã tốt nghiệp hàng năm (theo Quyết định công nhận tốt nghiệp) với đầy đủ các thông tin cá nhân; lập phiếu khảo sát với các thông tin cần thiết (được Ban Chỉ đạo hợp góp ý kiến và duyệt); gửi phiếu khảo sát đến người học đã tốt nghiệp sau 01 năm thông qua các kênh như: khảo sát online, gửi thư EMS, email, điện thoại, zalo, facebook...; thu thập và xử lý thông tin trong phiếu khảo sát đã nhận lại; thống kê, tổng hợp và báo cáo kết quả điều tra và lưu trữ dữ liệu [H11.11.03.02].

Nhờ có quy trình thực hiện và lưu trữ thông tin với các bước đầy đủ và hợp lý mà số liệu về tỉ lệ người học có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp đảm bảo độ tin cậy cao [H11.11.03.01].

Tính xác thực của số liệu được thể hiện qua các thông tin phản hồi trên Phiếu khảo sát của người tốt nghiệp đã có việc làm: Tên cơ quan, địa chỉ cơ quan, vị trí việc làm...). Từ đó xác định được tỉ lệ có việc làm, thu nhập bình quân của 5 khoá tốt nghiệp gần nhất (2017-2021), tỉ lệ người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, tỉ lệ người học sau khi tốt nghiệp học thêm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tỉ lệ người học theo khu vực làm việc (trong hệ thống các cơ quan nhà nước, trong các đơn vị tư nhân hoặc tự tạo việc làm...) [H11.11.03.03].

Theo Kết quả khảo sát tình hình việc làm của người học tốt nghiệp năm 2018 được công khai trên trang website của Nhà trường thì tỉ lệ người học tốt nghiệp sau 12 tháng của ngành ĐH TCNH có việc làm là 78,57%, trong đó tỉ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo là 37,29% [H11.11.03.03].

Nhà trường, khoa KT-QTKD đã tìm hiểu, thảo luận và phân tích nguyên nhân tại sao người học tốt nghiệp chưa có việc làm; các nguyên nhân này có thể xuất phát từ nhu cầu xã hội, sự đáp ứng của năng lực người học đã tốt nghiệp so với yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động, mức độ đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động so với yêu cầu của người lao động (tiền lương, điều kiện làm việc...) [H11.11.03.04].

Trong những năm qua, Nhà trường đã khảo sát, trao đổi và làm việc với các đơn vị sử dụng lao động nhằm gắn kết cùng Nhà trường ở tất cả các khâu trong quá trình đào tạo và hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp như: Lấy ý kiến đánh giá về Chương trình đào tạo của các bên liên quan, nhận xét của đơn vị sử dụng lao động, của các cơ sở giáo dục, các doanh nghiệp đối với năng lực của người học trong quá trình kiến tập, thực tập cuối khoá, tổ chức Hội nghị việc làm, đăng tải nhiều thông tin tuyển dụng lên website, zalo, facebook, fanpage... để người học có thể tiếp cận và tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

Ngoài ra, Nhà trường đã có nhiều hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, tổ chức cuộc thi ý tưởng sáng tạo, ý tưởng khởi nghiệp, trước khi đi thực tập tốt nghiệp cuối khoá, khoa và bộ môn TCNH tiến hành tập huấn các kỹ năng cần thiết để người học có thêm kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, kỹ năng khi đến các doanh nghiệp thực tập. Trong những năm qua, trong số người học của ngành ĐH TCNH có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp, có từ 7-8% người học tự tạo được việc làm cho bản thân và có thể tạo việc làm cho nhiều người khác..

2. Điểm mạnh

Nhà trường, khoa KT-QTKD có nhiều hoạt động thiết thực để hỗ trợ người học nhằm tăng tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

- Chưa thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm ngành ĐH TCNH của Nhà trường với ngành ĐH TCNH và một số ngành thuộc khối kinh tế của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

- Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo thấp, kết quả khảo sát 5 khóa tốt nghiệp từ năm 2017 – 2021 cao. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội, nhưng nó cũng phản ánh nội dung đào tạo trong Nhà trường vẫn chưa bám sát với nhu cầu tuyển dụng và xu hướng thị trường lao động.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 11.6: Kế hoạch hành động (tiêu chí 11.3)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục hạn chế	Nhà trường, khoa KT-QTKD sẽ phân tích, đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành ĐH TCNH giữa Trường Đại học Hồng Đức với một số trường đại học khác như: ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính, ĐH KD&CN Hà Nội, ĐH Hải Phòng, ĐH Thăng Long...	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
2	Khắc phục hạn chế	Làm tốt công tác kết nối và phục vụ cộng đồng, kết nối với các doanh nghiệp để hỗ trợ người học trong việc tư vấn, tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, nâng tỷ lệ người học có việc làm đúng chuyên ngành đào	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường, khoa Kinh tế - QTKD xác định hoạt động NCKH của người học có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình học tập góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, vị thế của ngành TCNH nói riêng và khoa KT-QTKD, Nhà trường nói chung.

Các hoạt động NCKH của người học được xác lập về số lượng và loại hình, việc xác lập này được thể hiện thông qua việc xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ hàng năm của Nhà trường, cụ thể:

+ Đối với hoạt động sinh viên NCKH, đầu năm học Nhà trường tiến hành thông báo triển khai hoạt động NCKH của sinh viên đến người học trong toàn trường [H11.11.04.01]. Các khoa đào tạo tiến hành lập danh sách các nhóm sinh viên NCKH và gửi về nhà trường theo thông báo. Các đề tài được lựa chọn và đăng ký cấp tham dự bao gồm: cấp khoa, cấp trường và cấp bộ. Đối với ngành ĐH Tài chính ngân hàng,

trong 5 năm học qua, số lượng đề tài sinh viên NCKH đạt tỷ lệ cụ thể như sau:

Bảng 11.7. Bảng tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học của người học ngành đại học tài chính ngân hàng trong 5 năm học

Hạng mục	Năm học										Cộng	
	2017-2018		2018-2019		2019-2020		2020 – 2021		2021 – 2022			
SV tham gia/Số lượng đề tài	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT
Cấp trường	3	1	5	2	8	2	3	1	3	1	51	15
Cấp khoa	2	1	6	3	8	3	10	3	8	2	70	20
Tổng	5	2	11	5	16	5	13	4	11	3	121	35
Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	2		5		5		4		3		35	

(Nguồn: Khoa KT-QTKD, phòng QLKH&CN)

+ Bên cạnh việc thực hiện đề tài NCKH, sinh viên ngành TCNH còn được tham gia các hoạt động NCKH khác như tham gia các cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp do Câu lạc bộ nhà doanh nghiệp tương lai, khoa Kinh tế - QTKD tổ chức, do Đoàn trường đại học Hồng Đức và do tỉnh đoàn Thanh Hóa tổ chức định kỳ hàng năm. Số lượng sinh viên tham gia được xác lập qua các danh sách gửi về Ban tổ chức theo các kênh từ chi đoàn, liên chi đoàn và tỉnh đoàn [H11.11.04.02].

+ Trong quá trình học, người học còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khác như viết tiểu luận, làm bài tập lớn thay thế thi kết thúc học phần. Các tiểu luận và bài tập lớn là những hoạt động nghiên cứu mang tính khởi đầu cho việc nghiên cứu sâu hơn của sinh viên trong giai đoạn sau. Danh sách người học làm tiểu luận, bài tập lớn được giảng viên xác định dựa trên đăng ký của sinh viên và điều kiện theo Quy chế đào tạo của Nhà trường ban hành [H11.11.04.03]. Theo đó, danh sách này được lập sau khi kết thúc ½ số tiết học phần và kiểm tra giữa kỳ và được duyệt bởi bộ môn, khoa KT - QTKD, phòng Quản lý đào tạo, ban Giám Hiệu nhà trường. [H11.11.04.04].

Bảng 11.8: Bảng tổng hợp số lượng người học ngành đại học tài chính ngân hàng làm bài tập lớn, tham gia lớp khởi sự doanh nghiệp và bồi dưỡng doanh nhân, cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp trong 5 năm

Hạng mục	Năm					Cộng
	2017–2018	2018 – 2019	2019 – 2020	2020 – 2021	2021 – 2022	
[H11.11.04.05]. Bài tập lớn, tiểu luận	5	6	4	5	6	
Tham gia lớp khởi sự doanh nghiệp và bồi dưỡng doanh nhân	28	13	15	25	20	
Tham gia cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp	2	4	3	4	3	

(Nguồn: Khoa KT-QTKD, phòng Quản lý đào tạo, phòng Công tác HSSV)

Các loại hình nghiên cứu của người học được Nhà trường xây dựng quy định thực hiện và giám sát rõ ràng, trong đó:

+ Đối với hoạt động sinh viên thực hiện đề tài NCKH, phòng QLKH và các khoa đào tạo được giao trách nhiệm là đầu mối quản lý hoạt động đề tài NCKH. nhà trường

đã ban hành quy định, quy trình về hoạt động NCKH của người học nhằm giám sát theo dõi hoạt động này [H6.06.07.02]. Theo đó, sau khi người học đăng ký tên đề tài nghiên cứu, xây dựng thuyết minh, khoa và Nhà trường sẽ thành lập hội đồng thẩm định thuyết minh đề tài NCKH của sinh viên. Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ ra quyết định về việc phê duyệt danh mục đề tài NCKH sinh viên [H10.10.04.06]. Sau quá trình xác lập danh mục các đề tài, các hoạt động đôn đốc kiểm tra, giám sát sẽ được trực tiếp khoa đào tạo và giảng viên hướng dẫn thực hiện. Khi đề tài hoàn thành, khoa và nhà trường sẽ tiến hành tiến hành các hoạt động nghiệm thu từ cấp khoa đến cấp trường, ra quyết định khen thưởng các nhóm sinh viên NCKH hàng năm [H11.11.04.05].

+ Cuối năm học, Khoa và Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động NCKH nhằm đánh giá về số lượng, chất lượng các đề tài trên từng lĩnh vực nghiên cứu và đề xuất phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KHCN cho những năm tiếp theo [H10.10.04.10]; [H11.11.04.06]. Hội nghị tổng kết đồng thời sẽ công bố những công trình NCKH tiêu biểu của sinh viên trong năm, xuất bản Kỷ yếu và gửi tuyên dương các sinh viên có thành tích cao trong NCKH [H11.11.04.07].

+ Đối với các hoạt động nghiên cứu khác như tiểu luận, bài tập lớn được thực hiện theo danh sách đã phê duyệt và được quản lý đầu mối tại phòng QLĐT. Nhà trường đã ban hành quy định đào tạo trong đó bao gồm các quy chế về việc làm tiểu luận và bài tập lớn của sinh viên [H11.11.04.03]. Quy định nêu rõ điều kiện, thời gian, số lượng tiểu luận sinh viên được làm, giảng viên được hướng dẫn, tổ chức chấm tiểu luận, bài tập lớn cũng như thời gian công bố kết quả, lưu hồ sơ. Như vậy hoạt động nghiên cứu này đã được Nhà trường giám sát chặt chẽ thông qua việc ban hành các nội dung cụ thể trong quy định đào tạo.

Về hoạt động đối sánh số lượng và loại hình NCKH của người học, bước đầu đã được Nhà trường thực hiện thông qua nhiều hình thức. Đối với hoạt động NCKH, các khoa sẽ lập danh sách sinh viên NCKH của từng ngành trong khoa, đối sánh được số lượng sinh viên của từng ngành tham gia NCKH trong khoa, đối với ngành TCNH sẽ được khoa đối sánh với số lượng của sinh viên các ngành Quản trị kinh doanh, TCNH và ngành Kinh tế, cung cấp thông tin cho ban chủ nhiệm khoa trong việc quản lý và điều chỉnh, giám sát hoạt động NCKH của sinh viên từng ngành. Đối với cấp trường, phòng QLKH sẽ chịu trách nhiệm lập danh sách đối sánh của toàn trường, ngoài việc so sánh trong từng khoa, còn cho phép việc đối sánh mỗi khoa với nhau. Tương tự đối với các hoạt động nghiên cứu khác của người học, việc đối sánh cũng được các khoa và Nhà trường thực hiện để có biện pháp kịp thời trong việc giám sát, điều chỉnh, quản lý nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học.

Nhằm hỗ trợ cho hoạt động NCKH phù hợp với xu thế phát triển và khả năng của người học, Nhà trường đã có nhiều các đề đề xuất/đầu tư cũng như hỗ trợ người học. Cụ thể:

+ Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quy định mức kinh phí hỗ trợ cho 1 đề tài là 1 triệu đồng, nếu đề tài được chọn dự thi cấp Bộ sẽ được hỗ trợ thêm 1 triệu đồng, nếu có giải cấp Bộ được hỗ trợ thêm từ 1 - 2 triệu đồng; đề tài dự thi cấp ngành được tính = $\frac{1}{2}$ cấp Bộ [H11.11.04.08]. Ngoài ra, người học tham gia NCKH được cộng điểm rèn luyện ở mỗi học kỳ, mức 4 điểm [H11.11.04.9].

+ Đối với các cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp được thực hiện bởi tinh đoàn cũng như đoàn trường, việc đề xuất đầu tư được Nhà trường thực hiện thông qua việc liên kết với Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh Thanh Hóa, Hội doanh nhân trong việc tổ chức cuộc

thi. Các ý tưởng được đánh giá bởi bộ phận ban giám khảo bao gồm các thành viên là các nhà doanh nhân thuộc Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh Thanh Hóa, hội doanh nhân. Các ý tưởng được đánh giá tốt sẽ được các nhà đầu tư, các doanh nghiệp cân nhắc hợp tác, xúc tiến tổ chức triển khai giữa các chủ nhiệm ý tưởng và các bên đầu tư.

2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành TCNH đã được xác lập, giám sát và bước đầu thực hiện các hoạt động đổi sách trong khoa và Nhà trường. Các hoạt động đề xuất đầu tư đã được Nhà trường quan tâm thực hiện nhằm phát triển hoạt động nghiên cứu của người học.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành đại học TCNH với một số trường đại học cùng vị thế hoạt động NCKH đối với các trường trong khu vực.

4. Kế hoạch hành động

Bảng 11.9: Kế hoạch hành động (tiêu chí 11.4)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục hạn chế	Nhà trường cần có kế hoạch thu thập thông tin về số lượng, loại hình nghiên cứu của người học ngành TCNH của 1 số trường đại học cùng vị thế trong khu vực để tiến hành đối sánh, phân tích	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên có liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh

1. Mô tả

Trong những năm qua, Nhà trường nói chung và khoa KT-QTKD nói riêng không ngừng cải tiến, điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội nhằm phát huy tối đa năng lực người học trên cơ sở xác lập mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động đào tạo. Nhiều năm qua Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động khác của Nhà trường. Nhà trường đã xây dựng các công cụ điều tra tiếp nhận phản hồi thông qua phát phiếu điều tra khảo sát từ các bên liên quan từ đó làm cơ sở cho việc điều chỉnh và nâng cao chất lượng chương trình dạy học.

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các buổi Hội nghị đối thoại với sinh viên. [H11.11.05.01]. Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn thể sinh viên, góp phần triển khai thông tin và giải quyết thắc mắc, giúp khoa và các đơn vị liên quan kịp thời xử lý, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn công tác đào tạo của Nhà trường. Ngoài ra, Nhà trường đã tiến hành khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động để từ đó định hướng, điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động [H1.01.02.05].

Phòng GDCT & CTHSSV là đầu mối triển khai, thống kê, tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của người học sau tốt nghiệp và chất lượng đào tạo tại các đơn vị sử dụng lao động [H11.11.03.02], [H11.11.03.03], [H11.11.03.04].

Khoa KT - QTKD thường xuyên tổ chức các hoạt động khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, cựu SV, GV và SV thông qua việc phát phiếu điều tra khảo sát đến từng nhóm đối tượng, tiến hành nhập liệu sau khi nhận các túi phiếu khảo sát đã được hiệu chỉnh và biên tập, tiến hành nhập liệu trực tiếp vào phần mềm Excel, Dữ liệu sau khi nhập đầy đủ được giao cho bộ phận xử lý dữ liệu bằng phần mềm Microsoft Excel, sau khi xử lý xong, dữ liệu được tổng hợp, lưu trữ và công bố kết quả khảo sát theo yêu cầu của Trường. Bước tiếp theo sẽ tổng hợp kết quả khảo sát nhằm đánh giá, phân tích và tìm cách khắc phục nếu có hạn chế, ngoài ra, khoa còn phối hợp với nhà trường tổ chức các cuộc Hội thảo về xây dựng CTĐT, Hội thảo về đào tạo ngành TCNH gắn với thực tiễn nhằm nắm bắt tâm tư nguyện vọng của sinh viên cũng như nhu cầu thông tin của các đối tượng bên ngoài để có hướng khắc phục chương trình đào tạo nói riêng và chất lượng đào tạo nói chung nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội đồng thời nâng cao vị thế của Khoa, nhà trường. [H11.11.04.07].

Ý kiến đóng góp của các bên liên quan là cơ sở quan trọng được khoa KT-QTKD phân tích, đối sánh, xây dựng kế hoạch cải tiến, điều chỉnh CTĐT ngành TCNH phù hợp với nhu cầu xã hội và thực tiễn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc đo lường mức độ hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo đã được tiến hành qua nhiều năm và có sự đối sánh giữa các năm hoặc đối sánh với cùng CTĐT khác của nhà trường [H1.01.01.13], tuy nhiên việc đo lường mức độ hài lòng của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng mới được tiến hành trong năm học 2020-2021 nhưng vẫn chưa có sự đối sánh với các CTĐT khác của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan chưa được thực hiện trên diện rộng, chưa có sự đối sánh với các CTĐT khác, cũng như giữa các đối tượng với nhau..

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2022-2023, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trên diện rộng; Năm 2023, tiếp tục hoàn thiện nội dung, quy trình và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chương trình dạy học, chất lượng dịch vụ giáo dục, kết quả đào tạo của ngành Tài chính ngân hàng.

Bảng 11.10: Kế hoạch hành động (tiêu chí 11.5)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục hạn chế	Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trên diện rộng; Tiếp tục hoàn thiện nội dung, quy trình và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chương trình dạy học, chất lượng dịch vụ giáo dục, kết quả đào tạo của ngành Tài chính ngân hàng.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 11:

Chất lượng đầu ra của người học được đảm bảo, Trường Đại học Hồng Đức và ngành TCNH đã giám sát việc đạt được các chuẩn đầu ra, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Mặt khác nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư, các đề tài của sinh viên có chất lượng, sinh viên ra trường đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành cử nhân TCNH tiêu chuẩn 11 đạt 5/5 tiêu chí (bình quân đạt 5/7 điểm)

PHẦN III. KẾT LUẬN

Sứ mạng của Trường Đại học Hồng Đức là "Đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước". Để thực hiện được sứ mạng đó, trường Đại học Hồng Đức nói chung và ngành TCNH nói riêng phải không ngừng nỗ lực và thích ứng kịp thời với sự thay đổi của xã hội. Do đó, việc đánh giá chương trình là tất yếu, nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học có được cơ hội và môi trường học tập tốt; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và tham gia kiểm định chất lượng định kì.

1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo ngành TCNH

***Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

- Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành TCNH đã được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của Luật giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nguồn nhân lực trong lĩnh vực TCNH

- CTĐT nói chung và mục tiêu của CTĐT nói riêng được xây dựng phù hợp với từng giai đoạn phát triển của giáo dục, của đơn vị đào tạo và nhu cầu xã hội thông qua việc khảo sát nhu cầu thị trường lao động và lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật các nội dung mới của ngành TCNH phù hợp với thực tế xã hội.

- CĐR ngành của TCNH được công bố công khai để các bên quan tâm dễ dàng tiếp cận và có cơ sở giám sát chất lượng đào tạo. CĐR của CTĐT được thiết kế rõ ràng, nội dung CĐR hướng tới hình thành năng lực chủ động, sáng tạo của SV; đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT và khuyến khích khả năng học tập suốt đời cho người học. CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của sinh viên sau tốt nghiệp CTĐT.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát và công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Nội dung cụ thể của CĐR được phản ánh trong Bản mô tả chương trình và trong từng học phần cụ thể của chương trình đào tạo và được chỉnh sửa hàng năm; được công bố công khai cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất, và được cụ thể trong từng năm học. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR của chương trình đào tạo được xuất phát từ thực tiễn nhu cầu lao động và việc làm, dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, gắn với vị trí làm việc của người lao động với sự tham gia của các doanh nghiệp.

*** Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT**

- Bản mô tả CTĐT đã cung cấp đầy đủ lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học từ: Mục tiêu đào tạo, Chuẩn đầu ra; mô tả rõ vị trí, vai trò của các học phần trong việc hình thành, phát triển năng lực của người học. Bản mô tả đã xây dựng được ma trận hồ sơ năng lực, phản ánh đúng cấu trúc CTĐT theo định hướng phát triển các năng lực nghề nghiệp - đích hướng tới của quá trình đào tạo và người học. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của ngành.

- Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết học phần đào tạo theo hệ thống tín chỉ; 100% đề cương chi tiết học phần được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường, được Hội đồng khoa thẩm định, phê duyệt và Nhà trường tổ chức đánh giá.

- Đề cương chi tiết thuộc CTĐT ngành TCNH bám sát mục tiêu, nội dung CTĐT

và liên tục cập nhật. Trong quá trình biên soạn, cập nhật đề cương đã có sự tham gia của các bên liên quan.

- Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công khai giúp cho người học, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Giúp cho người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho giảng viên phụ trách học phần trong CTĐT hiểu rõ kiến thức người học cần nắm được sau khi kết thúc học phần; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng của người học khi tốt nghiệp.NH

****Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học***

- CTDH của ngành TCNH được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT theo định hướng ứng dụng có thực hành tại phòng ngân hàng thực hành tại khoa KT - QTKD để bám sát thực tiễn các chuẩn đầu ra đã công bố.

- Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu, CDR của từng học phần và có sự gắn kết với các học phần trong các khối kiến thức khác nhằm đảm bảo quá trình dạy – học và đánh giá đạt được CDR của toàn CTĐT.

- CTDH ngành TCNH được thiết kế với cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao nhằm đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng đáp ứng được những yêu cầu của công việc. Các học phần trong chương trình luôn luôn được cập nhật, điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và xu hướng phát triển chung của xã hội.

**** Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học***

- Mục tiêu đào tạo của ngành được tuyên bố rõ ràng trên website của Trường và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan. Mục tiêu này đã được các chuyên gia tại các cơ quan tuyển dụng góp ý, tham gia xây dựng.

- Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTDH có nhiều hoạt động thực tế, thực tập, thực hành, seminar. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

- Người học được rèn luyện nhiều kỹ năng và khả năng học tập suốt đời thông qua các nhiệm vụ tự học phong phú và đa dạng, và sự gắn kết các nhiệm vụ tự học vào việc học trong giờ chính khóa.

**** Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học***

- Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ đảm bảo tính xác thực, công bằng, khách quan kết quả học tập của sinh viên. Nhờ đó có thể đo lường, phản ánh được năng lực của người học theo chuẩn đầu ra đã xác định và công bố công khai.

- Hệ thống các văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của người học là đầy đủ, rõ ràng và được công bố công khai đến người học bằng nhiều hình thức, được thể hiện một cách rõ ràng. Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận có liên quan trong việc triển khai việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

- Phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với CDR. Các Quy trình xây dựng NHCHT, ra đề thi, chấm thi, đánh giá đề thi đều được quy định rõ ràng, chặt chẽ, đảm bảo được độ giá trị, độ tin cậy và công bằng trong tất cả các phương pháp đánh giá hiện có; nhiều sinh viên làm

bài tập lớn thay thế bài thi cuối học phần.

- Các qui trình về phản hồi KQĐG người học được công khai và qua nhiều kênh. Phòng QLĐT luôn hỗ trợ giảng viên một cách kịp thời trong quá trình lỗi nhập điểm trên hệ thống.

- Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại nhằm hỗ trợ người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại.

- Trường có các bộ phận chuyên trách để hỗ trợ người học trong quá trình giải quyết khiếu nại, Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học. Trong quá trình học tập và ngay sau khi có kết quả kiểm tra đánh giá, người học được chủ động trao đổi, hỗ trợ trực tiếp từ cố vấn học tập hoặc phòng quản lý đào tạo, từ giảng viên, từ các bộ phận chuyên môn thông qua các hệ thống thông tin khác nhau hoặc trao đổi trực tiếp.

*** Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ giảng viên**

- Công tác quy hoạch đội ngũ và xây dựng kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ giai đoạn 2010-2020 của Nhà trường, Khoa và bộ môn phù hợp với thực tiễn của đơn vị và được triển khai đúng tiến độ, được đánh giá, điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn.

- Đội ngũ cán bộ giảng viên của khoa được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng đáp ứng tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng, nhiều cán bộ giảng viên được đào tạo từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước, có khả năng sử dụng tốt ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH.

- Tỷ lệ giảng viên/ người học đáp ứng quy định hiện hành (23,36 SV/1 GV) và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được xác định và được giám sát bởi bộ môn, khoa và các đơn vị chức năng trong nhà trường, góp phần cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

- 100% giảng viên đủ và vượt định mức giờ NCKH hàng năm, 2/17 giảng viên là chủ nhiệm đề tài NCKH các cấp Bộ, tỉnh và cơ sở, 100% giảng viên tham gia viết bài đăng tạp chí chuyên ngành.

- Giảng viên tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân và ươm tạo tài năng kinh doanh, khởi nghiệp trẻ cho thanh niên, sinh viên trong Tỉnh cũng như tham gia các hoạt động chung sức cùng cộng đồng, được sinh viên và xã hội đánh giá cao. Từ đó tăng uy tín và hình ảnh của giảng viên ngành TCNH và khoa KT - QTKD nói riêng, Trường Đại học Hồng Đức nói chung.

- Nhà trường, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến, thảo luận, thống nhất xây dựng và ban hành tiêu chí tuyển dụng cụ thể, phù hợp với chuyên ngành, góp phần tuyển dụng được đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, và nghiên cứu khoa học.

- Tiêu chí tuyển dụng được công bố công khai và giúp các ứng viên dễ dàng tiếp cận, từ đó khoa, bộ môn tuyển dụng được đội ngũ giảng viên có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc các chính sách pháp TCNH của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo.

- Nhà trường đã ban hành tiêu chí xác định năng lực của đội ngũ giảng viên trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan, được công bố công khai và thống nhất dùng chung trong toàn trường.

- Các hoạt động đánh giá năng lực giảng viên được quy trình hóa và được thực hiện đảm bảo nghiêm túc, thông tin thu được đảm bảo chính xác.

- Kết quả đánh giá năng lực hoạt động của đội ngũ GV được lưu trữ hằng năm và

đối sánh giữa các năm giúp giảng viên phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao năng lực người học đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội.

- Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ định mức, hỗ trợ kinh phí đào tạo...). Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho giảng viên chất lượng, hiệu quả. Nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định chuẩn xác và phù hợp với nhu cầu phát triển của nhà trường.

- Việc quản lý, xác nhận kết quả khối lượng công tác, kết quả bình xét thi đua khen thưởng đối với đội ngũ giảng viên luôn được thực hiện công khai, minh bạch, kịp thời, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn làm thước đo khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa.

- Đội ngũ GV tham gia ngày càng nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: Đề tài khoa học các cấp, các dự án, các hội thảo, các bài báo khoa học được đăng trên các kỷ yếu khoa học trong nước và quốc tế.

*** Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ**

- Đội ngũ nhân viên của Khoa, Nhà trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với vị trí việc làm, có kỹ năng, tay nghề vững vàng; được quan tâm, tạo điều kiện tham gia các chương trình, dự án, các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn hoặc tập huấn nghiệp vụ, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu phục vụ dạy học và NCKH và được người học tin tưởng, đánh giá cao.

- Đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin và trung tâm thông tin thư viện hỗ trợ người học có thái độ phục vụ nghiêm túc, thành thạo nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu CTĐT và được người học đánh giá cao.

- Khoa đã tuyển dụng đội ngũ nhân viên đáp ứng chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

- Tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm và điều chuyển được Nhà trường công khai đầy đủ trên hệ thống website, được phổ biến đến toàn thể CBVC-LĐ trong trường và được công khai qua các phương tiện thông tin (đài, báo của Tỉnh) vào các đợt tuyển dụng.

- Nhà trường có tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên một cách cụ thể rõ ràng; hoạt động đánh năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, khách quan, công bằng.

- Nhà trường và Khoa đã xác định đúng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và được triển khai thực hiện đúng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đã được xác định.

- Nhà trường đã có cơ chế chính sách đáp ứng yêu cầu học tập bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên phục vụ nói riêng và cán bộ giảng dạy nói chung.

- Nhà trường và Khoa có sự phân công công việc cho đội ngũ nhân viên một cách rõ ràng, có cơ chế giám sát chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo khen thưởng. Kết quả công việc được đánh giá định kỳ hàng năm, nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

*** Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

- Chính sách tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện theo đúng Quy định của Bộ GD&ĐT và được công khai đến các bên liên quan dễ dàng tiếp cận bằng

nhiều hình thức khác nhau như: các phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội, tờ rơi tuyên truyền; hình thức tuyên truyền tuyên phong phú, dễ hiểu.

- Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành TCNH được Khoa và Nhà trường xác định rõ ràng, thể hiện chi tiết trong Đề án, thông báo tuyển sinh CTĐT, chính sách tuyển sinh, phương thức xét tuyển, kết quả tuyển sinh hằng năm của ngành ĐH TCNH và được cập nhật thường xuyên. Mỗi năm, Nhà trường, khoa tổng kết, đánh giá tình hình chung và nhu cầu thực tế, từ đó đưa ra các tiêu chí và chỉ tiêu tuyển sinh hợp lý.

- Nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa; những quy định về cách tính điểm học tập thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần, cách đánh giá kết quả rèn luyện công khai, minh bạch và thực hiện nghiêm túc theo quy định.

- Nhà trường, Khoa có bộ phận CVHT, Trợ lý công tác SV chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động để hỗ trợ việc làm, trao học bổng, liên hệ thực tập, trao đổi hợp tác cho người học

- Trường có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch, đẹp, an toàn, tạo môi trường học tập, nghiên cứu, làm việc thân thiện, thoải mái, đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT. Sinh viên ngành TCNH luôn có ý thức tuân thủ các quy định trong trường học và quy định của Luật pháp

*** Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

- Khoa có phòng làm việc chung và phòng làm việc riêng cho Ban chủ nhiệm, có các phòng học, phòng máy tính được trang bị đủ máy tính có kết nối internet, máy in, máy chiếu, có phần mềm dạy học online, có tai nghe và hệ thống âm thanh, có máy điều hòa không khí/quạt trần/quạt treo tường, tạo môi trường thích hợp cho các hoạt động đào tạo và NCKH. SV ngành TCNH được học tập trong hệ thống phòng học đạt chuẩn của Trường, được luyện tập để phát triển năng lực chuyên môn trong những phòng chức năng chuyên biệt, định kỳ được bảo trì, tu sửa.

- Thư viện Đại học Hồng Đức là thư viện Đại học ứng dụng phần mềm quản lý thư viện điện tử rất sớm từ năm 2001. Thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng. Thư viện được lắp đặt hệ thống mạng nội bộ hiện đại kết nối với bên ngoài qua hệ thống cáp quang tốc độ cao.

- Các phòng thực hành đặc thù, phòng học của khoa KT-QTKD được trang bị đầy đủ trang thiết bị, luôn đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát, an toàn, phục vụ tốt cho chương trình đào tạo của khoa nói chung, ngành ĐH TCNH nói riêng.

- Hệ thống CNTT hoạt động tương đối ổn định, an toàn, hỗ trợ cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin và tri thức phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Khoa đã sử dụng phần mềm Zoom có bản quyền để phục vụ dạy học online, tạo được môi trường cho giảng viên, SV tương tác trong học tập và NCKH.

- Việc vận hành và bảo trì hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo hoạt động 24/24 được thực hiện bởi Tổ công nghệ thông tin thuộc Trung tâm thông tin thư viện

- Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai toàn diện và có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể CBVC-LĐ và người học

thông qua “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu khóa, các hội nghị về công tác sinh viên. 100% người học ký cam kết thực hiện tốt ANTT, VSMT; nhà trường luôn đạt các tiêu chí về “Nhà trường an toàn về ANTT”.

*** Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

- Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được hình thành từ cấp trường đến khoa; Hằng năm, Khoa KT- QTKD đều lấy ý kiến phản hồi về CTĐT bằng cách gửi phiếu hỏi và nhận được nhiều ý kiến, góp ý của các chuyên gia, nhà nghiên cứu cùng ngành; Các thông tin phản hồi từ các đơn vị, cá nhân có liên quan về CTĐT đều được nhà trường, khoa kiểm chứng về mức độ chính xác qua phân tích, tổng hợp, thụ lý các ý kiến góp ý từ các bên và sử dụng hợp lý, hiệu quả trong các lần điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với mục tiêu tuyển dụng lao động của đơn vị lao động, mục tiêu chuyên môn của các bên liên quan và vấn đề vận dụng thực tế của các cựu sinh viên khi làm việc tại các đơn vị.

- Các kênh phản hồi đa dạng thông qua việc lấy phiếu khảo sát từ các cuộc trao đổi qua điện thoại hoặc gặp gỡ trực tiếp lãnh đạo của đơn vị kinh doanh trong quá trình sinh viên đi thực tập, tọa đàm, hội thảo, họp bộ môn và các cuộc họp hội đồng Khoa trong năm giữa các giảng viên trong và ngoài khoa cùng tham gia giảng dạy chương trình đào tạo.

- Quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ. Quy trình này là cơ sở để giảng viên trong và ngoài khoa tham gia các nhiệm vụ được phân công trong quá trình cải tiến và xây dựng CTDH liên tục cập nhật và thay đổi qua các năm học.

- Khoa KT- QTKD luôn cập nhật các nội dung cần điều chỉnh trong CTĐT tại các cuộc họp chuyên môn của các Bộ môn như một bước bổ sung so với quy trình chung để đem lại hiệu quả trong xây dựng và cải tiến chương trình dạy học.

-Việc đánh giá kết quả học tập của người học được 2 bộ môn TCNH tài chính và TCNH quản trị và khoa KT-QTKD được theo dõi một cách thường xuyên, nghiêm túc.

- Phương pháp và quy trình rà soát, đánh giá được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, phù hợp với quy định của Nhà trường, đảm bảo tính khách quan, công bằng. Kết quả kiểm tra đánh giá được sử dụng làm công cụ để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét tốt nghiệp cho người học.

- Hình thức kiểm tra đa dạng bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận đã được thực hiện đồng bộ ở tất cả các học phần.

- Các đề tài NCKH các cấp của sinh viên và giảng viên đều góp phần nâng cao chất lượng đào tạo;

- Nhà trường đã ban hành quy định về đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

- Các mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng hàng năm được nhà trường rà soát, xây dựng, đánh giá mức độ thực hiện làm căn cứ để cải tiến chất lượng phục vụ người học và môi trường học tập.

- Hoạt động khảo sát lấy ý kiến về chất lượng phục vụ từ các bên liên quan thể hiện sự cầu thị trong việc cải tiến chất lượng và bám sát mục tiêu cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng đảm bảo sự hài lòng và thỏa dụng của khách hàng trong vai người học.

- Hoạt động đối thoại người học với Nhà trường được thực hiện định kỳ hàng năm thể hiện sự cầu thị lắng nghe ý kiến phản hồi, quan điểm, mong muốn của người

học nhằm cải tiến chất lượng phục vụ tiệm cận gần nhất với mong muốn của người học.

- Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống, nhận được nhiều ý kiến đóng góp hữu ích, từ đó phục vụ cho các hoạt động của Khoa và nhà trường về xây dựng, phân tích đánh giá CTĐT nói chung và CTĐT ngành TCNH nói riêng.

- 100% hoạt động lấy ý kiến phản hồi được thực hiện đúng quy trình, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn; các ý kiến phản hồi đảm bảo độ tin cậy, hoạt động phản hồi của các bên có liên quan đảm bảo tính hiệu quả và được khoa tham khảo để điều chỉnh, cải tiến CTĐT

*** Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

- Nhà trường có phần mềm quản lý, kịp thời theo dõi tỷ lệ người học thôi học, tốt nghiệp; khoa KT-QTKD, bộ môn TCNH, CVHT đã làm tốt công tác quản lý, giám sát kết quả học tập của người học; kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho người học chậm tiến độ, nợ môn học phần. Vì thế, trung bình trong 6 khóa gần đây (K15-K20) tỷ lệ người học tốt nghiệp trước hạn 11,69%, đúng hạn cao (50,93%).

- Các giải pháp mà khoa và nhà trường triển khai thực hiện trong thời gian qua bước đầu đã cho kết quả khả quan. Nhà trường và khoa đào tạo đã có bộ phận theo dõi người học tốt nghiệp và có những giải pháp hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn; tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp xếp loại khá, giỏi, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình. Trong 6 khóa gần đây (K15-K20) trung bình có 68,96% người học ngành ĐH TCNH tốt nghiệp, trong đó có 50,93% tốt nghiệp trước (3,5 năm) và đúng thời gian của khóa học.

- Nhà trường, khoa KT-QTKD có nhiều hoạt động thiết thực để hỗ trợ người học nhằm tăng tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành TCNH đã được xác lập, giám sát và bước đầu thực hiện các hoạt động đổi sách trong khoa và Nhà trường. Các hoạt động đề xuất đầu tư đã được Nhà trường quan tâm thực hiện nhằm phát triển hoạt động nghiên cứu của người học.

- Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng

*** Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

- Sự thay đổi của mục tiêu chung CTĐT chưa được thể hiện một cách rõ nét qua mỗi lần điều chỉnh, cập nhật.

- Việc xác định mối quan hệ tương thích giữa mục tiêu đào tạo và CDR còn một số chỗ chưa thật sự khoa học.

- Quá trình xây dựng chuẩn đầu ra chưa huy động được nhiều doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng CDR và CTĐT.

*** Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT**

- Bản mô tả CTĐT chưa lấy ý kiến phản hồi từ phía cựu sinh viên nên chưa đánh giá được toàn diện mức độ phù hợp so với nhu cầu của người học.

- Toàn bộ đề cương chi tiết học phần thuộc Bộ môn, Khoa quản lý được rà soát, cập nhật, điều chỉnh hàng năm nhưng chưa được làm rõ, cụ thể hóa những nội dung cập nhật, điều chỉnh bằng văn bản.

- Chưa thật sự cập nhật và đa dạng hoá các kênh thông tin, công khai về đề cương chi tiết môn học (mới chỉ qua kênh website của Khoa và giảng viên giảng dạy).

*** Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

- Các kỹ năng mềm chưa được mô tả thực sự rõ trong CTDH.

- Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là chưa đồng đều, có học phần đóng góp nhiều, còn có những học phần cùng thời lượng nhưng đóng góp hạn chế.

- Trong quá trình xây dựng CTDH các nội dung cập nhật đổi mới có những nội dung chưa thực sự đáp ứng được với chương trình dạy học tiên tiến, chất lượng cao trong nước và quốc tế.

*** Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học**

- Mặc dù nhà trường đã tiến hành phổ biến đến người học nhưng hình thức phổ biến vẫn chưa đa dạng dẫn đến vẫn còn một bộ phận người học chưa hiểu rõ về mục tiêu giáo dục, sứ mạng tầm nhìn của Nhà trường.

- Một số học phần chưa xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể hóa các nội dung thực hành thực tế.

- Một số học phần thiết kế phần tự học còn nặng về nghiên cứu lý thuyết hoặc phần thực hành chưa được cập nhật, ảnh hưởng đến khả năng tự nghiên cứu, học tập nhằm tăng cường thêm kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động của người học.

*** Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

- Quy định liên quan đến đánh giá chuẩn các kỹ năng mềm của sinh viên chưa thực sự rõ ràng.

- Phần mềm QLĐT sử dụng trước năm 2019 đôi khi truy nhập bị lỗi. Ở một số học phần các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập đôi khi phổ biến đến người học còn chậm.

- Chưa đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá, chưa có nhiều học phần sử dụng hình thức vấn đáp, thực hành.

- Việc phản hồi kết quả học tập của một số học phần còn chậm so với quy định của nhà trường. Một số SV vẫn chưa nắm vững quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

- Vẫn còn 1 số trường hợp khiếu nại giải quyết chậm hơn so với thời gian quy định

- Một số học phần còn chưa phản hồi kịp thời về kết quả đánh học tập như chậm công bố công khai kết quả đánh giá điểm bộ phận.

*** Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ giảng viên**

- Kết quả hoạt động NCKH của ngành Tài chính - Ngân hàng tập trung vào một số giảng viên, một số ít giảng viên còn chưa có nhiều công trình khoa học có chất lượng cao.

- Một số ít giảng viên trong quy hoạch đi học nghiên cứu sinh vì nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan thực hiện quá thời gian đào tạo.

- Cơ chế giám sát khối lượng công việc của giảng viên chưa thực sự chặt chẽ và thường xuyên.

- Việc tuyển dụng chưa thực sự phù hợp với cơ cấu giữa các ngành

- Năng lực ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ giảng dạy chưa thực sự đồng đều. Số lượng bài báo quốc tế/giảng viên chưa cao, chưa có nhiều bài báo có chỉ số web of science và Scopus.

- Hàng năm chưa có khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên từ đó làm căn cứ tổng kết, đánh

giá và điều chỉnh phù hợp

- Việc quản trị theo kết quả công việc đôi lúc còn chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho giảng viên, nghiên cứu viên.

- Chưa có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước về lĩnh vực kinh doanh và quản lý, số lượng giảng viên tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài còn ít. Các công trình nghiên cứu mang tính đóng góp cho phát triển địa phương chưa nhiều, số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo thuộc danh mục WEB OF SCIENCE/Scopus còn chưa nhiều.

*** Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ**

- Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

- Việc điều chuyển giáo vụ giữa các khoa dẫn đến chưa tiếp cận tốt về mặt chuyên môn.

- Nhà trường chưa thường xuyên cập nhật trong việc đề điều chỉnh, cải tiến mẫu phiếu tự đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên.

- Tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa tương xứng với yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

- Một số vị trí của đội ngũ nhân viên chưa được khen thưởng theo vị trí công việc cụ thể.

*** Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

- Nhà trường, Khoa chưa lấy ý kiến của các bên liên quan về công tác tuyển sinh ngành TCNH thông qua phiếu khảo sát mà chủ yếu lấy ý kiến trực tiếp thông qua các hội nghị, các cuộc làm việc trực tiếp có liên quan. Khoa và Nhà trường chưa có phân tích, dự báo, đánh giá cụ thể về nguồn nhân lực.

- Khoa và Nhà trường chưa tiến hành khảo sát các bên liên quan thông qua Phiếu lấy ý kiến trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học dẫn đến việc là đôi khi tiêu chí và phương pháp tuyển sinh chưa thực sự sát với thực tế.

- Công tác tư vấn, hướng dẫn người học có khả năng học nhanh, cũng như những người học chậm tiến độ chưa được thường xuyên nên vẫn còn người học chưa thể tốt nghiệp theo tiến độ do còn nợ học phần.

- Công tác tư vấn, hướng dẫn người học chưa thật sự đồng đều nên vẫn còn tình trạng có sinh viên còn thụ động trong các hoạt động ngoại khóa.

- Vẫn còn một bộ phận nhỏ người học chưa có ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường chung của khoa và nhà trường.

*** Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

- Khi trời mưa, mái hiên trước cửa khoa còn thấm dột.

- Nguồn tài liệu nội sinh còn ít, nguồn tài liệu điện tử chưa phong phú. Ngoài các cơ sở đào tạo thì việc liên kết để sử dụng chung nguồn tài liệu với các đơn vị xuất bản còn hạn chế.

- Phần mềm thư viện điện tử Libol không được thường xuyên cập nhật, thiếu thiết bị để khai thác hiệu quả.

- Khoa chưa tổ chức đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị phòng thực hành, phục vụ đào tạo và NCKH để có cơ sở đề xuất với nhà trường có các giải pháp cải tiến và bố trí nguồn kinh phí bổ sung trang thiết bị phù hợp đảm bảo yêu cầu của CTĐT

- Cơ sở hạ tầng CNTT của Trường/Khoa phục vụ CTĐT còn chưa được nâng cấp đồng bộ, chưa chú trọng phát triển các phần mềm quản lý, cố vấn học tập của CTĐT

chưa được sử dụng phần mềm chuyên dụng để quản lý những sinh viên do mình phụ trách nhằm giảm tải khối lượng công việc. Cán bộ, người học còn gặp khó khăn khi sử dụng wifi trong giờ cao điểm.

- Chưa có quy định cụ thể cho người khuyết tật đối với các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn; Các phòng học chưa bố trí chỗ ngồi học dành riêng cho người khuyết tật.

*** Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

- Một số thông tin phản hồi của nhà sử dụng lao động chưa được vận dụng trong điều chỉnh và thiết kế chương trình đào tạo một cách hiệu quả.

- Chương trình đào tạo ngành TCNH chưa tham khảo đa dạng các chương trình dạy học tiên tiến;

- Hình thức đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa đa dạng, chủ yếu dựa vào kết quả dự giờ, thao giảng của giảng viên trong bộ môn và ý kiến đánh giá của người học.

- Việc áp dụng/chuyên tải các kết quả NCKH thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH còn hạn chế.

- Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa kịp thời đáp ứng (như việc bảo trì, sửa chữa, nâng cấp hệ thống máy tính, máy chiếu, quạt; vệ sinh hồng, bản...) do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

- Số lượng và chất lượng các đầu sách tại thư viện còn chưa thực sự đảm bảo. Chất lượng phục vụ của Thư viện còn chưa cao như: tài liệu lỗi thời, lượt đọc, tra cứu còn thấp, tốc độ truy cập internet chậm, lỗi.

- Hệ thống các văn bản quy định về hoạt động lấy ý kiến và mẫu phiếu hỏi chưa được rà soát, cập nhật, cải tiến một cách thường xuyên, liên tục

*** Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

- Trong 5 khóa gần nhất, vẫn còn người học thôi học, chủ yếu là năm thứ Nhất, thứ Hai, người học chưa thể tốt nghiệp. SV còn ỷ lại, chưa chủ động trong việc học các học phần tiếng Anh, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng để đảm bảo các điều kiện CDR của chương trình đào tạo theo quy định.

- Trong công tác đào tạo và Cố vấn học tập chưa đi sâu phân tích, đánh giá một cách khái quát các biện pháp hỗ trợ người học để rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Khoa chưa thực hiện đối sánh số liệu với cùng ngành ĐT ở cơ sở giáo dục trong nước và ngoài nước.

- Chưa thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm ngành ĐH TCNH của Nhà trường với ngành ĐH TCNH và một số ngành thuộc khối kinh tế của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

- Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo thấp, kết quả khảo sát 5 khóa tốt nghiệp từ năm 2017 – 2021 cao. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội, nhưng nó cũng phản ánh nội dung đào tạo trong Nhà trường vẫn chưa bám sát với nhu cầu tuyển dụng và xu hướng thị trường lao động.

- Chưa thực hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành đại học TCNH với một số trường đại học cùng vị thế hoạt động NCKH đối với các trường trong khu vực.

- Khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan chưa được thực hiện trên diện rộng, chưa có sự đối sánh với các CTĐT khác, cũng như giữa các đối tượng với nhau

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo ngành TCNH

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1					
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Ban hành mục tiêu đào tạo chung mới có tính khái quát cao, mang đặc thù rõ nét của ngành đào tạo và mang tính định hướng về mục tiêu đào tạo ngành TCNH trong giai đoạn tới.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
		Rà soát, hoàn thiện chuẩn đầu ra cho khoa học, đáp ứng mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực TCNH có chất lượng cao cho xã hội.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
		- Đa dạng hoá đối tượng lấy ý kiến khảo sát trong xây dựng mục tiêu CTĐT để điều chỉnh và cập nhật phù hợp với thực tế xã hội.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được trong việc thiết kế, xây dựng CTĐT ngành TC-NH nói chung và mục tiêu đào tạo cử nhân ngành TCNH nói riêng. Liên tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT cho phù hợp với yêu cầu của xã hội trong tình hình mới.	Phòng Quản lý đào tạo; Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
		Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc xây dựng và triển khai thực hiện CĐR ngành TCNH.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
		Xây dựng kế hoạch rà soát cập nhật, điều chỉnh CĐR thường xuyên hơn đáp ứng với những thay đổi về xu hướng, chính sách và nhu cầu đào tạo được điều chỉnh trong Mục tiêu. Công bố CĐR công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	

		cận.			
Tiêu chuẩn 2					
1	Khắc phục hạn chế	Xây dựng mối quan hệ với nhiều đơn vị sử dụng lao động, người học, giảng viên, chuyên gia	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
		Bộ môn, Khoa sẽ có báo cáo cụ thể, làm rõ, những nội dung cập nhật, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần hàng năm khi có thay đổi.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
		Đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông. (website của Nhà trường) cập nhật sự thay đổi của bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Triển khai rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bản mô tả CTĐT ngoài việc tham khảo ý kiến từ phía các doanh nghiệp, các chuyên gia, đội ngũ giảng viên còn tổ chức tham khảo, lấy ý kiến từ phía cựu sinh viên.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
		Các nội dung cập nhật, điều chỉnh cương chi tiết học phần sẽ được cụ thể hóa trong biên bản các cuộc họp chuyên môn và công bố rộng rãi đến người học, giảng viên, và các bên liên quan khác	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
		Khoa và Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động công khai, trong đó có công khai về CTĐT, bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết môn học trên nhiều kênh khác nhau nhằm phục vụ tốt hơn cho quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin, nghiên cứu, làm việc và học tập của sinh viên, giảng viên và các nhà quản lý.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
Tiêu chuẩn 3					
1	Khắc phục	Điều chỉnh, rà soát và hoàn	CB GV giảng	Năm học	

	điểm tồn tại	thiện chương trình dạy học theo hướng mô tả rõ nét, cụ thể các kỹ năng mềm	dạy	2023-2024	
		Điều chỉnh, rà soát học phần trong việc đạt được chuẩn có học phần đóng góp nhiều sẽ tăng thời lượng phù hợp	CB GV giảng dạy	Năm học 2023-2024	
		- Tăng cường tham khảo đa dạng các CTDH tiên tiến, chất lượng cao để tiếp cận và kế thừa CTDH này vào CTDH ngành TCNH cho các lần cập nhật CTDH tiếp theo.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Mời các chuyên gia, các nhà khoa học tham gia chia sẻ	Khoa KT-QTKD	Năm học 2023-2024	
		- Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu, CĐR của từng học phần	Khoa KT-QTKD	Năm học 2023-2024	
		- Hoạt động giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá đáp ứng được CĐR của toàn CTĐT.			
		- Tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được, cập nhật và đổi mới CTDH đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm trong tình hình mới.	Phòng Quản lý đào tạo; Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
Tiêu chuẩn 4					
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Xây dựng kế hoạch công bố và tuyên truyền cụ thể, đa dạng chi tiết và rõ ràng hơn để mục tiêu giáo dục, sứ mạng tầm nhìn Nhà trường đến người học và các bên liên quan đảm bảo tất cả người học hiểu rõ mục tiêu giáo dục của Nhà trường.	Phòng Công tác HSSV; Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
		Triển khai cụ thể hóa các nội dung thực hành thực tế cụ thể trong ĐCCT HP	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
		Rà soát, chỉnh sửa nội dung hướng dẫn tự học chưa phù hợp trong một số ĐCCT HP	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế	Đầu khoá tuyển sinh năm học	

		mang nặng tính lý thuyết; bổ sung, cập nhật thêm phần thực hành nhằm tăng cường kỹ năng học tập suốt đời, học tập chủ động cho SV.	- QTKD	2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục theo các hình thức trước đây như công khai trên website, các buổi sinh hoạt chính trị đầu khoá.	Phòng Công tác HSSV; Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
		Tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, có nhiều hoạt động thực tế, thực tập, thực hành, seminar.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
		Tiếp tục phát huy các điểm mạnh trong việc rèn luyện kỹ năng, khả năng học tập suốt đời cho SV thông qua việc hướng dẫn các hình thức tự học phong phú, đa dạng và sự gắn kết các nhiệm vụ tự học vào việc học trong giờ chính khóa.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
Tiêu chuẩn 5					
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa và các bộ môn sẽ thống nhất cách đánh giá điểm chuyên cần cho người học, kết hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ trong quá trình dạy/học để có thể đo được mức độ đạt được CĐR về kỹ năng mềm cho sinh viên.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
		Nhà trường đã đưa vào sử dụng phần mềm mới, các giảng viên sẽ trực tiếp cập nhật điểm trên phần mềm. Bộ môn sẽ thường xuyên đôn đốc giảng viên chấm thi nghiêm túc, đảm bảo đúng tiến độ và nhập điểm lên hệ thống đúng thời hạn.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
		Bổ sung thêm các học phần sử dụng hình thức thi vấn	Phòng ĐBCL và KT, Khoa	Đầu khoá tuyển sinh	

		đáp, thi thực hành trong đánh giá kết quả học tập của người học	Kinh tế - QTKD	năm học 2023-2024	
		Nhà trường sẽ có kế hoạch nâng cấp đường truyền internet giúp cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và các bên liên quan cập nhật tốt hơn các thông tin về kết quả của người học. Nhanh chóng hoàn thiện phần mềm và sử dụng thành thạo kỹ phần mềm quản lý đào tạo mới được cập nhật để thống nhất quy trình hỗ trợ đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Giảng viên cần đảm bảo tính chính xác, đúng thời gian quy định trong quá trình nhập điểm. Bộ môn Tài chính - Ngân hàng quán triệt, giao trách nhiệm, đôn đốc thường xuyên đối với giảng viên để hoàn thiện kết quả đánh giá và công bố công khai, kịp thời cho người học.	Phòng QT vật tư, Phòng ĐBCL và KT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
		Các bộ phận trực tiếp liên quan như giáo vụ khoa Kinh tế- QTKD, phòng chức năng, Trưởng các bộ môn và giảng viên cần thực hiện phối hợp tốt hơn nữa đúng theo quy định. Nghiên cứu xây dựng cách thức tổ chức lưu trữ bài thi khoa học, để thuận tiện cho giải quyết khiếu nại của người học.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa KT - QTKD, bộ môn TCNH	Đầu năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được trong hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ đảm bảo tính xác thực, công bằng,	Bộ môn; Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	

		khách quan kết quả học tập của sinh viên			
		- Tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được trong việc ban hành các văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của người học. Bổ sung các văn bản phù hợp theo yêu cầu của thực tế phát sinh.	Nhà trường, Bộ môn; Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
		- Tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được trong phương pháp đánh giá kết quả học tập	Phòng ĐBCL và KT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
		- Tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được trong việc phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập	Phòng ĐBCL& KT, Khoa KT-QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
		Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc xây dựng và triển khai về giải quyết các khiếu nại của người học	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	

Tiêu chuẩn 6

1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường đôn đốc, chỉ đạo việc thực hiện đúng quy hoạch đào tạo và thực hiện các chế tài đối với cán bộ giảng viên.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	
		Xây dựng, hoàn thiện cơ chế giám sát khối lượng công việc của giảng viên, rà soát mức độ hoàn thành khối lượng công việc 3 lần/kỳ, đặc biệt thường xuyên rà soát và cảnh báo về mức độ hoàn thành khối lượng NCKH.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024)	
		Tiếp tục rà soát số lượng giảng viên và nhu cầu đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ cũng như kế hoạch mở ngành đào tạo mới để có căn cứ tuyển dụng cho phù hợp với điều kiện thực tế.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024)	
		Khuyến khích cán bộ giảng viên tự học tập nâng cao	Phòng TC-HC-QT, Khoa	Đầu năm học 2023-	

		năng lực ngoại ngữ; Xây dựng các nhóm nghiên cứu để tập trung hỗ trợ nghiên cứu và viết bài báo chất lượng đăng trên tạp chí có chỉ số WEB OF SCIENCE và Scopus.	Kinh tế - QTKD	2024	
		Tiếp tục thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu của cán bộ giảng viên và phù hợp với nhu cầu sử dụng của khoa; Xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn của giảng viên.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	
		Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung quy trình, đánh giá kết quả nhằm tạo động lực cho giảng viên, nghiên cứu viên.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	
		Tiếp tục động viên thúc đẩy giảng viên tham gia đa dạng hóa các hình thức nghiên cứu khoa học, tích cực viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có uy tín thuộc danh mục WEB OF SCIENCE/Scopus. Khoa tích cực tham gia đấu thầu chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ giảng viên có trình độ cao.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	
		Tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân và ươm tạo tài năng kinh doanh, khởi nghiệp trẻ cho sinh viên TCNH.	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	
		Tiếp tục công bố công khai tiêu chí tuyển dụng cán bộ giảng viên có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa	Phòng TC-HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023-2024	

		học và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc các chính sách của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo.			
		Tiếp tục đánh giá năng lực giảng viên theo quy trình hóa và thực hiện đảm bảo nghiêm túc, thông tin thu được đảm bảo chính xác.	Phòng TC- HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023- 2024	
		Tiếp tục xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ định mức, hỗ trợ kinh phí đào tạo...).	Phòng TC- HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023- 2024	
		Tiếp tục xây dựng quy trình bình xét, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ giảng viên công khai, minh bạch, kịp thời, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn làm thước đo khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, giúp theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa.	Phòng TC- HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023- 2024	
		Đội ngũ giảng viên tiếp tục tham gia ngày càng nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: Đề tài khoa học các cấp, các dự án, các hội thảo, các bài báo khoa học được đăng trên các kỷ yếu khoa học trong nước và quốc tế.	Phòng TC- HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu năm học 2023- 2024	
Tiêu chuẩn 7					
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan đến vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên	Phòng TC- HC-QT, Khoa KT – QTKD	Từ năm học 2022- 2023	
		Tổ chức các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho bộ phận trợ lý giáo vụ	Phòng TC- HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	

		Cải tiến mẫu phiếu tự đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ giảng viên	Phòng TC- HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
		Nhà trường tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên Khoa theo định kỳ	Phòng TC- HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
		Ban hành tiêu chí đánh giá, khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	Phòng TC- HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh về số lượng, trình độ đội ngũ cán bộ, nhân viên	Phòng TC- HC-QT, Khoa KT - QTKD	Từ năm học 2022- 2023	
		Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên	Phòng TC- HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
		Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên	Phòng TC- HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
		Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cũng như thực hiện nghiêm túc quy hoạch đào tạo	Phòng TC- HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
		Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc đánh giá kết quả công việc của đội ngũ cán bộ và nhân viên	Phòng TC- HC-QT, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
Tiêu chuẩn 8					
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường, Khoa xây dựng Phiếu khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về công tác tuyển sinh hằng năm, từ đó sẽ phân tích, đánh giá và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để xây dựng Đề án tuyển sinh ngành TCNH đáp ứng nhu cầu xã hội, chính sách tuyển sinh phù hợp hơn.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD, bộ môn TCNH	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024)	
		Thực hiện phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sử dụng lao	Phòng Quản lý đào tạo,	Đầu khoá tuyển sinh	

		<p>động, các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các địa phương lân cận để ký kết thỏa thuận hợp tác, trao học bổng cho sinh viên, xác lập địa điểm thực hành, thực tập, rèn nghề và tuyển dụng sinh viên ngành TCNH sau khi tốt nghiệp; tạo nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên; xác định tiêu chí rõ ràng, cụ thể, sát với tình hình thực tế hơn; phương pháp tuyên truyền tuyển sinh đa dạng, phong phú về nội dung; có nhiều chính sách thu hút sinh viên hơn, như kết quả xét tuyển vào ngành cao sẽ được miễn giảm học phí.</p> <p>Xây dựng Phiếu khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng và chuyên gia về tiêu chí, phương pháp tuyển sinh, có tổng kết, phân tích, đánh giá và điều chỉnh hàng năm cho phù hợp.</p>	<p>Khoa Kinh tế - QTKD Phòng và bộ phận công tác quản lý học sinh sinh viên của Nhà trường, Khoa.</p>	<p>năm học 2023-2024)</p>	
		<p>Nhà trường, Khoa KT-QTKD tăng cường công tác phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác HSSV, các đơn vị, đoàn thể liên quan và nâng cao vai trò trách nhiệm của Bộ môn Tài chính ngân hàng, đặc biệt là CVHT, Trợ lý công tác HSSV trong việc theo dõi, giám quá trình học tập, rèn luyện của người học ở từng học kỳ, năm học; lập danh sách người học chậm tiến độ để kịp thời nhắc nhở, nâng cao ý thức học tập của mỗi SV và kịp thời tư vấn, hỗ trợ để người học đăng ký và học các học phần còn thiếu,</p>	<p>Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD; Phòng và bộ phận Quản lý học sinh viên của Nhà trường, Khoa KT-QTKD</p>	<p>Đầu khoá tuyển sinh của các năm</p>	

		chậm tiến độ; thông báo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình người học sau mỗi học kỳ, năm học.			
		Định kỳ lấy ý kiến người học về các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, sinh hoạt và tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp... Chủ động lấy ý kiến người học để kịp thời điều chỉnh, cải tiến hình thức triển khai nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hoạt động hỗ trợ, tư vấn người học, tăng tỷ lệ người học có việc làm và việc làm đúng ngành đào tạo.	Nhà trường, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm học 2022 - 2023	
		Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho người học làm tốt công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.	Nhà trường, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm học 2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong công tác tuyên truyền tuyển sinh ngành TCNH.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD, bộ môn TCNH	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
		Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc chương trình tuyển sinh hàng năm của Khoa, Nhà Trường.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD	Đầu khoá tuyển sinh năm học 2023-2024	
		Tiếp tục phát huy và nâng cấp các hệ thống giám sát tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa.	Phòng Quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế - QTKD Phòng và bộ phận Quản lý học sinh viên của Nhà trường, Khoa KT-QTKD	Đầu khoá tuyển sinh của các năm	
		Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học.	Phòng công tác HSSV, CVHT, Trợ lý HSSV của Khoa Kinh tế - QTKD.	Từ năm học 2022 - 2023	

		Thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động để hỗ trợ việc làm, trao học bổng, liên hệ thực tập, trao đổi hợp tác cho người học			
		Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc xây dựng môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch, đẹp, an toàn, tạo môi trường học tập, nghiên cứu, làm việc thân thiện, thoải mái, đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT.	Đoàn thanh niên, hội sinh viên, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm học 2022 - 2023	
Tiêu chuẩn 9					
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoạt động bảo dưỡng, nâng cấp, tu sửa để đáp ứng nhu cầu về CSVC và trang thiết bị hàng năm	Phòng QTVTTB	Từng học kỳ/ từng năm	
		Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ giảng viên sử dụng hiệu quả các nguồn cơ sở dữ liệu thuộc Dự án Thư viện điện tử dùng chung, Trung tâm Tri thức số của NALA. và giáo viên.	Trung tâm thông tin thư viện, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
		- Giám sát chặt chẽ việc vận hành, sử dụng, khai thác trang thiết bị tại các phòng thực hành đặc thù để nâng cao hiệu quả sử dụng. - Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, mua sắm mới kịp thời các trang thiết bị xuống cấp, hư hỏng để phục vụ tốt nhất quá trình đào tạo và NCKH của người học và giảng viên.	Phòng kế hoạch tài chính, Phòng QT vật tư thiết bị, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022 - 2023	
		Tiếp tục định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống CNTT, tăng cường công tác kiểm tra, quản lý để đáp ứng kịp thời nhu cầu của CB GV và người học.	Trung tâm TTTV	Năm 2022-2023	
		- Tuyên truyền sâu rộng đến	Phòng HCTH;	Năm học	

		toàn thể CBVC-LĐ, người học về công tác đảm bảo VSMT, sức khỏe và an toàn; kiện toàn Trung đội dân quân tự vệ, đội cờ đỏ; tập huấn nghiệp vụ và diễn tập. - Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản về môi trường, y tế, ANTT; tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra giám sát đảm bảo VSMT, sức khỏe, an toàn;	Trạm y tế, Ban Bảo vệ, Khoa Kinh tế - QTKD	2022-2023	
2	Khắc phục tồn tại	Sửa chữa mái hiên trước cửa Khoa, làm đường ống thoát nước tại khu vực này. - Cập nhật phần mềm quản lý thư viện điện tử. Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật để khai thác tối đa các tính năng của phần mềm Libol. - Tăng cường bổ sung tài liệu số, cơ sở dữ liệu phục vụ trực tiếp cho các chương trình đào tạo, trong đó cho chương trình Tài chính ngân hàng - Cập nhật thường xuyên tài liệu mới xuất bản, tài liệu liên quan đến chương trình đổi mới giáo dục phổ thông để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới phù hợp chuyên ngành đào tạo. - Mở rộng hoạt động liên kết, chia sẻ tài liệu số với các cơ sở giáo dục đại học khác.	Phòng QTVTTB Phòng kế hoạch tài chính, Trung tâm thông tin thư viện, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023 Năm học 2022-2023	
		- Nhà trường và phòng chức năng thực hiện rà soát, điều chỉnh và sửa đổi quy trình kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc thiết bị hệ thống thông tin trong trường. - Tăng cường hệ thống wifi tại phòng hội trường dùng chung. Thành lập trung tâm CNTT phụ trách hệ thống	Trung tâm TTTV	Năm 2022-2023	

		CNTT của Nhà trường			
		Xây dựng quy định cụ thể dành riêng cho người khuyết tật đối với các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn trong nhà trường. Thiết kế, bố trí chỗ ngồi học dành riêng cho người khuyết tật học tập một cách thuận lợi	Phòng HCTH; Phòng QTVTTB, Trạm y tế, Ban Bảo vệ, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2022-2023	
Tiêu chuẩn 10					
1	Khắc phục hạn chế	Đẩy mạnh hơn nữa hiệu quả hoạt động phản hồi thông tin về chất lượng CTĐT và các hoạt động của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành TCNH.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
		Khoa sẽ tham khảo nhiều hơn các chương dạy học của các trường đại học trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học cho các giảng viên trong Khoa	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm 2024	
		Khoa sẽ đa dạng hoá các hình thức đánh giá nâng cao chất lượng giảng dạy như là tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học; trao đổi, thảo luận để nâng cao chất lượng trên cơ sở phân tích kết quả đánh giá các học phần.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm 2024	
		Nhà trường nghiên cứu điều chỉnh nội dung khảo sát, cách thức khảo sát để đảm bảo đánh giá được mức độ phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đáp ứng được yêu cầu đặc thù riêng đối với CTĐT để giúp cho Khoa, CTĐT có được kết quả đánh giá cụ thể và có đủ căn cứ để lập kế hoạch cải tiến chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của CTĐT.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm 2024	
		Thông qua kết quả khảo sát, Nhà trường hiện rà soát hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ người học; tiếp tục đôn đốc việc	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Từ năm 2024	

		nâng cấp, sửa chữa hệ thống máy tính đề xuất giải pháp để nâng chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.			
Tiêu chuẩn 11					
1	Khắc phục hạn chế	Làm tốt hơn công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người học, đặc biệt là người học năm thứ Nhất; thống kê người học chậm tiến độ, chưa hoàn thành môn học trong học kỳ, năm học để có kế hoạch, lịch tư vấn, hỗ trợ người học kịp thời	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
		Nhà trường, khoa KT-QTKD tập trung phân tích, đánh giá và có nhiều hoạt động cụ thể để hỗ trợ người học, đặc biệt là các hoạt động tư vấn phương pháp học tập.	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
		Nhà trường, khoa KT-QTKD sẽ phân tích, đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành ĐH TCNH giữa Trường Đại học Hồng Đức với một số trường đại học khác như: ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính, ĐH KD&CN Hà Nội, ĐH Hải Phòng, ĐH Thăng Long...	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
		Làm tốt công tác kết nối và phục vụ cộng đồng, kết nối với các doanh nghiệp để hỗ trợ người học trong việc tư vấn, tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, nâng tỷ lệ người học có việc làm đúng chuyên ngành đào	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	
		Nhà trường cần có kế hoạch thu thập thông tin về số lượng, loại hình nghiên cứu của người học ngành TCNH của 1 số trường đại học cùng vị thế trong khu vực để tiến hành đối sánh, phân tích	Bộ môn, Khoa Kinh tế - QTKD	Năm học 2023-2024	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Hồng Đức

Mã trường: HDU

Tên CTĐT: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Mã CTĐT: 7.34.02.01

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt yêu cầu	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5.3	3	100
Tiêu chí 1.1.						6.0				
Tiêu chí 1.2					5.0					
Tiêu chí 1.3					5.0					
Tiêu chuẩn 2								5.0	3	100
Tiêu chí 2.1					5.0					
Tiêu chí 2.2					5.0					
Tiêu chí 2.3					5.0					
Tiêu chuẩn 3								5.0	3	100
Tiêu chí 3.1					5.0					
Tiêu chí 3.2					5.0					
Tiêu chí 3.3					5.0					
Tiêu chuẩn 4								5.0	3	100
Tiêu chí 4.1					5.0					
Tiêu chí 4.2					5.0					
Tiêu chí 4.3					5.0					
Tiêu chuẩn 5								5.0	5	100
Tiêu chí 5.1					5.0					
Tiêu chí 5.2						6.0				
Tiêu chí 5.3					5.0					
Tiêu chí 5.4					5.0					
Tiêu chí 5.5				4.0						
Tiêu chuẩn 6								5.0	7	100
Tiêu chí 6.1						6.0				
Tiêu chí 6.2					5.0					
Tiêu chí 6.3					5.0					
Tiêu chí 6.4					5.0					
Tiêu chí 6.5					5.0					
Tiêu chí 6.6				4.0						
Tiêu chí 6.7					5.0					
Tiêu chuẩn 7								4.8	5	100
Tiêu chí 7.1					5.0					
Tiêu chí 7.2					5.0					
Tiêu chí 7.3					5.0					
Tiêu chí 7.4					5.0					
Tiêu chí 7.5				4.0						

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt yêu cầu	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 8								5.0	5	100
Tiêu chí 8.1							6.0			
Tiêu chí 8.2					5.0					
Tiêu chí 8.3					5.0					
Tiêu chí 8.4					5.0					
Tiêu chí 8.5					5.0					
Tiêu chuẩn 9								5.0	5	100
Tiêu chí 9.1					5.0					
Tiêu chí 9.2					5.0					
Tiêu chí 9.3					5.0					
Tiêu chí 9.4					5.0					
Tiêu chí 9.5					5.0					
Tiêu chuẩn 10								4.8	6	100
Tiêu chí 10.1					5.0					
Tiêu chí 10.2					5.0					
Tiêu chí 10.3					5.0					
Tiêu chí 10.4					5.0					
Tiêu chí 10.5				4.0						
Tiêu chí 10.6					5.0					
Tiêu chuẩn 11								5.0	5	100
Tiêu chí 11.1					5.0					
Tiêu chí 11.2					5.0					
Tiêu chí 11.3					5.0					
Tiêu chí 11.4					5.0					
Tiêu chí 11.5					5.0					
Đánh giá chung CTĐT								5.0	50	100

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT KDCLGD-ĐHQGHN;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc trường;
- Lưu VT, P. ĐBCL&KT

Thanh Hóa, ngày tháng 12 năm 2022



Bùi Văn Dũng

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/9/2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Hồng Đức
 - Tiếng Anh: Hong Duc University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục (Tiếng Việt và tiếng Anh)
 - Tiếng Việt: ĐHHĐ
 - Tiếng Anh: HDU
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Hồng Đức
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa
5. Địa chỉ: 565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0237.3910.222; E-mail: hcth@hdu.edu.vn; Website: hdu.edu.vn
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1997
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2002
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 2006
10. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập Bán công Dân lập Tư thục
11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện CTĐT

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
 - Tiếng Anh: Faculty of Economics & Business Administration
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: KT-QTKD
 - Tiếng Anh: FEBA
14. Tên trước đây (nếu có):
 - Tiếng Việt: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
 - Tiếng Anh: Faculty of Economics & Business Administration
15. Mã CTĐT : 7340201
16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Đại học Tài chính – Ngân hàng
17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Nhà A2, Cơ sở chính, 565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa
18. Số điện thoại liên hệ: 02373.223.378 E-mail: khoaktqkd@hdu.edu.vn; Website: <http://hdu.edu.vn/vi-vn/5/>
19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1997
20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2002
21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2006

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật)

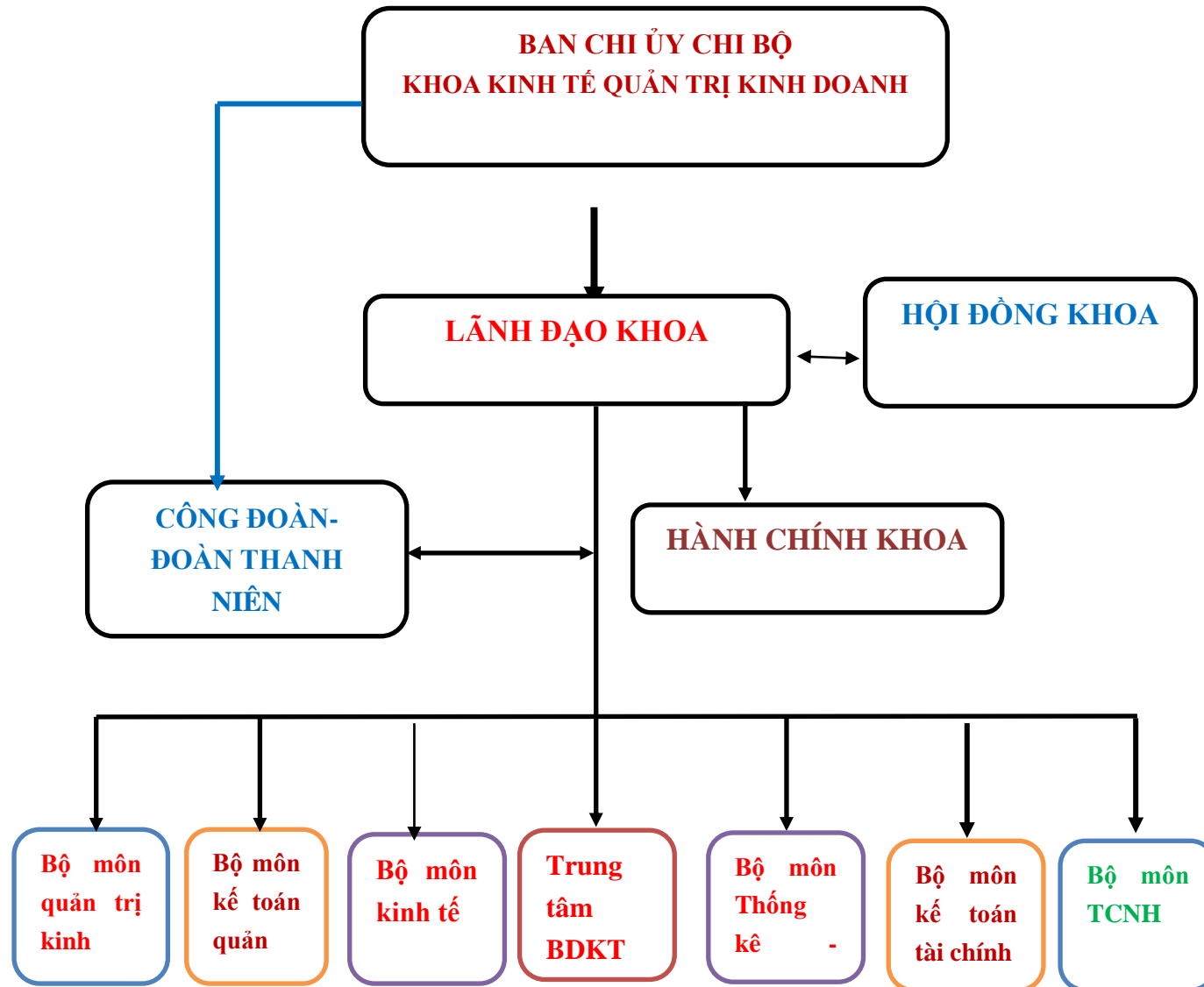
Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh (KT - QTKD) được thành lập vào năm 1997. Tiền thân của Khoa KT - QTKD là các Khoa Tài chính - Kế toán (trường trung cấp Tài chính tỉnh) và Khoa Kinh tế (trường Trung cấp Kinh tế - Kế hoạch tỉnh) thuộc trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thanh Hoá (thành lập năm 1983, sáp nhập vào Đại học Hồng Đức năm 1997).

Ngày đầu mới thành lập, Khoa KT - QTKD với số lượng cán bộ giảng viên gồm 27 người; trong đó chủ yếu là giáo viên giảng dạy trung cấp chuyên nghiệp của các trường trung cấp Tài chính thống kê và trung cấp Kinh tế - Kế hoạch, số ít là giảng viên bậc đại học và cán bộ nghiên cứu từ các trường đại học, các cơ quan khác về trường, chưa có cán bộ giảng viên nào có trình độ sau đại học. Nhiệm vụ chủ yếu của Khoa thời gian đầu là tiếp tục đào tạo cán bộ ngành Kế toán và Kinh tế bậc trung cấp là chủ yếu. Đồng thời, khẩn trương tổ chức đào tạo bậc cao đẳng các chuyên ngành Kế toán tổng hợp và Quản trị kinh doanh được Bộ giáo dục và đào tạo cho phép đào tạo từ năm 1995 - 1996. Năm học đầu tiên là thành viên của trường Đại học Hồng Đức, Khoa KT - QTKD đào tạo 2 chuyên ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh bậc cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp với các chuyên ngành Kế toán và Kinh tế với quy mô đào tạo 482 học sinh, sinh viên (HSSV); trong đó bậc cao đẳng 386 sinh viên và bậc trung cấp 96 học sinh.

Hiện nay, khoa gồm 7 bộ môn và đơn vị trực thuộc (6 bộ môn và 1 trung tâm): Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Kế toán tài chính, Kế Toán quản trị, Tài chính ngân hàng, Thống kê Toán kinh tế và 1 Trung tâm bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế. Tính đến 31/05/2022 tổng số cán bộ giảng viên của khoa là 61 người đều đạt trình độ sau đại học, trong đó có 03 PGS (chiếm 4,9%), 25 Tiến sĩ (chiếm 40,9%) và 17 Thạc sĩ 9 chiếm (44,2%). Số lượng cán bộ giảng viên đang đi học sau đại học hiện nay là 16 người. Khoa có nhiều cán bộ giảng viên đã tốt nghiệp ở các trường Đại học danh tiếng của các nước như Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp, New Zealand, Thụy Điển, Trung Quốc, Đài Loan, Philippines, Thái Lan... Nhiều cán bộ, giảng viên có trình độ ngoại ngữ có thể làm việc trực tiếp với người nước ngoài.

Hiện nay khoa đang đào tạo 67 lớp với tổng số 1.639 học viên, sinh viên. Trong đó, hệ Thạc sĩ gồm 11 lớp với tổng số học viên là 444; hệ chính quy tập trung (Đại học, Cao đẳng) gồm 35 lớp với tổng số sinh viên là 1048, hệ VLVH, LT, VB2 gồm 21 lớp với tổng số 147 sinh viên. Khoa đào tạo các chuyên ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Kinh tế ở các bậc đào tạo khác nhau: cao đẳng, đại học và thạc sĩ.

23. Cơ cấu tổ chức đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (Sơ đồ phần giới thiệu chung báo cáo ĐGN):



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

Bảng 1: Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hiệu trưởng	Bùi Văn Dũng	1971	PGS,TS	0902.091.969	Buivandung@hdu.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Hoàng Nam	1963	TS	0912.162.824	hoangnam@hdu.edu.vn
3	Phó hiệu trưởng	Hoàng Thị Mai	1970	PGS. TS	0915.188.090	hoangthimai@hdu.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Trưởng khoa	Lê Quang Hiếu	1977	TS	0945.250.666	lequanghieu@hdu.edu.vn
2	Phó trưởng khoa	Trần Thị Thu Hường	1979	TS	0915.679.669	Lehuychinh@hdu.edu.vn
3	Phó trưởng khoa	Lê Huy Chính	1981	TS	0911.233.289	tranthithuhuong@hdu.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Bí thư chi bộ	Lê Quang Hiếu	1977	TS	0945.250.666	lequanghieu@hdu.edu.vn
2.	Chủ tịch CĐBP	Trịnh Thị Thu Huyền	1981	TS	0912.384.406	trinhthithuhuyen@hdu.edu.vn
3.	Bí thư LCĐ	Lê Thanh Tùng	1989	ThS	0915.162.505	lethanhtung@hdu.edu.vn
III.	Các phòng, ban					
1.	Văn phòng khoa	Ngô Thị Thu Hiền	1987	ThS	0842.987.321	ngothithuhien@hdu.edu.vn
2.	Trợ lý Giáo vụ khoa	Nguyễn Ngọc Tú	1978	ThS	0913.150.306	nguyenngoctu@hdu.edu.vn
3.	TL. Khoa học NV	Trần Thị Lan Hương	1987	ThS	0945.828.488	tranthilanhuong@hdu.edu.vn
4.	CB. QLHSSV	Phan Thị Thanh Hồng	1981	ThS	0915.686.115	Phanthithanhhong@hdu.edu.vn
IV.	Các bộ môn					
1.	Trưởng BM QTKD	Nguyễn Thị Thanh Xuân	1977	TS	0946.254.888	nguyenthithanhxuan@hdu.edu.vn
2.	Trưởng BM Kinh tế	Tôn Hoàng Thanh Huệ	1978	TS	0912.249.382	tonhoangthanhhue@hdu.edu.vn
3.	Trưởng BM KTTC	Lê Thị Hồng	1982	TS	0919.556.248	lethihongkt@hdu.edu.vn
4.	Trưởng BM KTQT	Phạm Thị Bích Thu	1987	TS	0946.199.587	phambichthu@hdu.edu.vn
5.	Trưởng BM TCNH	Ngô Việt Hương	1981	TS	0919.554.636	ngoviethuong@hdu.edu.vn
6.	Trưởng BM Thống kê TKT	Đỗ Thị Mẫn	1982	TS	0916.807.880	dothiman@hdu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 03

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 05

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 01

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	
Không chính quy		<input checked="" type="checkbox"/>
Từ xa		<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài		<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước		<input checked="" type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

32. Tổng số các ngành đào tạo: 05

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị

Bảng 2: Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	11	50	61
I.1	Cán bộ trong biên chế	5	34	39
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	6	16	22
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	11	50	61

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khóa học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

34. Thống kê, phân loại giảng viên

Bảng 3: Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp GD	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	3	0	2	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	25	22	03	14	0	0
5	Thạc sĩ	27	09	18	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	55	34	21	16	0	0

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 55 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 90,2%.

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bảng 4: Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giáo viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp GD	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp GD	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	3	3	0	2	0		9
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	
3	Tiến sĩ	2	25	22	03	14	0	0	50
4	Thạc sĩ	1	27	09	18	0	0	0	27
5	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Tổng		55	34	21	16	0	0	86
-------------	--	-----------	-----------	-----------	-----------	----------	----------	-----------

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

Bảng 5: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	5,1	2	1	0	0	3	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	25	39,7	4	21	0	11	14	0	0
5	Thạc sĩ	27	54,3	5	22	0	21	5	1	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	55	100	11	44					

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **37,6 tuổi**

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $28/55 = 50,9\%$.

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $27/55 = 49,1\%$

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

Bảng 6: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng NN và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	50	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	40	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	10	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của CTĐT)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Bảng 7: Thống kê tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Chỉ tiêu tuyển sinh	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2017-2018	45	37	60	1,3	33	15,5	15,5	9
2018-2019	66	54	40	0,6	23	13,0	13,0	2
2019-2020	44	35	40	1	21	14,0	14,0	0
2020-2021	67	58	40	0,6	24	15,0	15,0	3
2021-2022	144	120	30	0,2	76	15,0	15,0	1

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Bảng 8: Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Học viên cao học	0	0	0	0	0
2. Sinh viên đại học	149	109	94	85	137
3. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Bảng 8: Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	6	1	0	2	1
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	27,2	4,4	0,00	9,1	1,3

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Bảng 10: Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	14.245	14.245	14.245	14.245	15.725
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	20	19	17	16	56
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	12	11	14	9	27
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	1.187	1.295	1.017	1.582	582

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

Bảng 11: Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	4	11	16	13	11
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	16%	43%	49%	57%	53%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Bảng 12: Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
2. Sinh viên tốt nghiệp đại học	65	41	24	28	18
3. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Bảng 13: Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	65	41	24	28	18
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với	86,4%	84,6%	100%	90,9%	72,7%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
số tuyển vào (%).					
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	97,7	97,9	98,2	98,5	98,9
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	2,3	2,1	1,8	1,5	1,1
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	78,3 96,5	41,5 61,4	46,5 68,8	50,7 75	50,8 75,2
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	40,6	53,9	84,4	17	15,7
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5-7 triệu	5-7 triệu	5-7 triệu	5-7 triệu	5-7 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được	5,2	13,1	14,4	12	11,5

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	80,2	78,1	80,3	82,8	87,2
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	15	8,2	5,3	1,2	1,3

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

Bảng 14: Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						2
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	2	4	3	6	15
3	Đề tài cấp trường	0,5	6	6	6	6	6	15
	Tổng		3	5	9	6	9	32

Tổng số đề tài quy đổi: 32

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 52,5%

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

Bảng 15: Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017-2018	632	105%	9,8
2	2018-2019	1.164	105%	18
3	2019-2020	2.384	105%	36,8
4	2020-2021	1.314	105%	20,5
5	2021-2022	1.086	105%	17

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Bảng 16: Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	2	15	32	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	10	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	2	15	32	

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

Bảng 17: Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại sách	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017 - 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2020- 2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	1	0	0	0	0	2
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	02	3
3	Sách tham khảo	1,0	0	01	07	03	02	13
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		1	01	07	03	04	18

Tổng số sách (quy đổi): 18

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 29,5%

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Bảng 18: Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	3	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	13	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	>10	>20	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Bảng 19: Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017 - 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	1	8	7	14	45
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	24	72	37	53	37	223
3	Tạp chí /tạp san của cấp trường	0,5	3	0	0	0	0	1,5
	Tổng		25,5	73	45	60	51	269,5

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 269,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,4

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Bảng 20: Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (WEB OF SCIENCE, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tạp san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	15	57	37
Từ 6 đến 10 bài báo	5	30	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	20	0
Trên 15 bài báo	0	15	0
Tổng số cán bộ tham gia	20	122	37

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Bảng 21: Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo năm năm gần đây

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	0	2	2	4	9
2	Hội thảo trong nước	0,5		0	10	4	5	9,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	4	0	0	0	0	1
	Tổng		5	0	12	6	9	19,5

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 19,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 31,9%

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Bảng 22: Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	10	25	13
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	10	25	13

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Bảng 23: Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017-2018	Không
2018-2019	Không
2019-2020	Không
2020-2021	Không
2021-2022	Không

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Bảng 24: Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	62	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	62	

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:
(*Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

Bảng 25: Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	3	5	5	4	3
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 640.000

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²):

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 11.536 m² Nơi học: 35.385 m² Nơi vui chơi giải trí: 32.170 m².

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 35.383 m².

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,42 m²

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 120.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 06.

- Dùng cho người học học tập: 100.

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,16/1 SV.

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 55

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 90,1%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 50,9

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 248

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 4,5SV/1 GV.

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 57,8

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 98,2

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 1,7

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 75,4

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 40,32

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 3,9

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 11,2

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 81,7

6. Nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyên gia khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 52,5%

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,4

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,7

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,16 máy/ 1 SV.

Tỉ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,42

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:..

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1730* /QĐ - ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày *10* tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo
năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT – BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ vào các Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc sắp xếp bộ máy tổ chức và cán bộ của Trường;

Xét đề nghị của Trường phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Trường phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo năm học 2022-2023, gồm các ông (bà) có tên sau (*có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức tự đánh giá và hoàn thành Báo cáo tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2260/QĐ-ĐHHĐ ngày 24/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

Các ông/bà có tên tại Điều 1 và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng;
- Như điều 3/QĐ;
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT.





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số *A30* /QĐ-ĐHHD ngày *10* tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1.	Ông Bùi Văn Dũng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Ông Lê Hoàng Bá Huyền	Phó hiệu Trưởng	Phó Chủ tịch
3.	Ông Lê Quang Hiếu	TK. KT-QTKD	Phó Chủ tịch
4.	Bà Trịnh Thị Thu Huyền	PTBM. TC- NH	Thư ký
5.	Bà Phạm Thị Thuý Vân	PTP. TC-HC-QT	Ủy viên
6.	Bà Lê Thị Hạnh	TP. ĐBCL&KT	Ủy viên
7.	Ông Đậu Bá Thìn	TP. QL Đào tạo	Ủy viên
8.	Ông Ngô Chí Thành	TP. QL KHCN&HTQT	Ủy viên
9.	Bà Lê Thị Minh Huệ	TP. KH-TC	Ủy viên
10.	Bà Lê Thị Thắng	Kế toán trưởng	Ủy viên
11.	Ông Võ Hồng Sơn	PTP. TC-HC-QT	Ủy viên
12.	Ông Lê Minh Hiền	TP.GDCT&CTHSSV	Ủy viên
13.	Ông Lê Thanh Thủy	GD.TT TT-TV	Ủy viên
14.	Ông Lê Đức Đạt	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên
15.	Bà Trần Thị Thu Hường	PTK. KT-QTKD	Ủy viên
16.	Ông Lê Huy Chính	PTK. KT-QTKD	Ủy viên
17.	Bà Ngô Việt Hương	TBM. TC-NH	Ủy viên
18.	Ông Lương Đức Danh	PTBM. TC- NH	Ủy viên
19.	Bà Lê Thị Hồng	TBM.KTQT	Ủy viên
20.	Bà Trần Thị Lan Hương	Giảng viên - Trợ lý KHNV	Ủy viên
21.	Bà Nguyễn Tuyết Ngân	SV ĐH TCNH- K22	Ủy viên

(Ấn định danh sách gồm 21 thành viên)

Đạt

Số: 2261 /QĐ - ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Ban thư ký và các nhóm chuyên trách đánh giá
các chương trình đào tạo năm học 2021-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT – BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Xét đề nghị của Trường phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thư ký và các nhóm chuyên trách đánh giá chương trình đào tạo của Nhà trường năm học 2021-2022, gồm các ông (bà) có tên sau (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban thư ký, nhóm chuyên trách đánh giá CTĐT có trách nhiệm hoàn thành Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được giao theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ban thư ký và nhóm chuyên trách tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà có tên tại Điều 1 và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục & Đào tạo (để báo cáo);
- Như điều 3/QĐ (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT



Bùi Văn Dũng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2261 /QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1	Bà Trịnh Thị Thu Huyền	PTBM. TC- NH	Thư ký
2	Bà Thiều Việt Hà	Giảng viên BM TCNH	Ủy viên
3	Bà Nguyễn Thị Nga	Giảng viên BM TCNH	Ủy viên
4	Bà Trịnh Thị Thùy	Giảng viên BM TCNH	Ủy viên
5	Bà Lê Thị Minh Trí	Giảng viên BM KTQT	Ủy viên
6	Bà Trần Thị Lan Hương	Giảng viên - Trợ lý KHN	Ủy viên
7	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	CV. Phòng ĐBCL&KT	Thành viên hỗ trợ

(Ấn định danh sách gồm 7 thành viên)



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2261/QĐ-ĐHHĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

STT	Họ tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Tiêu chuẩn 1-4)			
1	1. Bà Ngô Việt Hương	TBM. TCNH	Trưởng nhóm
2	2. Bà Thiều Việt Hà	Giảng viên BM. TCNH	Thư ký
3	3. Bà Trịnh Thị Thu Huyền	Phó TBM.TCNH	Ủy viên
4	4. Bà Nguyễn Thuỳ Linh	Giảng viên BM KTTC	Ủy viên
5	5. Bà Lê Thị Diệp	Giảng viên BM KTTC	Ủy viên
6	6. Bà Nguyễn Cẩm Nhung	Giảng viên BM. TCNH	Ủy viên
Nhóm 2 (Tiêu chuẩn 5+8)			
7	1. Ông Lường Đức Danh	P.TBM.TCNH	Trưởng nhóm
8	2. Bà Nguyễn Thị Nga	Giảng viên BM TCNH	Thư ký
9	3. Bà Đặng Lan Anh	Giảng viên BM KTQT	Ủy viên
10	4. Bà Lã Thị Thu	Giảng viên BM KTTC	Ủy viên
11	5. Bà Lê Thị Loan	Giảng viên BM KTQT	Ủy viên
12	6. Bà Nguyễn Tuyết Ngân	SV ĐH TCNH- K22	Ủy viên
Nhóm 3 (Tiêu chuẩn 6-7)			
13	1. Bà Lê Thị Hồng	PTBM. KTTC	Trưởng nhóm
14	2. Bà Trịnh Thị Thùy	Giảng viên BM TCNH	Thư ký
15	3. Bà Phạm Thị Bích Thu	Giảng viên BM KTQT	Ủy viên
16	4. Bà Nguyễn Thị Thanh	Giảng viên BM KTQT	Ủy viên
Nhóm 4 (Tiêu chuẩn 9)			
17	1. Ông Lê Huy Chính	PTK. KT-QTKD	Trưởng nhóm
18	2. Bà Lê Thị Minh Trí	Giảng viên BM KTQT	Thư ký
19	3. Bà Nguyễn T. Thu Phương	Trưởng BM KTTC	Ủy viên
20	4. Bà Lê Thị Mỹ Dung	Giảng viên BM KTTC	Ủy viên
Nhóm 5 (Tiêu chuẩn 10-11)			
21	1. Bà Trần Thị Thu Hương	PTK.KT-QTKD	Trưởng nhóm
22	2. Bà Trần Thị Lan Hương	Giảng viên - Trợ lý KHN	Thư ký
23	3. Bà Nguyễn Thị Nhung	PTBM. KTQT	Ủy viên
24	4. Ông Lê Đức Đạt	Giảng viên BM. TCNH	Ủy viên
25	5. Bà Nguyễn Ngọc Tú	Trợ lý giáo vụ	Ủy viên
26	6. Bà Phan Thị Thanh Hồng	Trợ lý HSSV	Ủy viên

(Ấn định danh sách gồm 26 thành viên)

Số: 275 /KH-ĐHHĐ

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 11 năm 2021

KẾ HOẠCH
Đánh giá chương trình đào tạo năm học 2021-2022

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm thực hiện kế hoạch Bảo đảm chất lượng năm học 2021-2022 (số 235/KH/ĐHHĐ ngày 16/9/2021) và giúp nhà trường nắm bắt được thực trạng của các chương trình đang tổ chức đào tạo để cải tiến nâng cao chất lượng và đảm bảo các tiêu chí kiểm định chương trình đào tạo, tiến tới thực hiện đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

2. Yêu cầu

- 100% CTĐT được tổ chức tự đánh giá, trong đó có 15 CTĐT viết Báo cáo tự đánh giá.
- Phù hợp với thực tiễn nhà trường và từng khoa đào tạo; đảm bảo tính khả thi; đảm bảo theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 04/TT-BGD&ĐT.
- Việc đánh giá, nhận định phải có đầy đủ minh chứng, mỗi hoạt động phải có kế hoạch, biên bản và phải ghi rõ thời gian, đơn vị/ cá nhân thực hiện, kết quả thực hiện.

II. NỘI DUNG

1. Triển khai, quán triệt các văn bản về công tác tự đánh giá CTĐT

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Công văn số 1074, 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học và Hướng dẫn tự đánh giá CTĐT.
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD của Cục quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.
- Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

2. Nội dung công việc và mốc thời gian thực hiện

Nhà trường xây dựng Kế hoạch đánh giá chất lượng CTĐT năm học 2021 - 2022 với các nội dung chính sau đây:

Stt	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả dự kiến
I	Giai đoạn I (từ tháng 11/2021 - tháng 12/2021)				

Stt	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả dự kiến
1	Xây dựng kế hoạch Tự đánh giá; đề xuất thành lập Hội đồng, Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá CTĐT (theo ngành); tổ chuyên trách, phân công nhiệm vụ cho thành viên.	Tháng 11/2021	Các khoa	P. TCCB	Dự thảo kế hoạch; Danh sách HĐ, ban thư ký và tổ chuyên trách
2	Rà soát, thẩm định Hội đồng; Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá và tổ chuyên trách các CTĐT.	30/11-04/12/2021	P. ĐBCL&KT	P. TCCB	Dự kiến kế hoạch; Danh sách HĐ, ban thư ký và tổ chuyên trách hoàn chỉnh
3	Phê duyệt Kế hoạch tự đánh giá CTĐT (theo ngành); Thành lập Hội đồng; Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá và tổ chuyên trách CTĐT.	07 - 15/12/2021	Hiệu trưởng		Bản kế hoạch; Danh sách HĐ, ban thư ký và tổ chuyên trách được phê duyệt
II	Giai đoạn II (từ 16/12/2021 - 14/3/2022)				
5	Tổ chức phân tích tiêu chí, thu thập thông tin, hồ sơ minh chứng đáp ứng yêu cầu của từng tiêu chí.	16/12/2021 - 08/01/2022	Thành viên Ban thư ký CTĐT	Các đơn vị liên quan	Phiếu đánh giá tiêu chí
6	Nghiên cứu, phân tích thông tin, hồ sơ minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá tiêu chí.	08 - 31/01/2022	Thành viên Ban thư ký CTĐT	Các đơn vị liên quan	Báo cáo tiêu chí
7	Nghiệm thu báo cáo tiêu chí và thu thập bổ sung thông tin, hồ sơ minh chứng	01 - 09/02/2022	Các nhóm công tác CTĐT	Các đơn vị liên quan	Biên bản nghiệm thu; Báo cáo tiêu chí hoàn thiện; Danh mục HSMC
8	Viết Báo cáo Tiêu chuẩn.	22/02 - 14/3/2022	Trưởng nhóm công tác CTĐT	Các đơn vị liên quan	Dự thảo báo cáo Tiêu chuẩn
III	Giai đoạn III (từ 15/3 11/4/2022)				
9	Nghiệm thu Báo cáo tiêu chuẩn và thu thập thông tin, hồ sơ minh chứng bổ sung.	15 - 21/3/2022	Ban thư ký	Hội đồng khoa	Dự thảo báo cáo TĐG lần 1
10	Hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá CTĐT kèm theo danh mục hồ sơ minh chứng.	22/3 - 11/4/2022	Trưởng ban Thư ký CTĐT	Hội đồng khoa	Dự thảo báo cáo TĐG lần 2
IV	Giai đoạn IV (từ 12/4 - 23/5/2022)				

Stt	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả dự kiến
11	Đánh giá nội bộ các Báo cáo tự đánh giá CTĐT	12/4 - 02/5/2022	Hội đồng nghiệm thu báo cáo TĐG	Các khoa có CTĐT ĐG	Các ý kiến/ Phiếu nhận xét; Biên bản nghiệm thu
12	Hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá CTĐT theo ý kiến của hội đồng nghiệm thu	03/5 - 23/5/2022	Trưởng ban Thư ký CTĐT		Dự thảo báo cáo TĐG lần 3
V	Giai đoạn V (từ 24/5 - 8/2022)				
13	Ký hợp đồng thẩm định báo cáo TĐG; Báo cáo Bộ GD&ĐT đăng ký Đánh giá ngoài	24 - 30/5/2022	Hội đồng TĐG CTĐT	P. KHTC	Ký hợp đồng đối tác phối hợp. Công văn gửi bộ
14	Hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá theo ý kiến thẩm định.	6/2022	Trưởng ban Thư ký CTĐT	Trực Hội đồng TĐG	Dự thảo báo cáo TĐG lần 4
15	Công khai lấy ý kiến các bên liên quan về Báo cáo tự đánh giá	6/2020	Hội đồng Tự đánh giá	Các tổ chuyên trách	Báo cáo tự đánh giá hoàn thiện theo ý kiến các bên liên quan
16	Xây dựng và triển khai Kế hoạch làm việc với đoàn Đánh giá ngoài.	Tháng 5/2022	Trực Hội đồng TĐG CTĐT	Các khoa	Kế hoạch; Thống nhất lựa chọn TT.KĐCLGD (đấu thầu qua mạng)
17	Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các CTĐT đã được đánh giá.	Từ tháng 5/2022	Các khoa có CTĐT được ĐG	Trực Hội đồng	Kế hoạch cải tiến chất lượng sau Đánh giá ngoài

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng ĐBCL&KT

- Chủ trì và phối hợp tổ chức, phổ biến chủ trương, hướng dẫn triển khai kế hoạch của Nhà trường và các văn bản của Bộ GD&ĐT về công tác Bảo đảm chất lượng.

- Tổ chức giám sát, đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện kế hoạch đánh giá chương trình đào tạo của nhà trường và các khoa trong năm học 2021 - 2022, tổng hợp báo cáo Ban Giám hiệu.

2. Các khoa đào tạo

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo, đề cử danh sách Hội đồng, Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban thư ký; tổ chức thực hiện đúng tiến độ kế hoạch tự đánh giá và đánh giá CTĐT.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả hoạt động theo từng giai đoạn.

- Thực hiện thu thập, mã hóa và lưu giữ hồ sơ minh chứng, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá đáp ứng yêu cầu công tác kiểm định chất lượng.

Trưởng các đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai Kế hoạch đánh giá chương trình đào tạo năm học 2021 – 2022 và tiếp tục triển khai các văn bản mới về công tác Bảo đảm chất lượng, các thủ tục, quy trình của Bộ GD&ĐT và các văn bản của Nhà trường theo quy định./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị (để phối hợp);
- Các khoa (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT



Số: 03 /TB-ĐHHD

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 01 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc điều chỉnh KH số 275 ngày 03/11/2021 về Đánh giá CTĐT năm học 2021-2022

Căn cứ vào nội dung Hội nghị triển khai chương trình TĐG các CTĐT ĐH năm học 2021- 2022: SP Vật lý, SP Hóa học, SP Sinh học, Tài chính Ngân hàng, Du lịch, Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Điện và CTĐT Thạc sĩ QLGD (Thuộc các khoa: K.KHTN, K.KHXH, K.KT-QTKD, K.KTCN và K.TLGD); Căn cứ tình hình thực tế của Khoa. Nhà trường điều chỉnh thời gian thực hiện kế hoạch Tự đánh giá các CTĐT năm học 2021-2022 cho các chương trình trên cụ thể như sau:

Stt	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả dự kiến
1	Xây dựng kế hoạch Tự đánh giá; đề xuất thành lập Hội đồng, Ban thư ký, tổ chuyên trách, phân công nhiệm vụ	Tháng 1/2022	Các khoa	P. TCCB	Kế hoạch; Danh sách HĐ, ban thư ký, tổ chuyên trách, bảng phân công nhiệm vụ
2	Tổ chức phân tích tiêu chí, thu thập, hồ sơ minh chứng đáp ứng yêu cầu của từng tiêu chí. Viết báo cáo TĐG tiêu chí	Tháng 2/2022	Thành viên Ban thư ký CTĐT	Các đơn vị liên quan	Báo cáo tiêu chí
3	Hoàn thiện Báo cáo TĐG CTĐT	Tháng 3/2022	Nhóm chuyên trách	Các đơn vị liên quan	Dự thảo Báo cáo TĐG
4	Tổ chức hội thảo Thẩm định Báo cáo TĐG	Tháng 4/2022	Khoa Đào tạo	Các đơn vị liên quan	Báo cáo TĐG
5	Gửi thẩm định Báo cáo TĐG; Hoàn thiện Báo cáo TĐG theo ý kiến thẩm định	5/2022	P.ĐBCL&KT	Các đơn vị liên quan	Kết quả thẩm định
6	Đánh giá ngoài	Từ T6-T10/2022	Trực hội đồng TĐG CTĐT	Các khoa có CTĐT ĐG	Kế hoạch;
7	Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các CTĐT đã đánh giá.	Từ tháng 11/2022	Các khoa có CTĐT được ĐG	Trực Hội đồng	Kế hoạch cải tiến chất lượng sau Đánh giá ngoài

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị (để phối hợp);
- Các khoa (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Nam